

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

GƯƠNG NƯỚC NHẬT (1)

Một nhà trước-thuật có tài, thường viết những bài báo ký hiệu là JACQUES DANLOR, bài nào cũng có tư-tưởng rộng-rãi và có cảm-tình thâm-trầm với người An-Nam, chính là tay trang-sư có tiếng ở Sài-gòn, bây giờ về nghỉ bên Pháp, tên là GEORGES GARROS, và là thân-sinh của tướng tàu bay ROLAND GARROS đã bị chết trận một cách oan-hiệt năm xưa; trong một bài báo nọ, ông có khuyên kẻ thượng-lưu tri-thức nước Nam một câu như sau này, lời-lẽ cao thượng mà ý-tứ thiết-tha biết chừng nào:

« Hỡi các bạn Việt-Nam, hiện nay đương khao-khát muốn được cái vinh-diệu có ngày làm dân một nước tự-trị, các bạn nên lấy hai quyển sách sau này làm kinh nhật-khóa, hằng ngày tụng-niệm để học khôn ở đời: một là sách luân-lý của ông thánh Khổng, để học lấy cái đạo làm người; hai là sử duy-tân của nước Nhật-bản, để học lấy cái đạo trị nước. Các bạn nên đem tâm-hồn mà tiêm-nhiễm lấy cái đạo-đức của ông hiền-triết thiên-cổ kia, mà soi chiếu vào cái gương sáng của cái dân-tộc vẻ-vang này, người kia nước này đối với các bạn vốn có cái quan-hệ đồng-chúng đồng-văn vậy. Các bạn cứ làm như thế, rồi tức-khắc cái tiền-đồ còn mờ-ám sẽ thấy sáng

sủa ra ngay, thẳng đưa đến cõi hi-vọng.»

Đạo-đức ông Khổng, nếu biết phục-hồi lại cái cở-nghĩa, san bỏ cả những lời biện-nạn phiến-toái của các hậu-nho làm cho sai mất bản-ý đi nhiều, thời ngày nay còn có thể đem ra ứng-dụng được, còn có thể dạy khôn cho người đời trong đạo xử-thế được; vấn-đề đó tôi đã từng có dịp bàn xét rồi (2).

Nay muốn bình-luận về câu của ông JACQUES DANLOR vừa dịch trên kia, mà xét xem trong cuộc tiến-hóa của dân-tộc ta hiện nay đương nhờ nước Pháp chủ-trương phù-trợ, có thể theo gương nước Nhật mà bắt-chước được điều gì, không phải chỉ về một phương-diện vật-chất kinh-lế, mà thứ nhất là phương-diện tri-thức tinh-thần, nước ấy trong khoảng năm-mươi năm, đã điều-hòa dung-hóa được cả các lý-tưởng Đông Tây, thật khiến cho ta nên trông đó mà noi theo vậy.

Nước Nhật cũng như nước Nam, là một cở-quốc Á-châu, cần phải đổi mới cho hợp với cách sinh-hoạt đời nay. Sự cải-cách duy-tân đó, nước ấy đã làm được trọn- vẹn, thật là thập-phần hoàn-hảo; trong một thời-kỳ rất ngắn, làm nên một cuộc biến-cách rất sâu-xa, xét lịch-sử cở-kim, thật chưa từng thấy thế bao giờ; không những cái-

1) Xem bài Pháp-văn ở phần Phụ-trương dưới.

2) Xem sách « Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng » Nam-Phong Tùng-Thư).

cách mau mà trong khi cải-cách, thủy chung biết khéo lợi-dụng các phương-tiện, khéo trông rõ nơi mục-dịch.

Nước Nhật sở dĩ làm được thành-công, gây nên sự-nghiệp duy-tân như thế, lớn-lao vô-cùng, rục rỏ vô-cùng, thật trong lịch-sử loài người mới có là một, là vừa bởi nguyên-nhân ở ngoài, vừa bởi nguyên-nhân ở trong : nguyên-nhân ở ngoài là thuộc cái địa-thế đặc-biệt của nước ấy, nguyên-nhân ở trong là vừa thuộc tâm lý dân ấy, gồm những đức-tính hay cùng tư-cách tốt của chủng-tộc, vừa thuộc lịch-sử dân ấy, trong hơn hai-mươi thế-kỷ cứ tuần-tự phát-đạt, bằng-phẳng điều-hòa, không từng gặp lăm phen đảo-diễn dao-động.

Nước Nhật nhờ được cái địa-thế là một đảo-quốc, ở về cuối cõi Á-châu, nên không bị các ngoại-tộc trong đại-lục xâm-lấn. Lại cũng nhờ đó mà thành như một chốn sự-tập, một nơi tụ-hội, một kho bảo-tàng, để đón lấy, chứa lấy tất cả các phong-trào tư-tưởng đã tràn qua lục-địa mà truyền sang, đến đây thời như đến cõi Bồng-lai, gặp được cái hoàn-cảnh, cái không-khí rất tiện-lợi cho đưng-hóa kết-tinh lại vậy. Nào là đạo Khổng, đạo Phật, đạo Lão, đạo Chu, Trình, Vương, Lục, hình như bện nhau mà đến họp cả ở nơi Bồng-đảo đó, cùng nhau họa một bài nhạc êm-dềm, mà chủ-trương cuộc bòa-nhạc đó chính là nữ-thần Thái-dương nước Nhật kia, đứng trên núi Phú-sĩ cao-xa mà cầm dip gõ phách theo cái cổ-diệu « thần-đạo » (*shinto*) vậy.

Trong khi nước Nam ta liên-tiếp với nước Tàu, mấy mươi phen bị người Tàu xâm-lấn, nội-thuộc Tàu hơn mười thế kỷ, không bao giờ thoát được hẳn cái ách của kẻ cường-lãn, thời nước Nhật chỉ tiếp-tục của Tàu và đủ cái nguyên-liệu cần-dùng để tự mình gây-

dựng lấy, tự mình phát-siêu lấy các năng-lực cố-hữu của mình vậy. Chỉ thái-thái lấy cái gì thích-hợp với mình mà thôi, còn cái gì trái với tinh-thần của mình thời bài-bỏ đi hết. Cứ xem cái cách người Nhật dang-hóa được cái tinh-túy trong các học-thuyết tôn-giáo cổ của Á-châu thì đủ biết vậy.

Như trong đạo Khổng thì nước Nhật chỉ lấy cái phần đạo-đức thuần-túy, còn phần chính-trị cùng những chế-độ do đó mà ra, thì nhất-thiết bỏ hết, nhất là cái chế-độ khoa-cử đã di-hại cho nước Tàu, nước Nam, cho chí nước Cao-ly biết bao nhiêu mà kể. Chế-độ khoa-cử là một cái chế-độ lung-lạc tinh-thần người ta bằng một cái học phiến-toái, bằng một cách giáo-dục thuần dùng trí nhớ, chỉ chủ có một cái mục-dịch, là dạy cho thuộc nhiều chữ sách để đi thi mà thôi. Chế-độ đó ở nước Nam này khuếch-trương ra thành một cái đại-diễn của quốc-gia, rất thịnh-bành, rất long-trọng, khiến cho bao nhiêu kẻ thượng-lưu trí-thức trong nước chỉ khynh-hướng cả về một đường đi thi để làm quan, cho là ngoại-giá không còn nghề gì xứng-dáng nữa, và phạm còn-vấn chỉ quanh-quẩn trong mấy pho kinh-truyện, đời ấy sang đời khác bàn đi giải lại, biện-nạn chú-thích hoài, cho là ngoại-giá không còn cái gì đáng nghiên-cứ nữa. Chế-độ ấy vào trong tay người cầm quyền, hoặc là vua-chúa, hoặc là kẻ tiếm-ngịch, kẻ quyền-thần, thành một cái lợi-khí chính-trị rất mạnh để đàn-áp kẻ thức-giá

Ngoài con đường khoa-cử không còn có lối nào mà xuất-thân nữa, mà khoa-cử thì do quyền chính-trị qui-định rất nghiêm, thành ra không có cái học tự-do, cái học ngoài mục-dịch thi-cử nữa, mà cả nước ví như một trường thi lớn, bao nhiêu nhân-tài đổ xô cả vào đây, để tranh-khôi đoạt-giáp, cầu lấy chút ơn vua lộc nước làm danh-dự, mà nào

có mấy khi được, vì người thi vô-hạn và kẻ độn có chừng vậy.

Còn những trước-tác của các học-phái ngoài phái nhà nho, thời tuyệt-nhiên không ai biết đến. Ngay trong Nho-giáo, hoặc có thuyết nào hơi sai-biệt với thuyết « chính-truyền » của Quốc-gia đã công-nhận (tức là cái học Chu-Trình), học-giả cũng không hề để ý đến ; như phái Vương Dương-Minh, là một nhà triết-học đời Minh, về thế-kỷ thứ 15, người Nhật gọi là OYOMEI, xướng lên cái thuyết « tri - hành hợp-nhất » (biết với làm là một, biết đến nơi tất làm được, làm được tất phải biết), thuyết này ảnh-hưởng ở Nhật sâu-xa lắm, mà ở nước Nam mãi đến gần đây tỉnh không ai biết.

Nói tóm lại thời cái lối khoa-cử của phái nhà Nho thật là tệ-lại vô-cùng, đem một cái đạo rất cao-thượng mà lạm-dụng về chính-trị, về giáo-dục sai-lầm. Nay cái tệ-doan đó, nước Nhật tuyệt-nhiên không mắc, chỉ biết hưởng-thụ những cái hay của đạo Khổng, mà không phải chịu-đựng những cái dở của đạo Khổng.

Đối với đạo Lão cũng vậy : phạm những mâu-thuyết đã làm cho đạo này biến thành một đạo thần-tiên mê-tin, nhất-thiết bỏ cả, mà chỉ giữ lấy cái chủ-nghĩa khao-khát lý-tưởng, ham muốn tuyệt-dịch, yêu-chuộng thiên-nhiên, trọng sự thuận-túy tự-nhiên đối với những lễ-văn kiêu-sức, miễn tự-do mà tra thân-bí, đó là mấy cái đặc-sắc của tu-tưởng họ Lão họ Trang, và tức là một cái nguồn sâu của mĩ-thuật Đông-Á vậy.

Sau đến đạo Phật, thời người Nhật cũng thấu được cái tinh-t túy, nhiệm được những lý-tưởng tu-luyện từ-bi, trầm-tu mặc-tưởng, nhập-định tinh-tiền, mà phát-đạt nhất là về phái Thiên-tôn (tiếng Nhật là Zen), phái này có ảnh-hưởng rất sâu-xa ở nước Nhật, không những về đường mĩ-thuật

mà cả về cách sinh-hoạt trong dân-gian nữa.

Ngoài cái gốc tinh-thần dầm-thấm tự nơi nguồn sâu của tư-tưởng Á-châu đó, người Nhật lại phụ đắp thêm bằng cái quốc-túy riêng của mình nữa : quốc-túy ấy là đạo « thần-đạo » (*shintô*) thờ các quốc-thần quốc-tổ ; đạo « võ-sĩ » (*bushido*) là đạo danh-dự nghĩa-hiệp ; lòng ái-quốc trung-quân, lấy Thiên-hoàng làm biểu-hiệu cho quốc-gia, nổi-dội quốc-thống tự hai-mươi-lăm thế-kỷ đến giờ truyền mãi không dứt ; lòng yêu-mến quê-hương đất-nước, coi như một cõi thần-châu linh tú, không bao giờ bị kẻ dị-tộc dầy-séo, tựa như trời dành làm nơi sinh-trưởng cho một giống người tuấn-kiệt vậy.

Cái đất đã vun-xới kỹ-càng như thế, phần thì bón bằng chất tốt của cả một đại-châu, phần thì do công-phu tài-bồi của cả một dân-tộc mạnh-bạo gan-góc, hăng-hái cần-cù, đến mấy năm đầu hậu-bán thế-kỷ thứ 19 thờiạt giống văn-minh Thái-Tây mới đem truyền sang ; không đầy năm-mươi năm, trổ-tối mọc mầm, sinh hoa kết quả, sầm-uất rục-rở cho đến nỗi cả thế-giới phải kinh-phục.

Ngay từ khi mới mở cửa bể cho người ngoại-quốc thông-thương, nước Nhật đã biết ngay chỗ khuyết-diểm của mình, biết rằng mình kém người là nguy-hiểm cho mình, nên nhờ được một bọn thượng-lưu sáng-suốt xướng-suất chủ-trương, bèn thu-thập cả tinh-lực lại, quyết chí ra tay thu-hoạch cho được cái khoa-học của Thái-Tây kia, là nguồn mọi sự phú-cường ở đời này. Chế máy-móc, chế binh-khí, sắp-đặt các dụng-cụ trong nước theo những sự phát-minh canh-cải tối-tân của khoa-học, của kỹ-nghệ. Nhất-đán trở nên cường-thịnh, cũng mạnh bằng và có lẽ lại mạnh hơn cả các thầy ngoại-quốc đã dạy cho mình các phương-thuật đó.

Trong cái sự-nghiệp tái-tạo lớn-lao đó, nếu nước Nhật không đã có sẵn một cái kho báu tinh-thần tích-lũy từ mấy mươi đời rồi, thì sao mà làm được thành-công như thế?

Ta xem gương nước Nhật ta nghiệm được điều đó, đủ làm bài học cho ta : cuộc cải-cách duy-tân nước Nhật năm 1853-1868, thật không phải là một cuộc

cách-mệnh, chính là một cuộc phục-hưng vậy.

Vậy thời chúng ta đây, noi theo gương đó, nhờ được cái tinh-thần sáng-sủa của nước Pháp làm hướng-đạo cho ta, nếu ta biết tỏ rõ tương-lai mà điều-hòa cả kỷ-vãng cùng hiện-tại, thời ta cũng có thể ra công phục-hưng cho nước nhà được.

THƯỢNG-CHI

BÔNG HOA ĐUA NỞ

(Tập học làm văn)

Hai năm về trước, tôi có làm bài tựa cho một tập học làm văn của người học-trò gái nhan là « Bông hoa đầu mùa » (Nam-Phong số 118, 125). Khi ấy rồi, cũng nghĩ « Bông hoa đầu mùa » đã ra thì hẳn đến đương mùa chắc sẽ được sinh nhiều nở thịnh. Không ngờ tác-giả tập văn kia lại phải xa cách đất Phương-thành, xa cách học-xá Tri-đức. Rồi thì từ đấy trong cái vườn hoa văn-chương của học-xá đã vắng thưa về thanh-tân kiều-diễm mà cũng chưa có cái bông hoa nào tiếp-tục cho cái « bông hoa đầu mùa » nọ. Câu thơ : « Thành Trúc từ đây đã vắng Mai » là tôi có ngụ cái ý tiếc đợi đó.

Chợt hôm nay lại được đọc tập văn này thì cái lòng mong-mỏi của người trồng hoa lâu nay đã được thỏa một đôi phần rồi.

Tác-giả là Mộng-Tuyệt, tập văn lại tự-nhan là « Bông hoa học nở » thử-nghĩa rằng : nhân có cái « bông hoa đầu mùa » mà nay mới có cái bông hoa này thì cái bông hoa mùa sau, sao dám sánh được bông hoa mùa trước ; ý khiêm-cung mà nhã-thú là chừng nào !

Nhưng khi đưa tới xem mà xin làm cho bài tựa thì tôi lại không đành để chữ « học nở » mà đổi làm « đua nở » là phải hơn, vì nghĩ rằng : Chim cùng đàn, đua nhau cùng hát, tiếng hát mới hay ; hoa cùng vườn, đua nhau cùng cười, vẻ cười sẽ đẹp. Chữ « đua » kia há phải ý so-sánh cạnh-tranh đâu !

Vườn Tri-đức « bông hoa đua nở »,

Sắc hương cùng một lứa thanh-tân.

Trước sau đều có hai lần,

Mà trong khí-vị tinh-thần khác chi !

Còn về phần văn-thề văn-ý trong tập này, muốn đem so với tập văn trước thì đã đành là còn kém về vẻ tươi-đẹp dịu-dàng, nhưng thực còn hơn về phần chín-chắn hồn hậu. Kẻ học-trò nên biết rằng văn sở-dĩ quý là quý về đường ấy. Văn mà có tiến-đức như thế há chẳng phải là cái ưu-diễm trong lịch-sử văn-học của học-xá và là cái cái-triệu cho tương-lai văn-chương của học-sinh đó dư ?

Tác-giả giao cho tôi nhuận-sắc vừa bài ngắn vừa bài dài có hơn năm-mươi bài; ở đây, chỉ tuyển chọn lấy một nửa là những bài vừa với cái khuôn-khổ bài luận ở nhà trường mà thôi, còn những bài dài quá đã có cái thể-cách bài khảo-cứu luận-thuyết thì bớt ra để hoặc là sẽ cho vào một tập văn khác.

Đó là cái cảm-tình của tôi trong khi xem tập văn và câu chuyện của tôi nói với tác-giả trong khi đến nhờ nhuận-sắc, nhân nay chép lại làm bài tựa.

Gác Nam-phong, ngày đông-chí, năm kỷ-ti (22-12-1929).

TRÁC-CHI

1.— Người bạn học

Chị Tuyết-Mai là bạn thân tôi. Chị đối với tôi là người bạn đồng-học mà cũng là người bạn đồng-tâm. Chị năm nay mười bốn tuổi, cùng một tuổi với tôi. Chị người không cao mà gầy, khô mặt xương-xương mà nước da trắng mịn. Có lẽ là vì hai cái vẻ ấy mà chị lấy tên là Tuyết-mai chắc. Miệng không rộng, viền đôi làn môi thắm - thắm, mỗi khi nói chuyện, chị hách mấp cười trông như cái hoa sắp nở đơm có cái màu sương sáng sớm, bầy đôi làn răng nhỏ mà trắng tựa như những hạt minh-châu. Tóc chị chưa vấn, còn cài, để buông rủ xuống hai vai, mỗi lần gió thổi nhẹ, mấy sợi tóc mây đen lánh phất-phơ trên cái nét mặt bầy ra hai cái vẻ tương-phản thì cái đẹp lại càng tôn. Mỗi vẻ đẹp ấy, cũng đã có chừng; duy có đôi con mắt, đôi con mắt đẹp tuyệt-trần! Con mắt sáng mà sâu, thường gửi xa ở chỗ gió mây cao rộng, hay buông chìm trong cõi mộng vô-cùng...

Tính người điềm-đạm, ít hay nói cười, vì cái tính đó mà trong khi giao-thiệp mới bắt đầu có người cho chị là người lãnh-đạm. Có thân lâu rồi, mới biết là không phải, đó cũng là cái bản-tính thường của kẻ khác người. Trái lại, chẳng những chị không muốn để cho ai cực lòng mà thỉnh-thoảng trong chị em có điều gì bất-bình nhau thì chị thường hay khuyên giải.

Ai học giỏi hơn, chị không ganh-ghét; ai học kém hơn, chị không khinh-khi. Trong chị em, ai có điều gì không biết, đến hỏi-han, thì chị vẫn vui lòng chỉ bảo cho luôn.

Chị Tuyết-Mai sẵn có tư-chất thông-minh lại chăm-học, mà về môn văn-chương thì chị chuyên hơn, nên những bài luận, đầu Quốc-văn hay Pháp-văn cũng thường được nhiều phen đắc-thắng.

Chị Tuyết-Mai thật là người vừa có tài, vừa có nết, nên thầy và bạn ai cũng có lòng yêu mến chị.

2.— Nhớ chuyện chơi cảnh
bãi biển.

Sớm mai về mùa hè, chiều trời ấm-áp, tôi cùng chị Tuyết-mai rủ nhau đi chơi cảnh bãi biển về phía tây đồi Kim-dữ.

Bấy giờ mặt trời đã lên khỏi núi. Chúng tôi đứng trên gành đá trông ra mặt biển, bãi cát mênh-mông bát-ngát chạy dài có hàng ngàn thước. Đàng xa-xa có mấy ngọn núi và mấy chòm cù-lao chiu-chít ở tận bên kia chân trời. Bồn bề êm lặng, chỉ nghe tiếng sóng biển dào-dạt trên mặt bãi và tiếng gió thổi đồ lướt vào cành lá. Tuy có những người con gái đi bắt ốc, nhưng ai nấy đều lặng-lặng cặm-cui mà làm việc, ít khi có nói chuyện gì với nhau. Chúng tôi khi ấy cũng thích quá, lại chạy xuống tận bãi biển với

những người ấy, xem họ bắt ốc và có khi hỏi những câu chuyện ngẩn-ngờ.

Chúng tôi đi nhặt những hòn đá nhỏ đã nhẵn-nhụi vì sóng gió mà ném ra ngoài xa, nước bắn lên trắng xóa, xem làm vui thích. Lại cùng nhau đến mấy chỗ thấp, nước biển xuống còn đọng lại mà cùng nhau nô-dùa ướt hết cả xiêm áo. Chúng tôi đi chơi dưới bãi đá mỗi, lại cùng nhau lên ngồi trên một tảng đá phẳng bên gành, trên có một chòm cây cỏ-thụ, cành lá um-tùm che phủ. Ngồi, chúng tôi cùng kể chuyện dong-dài, trong khi bàn luận cũng lĩnh được nhiều điều có ích cho việc học-hành. Đem câu văn-chương, lời tri-kỹ mà giải bày ở chỗ biển rộng trời cao, thì còn gì vui sướng cho bằng, vì tâm-hồn người ta như nhịp theo một điệu với cảnh-vật thiên-nhiên.

Chúng tôi con vợ-vần đó thì nước triều dâng lên mà trời lại sắp đổ cơn mưa, nên chúng tôi đảo bước ra về. Nửa đường thì chị Tuyết-Mai và tôi cùng chia tay về nhà.

Hôm sau gặp nhau ở trường học, chúng tôi nhắc lại cuộc chơi bữa trước còn lấy làm vui-vẻ. Bây giờ chị Tuyết-Mai đã vắng, ngồi hỏi-trưởng đến cuộc chơi vừa qua mà phải bồi-hồi. Tôi cùng cảnh ấy còn được nhiều phen tái-hợp, chớ tôi cùng chị biết có được gặp nhau đề cùng đi viếng qua cái cảnh cũ êm-dềm mà vui-thú kia nữa hay không? Như thế mà mỗi lần trông cảnh nhớ người, thì không cầm sao được lòng cảm nhớ...

3. — Cảnh đồng lúa và hi-vọng của người nông-phu

Đường đi Lộc-trĩ, hai bên đồng lúa, xa trông có từng đám, chỗ xanh chỗ vàng bất-ngát. Một cánh đồng lúa mùa mới trở bông ngậm sữa, lá xanh mon-mỏn; trông cái màu lúa mà biết là năm nay lúa sẽ được mùa. Gần cánh đồng lúa mùa ấy lại có mấy đám lúa

chín về đạo lúa sớm. Hạt lúa chín màu vàng tươi, gié lúa nặng trĩu, lả rạp xuống tận mặt đất.

Thỉnh-thoảng một luồng gió thổi qua những bông lúa phấp-phới lướt theo như những làn sóng rợn trên mặt biển. Chốc-chốc lại có vài con chim bay đến đậu trên cành cây, mổ lúa ăn, trông cũng nhẹ-nhàng xinh-sắn.

Trông thấy cánh đồng lúa chín, tốt-tươi như thế, thì trong bụng không sao không sinh ra mối cảm-giác vui mừng mà nhớ đến công-phu người làm ruộng được.

Cánh đồng lúa mênh-mông kia, chan-chứa biết bao là cái hi-vọng nòng-nàn của kẻ nông-phu. Quanh năm đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn, cây sâu cuốc bẫm, khó-nhọc vất-vả, là chỉ mong đến ngày thấy được cái kết-quả tốt-tươi. Làm việc đã cực nhọc thế lại trong bụng những phải lo sợ luôn. Lo trời làm hạn-hán thì nước cạn mạ khô; lo trời làm ngập lụt thì lúa chìm ruộng vỡ. Gia-dĩ còn bị các loài sâu bọ phá nhiều, đêm ngày lại phải chăm nom gìn-giữ. Trong bụng không một lúc nào mà không tưởng nghĩ đến cái cánh đồng lúa nọ. Hi-vọng thành hay không thành là ở cây lúa tốt hay xấu. Phải như những người đi cấy đi cấy lấy công thì còn nói gì, nhưng đây « đi cấy còn trông nhiều bề » :

*Trông trời trông đất trông mây,
Trông mưa trông gió trông ngày
trông đêm.*

*Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm bề lặng mới yên tâm lòng!*

Nhưng khó nhọc vất-vả thế mà cũng chẳng ngại gì, vì thường nghĩ rằng : « bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu » và « bây giờ khó-nhọc có ngày phong-lưu ». Âu cũng hổ công đem hạt mồ-hôi đổi lấy hạt lúa thì cũng vui lòng. Hi-vọng là thế mà biết có thành chăng? Đến ngày nay lúa chín tốt, gặt hái cũng

gần xong, hạt lúa đã cầm trong tay « ba bó một gia » rồi, thế là hi-vọng đã được thập-phần thỏa-mãn vậy.

4. — Thơ gởi cho bạn nhắc lại cuộc đi hái hoa trên Bình-san.

Chị Tuyết-Mai,

Từ khi chị xa đất Phương-thành đến nay, em chưa có thơ nào gởi thăm chị, xin chị thứ cho. Hôm nay chị ở chốn quê nhà gần dưới bóng tử-phần đầm-ấm chắc được mọi bề vui-vẻ, chị có nghĩ đến chúng em ở đây đang phải buồn-rầu vì đã vắng một người bạn rất thân yêu không?

Chị Tuyết-Mai, chị hẳn còn nhớ mới ngày nào đây em cùng chị rủ nhau đi chơi trên núi Bình-san. Chúng ta hôm ấy đi là định tìm hái hoa mai, nhưng tìm mãi chẳng gặp hoa mai, lại gặp một thứ hoa đầu là cỏ nội hoa hèn, nhưng mà tươi đẹp lạ thường! Giống hoa trông cũng tương-tư như hoa mai, nhị vàng cánh trắng, có chiều thanh-tản dịu-dàng mà khả-ái, nhưng tiếc là thiếu chút tinh-thần, là không được cái u-hương thanh-vị bằng hoa mai. Nhưng mà được cái tính-cách cao-khiết tất-tật, vì hoa mọc ở chỗ sầm-uất tịch-mịch, vô-ý thì hồ-dễ đã tìm thấy được. Chúng ta hôm ấy gặp được đó âu cũng là một cái duyên kỳ-ngộ với hoa; bên mỗi người hái lấy một cành cầm về. Khi ra về đến chân núi lại gởi dưới bóng cây bên khe mà cùng nhau khỏa nước rửa mặt. Chị hẳn còn nhớ, khi ấy em toan đứng chân xuống rửa thì chị lại đọc bốn câu ca-đao:

*Thân em như giếng giữa làng,
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa
chân!*

Rồi chúng ta cùng trông nhau mà cả cười, tưởng trong đời các cuộc vui thích của người ta cũng chỉ có đến chừng ấy mà thôi.

Lại đem mấy cành hoa vừa hái đúng xuống nước để giữ cho hoa được còn tươi. Vì quá thích cái cảnh nước trong gió mát mà quanh-quẩn mãi đó đến chiều xế mới dứt ra về...

Hôm nay em mới đi thăm qua cảnh cũ. Cảnh hôm ấy và cảnh hôm nay đã có thay đổi gì đâu, hoa vẫn còn tốt, nước vẫn còn trong, nhưng cái người cùng em chơi cảnh thì hôm nay đã vắng. Cảnh kia đầu đẹp, thú kia đầu vui, nhưng đã biết cùng ai chia sẻ, riêng mình thưởng-thức còn biết vui đẹp là gì; gia - dĩ trông cảnh cũ chợt nhớ người xưa mà chạnh lòng bồi-hồi cảm-khái.

Đầu đã biết:

*Cuộc trần-thế nước bèo tan hợp,
Hợp rồi tan, tan hợp lẽ là thường;*

nhưng cái hồn văn-chương thì thiệt không sao nguôi được mà mỗi lần trông cảnh nhớ người, « mối hoài-cảm » bỗng « ngồn-ngang chiều bút-mặc »

Cảnh-tình đã thế, còn biết nói sao, chỉ thăm ước « còn non còn nước còn xin đề chữ tương-phùng » mà chị em ta sẽ được còn ngày dắt tay nhau lên Bình-san hái hoa mai bạn nữa.

Vài lời thành-thật, chúc chị được bình-an.

Em chị: M.-T.

5. — Cảnh con đường từ nhà tôi lên trường học.

Con đường từ nhà tôi lên trường học xa; hai bên đường có nhiều cảnh đẹp. Mới ra đường, thoát-tiên bên hữu có nhiều cây cổ-thụ cành lá um-tùm, tàn cây mát-mẻ. Bên tả có một cái hồ dài rộng; trên mặt hồ sen và bèo mọc chen nhau cành lá che phủ cả mặt nước, thỉnh-thoảng có diêm một vài cái bông hoa trắng-trắng-hồng hồng với mấy đám rau muống xanh-xanh.

Hai bên đường lác-đác có mấy túp nhà tranh nhà lá, trước sân nhà nào nhà

ấy đều có mấy cụm nhàn-hoa giả-thảo, trông có cái vẻ tốt-tươi xinh-sắn.

Mặt đường trải đá, cao - ráo sạch-sẽ, dẫu trời mưa dầm cũng không phải bùn lầy. Đi hết quãng đường ấy thì quanh qua con đường khác. Đường rộng phẳng-phiu, hai bên trồng toàn một thứ dương, cành lá thướt-tha che rợp cả bóng nắng. Ngoài đường lúc nào cũng có người quét đường nhỏ cỏ nhặt rác, nên đường vẫn sạch-sẽ luôn.

Hằng ngày trong những lúc tôi cắp sách lững-thững đến trường, không khỏi có một cái cảm-tưởng riêng. Là con đường tôi đi đây cũng như mọi con đường khác, nhưng con đường này ở mắt tôi xem vẫn có một cái tâm-hồn ngụ ở trong. Vì đó chính là nơi mà tôi cùng các chị em mỗi ngày hai buổi đi về ; trên cảnh đường ấy đã ghi nhiều kỷ-niệm vui-thú trong cuộc đời tôi và các bạn học mà tôi không bao giờ quên được ; lại con đường ấy chính là con đường dẫn tôi đến chỗ mở-mang trí - đức là nơi tôi được sinh - hoạt trong một cái hoàn-cảnh cao-thượng.

6. — Cảnh phòng văn trong tượng-tượng.

Mong điều sung-sướng, ước chuyện vui cười, đó là cái bản-tính chung của mọi người. Người đời, nghề này nghiệp khác, phần nhiều ai cũng mong cầu ao-ước những sự vinh-hoa phú-quí. Kể học trò chúng tôi, há khỏi có cái bụng ấy đâu. Chúng tôi cũng có mong cầu ao-ước, nhưng chẳng phải là ao-ước mong cầu những cảnh lạc-địa thần-tiên, mà chỉ mong cầu được một chỗ phòng văn theo sở-thích làm chỗ học-hành theo cái cách sinh-hoạt giản-dị, cái chi-thú thanh-nhã của kẻ học-trò.

Cảnh phòng văn, tôi thích dọn cho đơn-giản trật-tự hơn là trang-hoàng rực-rỡ. Phòng phải có nhiều cửa sổ cho được sáng-sủa, quảng - khoáng.

Giữa phòng đặt một cái bàn lớn làm bàn viết, trên bày bút nghiên giấy tập, đủ cả mọi món cần dùng về việc học. Quanh tường thì treo vài bốn bức tranh cảnh mùa điệu, và tranh các danh-nhân trong lịch-sử, dưới thì treo những ảnh của các chị em lưu-tặng. Hơi xa bàn viết để một cái tủ kính, trong có đủ các thứ sách Tây Nam. Bên cạnh tủ thì có một cái bàn nhỏ để đọc sách. Bàn đặt trước cửa sổ ngó mặt ra vườn, trên bàn có cái bình hoa nhỏ cắm mấy cành hoa xinh-xinh và để vài thứ sách thường dùng. Đối với bàn đọc sách bên kia, có một cái ghế dựa để khi nào đọc sách mỏi thì nằm nghỉ, gặp đêm trăng tỏ trời thanh thì mở cửa sổ mà đón lấy cái vẻ quang-nhuận của bóng trăng và cái vị thanh-khiết của bông hoa.

Hai bên bàn đọc sách thì dán những câu cách-ngôn của thánh-hiền nói về cái cách tu-thân xử-thế của con nhà học-trò ; những câu đối tả - cảnh sống cảnh núi chung quanh, và cái lạc-thú của kẻ đọc sách.

Chung-quanh phòng văn có vườn trồng cây cảnh bông hoa để những khi tri-não đã mỏi trên quyển sách rồi bước ra dạo xem cho giải-trí.

Ấy cái cảnh « ý-trung văn-phòng » của tôi là thế, tuy là cảnh tượng-tượng, nhưng biết đâu cảnh mộng mà không có ngày thành được cảnh thực.

7. — Thư mời bạn về chơi quê nhà Chị Lan,

Đã lâu, em không được năng viết thư thăm chị, vì em đương lo học ôn các bài vở để thi kỳ tới đây.

Ngày nghỉ hè gần đến, vậy em xin mời chị về làng em chơi, nhân dịp chị em ta được gặp nhau cho bỏ những ngày xa cách đã phải nhiều trông nhớ. Lâu nay em thiệt có bụng nhớ chị nhiều lắm. Chị bằng lòng về làng em chơi ; em sẽ dắt chị đi xem phong-cảnh cho mỹ-mãn. Làng em ở có bãi dài

biển rộng, hồ trong núi biếc. Một trông ra là màu hồ sắc núi tương-tiếp nhau, khi như rực-rỡ dưới vẻ trời thanh-tĩnh, khi như thấp-thoảng dưới bóng mây âm-ước. Cảnh đẹp vô-cùng, nhưng em còn đang bận nhiều, nên không thể kể rõ cả được. Mà dù em có kể nữa cũng không sao tả được rõ-ràng, chỉ có chị đến đây thì mới thưởng-thức hết cái vẻ đẹp của phong-cảnh mà thôi. Em rất mong được chị sẽ vui lòng nhận lời mà rời đây chị em ta sẽ được cùng nhau dắt tay đi chơi cảnh, thì còn gì vui-vẻ cho bằng.

Ngày thi gần đến, em kính chúc chị đậu cao để làm được vẻ-vang cho thân-gia, cho thầy bạn.

Em chị : M.-T.

8. — Cảnh chiếu-dương trên Đông-hồ

Hơi may man mát, bóng trời tờ-mờ, trên mặt Đông-hồ một vùng nước phẳng-lặng không gợn một tí sóng nào. Thế-giới bốn bề hãy còn êm-lặng cả như một khối vô-tri nằm yên trong cõi âm-thầm. Bóng trời sẽ hắng-hắng sáng. Bên góc trời đông, trên mặt hồ thấy lơ-lộ lên một nửa vầng mặt nhật. Nửa cái vầng son đỏ ối ấy dần-dần xé mặt nước mà kéo lên. Bấy giờ rõ-ràng một vầng đầy-đặn, in tròn bên chân mây đỏ tươi màu huyết. Những tia sáng tỏa buông ra một phương vũ-trụ, lóng lánh đến những hạt sương bám trên lá cây ngọn cỏ. Màu thiên-nhiên mà cảnh rực-rỡ biết dường nào!

Bấy giờ cái thế-giới đang âm-thầm tối-tăm đã biến-thành cái thế-giới bình-minh quang-dăng...

9. — Cảnh trăng trên sông

Đêm mùa thu, trời quang tạnh, trên con sông một chiếc thuyền con đứng-dĩnh cùng vài chị em thả từ-từ theo dòng nước. Trời đất bình-tĩnh, bóng trăng-vàng-vạc. Ánh trăng trong sáng

chiếu xuống mặt nước lóng-la lóng-lánh. Trong khi đêm khuya cảnh vắng như thế thì chỉ nghe tiếng cây reo trên bờ và tiếng sóng vỗ vào thuyền. Thỉnh-thoảng điếm có tiếng hát của bác ngư-phủ cất lên đưa theo cùng một điệu với tiếng díp chèo trong khoảng không tịch-mịch, véo-von êm-ái. Đêm dần khuya, dòng sông phẳng-lặng; gió hiu-hiu thổi gợn, làn sóng lán-tần trên mặt nước. Lặng ngời mà ngấm quang-cảnh ấy, thì thấy trong lòng bất-giác sinh ra một thứ cảm-tình bất-ngát như nghe tiếng đàn tiếng hát có nhịp-nhàng điều-độ với nhau, khiến cho trong lòng lặng-lẽ trong-sạch như trời đất vô-cùng mà không còn vướng-vit đến những cái thảm-cảnh lòi-thời, những mối lợi-danh eo-hẹp ở đời trần-lụy nữa...

10. — Mừng tuổi thầy học

Kính thưa thầy,

Hôm nay đã đến buổi bãi-trường để nghỉ Tết Nguyên-đán năm mậu-thìn, là buổi học cuối cùng trong một năm dài đặng-đặng vừa qua mà thầy đã lao tâm khổ-trí lo-lắng dạy bảo cho chị em học-sinh chúng tôi.

Nhân thấy Tết đến, chúng tôi mừng Tết mà lại là lo vì Tết; trông xuân sang, chúng tôi vui xuân mà lại ngán cho xuân. Vì mỗi lần xuân sang, mỗi Tết đến, ngoảnh đầu trông lại xuân cũ vừa qua thấy chưa làm nên được một việc gì trong một khoảng thời-gian bất-ngát, hình như không có một chút dấu vết gì ghi nhớ, lại phải ngày xuân càng qua, tuổi xuân càng luống, mà bóng thiều-quang thấp-hoảng chẳng dừng!

Mỗi lần trông thấy cây nêu, nghe thấy tiếng pháo là hai cái biểu-hiệu báo Tết mà đó chính là cái biểu-hiệu để nhắc tấm lòng nhớ chuyện cũ mà nghĩ chuyện mới. Tiếng pháo ấy có

khác nào tiếng còi, tiếng trống thúc-giục bèn mình, trong khi sắp bước lên một độ đường mới, hãy cố-gắng ăn-cần mà trau-dồi học-tập, để khỏi phụ công cha mẹ dưỡng-nuôi và công thầy dạy-đồ.

Mỗi người, ai cũng đều có phận-sự, đều có trách-nhiệm, thì chắc ai cũng phải có cái lo Tết cảm xuân như thế cả, là lo sao cho rời phận-sự, cho xong trách-nhiệm đối với thân-gia làng-xóm. Duy có thầy thì cái lo ấy lại gấp ba bốn mươi lần người ta, là thầy phải lo cho thân-thể tương-lai của những ba bốn mươi học-sinh đây.

Một bụng lo cho một thân mình mà còn nhiều nhọc lòng khổ tri thay, huống là một bụng mà phải lo cho những ba bốn mươi người, ba bốn mươi thân-thể, thì còn nhọc lòng khổ tri biết đến ngần nào. Có so-sánh như thế thì sẽ biết rằng cái công ơn thầy đã nặng nhiều biết bao nhiêu mà chúng tôi thiệt chưa có chút mây-may đền đáp vậy.

Nhân dịp tết đến đây, thầy trò lại tạm biệt nhau một lúc, chị em chúng tôi xin trân-trọng mừng tuổi thầy và chúc cho thầy bình-an vạn-phúc.

Sau đây, chị em chúng tôi có nhờ người làm một bài thơ mừng xuân và chúc mừng thầy để ngâm thêm cho vui :

*Này mấy khóm hoa xuân tươi tốt,
Mùi thanh-hương sực-nức trong ngoài ;*

*Đã dành hương sắc tự trời,
Mà công vun tưới tự người diêm-trang.*

*Vườn xuân là cảnh học-đường,
Hoa là đạo-đức văn-chương khác nào.*

*Mưa xuân tưới khắp đời-dào,
Là ân giáo-hóa thấm vào đã sâu.*

*Vườn hoa thừa xuân đầu năm mới,
Hội nữ-lưu đến buổi mở-mang ;*

*Còn nhiều hi-vọng chan-chan,
Còn nhiều rục-rỡ vẻ-vang sau này.*

*Mừng xuân gặp bữa hôm nay,
Hài hoa xuân chúc tuổi thầy dài lâu.*

11. — Viếng đền thờ họ Mạc.

Một buổi chiều về mùa xuân thanh-khiết, tôi cùng người bạn gái rủ nhau lên viếng cảnh đền thờ họ Mạc. Xa-xa đã trông thấy một tòa nhà gạch thắm-nghiêm ở giữa chân núi. Trước đền thờ có một cái hồ bán-nguyệt rộng, trên mặt hồ có thả sen ; lá sen che phủ cả mặt nước, diêm-nhiêm có mấy cành hoa nở sớm xinh-sắn nhẹ-nhàng theo chiều gió nhẹ. Thỉnh-thoảng lại có vài con cá dớp bọt nước tung-tăng, mặt hồ động-đậy.

Trước cửa ngõ ngoài đều có một cái hoành-phi đề ba chữ Hán là «Trung-nghiã từ», vào khỏi cửa ngõ có sân rộng. Trước sân và hai bên có các thứ hoa-thảo và các thứ cây cỏ-thụ, trông có từng hàng, từng lớp. Giữa sân là nhà khách. Nhà khách bước thẳng vào là cửa chính-môn. Hai bên là hai dãy hành-lang để thờ các tiên-hiền. Ở trong là chính-điện ; vào đến nơi chúng tôi thấp hương vái lạy. Cảnh trong chính-điện thật là êm-dềm tĩnh-mịch, có cái khi-vị tôn-nghiêm kính-cần, tưởng như cái hồn của cổ-nhân hãy còn phảng-phất đâu đây.

Khi chúng tôi lễ xong ra về, trong lòng nghĩ rằng : ở đời là một kiếp phù-sinh mà cuộc đời là một cuộc tang - thương biến đổi, duy có cái phương-danh, cái linh-khi của vĩ-nhân là còn thọ mãi với non sông . . .

12. — Cách ăn-mặc

Người ta cần phải ăn-mặc để che thân và cho có lễ-độ. Thường-tình ăn-mặc chỉ ham thanh chuộng lạ, lựa là gấm vóc, màu sắc rục-rỡ, cho thể làm tốt đẹp. Không biết người ta ăn-mặc không phải đẹp ở cái sắc-sỡ mà chính là đẹp ở cái ăn-mặc thế nào cho nhã-

nhận diêm-dứa, dầu vãi bỏ mà trông cũng ra người nghiêm trang đẹp-đẽ. Nhưng lại phải biết rằng: nhũn-nhặn diêm-dứa chó không phải xóc-xếch lôi-thôi. Ăn-mặc lôi-thôi xóc-xếch, chẳng những là vô-lẽ với người thiên-hạ, mà lại vô-lẽ với cả bản-thân mình nữa, vì mình tự không biết trọng mình. Minh mà không biết trọng mình thì người ta trông vào còn ra về gì!

Ăn-mặc lại là một cái biểu-hiệu cho lẽ nữa; nên trong khi giữa đám lễ đám tiệc, mà người nào người ấy y-phục cho đoan-trang nghiêm-chỉnh thì cuộc lễ mới ra vẻ long-trọng đường-hoàng.

Có người không hiểu cái ý-nghĩa của sự ăn-mặc, trong khi chơi-bời thì rất sửa-sang quần áo cho bảnh-bao, mà đến khi giỗ-tết tế-lễ, đình-đám hội-hè, thì lại không từng chăm-nom đến y-phục, hình như ở những chỗ ấy không có ai ngắm-nghĩa đến mình mà phải chải-chuốt vuốt-ve, như thế là tưởng rằng ăn-mặc là để làm cái vẻ cho người ta xem vui mắt mà thôi.

Con gái đàn bà không phải là không được dùng y-phục màu sắc, nhưng chỉ lựa những màu nhã-dạm dịu-dàng thì trông mới ra vẻ đoan-chính nền-nếp. Vậy kẻ học trò gái chúng ta nên nghĩ đến cách ăn-mặc và chọn lựa màu sắc, thế nào cho ra vẻ đoan-trang thanh-nhã, trông vào như nghe một khúc nhạc nhịp-nhàng điều-độ không sai cung lối nhịp để ngang tai trái mắt người ta.

13. — Đọc sách

Đọc sách làm cho người ta được mở-mang trí-hóa, được hiểu biết việc cổ-kim, thấy những điều hay mà học, những việc dở mà răn. Đọc sách, có

thể làm cho người ngu-dại hóa được người khôn-ngoa. Cái khôn-ngoa đó là cái khôn-ngoa đạo-đức, cái khôn-ngoa thành-thực, vẫn khác với cái khôn-ngoa lâu-lĩnh, cái khôn-ngoa giả-dối của người vô-học.

Đọc sách, không phải đọc trang này hết trang khác, quyển này sang quyển nọ, như thế mà gọi là đọc được lắm, biết được nhiều. Đọc như quốc gọi hè, kêu gào suốt sáng thâu canh mà sách vẫn là sách, mình vẫn là mình, không lĩnh-hội được một chút nghĩa-lý gì thì chỉ thất-công vô-ích mà thôi.

Đọc sách mà muốn cho có nhiều bổ-ích thì phải miệng đọc mà lòng suy để cầu thâu-nhập nghĩa-lý vào cõi tâm-não. Đọc sách lại phải biết phán-đoán, sách hay đã nhiều mà sách dở cũng không ít, chỗ hay thì cố mà bắt-chước đã đành, còn chỗ dở cũng phải biết mà chệ bỏ, chứ có phải sách là hay cả, phải cả đầu.

Đọc sách mà manh-tùng (1), đó là làm nô-lệ cho sách mà thôi, cái vẻ sáng trong tâm-trí người ta vẫn không phát-siễn ra được. Vậy đọc sách phải nên có bụng suy-nghĩ, có trí phán-đoán, lời chữ ở giấy, mà ý-tư ở trong, tâm-trí ở ngoài càn-khôn vạn-vật. Đọc sách như thế thì mới mong được có sở-đắc mà sự đọc sách mới là sự bổ-ích nhiều cho người học-trò.

14 — Thơ cho người bạn, cho hay mình đã thi đậu

Phượng-thành, ngày đoan-ngọ, năm Mậu-thìn.

Chị Tuyết-Mai,

Em viết thơ này báo tin cho chị hay rằng hôm ngày 11 vừa rồi đây là ngày

(1) Manh-tùng = Theo liều, ví như người mù, ai dắt đâu là theo đó, không phân-biệt được gì.

em đã được chấm đầu kỳ thi Sơ-học, để chị cùng em chia vui.

Em cũng mong cho ít ngày nữa đây, em chắc sẽ được tin mừng chị trúng-tuyển vào trường trung-học. Em những bận về việc báo tin mừng mà quên hỏi thăm chị độ rầy có được mạnh giỏi không? Tuyết trắng, mai gầy, đôi về ngày xưa, đã có gì thay đổi?

Bây giờ em lại xin kể về việc thi của em chị nghe; chị chắc chán những chuyện dong-dài lắm rồi! Nhưng em cũng cứ nói; chị có cười thì đó là cái lòng thật-thà của em đối với chị vậy. Khi chưa thi, em lấy làm lo sợ lắm, lo sợ vì không biết bài thi khó dễ thế nào, lại khi mới vào phòng thi em trông thấy các quan giám-khảo đều là lạ cả, lúc bấy giờ em lại càng bối-rối lắm. Nhưng sau em nghĩ nếu cứ lo sợ như thế mãi thì có lẽ là không định-tâm mà làm bài-vở gì được, bởi vậy em cố giữ cho không sợ. Mà lạ, em không muốn sợ mà sao lòng em vẫn cứ lo sợ mãi. Khi ngồi ở phòng thi đợi quan giám-khảo cho bài thi cái lòng cứng cõi của em và cái lo sợ nó vẫn xung-đột nhau luôn mà bao giờ cái lòng em cũng thua. Có chống lại được cũng chỉ trong một lúc mà thôi. Không biết năm ngoài chị vô phòng thi có như thế hay không. Còn em, chỉ trong một lúc mà trong trí chuyện không biết là bao nhiêu chuyện: nào là bài thi khó, nào buồn phải hỏng thi, nào mừng là sẽ may mà gặp bài mình đã học rồi, nào vui là có cái hi-vọng mình sẽ được chấm đầu... Mãi cho đến khi quan giám-khảo nói ảm-tả, thì lúc bấy giờ những cái lo sợ vui mừng ấy nó mới tắt đi mà trong trí mới cố chăm làm bài vở như thường được. Hôm sau vào kỳ vấn-đáp nữa, em được chấm đầu vào hạng năm, chứ có đầu được giỏi mà giạt cái thủ-khoa như chị năm rồi! Nhắc tới chuyện cũ chắc chị hãy còn thú lắm nhỉ? Đầu là

đầu vào hạng ấy mặc dầu, em cũng xin thú thực là em rất vui mừng, em không phải như ai, khi thi đậu trong lòng như hoa nở mà ngoài mặt gương làm ra vẻ bất-mãn. Em mừng cũng không phải mừng vì được lấy cái bằng kia đâu, em vẫn biết hãy còn ít lắm; nhưng sở-dĩ mừng là mừng vì thà không thi thi thôi, chứ đã thi thi phải đậu, nếu không đậu thì thất-vọng biết bao.

Em đậu rồi, bây giờ em cũng chưa định làm gì, mẹ em thường nói với em rằng: một người con gái mà không giỏi việc bếp núc, khéo việc vá may, thì sau này chưa hẳn là một người đàn-bà lo xong phận-sự trong gia-đình; bởi vậy em định sau này khi em thôi học rồi thì em ở nhà mà học những việc trong nhà theo cái lẽ-lối xưa nay của một người con gái Việt - Nam. Chị em thì định như thế, còn chị sau này định-ý thế nào, chị cũng vui lòng cho em được biết. Hồi thi hồi thế, chớ em xem chị tương-lai còn nhiều, sau này có thể theo đuổi học-nghiệp cho đến cõi tốt-đẹp được, em kỳ-vọng cho chị lắm.

Vài lời thành-thực, chúc chị được bình-an.

15 — Vui cảnh thiên-nhiên.

Chơi cảnh thiên - nhiên : vui với cảnh non cao nước chảy, có thể nuôi cho tâm-hồn người ta được cao-siêu thanh-tĩnh. Chơi cảnh thiên - nhiên : vui với cảnh hoa thơm cỏ đẹp, có thể khiến cho tinh-thần người ta được trong-trẻo nhẹ-nhàng. Hồn-tinh có lặng-lẽ, tâm-trí có lĩnh-tạo rồi, nhiên-hậu mới ngẫm - nghĩ lĩnh-hội được những nghĩa hay lẽ phải ở đời theo một cái mục-dịch cao-xa. Không phải như những cái vui ở vật-chất : áo, quần nô-nức, xe ngựa rộn-ràng, chỉ làm cho tối-tăm mọt-mỏi tâm-trí

người học trò, khiến cho lòng người càng nhiều cái nhỏ-nhen đê-tiện.

Lại người ta ở đời vì sầu-khổ quá mà ai cũng muốn tìm phương tiêu sầu thoát khổ, thì duy có lấy cái cảnh lục-thủy thanh-san, thanh phong minh-nguyệt làm cái thú để khuấy-khỏa những nỗi đắng-cay sâu-thẳm; như đứng giữa một chỗ trời cao biển rộng, ngắm một bức tranh cảnh đẹp, trận mây về gió thổi-bời, thì bao nhiêu cái lòng danh-lợi tầm-thường, thắm-trạng lòi-thôi hình như chìm-đắm đi mất cả mà cũng êm-đềm man-mác theo cảnh thiên-nhiên của trời đất. Thanh-cao nhẹ-nhàng được là ở đó, tiêu sầu thoát khổ được là ở đó vậy.

16 — Học trò lấy gì làm vui

Tạo-hóa sinh ra vạn-vật chỉ có loài người là quý; ta được làm người là một việc đáng vui. Ở đời, sĩ, nông, công, cổ, ai cũng phải tìm lấy một nghề làm, như nhà nông quanh năm vất-vả, nhà công suốt ngày cực-nhọc, mà ta lại được ung-dung làm một kẻ học trò thì chẳng phải lại là một việc đáng vui ư?

Thế thì cái thú vui của học-trò là những gì? Tất không phải xem hát xem hội, lên xe xuống ngựa, mặc gấm vóc, ăn cao-lương là vui đâu; cái vui ấy là cái vui tầm-thường ở vật-chất, chỉ trong chốc lát rồi tan ngay, có khi làm cho người ta bại trí mê hồn nữa. Sao bằng cái vui ở tinh-thần, là bao giờ mình cũng giữ làm xong phận-sự, ăn ở theo lẽ phải, tìm học những điều cao ngĩa chánh, không có gì phải hối-hận mà cũng không có gì phải băn-khoăn về những chuyện thấp-hẹp tầm-thường. Giữ tư-cách một kẻ học-trò thì bao giờ trong lòng mình cũng phải nhẹ-nhàng yên-lặng mà học theo đạo thánh-hiền để sửa tâm rèn tính cho đến được cõi lương-năng thì còn gì vui sướng cho bằng. Tưởng

nhân-sinh cực-lạc là tại mình biết tìm cái vui theo lẽ phải trong cảnh đời xuân vô-tận mà thôi.

17. — Nhà tôi

Nhà tôi không có gì là đẹp-đẽ, nhưng có vẻ nghiêm-trang tĩnh-mịch khiến cho lòng tôi luyến-ái.

Nhà cất trên một khu vườn rộng theo lối nhà ở đây, ba gian hai chái. Gian giữa là bàn thờ tổ-tiên, gian bên tả là phòng khách có đặt bộ ghế trà, gian bên hữu đặt một cái tủ kính và một bộ ván gỗ thường. Phía trong là phòng ngủ và phòng ăn. Hai chái bên, một bên là chỗ nghỉ mát, một bên là chỗ đọc sách.

Nhất-thiết những đồ-đạc xa-hoa đều không có cả. Bông hoa tranh cảnh thì duy ở phòng khách là có mà thôi: trên bàn để cái lọ nhỏ, lọ theo lối mỹ-thuật, khi nào có bông hoa thật tươi-tốt thì mới cắm vài bốn cái trong khi tiếp khách; trên vách thì treo mấy bức tranh thủy-mặc màu đậm.

Chỗ nào chỗ ấy, chúng dọn thật đơn-sơ giản-tiện, nhưng được cái trật-tự ngăn-nắp và chừa nhiều song cửa, nên lúc nào cũng thoáng khí, khiến cho người ở lấy làm thư-thái dễ chịu.

Trước nhà có sân rộng, phẳng-phiu, trồng đủ các thứ hoa-thảo; ngoài vườn có các thứ cây ăn quả, cảnh là um-tùm, che rợp bóng nắng; nên lúc nào ra vườn chơi cũng thấy mát mẻ.

Bên vườn có cái hồ dài, trên mặt hồ có thả sen và bèo lá chen nhau che kín cả mặt nước, thỉnh-thoảng điểm một vài cái bông hoa sen hoa sừng, trắng trắng hồng-hồng, với mấy đám rau muống xanh-xanh. Quanh vườn, trồng trúc làm rào khắp cả, chỉ chừa lại một chỗ làm cửa ngõ.

Tôi vẫn yêu mến nhà tôi lắm, chẳng những vì nơi đó là nơi mát-mẻ tĩnh-

mịch, mà lại là nơi có cái khí-vị đầm-ấm tôn-nghiêm đã chôn sâu cái hồn của mấy đời tổ-tiên tôi trước ; và hiện nay, trong cái khí-vị ấy thì có cha mẹ, anh em, chị em tôi cùng nhau sinh-hoạt vui hòa, tôi và cảnh như đã có cái giây vô-hình buộc nhau tưởng không bao giờ rời bỏ nhau được.

18. - Trường học cũ

Khi tôi mới bắt đầu cắp sách đi học thì trường học còn là đơn-sơ lắm. Một túp nhà tranh hai gian, có bao nhiêu gian là có bao nhiêu lớp ! Cái nhà ấy đã lâu lắm rồi, không biết cất từ bao giờ. Thuở ấy, làng tôi chưa có trường nữ-học, nên nam nữ học-sinh đều cùng học chung nhau ở trong nhà trường cũ-kỹ ấy. Số bàn ghế không đủ dung số học-đồ, nên phải ngồi chen-chút nhau. Mái đã dột, cột đã xiêu, nên những khi có mưa to gió lớn, khi ấy thầy giáo chắc là lo sợ lắm mà lũ chúng tôi thì lao-nhao tránh mưa, thừa dịp đó mà đùa bỡn lấy làm vui thích. Những cầu cho có giống mưa như thế mãi ! Sân trường học không được cao-ráo, nên gặp khi mưa dầm như vậy lại phải ướt-át bùn lầy...

Về sau này, mới có cất thêm trường nữ-học, thì tôi theo học sang nơi khác. Ngày nay thì học-trò chúng tôi không phải vất-vả như trước nữa. Nhà gạch mái ngói, nền cao cửa kín, đã khỏi lo sợ gió mưa chi cả. Nhưng cái vất-vả cực-nhọc ấy chính là cái bước đường đầu dẫn tôi lại chỗ mở-mang trí-đức. Chỗ đó là nơi tôi hằng ngày đi lại đã có trải qua nhiều việc vui buồn đáng kỷ-niệm về buổi sau này. Bây giờ mỗi lần trông thấy cái nền nhà trảng cũ, bất-giác nhớ đến truyện trước : chỗ này cùng bạn chuyện - văn, chỗ kia cùng bạn nô-đùa, sung-sướng vui-vẻ biết là ngàn nào, mà nay chỉ thấy rêu-trùm cỏ mọc, túp nhà tranh kia

không còn nữa thì đã đành, đến cả chị em đồng-học thuở ngày thơ cũng đã kẻ đi người ở, khiến cho mỗi lần trông cảnh nhớ người mà không sao cảm được lòng cảm-động.

19. - Quang-cảnh đêm tết Trung-thu

Sen tàn cúc nở, bóng thỏ trong ngàn, gió vàng hiu hắt, rõ ra cái quang-cảnh đêm tết Trung-thu.

Hai bên hàng phố, đèn điện nhấp-nhoáng như muốn tranh sáng với bóng trăng ; nhà nào nhà ấy đua nhau bày đặt cỗ bàn : nào quả hoa, nào bánh nước, sắp ra la-liệt, không thiếu một thứ gì.

Cỗ nhà mình đã chán, lại giông đi xem ngắm cỗ nhà người, nhà nào đâu có khác nhà nào, nhà nào cũng trong ngàn ấy thứ.

Những con trẻ đàn năm đàn bảy, cùng nhau kéo đi đờng này đờng nọ, xóm nào xóm khác lũ-lượ. Đến đâu cũng chỉ « nhà ta nhiều bánh, nhà nó ít xôi », mà làm cho nào-động cả đờng.

Tài-tử giai-nhân thì giang tay nhau đi chơi cảnh để góp màu tinh-tự với vẻ trắng trong gió mát. Thi-nhân đặt-sĩ thì bầu rượu túi thơ cảm vì thú giang-thượng thanh-phong, sơn-gian minh-nguyệt mà tức-cảnh ngâm-đề. Các cụ già đầu tóc bạc phơ cũng chống gậy lưng-thững ra bên khóm cúc cùng nhau uống chén rượu hoàng-hoa, ngắm cảnh trăng cảnh trời, khi ngà-ngà say, chắc là cảm nhiều đến chuyện nghìn xưa mà chắc là tạm quên được những nỗi đắng-cay sâu-thẳm trong cuộc đời về văn-cảnh.

20. - Chơi cảnh giả-sơn

Người mình thường hay ưa thích những thú non xanh nước biếc, cảnh-vật u-nhàn, mà không mấy người ưa

những nơi phồn-hoa đô-hội, xe ngựa bụi lấm, nên có nhiều người đem thân ẩn-dật ở chốn tịch-mịch thanh-tĩnh mà vui với cảnh nước non hoa cỏ, Bởi thế nên có nhiều người cũng vì cái tinh-tĩnh ấy mà bày ra cảnh giả-sơn, chắt đá làm núi, chứa nước làm hồ, cũng có cây có cỏ, cũng có lá có hoa, nuôi chim nuôi cá, nghiêm-nhiên là một cõi tiểu-sơn-lâm. Những người chơi cảnh non bộ như thế là những người biết tìm phương mà trừ bỏ những bụi-bậm đã bám-bấu vào mình. Núi hồ xây dựng tuy không phải là một cảnh non cao rùng rậm, nhưng cũng hoa thơm cảnh lục, cũng gió thoảng trăng soi, thì cũng có thể nuôi cho tâm-hồn tinh-tĩnh người ta được thanh-cao êm-ái. Như thế chẳng là còn hơn những kẻ lẩn-lóc ở chỗ tâm-thượng thấp-hẹp nào không biết tìm những cảnh hay để di-dưỡng tinh-thần ru?

Nhưng theo ý riêng tôi thì tuy chơi cảnh giả-sơn cũng kè là một thú nhàn-nhã, nhưng tôi không thích lắm, vì tôi cho những cảnh con con ấy nó làm cho hẹp bớt cái tầm con mắt xem ngắm và thu bớt cái hứng-thú mỹ-tĩnh của mình, sao bằng để cho tâm-thần-hồn bay bổng trên ngọn non xanh, mối tình-cảm gói xa theo dòng nước biếc, ở chỗ trời cao biển rộng vô-cùng...

21 -- Văn thế nào là hay

Văn hay không phải là hay ở mỗi từng chữ, gọt từng câu, mà hay là ở ý-từ thâm-trầm thành-thực, khiến cho người đọc câu văn như mắt trông thấy cảnh, tai nghe thấy chuyện mà sinh ra tấm lòng vừa bàng-hoàng vừa cảm-động.

Văn có văn hay về ý-từ sâu-xa; văn có văn hay về lời-lẽ bóng-bẩy. Văn có ý mà không có lời thì tuy lời ban câu nói thâm lý đạt tình, nhưng không có vẻ tươi-cười đẹp-đẽ, nồng-nào như

bông hoa đem ướp, có ý-vị thơm-tho mà vầu không có màu xinh-sắn; văn có lời mà không có ý thì dấu câu biện câu ngẫu, trổ phượng chạm rồng, nhưng không có vẻ chân-thật trang-nghiêm, bóng-bẩy như cánh hoa trong gương, có màu sắc rực-rỡ mà vẫn không có vị thơm-tho.

Nói ngay cũng phải dịu lời; vậy thì văn phải cho có ý sâu-xa thiết-thực là điều cần; còn cũng phải có lời-lẽ êm-ái dịu-dàng để trang-điểm cho bài văn được nhẹ-nhàng thanh-nhã, thì ý-từ mạch-lạc trong bài lại nhân câu văn mà càng sáng càng tròn. Văn hay là kiếm được cả hai tính-cách; vừa hồn-hậu cổ-kính, lại vừa thanh-tân tao-nhã, vừa có cái hay quý-báu như ngọc phun châu, lại vừa có cái đẹp rực-rỡ như thêu hoa dệt gấm.

Văn được như thế mới thực là văn có giá-trị, muôn đời bất-hủ vậy.

22 -- « Ăn vóc, học hay ».

Ăn vóc, là người có ăn thì ngày một lớn, nên vai nên vóc; học hay, là người có học thì ngày một biết, càng khôn càng hay.

Ăn và học là hai món cần cho người ta cả. Có học được thì trí-dức mới khai-thông, tâm-tĩnh mới thuần-hậu; ngu đó mà hóa ra khôn, dốt đó mà hóa ra giỏi, vụng đó mà hóa ra khéo, dữ đó mà hóa ra lành. Người có học thì mới hiểu thuộc việc đời xưa đời nay, tỏ biết những lẽ cao nghĩa cả, để làm người hoàn-toàn có tư-cách ở đời.

Muốn học được như thế là nhờ ở đâu?

— Là nhờ ở tinh-thần tỉnh-tao, trí-tuệ sáng-sủa vậy.

Muốn cho tinh-thần tỉnh-tao, trí-tuệ sáng-sủa lại phải nhờ ở đâu?

— Lại phải nhờ ở sức-vóc mạnh-khỏe, thân-thể nở-nang vậy.

Như thế thì ăn lại cũng là một món cần cho người ta nữa. Có ăn được, thì người mới tráng-khỏe, thân mới thư-thái khỏe mạnh. Thân-thể đã mạnh-khỏe rồi thì tinh-thần trí-tuệ mới nhân đó được tỉnh-táo sáng-sủa mà vui làm công kia việc nọ.

Nhưng ăn đó là để cho sống mà làm việc, chứ nếu chỉ có biết ăn mà thôi, hình như sinh ra suốt đời là để mưu tính miếng ăn miếng uống sao cho ngon miệng no lòng, ngoài ra không còn biết có gì; ấy là người ăn hại xã-hội, không đáng là người nữa.

Cho nên, việc ăn nọ dẫu là cần mà đó mới là cái phụ-thuộc thôi; chứ sự học kia mới thực là cái tối-yếu tối-cần, đó mới là cái chính-cốt vậy.

**23 — Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.**

Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Câu ca-dao nói thế là ý nói mình có điều gì tốt, vật gì hay thì phải nên trân-trọng mà giữ-gìn, dẫu thế nào cũng vẫn là của mình, vì điều ấy với mình đã hợp, vật ấy với mình đã quen, đôi bên như đã có cái cảm-tình ngụ với nhau ở trong, không thể xa bỏ nhau được vậy. Nhưng nay có nhiều người hiểu lầm nghĩa mà đã vội cho phong-tục lễ-thói nước nhà là tốt đẹp cả mà mỗi mỗi đều giữ lấy giữ dễ, thì thật không gì sai bằng.

Câu ca-dao kia thực không phải là chỉ nói một ý thủ-cự vô-nghĩa như thế, vì điều hay thì nên trân-trọng giữ-gìn đã đành, còn điều dở cũng phải trừ bỏ đi mới được. Chớ nếu chỉ độc có một nghĩa là thủ-cự thì dẫu hay dẫu dở thế nào cũng cứ khư-khư ôm giữ thì văn-hóa phong-tục nước nhà làm sao mà ngày một tốt đẹp, ngày một mở-mang hơn lên được. Phong-tục cò của nước nhà cũng có chỗ hủ-

bại hèn xấu quá thì những điều tệ điều dở phải sửa đổi lại cho ra điều tốt điều hay mới là phải. Miễn là trong khi sửa đổi ấy, bao giờ cũng phải cho hợp với tinh-tinh phong-hóa của mình mà cái khí-vị « nước ao nhà » thì không bao giờ quên bằng được.

**24. — Thương nhau nước đục
cũng trong;**

**Ghét nhau nước chảy giữa dòng
cũng dơ.**

*Thương nhau nước đục cũng trong,
Ghét nhau nước chảy giữa dòng cũng dơ.*

Than ôi ! nước đục làm sao mà lại là trong chỉ vì thương nhau đó thôi, nước giữa dòng làm sao mà lại là dơ, chỉ vì ghét nhau đó thôi ! Câu ca-dao kia ý nói khi yêu thì dẫu xấu cũng cho là tốt; còn khi ghét thì dẫu tốt cũng coi ra xấu. Cái lẽ « yêu nên tốt, ghét nên xấu » đó cũng là cái lẽ thông-thường xưa nay vậy.

Cổ-văn có chuyện : « Vua nước Vệ rất yêu kẻ bầy-tôi là Di Tử-Hà. Phép nước Vệ, ai đi trộm xe vua thì phải tội chặt chân. Một hôm mẹ Di Tử-Hà ốm nặng, đang đêm Hà vội-vàng lấy xe vua ra đi thăm mẹ. Vua hay chuyện khen rằng : « Người Hà là người rất hiếu, vì đã hết lòng với mẹ », mà vua không nói gì đến tội chặt chân. Lại một hôm Di Tử-Hà theo vua chơi ở ngoài vườn, đang ăn quả đào thấy có vị ngon ngọt khác thường, còn một nửa dâng lên vua ăn. Vua khen rằng : « Người Hà yêu ta thật, miếng ăn đang ngon miệng mà biết nhịn để nhường lại cho ta. »

« Về sau, vua đổi tính, không yêu Di Tử-Hà nữa. Một hôm có lỗi, vua giận nói rằng : « Người Hà trước không giữ phép nước dám thiên-tiện lấy xe ta đi; lại một bần vô-lẽ dám cho ta ăn

Phong-cảnh Thượng-du Bắc-kỳ



Thác Pia ở Sông-bờ (về mạn Sơn-la)

(Kính ảnh Nguyễn Văn-Bao)

Phong-cảnh Thương-du Bắc-kỳ



Thác Soong Muông (Sông Bờ)

(Kính ảnh Nguyễn Văn-Bao)

quả dào thừa ; người Hà thực đã có tội lớn với ta lâu rồi vậy ». Nói xong cho đem ra trị tội ».

Di Tử-Hà đối với vua trước sau cũng vẫn là một, thế mà trước vua khen, sau vua bắt tội, là chỉ vì khi yêu khi ghét khác nhau mà thôi. Bởi vậy « nên khen chanh thì chanh ngọt, chê hồng thì hồng chua ». Trong lòng nếu đã chứa sự thương, hay đã chứa sự ghét, thì cách cư-xử ở ngoài cũng hình-

dung ra thế. Lúc yêu thì dẫu sơ mà cũng hậu ; lúc ghét thì dẫu thân mà cũng bạc. Sự yêu ghét của người ta vẫn không nhất-định được vậy.

Than ôi ! miệng thế đảo-diên, lòng người khinh-bạc, kẻ nhập-thế mà xử-sự há chẳng nên dè-dặt lắm ru ?

Ngày mùa xuân, năm kỷ-tị (1929)

Thái-nữ MỘNG-TUYẾT

NƯỚC THỔ-NHĨ-KỶ NGÀY NAY

Nước Thổ-nhĩ-Kỷ (*Turquie*) ngày nay là do Đế-quốc Thổ (*Empire Ottoman*) trước mấy lần phân-liệt mà thành ra. Nước Thổ hiện nay là một nước Á-châu còn có xâm sang Âu-châu một chút Đế-quốc Thổ trước thời mãi cho đến năm 1912 còn chia ra Tây-Thổ và Đông-Thổ, hay là Âu-Thổ và Á-Thổ. Phần Á-Thổ là gồm những đất *Anatolie, Arabie, Palestine, Syrie, Mésopotamie, Kurdistan*, những đảo trong bể *Egée* tiếp-cận với các đất đó, lại thêm hai đất *Iriopolitaine* và *Cyrénaïque* ở Phi-châu nữa. Hai đất sau đó thời do điều-ước *Ouchy* ngày 18 tháng 10 năm 1912 nhượng hẳn hoàn-toàn chủ-quyền cho nước Ý-đại-lợi. Còn những thuộc-địa của Đế-quốc Thổ ở Âu-châu thì một phần sáp-nhập vào các lân-bang, như *Bulgarie, Serbie, Grèce*, còn đất *Albanie* thì dựng thành độc-lập. Sau cuộc Âu-chiến năm 1914 - 1918 thời địa-giới Đế-quốc Thổ lại do điều-ước *Lausanne* ngày 24 tháng bảy năm 1922 thay-đổi lại một lần nữa. Lại sau trận Hi-lạp và Thổ-nhĩ-kỷ đánh nhau ở Tiểu-Á-tê-á, nước Thổ được thắng-trận vào hồi tháng 9 năm 1922, hai nước ký hiệp-ước ngày 30 tháng

giêng năm 1923, hiệp ước này cũng là do điều-ước *Lausanne* mà ra, định rằng hai nước phải đổi trả dân cho nhau, những dân Thổ ở đất *Macédoine* cùng các đảo thuộc Hi-lạp thì trả lại cho nước Thổ, còn các dân Hi-lạp ở mấy tỉnh phía đông Tiểu-Á-tê-á thuộc Thổ thì trả lại cho nước Hi-lạp, chỉ trừ người Hi-lạp ở thành *Constantinople* và người Thổ-nhĩ-kỷ ở đông-bộ đất *Thrace* thì không kể vậy.

Trong điều-ước *Lausanne*, từ điều thứ hai đến điều thứ 22, đã định rõ quốc-giới nước Thổ như sau này :

Ở Âu-châu : đường địa-giới phần nhiều chạy theo dọc con sông *Maritza*, mấy cái cù-lao ở trong sông đó thời hai nước Thổ và Hi đều không được đặt quân-bị, mà chia phần *môi* nước như sau này : đảo *Imbros*, đảo *Téné-dos*, cù-lao « Thổ » (*Ile aux lapins*) thì về nước Thổ, con các đảo khác về Hi-lạp, mà đất *Dodécanèse* thì thuộc Ý-đại-lợi.

Ở Á-châu : đường địa-giới về mặt *Caucase* thì do điều-ước *Kars* ngày 19 tháng 10 năm 1921 định, điều-ước này

của mấy nước Sô-viết Nga, *Géorgie*, *Arménie*, *Azerbaidjan*, và nước Thổ cùng nhau ký; lại một đường nữa phân nước Thổ với đất *Irak* (*Mésopotamie*), và một đường phân nước Thổ với đất *Syrie* theo hiệp-ước ngày 20 tháng mười năm 1921, nhưng đường sau này về phần nước Thổ còn có điều dị-nghị, chưa giải-quyết xong.

Đường phân-giới với nước Ba-tư (*Perse*), thì đã định xong ngày 31 tháng 10 năm 1925.

Trừ cái phần đất xen sang Âu-châu một chút, còn thời khu-vực nước Thổ ngày nay phần nhiều là ở Triều-Á-tế-á mà trung-tâm là đất cao-nguyên *Anatolie*.

Từ trận đánh nhau với Hi-lạp, thì phần dân Hi-lạp bị bài-trừ ra ngoài đất Thổ cả, hiện nay ở nước Thổ chỉ còn toàn dân Thổ thôi, trừ phần đất ở Âu-châu và thành *Constantinople* còn có tạp cả người các nước và người Hi-lạp phần nhiều, thì không kể.

Chính người Thổ ước mười triệu, cũng chia ra người «Thổ gốc» thuộc về cụ-chủng *Oghouz* hay là *Yourack*, người *Zeibeks* và *Komènes*, tùy nơi cách sinh-hoạt có khác nhau, có chỗ là dân du-mục, có chỗ nửa du-mục nửa định-cư, có chỗ định-cư hẳn. Ngoài-giã còn có những thực-dân theo đạo Hồi mà nhập-tịch Thổ, gọi tên chung là *Mohadjirs*, như: người *Pomaks* và *Komiques* ở miền *Smyrne* và *Brousse*, người *Tatars* (Thát-đát) ở đất *Dobroudja* và đất *Crimée*, người *Lazes* ở miền Hắc-hải và người *Circassiens*. Thuộc về đạo Hồi, còn có người *Arabes* (Ả-rập), chừng 70 vạn, nguyên ở đất *Syrie* sang *Cilicie*, và phần nhiều là về giáo-phái *Nossairis*; lại còn hai triệu người *Kurdes* ở vào miền núi về mặt đông-giới, thành đoàn-thể đồng-đức có liên-tiếp với các đoàn-thể đồng-chủng ở *Perse* (Ba-tư), *Arménie*, *Irak* và *Syrie*.

Thuộc về tôn-giáo khác thì có người *Juifs* (Do-thái), 20 vạn, trong số đó thời một phần mười về phái *Deunmeh* đã cải theo đạo Hồi, ở nhiều nhất ở *Constantinople*; người *Tsiganes*, 6 vạn, ở mạn đất *Cilicie* và thành *Smyrne*; người *Arméniens* thời trước có đến ngót hai triệu, hồi năm 1915 bị sát-lục cũng nhiều; người *Assyro-Chaldéens*, phần nhiều đã di-cư sang đất *Mésopotamie*; sau hết đến các dân theo Cơ-đốc-giáo (*Chrétiens*), ước năm vạn người.

Ngày 28 tháng 10 năm 1927, nước Thổ mới có lệnh điều-tra nhân-khẩu theo phép thống-kế mới, chứ trước ngày ấy thì không biết đích dân-số là bao nhiêu. Năm 1914 thì ước được 15 triệu 70 vạn người, nhưng trong khoảng năm 1922-1924 đã mất một triệu rưỡi người *Grecs* và *Arméniens* dời bỏ đi nơi khác (trong khi ấy thời được 40 vạn người Thổ ở *Macédoine* về nước bù lại), thành-thủ còn lại có 13 triệu 66 vạn, chia ra số đàn-ông 6 triệu 58 vạn 4 nghìn người và số đàn-bà 7 triệu 7 vạn 5 nghìn người, tính quân-bình chiếu với diện-tích là mỗi cây-lô-mét vuông 17 người, và sánh với số trước khi chiến-tranh thì hiện giảm mất hai triệu vậy.

Nhất là thành *Constantinople*, tuy hòa-ước *Lausanne* vẫn đặc-biệt cho phép người *Grecs* và người *Arméniens* ở, mà dân-số bị giảm sút đi nhiều hơn cả: năm 1914 có 386.000 người, nay chỉ còn 261.000. Trái lại thời kinh-đô mới là *Angora* (chính tiếng Thổ đọc là *Ankara*) nay đã được ngót 6 vạn người.

Dân ở thành-thị vẫn còn ít hơn dân nhà quê; tính ra số dân các thành-phố tổng-cộng mới được có 2 triệu 90 vạn người; nhưng từ khi chiến-tranh đến giờ đã thấy nhóm lên cái phong-trào bỏ quê ra tỉnh,

Thổ-dế-quốc bắt đầu thành-lập từ cuối thế-kỷ thứ 13, do vua *Orhman* đê-

nhất thừa cái cơ-nghiệp cũ đã bị tàn của họ *Seldjoukides* mà dựng ra năm 1299. Con là *ORKHAN* chiếm-cứ thành *Brousse*, định đô ở đấy. Sau khi đã dùng quân-đội riêng gọi là quân *Janissaires* chinh-phục được cả cõi Tiểu-Á-tê-á rồi, bấy giờ mới bắt đầu xâm sang đất Âu-châu. Vua kế-nghiệp là *ACHMET* đệ-nhất chiếm thành *Andrinople*, thiên đô ra đó, rồi tiến lên miền *Balkans*. *BAJAZET* đệ-nhất kiêm-tính thêm đất *Valachie*, đánh quan Thập-tự ở *Nicopolis*, rồi sau khi chinh-phục được đất *Grèce*, đến vây thành *Constantinople*; giữa lúc bấy giờ thì quân *TIMOUR* (hay là *TAMERLAN*, tướng Mông-cổ, tổ nhà Nguyên, sử lãn dịch là Thiết-mộc-chân 鐵木真) tràn qua bờ cõi, phải gấp chạy về Á-châu, bị thua và bị bắt ở *Angora* năm 1402. *MAHOMET* đệ-nhất và *AMURAT* đệ-nhị lại kế-tục cái sự-nghiệp khuếch-trương đó, chiếm đất *Albanie* và đất *Serbie*. Đến *MAHOMET* đệ-nhị khuynh-đảo được Đông-Đế-quốc La-mã và chiếm-cứ được thành *Constantinople* năm 1453, thế là hoàn-hành cái sự-nghiệp chinh-phục của người Thổ ở Âu-châu. *SÉLIM* đệ-nhất kiêm-tính thêm đất *Syrie*, đất *Palestine*, đất *Egypte* (Ai-cập), thành *La Mecque* (nơi thánh-địa đạo Hồi), thành *Alger* (năm 1520). *SOLIMAN* đệ-nhị, hiệu là *SOLIMAN* Đại-Đế, chiếm đảo *Rhodes*, năm 1529 đem quân đến đóng trại trước thành *Vienne*, rồi lại kiêm-tính thêm hai thành *Tunis* và *Tripoli* nữa (1534-1551). Tự đấy về sau là đến thời-kỳ đế-quốc suy-đồi, rồi cứ hết tỉnh họ đến tỉnh kia lần lần bị phân-liệt hết.

Trận *Lépante*, thủy-quân Thổ bị phá-diệt, nước Thổ phải ký hòa-ước *Carlowitz* năm 1699, và cắt đất *Hongrie* và *Transylvanie* cho nước Áo (*Autriche*); sau lại ký ước *Kainardji* năm 1774 nhượng đất *Bukovine* và đất *Tiểu-Tartarie* cho nước Nga; đến năm 1783 lại cắt cho nước ấy đất *Crimée* và năm 1790-

1792 một phần đất *Caucase*. Trận đánh với Nga năm 1809-1812 lại thua, phải ký hòa-ước *Bucarest*, lại nhượng cho nước Nga cả địa-hạt ở giữa khoảng hai sông *Dniéper* và *Danube*. Năm 1815, các đảo nhỏ ở bể *Ionie* qua thuộc quyền bảo-hộ của nước Anh. Năm 1820-1830, nước *Grèce* (Hi-lạp) khôi-phục quyền độc-lập. Cũng năm 1830 nước Pháp chiếm-lĩnh đất *Algérie* còn tổng-đốc Ai-cập là *Méhémet Ali* thời nổi lên phản-đối triều-đình Thổ, chinh-phục đất *Syrie*, đã tiến quân đến *Constantinople*, sau triều-đình phải chàm-chước nhượng cho quyền phó-vương Ai-cập, được di-truyền thế-tập.

Nước Nga bấy giờ lại có ý lăm-le, sau nhờ có liên-quân Pháp, Anh và Ý đánh trận *Crimée*, Nga bị thua, phải ký hòa-ước *Paris* năm 1856. Nhưng rồi nhân hai châu *Bosnie* và *Herzégovine* nổi loạn năm 1875, nước Nga được ba xứ *Roumanie*, *Serbie* và *Monténégro* giúp, năm 1877 lại khai-chiến với Thổ, Người Thổ cũng hết sức đánh giữ về mặt Âu-châu, nhưng không thể địch được, phải ký dự-ước *San Stefano* (1878), rồi ký hòa-ước *Berlin* công-nhận cho ba nước *Roumanie*, *Serbie*, *Monténégro* được độc-lập, nhượng *Kars* và *Batoum* ở Tiểu-Á-tê-á cho Nga, cho phép nước Áo chiếm hai châu *Bosnie* và *Herzégovine*, và Anh thời chiếm-lĩnh đảo *Chypre*. Còn đất *Bulgarie* và đất *Đông-Roumélie* thời đặt thành quận tự-trị, phải tuế-cống cho triều-đình, rồi đến năm 1885 thời hai xứ hợp-nhất.

Về đời *ABD UL-HAMID* có tiếng là tay chuyên-chế độc-ác, người Tây đã tặng cho cái tước là « Hoàng-sắc Thổ-hoàng » (*le Sultan rouge*), trị-vì ba-mươi năm (1879-1906), nhân nước Thổ nợ nhiều quá không thể trả được, liệt-cường Âu-châu phải đứng lên quản-lý kho quốc-trái của Thổ, lấy mấy khoản thu-nhập trọng-yếu sung vào đó. Thổ-hoàng thời muốn lợi-dụng cái danh-hiệu là

giáo-chủ đạo Hồi, thi-hành cái chủ-nghĩa « Đại Hồi-hồi » (*panislamisme*) nghĩa là khuếch-trương cái thế-lực của các dân Hồi-giáo đối với các dân ngoại-đạo. Nhân cái chính-sách đó mà năm 1895 dân Hồi-giáo giết hại mất 25 vạn người *Arméniens*; còn dân *Slaves* (Ti-lạp-phu) ở đất *Macédoine* thời nổi loạn lên, triều-đình phải hạ lệnh cải-cách chính-trị, nhưng chẳng qua là cải-cách trên tờ giấy, chứ không có thực-hành gì. Trong khi ấy thời nước Đức cồ-động dữ dề khuếch-trương thế-lực của mình ở miền Cận-Đông, và vận-động được lĩnh-trung đường *Bagdabahn* là đường xe-lửa nối liền kinh-đô *Constantinople* với thành *Bagdad*.

Nhưng ngay ở thành *Salonique*, đất *Macédoine*, bọn quan-liêu cùng quân-quan Thổ bất-bình với Chính-phủ họp nhau lại đề vận-động phản-đối, lập một hội-dồng bí-mật đặt tên là hội « Đồng-tâm Tiến-bộ » (*Union et Progrès*). Tháng bảy năm 1908, quân-dội đóng ở miền ấy nổi loạn, trong ba tuần-lễ được thắng-thế. Triều-đình mưu ngầm xui bọn quân-lính phản lại, nhưng đảng thiếu-niên Thổ (*Jeunes Turcs*) trong hội « Đồng-tâm » dẹp được yên ngay, rồi tiến lên lấy kinh-đô *Constantinople*, phế vua *ABD-UL-HAMID*, đặt em đã 64 tuổi lên thay, lấy hiệu là *MOHOMET* đệ-ngũ.

Hội « Đồng-tâm » đã được thắng-thế, bấy giờ mới tuyên-bố chương-trình, điều thứ nhất là định « thổ-hóa » (*turquisation*) cả toàn-hạt, nghĩa là bắt các dân giống khác ở trong địa-hạt nước Thổ phải hóa theo người Thổ cả. Nhân đó dân *Arabie* và *Al-anie* nổi loạn, Hội phải chịu nhượng-bộ cho hai xứ ấy.

Chính-sách của đảng Tân-Thổ cũng gây ra một cuộc phản-động ở *Macédoine* và ở *Crète*, năm 1912 lập ra một liên-đảng các xứ ở miền *Balkans* (*Ligue balkanique*) để phản-đối với chánh-phủ *Constantinople*; đến tháng 10 năm

ấy thời nước *Monténégro* trước, rồi đến nước *Grèce*, nước *Bulgarie* và nước *Serbie* cùng khai-chiến với Thổ, trận này liên-quân được thắng, sau vì có nước Áo và nước Nga can-thiệp, nên phải đình-chiến. Đến khoảng tháng 6 tháng 8 năm 1913, lại khởi ra một cuộc chiến-tranh thứ nhì nữa, lần này là *Bulgarie* muốn giữ lấy đất *Macédoine* một mình gây sự đánh nhau với các bạn đồng-minh năm trước. *Bulgarie* bị thua, phải ký ba hòa-ước ở *Bucarest*, *Constantinople* và *Athènes* (trong khoảng tháng 8 năm 1913 đến tháng 3 năm 1914).

Nước Ý thời hồi tháng 9 năm 1911, đã từng khai-chiến với Thổ, lấy cơ vì quyền-lợi bị thiệt-hại ở *Tripolitaine*, rồi chiếm lấy hai cửa bể *Tripoli* và *Bengazi*, kiêm-tính đất *Lybie* và chiếm-cứ đất *Dodécane* cùng đảo *Rhodes*. Sau ký hòa-ước *Lausanne* ngày 15 tháng 10 năm 1912, thời bỏ đất *Dodécane* và công-nhiên giữ đất *Lybie*.

Nhưng nhân vì cuộc Âu-chiến sắp tới, tình-thế nước Thổ còn biến nhiều nữa. Trong cuộc này, đảng lễ Thổ giữ trung-lập là phải; ngay tự ngày mùng 3 tháng 8 năm 1914 lại hạ lệnh động-binh, do bọn quân-quan Đức chủ-trương, rồi lại bội lời ước mà để cho hai chiếc tuần-dương-hạm của Đức *Göeben* và *Breslau* đi qua cửa *Dardanelles*, còn tàu các nước khác thì đóng cửa không cho vào; các luật biệt-đối người ngoại-quốc thì ngay mùng 1 tháng 10 tuyên-bố bãi bỏ hết; kể đến đại-sứ các nước Nga, Anh, Pháp, lần lượt nhau dời bỏ kinh-thành *Constantinople*, rồi thời Thổ-hoàng khai-chiến với Tam-quốc Đồng-minh. Nhưng mà bấy giờ vua đã không còn có quyền-lực gì nữa rồi, thủ-tướng *TALAT*, binh-bộ thượng-thư *ENVER* cùng với các lãnh-tụ đảng Tân-Thổ công-nhiên ra tay chủ-trương việc nước. Ở Tiều-

Á - tể - á thì giết hại dân *Arméniens*, ở địa-giới *Syrie* thì tiến lên đánh sông *Vận-hà Suez*.

Ngày 18 tháng 3 năm 1915, hải-quân Anh và Pháp định vào phá cửa *Dardanelles*, đổ quân lên bộ, đánh vào các chiến-tuyến của Thổ trong chín tháng không ấu thua gì, mãi đến tháng giêng năm 1916, rồi phải dồn quân về *Salonique*, ở qua mùa đông mà dặt đồn-lũy phòng-bị. Trong năm 1916-1917, quân Đồng-minh đánh được nhiều trận, nhưng không biết khéo lợi-dụng thành kết-quả gì cả; kể đến mùa hạ năm 1918, các quân đồng minh khéo hiệp-lực nhau cùng tiến lên công-kích, quân Pháp bức đến tận đường sông *Danube*, và quân Anh cùng quân Hi-lạp thì gần tới *Constantinople*. Chính-phủ Thổ phải ký với người Anh một tờ ước đình-chiến ở *Moudros* ngày 30 tháng 10 năm 1918, quân Anh mới chịu dừng lại. Trong khi ấy thời quân Anh cùng quân Á-rập, có một đội quân Pháp giúp, đánh ở *Palestine* và *Syrie*, hai xứ ấy tự thoát-li quyền thống-trị nước Thổ (thành *Jérusalem* thất-thủ ngày mồng 9 tháng 12 năm 1917, thành *Damas* ngày 30 tháng 9 năm ấy).

Theo hòa-ước ký ở *Sèvres* ngày mồng 10 tháng 8 năm 1920 thì nước Thổ chỉ còn có miền phụ-cận thành *Constantinople* cùng với đất *Anatolie* mà thôi, còn các xứ *Arménie*, *Syrie* và *Mésopotamie* thời công-nhiên được độc-lập. Nhưng kể đấy thời Thổ-hoàng bị phế, chính-thể quân-chủ bị khuynh-đảo, dặt chình-phủ lâm-thời, *MUSTAPHA KEMAL* chủ-trương, tuyên-bố không thừa-nhận hòa-ước; thừa lúc quân Hi-lạp tiến vào cửa *Smyrne* nhân-dân công-phần, *MUSTAPHA-KEMAL* liền triệu-tập Quốc-hội, quyết ra tay chống-cự, Trận mùa hạ năm 1921, quân Thổ đánh được quân Hi-lạp ở *Anatolie*; đến tháng 9 năm sau thì người Thổ toàn-thắng, thu-phục được thành *Smyrne*.

Nước Thổ cùng với các nước Đồng-minh hai lần họp-hội-nghị ở *Lausanne*, kết-quả là điều-ước ngày 24 tháng 7 năm 1923, Âu-châu công-nhận cho nước Thổ là gồm cả các địa-hạt có dân Thổ ở, tuy diện-tích hẹp kém trước nhiều, nhưng có đủ các đường giao-thông ra bề, địa-giới các mặt định rõ như trên kia đã kể. Theo điều-ước thì các đặc-quyền của ngoại-quốc ở Thổ (tức tiếng tây gọi là *capitulations*, nghĩa là những quyền nước Thổ đành chịu phóng-khi để biệt-dãi người ngoại-quốc, tức như quyền lãnh-sự tài-phán ở Tàu vậy) bị bãi bỏ hết, lại định phương-pháp liêu-kết cái tình-hình tài-chính của Đế-quốc Thổ trước và định chế-độ kinh-tế của nước Thổ mới; nhưng còn nhiều vấn-đề thuộc về lợi-quyền của liệt-cường Anh, Nga, Pháp Ý trong phần di-sản của Thổ đế-quốc cũ, thời điều-ước cũng chưa giải-quyết được hết; song các khoản đó là dành quyền Hội Vận-quốc xử-tri sau này.

Mùa xuân năm 1927 vua *AMANULLAH* nước *Afghanistan* sang thăm giám-quốc Thổ *MUSTAPHA-KEMAL* ở *Angora*, lại vừa đi thăm cả nước Nga và nước Ba-tu nữa. Hai nước Thổ và *Afghanistan* cùng theo đạo Hồi, cùng thuộc về giáo phái *Sunnite*, cho nên cuộc du-lịch đó cốt là để liên-lạc hai nước đồng-giáo với nhau. Vua *AMANULLAH* có nhờ nước Thổ cấp cho quân-quan và cố-vấn đề huấn-luyện quân-đội nước mình. Nhưng sau nước *Afghanistan* có nội-loạn, vua phải chạy trốn, việc giao-hiểu hai nước chưa có kết-quả gì.

Nói về chính-thể thì chính-phủ quốc-dân Thổ ngày nay là thay cho Chính-phủ Thổ-hoàng kiêm giáo-hoàng đạo Hồi (*Sultan - khalife*) khi trước. Quốc-hội họp ở *Angora* đặt ra chính-thể mới ngày 26 tháng giêng năm 1920; bãi bỏ ngôi hoàng-đế ngày 20 tháng

11 năm 1922 (ngôi giáo-hoàng thì do luật ngày mồng 3 tháng 3 năm 1924 bãi bỏ sau), tuyên-bố Dân-quốc ngày 29 tháng 10 năm 1923, và hầu luôn thống-tướng MUSTAPHA KEMAL GUAZI làm giám-quốc, ngày mồng 1 tháng 11 năm 1927 lại được Quốc-hội tái-bầu một kỳ hạn nữa. Định thể-thức chính-phủ mới thì do nghị đạo luật ngày 20 tháng giêng năm 1921, ngày mồng 1 tháng 11 năm 1922, ngày 29 tháng 10 năm 1923, rồi đến Hiến-pháp ngày 29 tháng 4 năm 1924. Theo hiến - pháp này thì chức Giám-quốc là do Quốc-hội bầu bốn năm, hết hạn có thể tái-bầu được. Quan Giám - quốc thay mặt nhà nước đối với các nước ngoài, chủ-trương quyền hành-chính, thống-lĩnh các hải-lục-quân và có quyền ân-xá cho kẻ có tội. Bổ-nhiệm chức Tổng-lý Nội-các và chuẩn-nhận các Tổng-trưởng các bộ do tổng-lý lựa chọn trong hàng nghị-viên; đề-xướng các luật-lệ và có quyền bác những luật của Nghị-viên quyết-nghị. Giúp việc cho quan Giám-quốc thì có đặt một «Quốc-gia Hội-nghị» *Conseil d'Etat* để thẩm xét các luật-lệ cùng điều-ước và một «Quốc-gia Thượng-viện» (*Cour d'Etat suprême*) để làm-thời xét-xử các quan Nội-các, các quan cố-vấn Quốc-gia hội-nghị, và các quan tòa án phúc-thẩm.

Quốc-hội có 265 nghị-viên (chiều dân-số cứ 20.000 dân đàn-ông được bầu một người), kỳ-hạn bốn năm, hầu theo lối phổ-thông đầu-phiến, toàn-quốc chia làm 63 khu bầu. Cứ lý-thuyết thì Chính-phủ phải có quốc hội tín-nhiệm mới làm việc được. Quốc-ngữ là tiếng Thổ, và quốc-văn là quốc-ngữ viết theo chữ la-tinh, định bắt đầu tự mồng 1 tháng giêng năm 1929 thông-dụng khắp trong nước.

Quốc-đô là thành *Angora*, còn cựu-đô là thành *Constantinople* thì từ nay thành một tỉnh-ly thường. Năm 1923 thay đổi lại các địa-lạt trong nước,

chia ra làm 63 tỉnh (*vilayet*), mỗi tỉnh có quan tổng-dốc (*vali*) cai-trị, và gồm các châu-quận cũ (*sandjak*) bãi từ khi chiến-tranh, lại chia ra phủ huyện (*kaza*), do các phủ-huyện quan (*kaimakan*) cai-trị; cuối cùng là thôn-xã (*nahiyé*) có một hội-đồng hàng xã và một xã-tướng (*mudir*) do hội-đồng bầu quản-trị công việc.

Quốc-kỳ (cờ cho quân-đội và cho cả các tàu buôn) sắc đỏ, giữa có cái lưỡi liềm và ngôi sao sắc trắng.

Quốc-giáo là đạo Hồi, về phái *Sun-nite*, mà hình-thức lễ-bái thì thường theo phái *Hanéfite*; nhưng theo sắc-lệnh ngày mồng 2 tháng 9 năm 1925, thì phạm các đạo-viện, đạo-đoàn, tu-viện đều bãi-bỏ hết, và bọn tăng-lữ nhất-luật gọi là «giáo-sĩ» (*uléma*) cả. Tháng tư năm 1927, Quốc-hội đã quyết-nghị luật chính-giáo phân-li và hiện nay chính-phủ đương thi-hành cái chương-trình «hóa-tục» (*laïcisation*) cả các chế-độ cũ trong nước.

Nói về đường kinh-tế, thì nước Thổ ngay nay tuy hầu hết thu cả về một đất Tiều-Á-tế-á, nhưng đất này cũng là một đất tốt, trừ có một vài nơi hoang-tịch, còn thời sản lúa, sản bông, thuốc lá, các thức quả cũng nhiều, lại ở *Konya* sản nha-phiến, ở *Adana* sản cà-phê. Dân quê nuôi dê nuôi cừu nhiều lắm, lông dùng để dệt đệm Thổ-nhĩ-kỳ đã có tiếng. Miền *Brousse* thời sản tơ và miền *Aidin* sản dầu ô-li-va.

Đất vốn là đất sơn-lâm, nhiều các mỏ: có mỏ than ở miền *Héraclée* than cây (*lignite*), dầu hỏa ở miền giáp-giới nước Thổ với nước Ba-tư, vàng, bạc ở miền *Konya*, chì, kẽm, *manganèse*, *antimoine*, thủy-ngân, sắt ở miền *Adana*, đồng, «bọt bể» (*écume de mer*, bắt-danh là *magnésite*); lại có ruộng muối ở gần *Angora*, cùng suối ôn-tuyền, suối lưu-hoàng. Ở các tỉnh-thành lớn,

còn giữ lối cũ, các nghề-nghiệp họp thành phường. Công-nghệ còn có tính-các thuộc về gia-đình, nhưng vì sự chiến-tranh mà bị ngăn-trở không phát-đạt được; các xưởng dệt bông phần nhiều ở miền duyên-hải, xưởng dệt lụa ở *Smyrne*, *Brousse* và *Van*. Nghề dệt thảm-trứ-danh nhất là ở *Angora*, *Brousse*, *Konya* và *Smyrne*, nhưng từ khi người Hi-lạp di cũng bị thiệt-hại. Việc thông-thương phần nhiều với nước Anh, nước Mĩ, nước Ý, nước Đức, nước Pháp, nước Nga, v. v., và do hai cửa bể lớn *Constantinople* và *Smyrne*; thông-thương với nước Nga và nước Ba-tư lại do đường bộ nhiều. Nhập-cảng thời các đồ dệt, thóc lúa; xuất-cảng thời các thứ quả, thuốc lá, than, giấy, da, v. v. Đường xe-lửa thì ở Âu-châu có đường *Constantinople-Andrinople* thuộc về đường đại-lục quốc-tế *Orient-express*, ở Á-châu có mười đường (ước ba nghìn cây-lô-mét), đường lớn nhất là đường *Bagdadbahn* cũ, đi đến *Nissibin*, đoạn sau cùng làm đường phân-giới với đất *Syrie* thuộc Pháp thừa ủy-nhiệm Hội Vạn-quốc cai-trị. Các đường quan-lộ lớn thì có đường *Angora-Erzeroum* (865 cây-lô-mét) và đường *Diarbekir-Sivas* (935 cây-lô-mét). Tàu biển vãng-phản các cửa bể lớn và qua lại eo bể *Bosphore* phần nhiều là tàu Thổ, Anh Ý và Pháp.

Nay nói về đường văn-chương, mỹ-thuật, tu-tướng

Tiếng Thổ, cứ xét các chữ gốc và xét cái tinh-thần đặc-biệt, thì là thuộc về loại các tiếng Á-châu gọi tổng-danh là « tiếng miền núi *Ourals* và *Allai* » (*langues ouralo-altaïques*); nhưng thực thì là một thứ tiếng tạp lắm, cũng như tiếng Anh, vì vốn ít chữ dùng, phải mượn nhiều chữ ở tiếng Ả-rập, tiếng Ba-tư, vì lẽ văn-hóa, lễ tôn-giáo; trước kia cũng viết như chữ Ả-rập, tay phải sang tay trái, cho đến ngày

mồng 1 tháng giêng năm 1929 Chính-phủ mới hạ-lệnh bắt phải nhất-luật viết bằng chữ la-tinh.

Người Thổ vốn vẫn có tính thượng-võ, nên các nhà làm sách bằng văn xuôi đầu tiên là nhà làm sử biên-chép các chiến-công. Trứ-danh nhất là *SUD-ED-DIN*, mất năm 1598, tác-giả sách « ĐẾ-vương-ký » (*la Couronne des Couronnes*), chép mãi đến đời *SÉLIM đệ-nhất* (1512-1520). Lại còn mấy nhà nữa như *NAMA* chép sử giản-di hơn, sinh-trưởng về thế-kỷ thứ 18, như *HADJI KALIFA* về thế-kỷ thứ 19 có làm một bộ sử về các hải-chiến của Thổ-nhĩ-kỷ. Nước Thổ lại còn nhiều nhà làm những sách tự-điển về các danh-nhân trong nước, như *TACH KEUPREU ZADEH* mất năm 1560, sách du-ký, sách sử-trình, sách sử ngoại-giao, sử quân-sự, toàn là những sách thiết-thực cả, chứ những sách văn-chương du-hí không có mấy, đó có lẽ cũng là bởi cái tinh-thần thượng-võ nó ảnh-hưởng đến sự-nghiệp văn-chương vậy. Đời cổ-văn thịnh là thế-kỷ thứ 16. Tuy-nhiên, thi-ca cũng không phải không có người trọng; các nhà trứ-danh về lối cổ-thi thời có *Fozouli* và *Baki* mất năm 1599; rồi đến *Namid* và *Sheikh Ghaleb* về thế-kỷ thứ 18. Về cận-đại, nước Thổ cũng sản được nhiều thi-ca và tiểu-thuyết, tác-giả cũng có khi là đàn bà. Duy nghề diễn-kịch thì không mấy người tập, các phường tuồng gánh hát hầu hết là người *Arméniens*, vì đàn-bà Thổ không thể làm nghề hát được. Lại các khoa bác vật và khoa số-học, người Thổ cũng không từng chuyên-trị nghiên-cứu. Sự sinh-hoạt về trí-thức ở nước Thổ ngày nay phần nhiều là phát-biểu ra ở các báo-chí: đời vua *ABD UL-HAMID* hầu không có một tờ báo nào, từ hồi cách-mệnh trở đi các báo mới lập ra nhiều, đến năm 1923 thì trong nước có 76 tờ báo, trong số đó có 38 tờ bằng tiếng thổ, nhưng

từ khi người *Grecs* và người *Arméniens* dời bỏ nước Thổ đi thì báo-chí của họ cũng mất hết, và hiện các báo đều do chính-phủ kiểm-đuyệt cả; mấy tờ báo có tiếng bây giờ là báo *Djum houriet* (nghĩa là Dân-quốc, báo *Ikdam* (nghĩa là Tiến-bộ), v. v. — Sự học thì trước kia trừ ở kinh-đô, còn suốt trong nước chỉ có trường đạo, và chỉ học một quyển kinh *Cổ-lan* (*Coran*) mà thôi. Luật ngày mồng 3 tháng 3 năm 1924 mới sửa lại phép giáo-dục cho được thống-nhất và phân-biệt với tôn-giáo: các trường đạo cùng cả các trường của chính-phủ đều thống-thuộc Bộ Học; còn trường tư thì Bộ Học có quyền kiểm-sát; lại tổ-chức cả nữ-học nữa.

Số trường học tổng-cộng được 4 vạn, và số học trò được ngót 1 triệu 25 vạn. Xem như thế thì chính-phủ hiện-thời thật đã ra công ban-bố sự học trong dân-gian vậy. Trường Đại-học *Constantinople* lập tự năm 1870, có năm ban; ngoại-giá lại còn nhiều các trường chuyên-môn của Nhà-nước nữa, những trường có tiếng nhất là các trường võ-bị, ở một nước thượng-võ thì đó cũng là một điều tự-nhiên vậy.

Người Thổ đi chinh-phục đến đâu đem đạo Hồi theo đến đấy, rất là trung-thành với các phép-tắc của Hồi-giáo. Đạo Hồi vốn nghiêm-cấm không được hình-dung mặt người, bởi thế nên về mỹ-thuật những nghề vẽ, nghề chạm không có gì, trừ vẽ chạm những kiểu trang-sức thường không kể; nhưng nghề kiến-trúc thì người Thổ sở-trường, và cũng thích-hợp với tư-cách một dân hiếu-chính phạt vậy. Giống Thổ là giống *Đột-quyết* (*突厥 T'ou-kiue*), nguyên ở trung-bộ Á-châu lại, đem theo những thợ khéo Ba-tur, nên phạm công-trình kiến-trúc, như nhà thờ (*mosquées*), trường học (*medressés*), lâu-thành, lăng-mộ, đều chịu ảnh-hưởng và theo qui-thức của Ba-tur cả. Đồng-thời lại lợi-dụng cả các di-tích

kiến-trúc cũ về đời *Ti-tăng-ti* (*époque byzantine*), ở các nơi chinh-phục được của người Hi-lạp còn nhiều lắm. Bởi thế-nên ở cựu-đô *Constantinople* cả thấy có 500 cái nhà thờ đạo Hồi, thì 90 cái là các nhà thờ Thiên-chúa của Hi-lạp cũ, sửa-đổi lại để thờ đạo Hồi, ở các nơi chinh-diện và các cửa đá khảm (*mosaïque*), và đặt thêm tháp vào những nhà thờ nào có Hoàng-đế đến ngự lễ thì có bốn tháp, như nhà thờ *Sainte-Sophie* đã có tiếng là một nơi danh-thắng.

Những cung-diện ở *Constantinople* xây sau hồi chinh-phục năm 1453, thì thường có chịu ảnh-hưởng mỹ-thuật nước Ý, vì các Thổ-hoàng thường dùng thợ Ý để xây-dựng, coi không được mỹ-lệ rực-rỡ như các cung-diện kiểu Ba-tur. Theo kiểu sau này thời đẹp nhất là nhà thờ xanh ở thành *Brousse*, về phía đông eo biển *Bosphore*, xây vào năm 1420, vừa có cái vẻ mỹ-thuật Ả-rập, lại vừa có cái vẻ mỹ-thuật Ba-tur, cũng như nhà thờ lớn ở *Konya*, trường học đạo ở *Sivas* của nhà vua *Seldiukides* lập ra.

Tự khi Giám-quốc *MUSTAPHA KÉMAL* chủ-trương việc nước, thời đem những tư-tưởng duy-tân truyền-bá trong nước, phá đổ những thiên-kiến hủ-lậu, nên không có kiêng-ky gì về sự hình-dung mặt người ra tranh ra tượng. Nhân đó những tranh những tượng của Giám-quốc xuất-hiện ra vô-số. Tuy-nhiên lối mỹ-thuật cũ vẫn còn thịnh trong nghề dệt thảm, có tiếng nhất là ở *Smyrne, Angora, Oushak*, v. v. — Nghề âm-nhạc cũng như nghề kiến-trúc, xem ra chịu ảnh-hưởng của Ả-rập và Ba-tur nhiều; phần nhiều là lối âm-nhạc của bình-dân, đồ nhạc-khi ít lắm: cái sáo, cái trống tiểu-cổ, cái nhị kéo, cái đàn cầm, v.v.. Có một bài quốc-ca, đặt theo tên Giám-quốc, là « *Ké-man hành* ».

TUỒNG-HÁT LỐI MỚI

LÃO AN THIẾU HOÀI

Chương-trình

Một ông cụ đồ đêm đêm ra sông câu, gặp một nhà văn-sĩ cũng hay ra đó ngâm thơ ngoạn cảnh, hai người lấy làm tương-đắc, đêm đêm ngâm vịnh, làm cho bọn thuyền chài bọn mò cua ở bên sông cũng phải thích, đều đến cầu xin học lối ngâm thơ.

Nhà văn-sĩ một hôm theo lệ thường ra chờ mãi không thấy ông cụ đồ, ngồi một mình buồn rầu kể chuyện, câu chuyện thú-vị, lọt tai một mĩ-nhân, vì mĩ-nhân vừa đặt một đĩa bẻ, toan ra sông bống mát, nhân khi chông đi vắng, nghe thấy câu chuyện tình véo-von mà mê nhau, vì thảng bé nó khóc, mà phải hẹn-hò đến tối sau tự-tình.

Tối mai nhà văn-sĩ nóng lòng sốt ruột, ra trước chờ mĩ-nhân, xa xa thấy bóng người, vội lên tiếng kể chuyện, nào ngờ bà cụ đồ ra tìm chông có việc cần, bỗng nghe thấy tiếng hát, tưởng là ông cụ đồ mắc tình với cô nào, liền ồ! máu ghen, tưởng làm giặc người con gái kể chuyện đáp lại, xem tình-ý ông cụ đồ ra sao. Đến khi đôi bên gặp nhau thì ra làm cả, mới bến lữa.

Đến khi mĩ-nhân ra thấy bóng ông cụ đồ ngồi câu, ngỡ là văn-sĩ đợi mình, lên tiếng kể chuyện, cụ đồ đương ngồi câu lóng nghe tiền vát cả cần câu lẫn bầu rượu túi thơ, ra kể chuyện phong-tình đáp lại, hai bên gặp nhau, mới biết là lầm, rồi cùng bẽ-lữa mắng cãi nhau.

BÀI-TRÍ

Cảnh sơn-thủy đêm trăng.

LỚP THỨ I

Cụ-đồ đeo bầu rượu túi thơ, vác cần câu đi câu, nói lối:

Tôi vốn là nhà lão-học; ngán vì nước đục đi câu. Nhuốm tuyết sương chốc đã bạc đầu; ngán non nước tỏ màu xanh mắt. À như lão trót sinh

lên trái đất; thú vui riêng chiếm bầu trời. Buồng cần câu trúc gieo mỗi, dăng sợi giầy tơ bắt cá. Thế mà lão vẫn ăn chơi ra phá, luống hầy còn thanh-thả ngồi câu. Từng trái bao gió mát trăng thâu; vẫn đứng-đỉnh rượu bầu thơ túi. Nào lão đi ra sông câu chơi đã nào.

Ra ngồi câu nói:

— Vậy lão có câu thơ rằng (ngâm thơ bát-cú):

Ầm-ầm trận nước rộn non sông,
Một lão ngồi câu đợi nước trong;
Bùng mắt chưa đen lòe chỉ thắm,
Phờ đầu đã trắng sóa hoa bông;
Dây sừng như dạn đàn con đò,
Tựa nguyệt còn mơ gái má hồng;
Cần trúc gieo mỗi ông sống mãi.
Tha-hò cá nước vũng trời đồng.

Ngâm thông:

Lông-bông,
Thạch-bàn sóng vỗ lông-bông,
Một ông Lã Vọng mom sông gieo mỗi.
Lơ-phơ tóc bạc da mồi,
Tay buồng cần trúc còn ngồi câu trắng.
Một đàn cá nước thung-thăng,
Bắt con cá vược cá lẳng mang về.
Gió trăng lưng túi đề-huê,
Tuyết ngăn cửa động hoa kê đỉnh non.
Thần già chứt phận con con,
Sợi tơ ràng buộc nước non một gông.
May nay gặp hội cá rồng,
Khuyến người tuổi trẻ nhẹ bằng
giang-san.

Vợ chông thuyền chài ra hát giọng dò đưa:

(Y ý y) con sông hồ ngọn nước
(y ý y) ngọn nước cuốn quanh, (y ý y)
con thuyền như chiếc lá (y ý y) trên

mặt ghềnh (y ý y) trên mặt ghềnh
nhấp-nhò ; (y ý y) vợ chồng ta (y ý y)
ngang dọc (y ý y) ngang dọc con đò.
(Láy, y ý y) khi buông tay lưới (y ý y
mấy) khi đưa tay chài ; (y ý y) long-
lanh kia ngăn nước (y ý y) ngăn nước
in trời. (Láy, y ý y) trắng trong (có
bên) gió mát (y ý y) tuyết vời
thanh-tao ; (y ý y) anh đứng mũi (y
ý y) cho em (bên) chịu sào. (Láy,
y ý y, mấy) khi ra bến nước (y ý y,
mấy) khi vào mom sông ; (y ý y) lúc
đêm thanh (y ý y) vui vợ (y ý y) vui vợ
(bên) vui chồng.

*Bắt sang giọng hát giâm dò, (nghĩa là phải
mở hò « giò khoan », giọng hát rất mau và
vui-vẻ non-nao, không thư-từ như giọng trên
đây) :*

Vui vợ vui chồng (khoan giò khoan),
loan ôm lấy phượng (giò khoan), mấy
phượng bông lấy loan, (khoan giò
khoan). Xông-pha ngọn suối (khoan
giò khoan), ngọn suối chân ngàn (giò
khoan), thuyền đà đậu bến (khoan giò
khoan), mấy mặt làn trắng gieo (giò
khoan). Khoan khoan tay bắt (khoan
giò khoan), tay bắt mái chèo (giò
khoan), tay bẻ mái chèo (khoan giò
khoan), tay gác mái chèo (giò khoan),
tay bỏ mái chèo (khoan giò khoan,
giò khoan, giò khoan, khoan khoan
khoan.)

Nói :

—Hừ,đêm hôm thanh vắng, có tiếng
người ngâm thơ ở mom sông hay lạ,
vợ chồng mình thử chèo thuyền lại qua
đó xem nào.

« Hả cả »

Hai chị em cô bắt cua ra kể truyện :

Chị em xuống bể mò cua,
Lên rừng hái quả mơ chua mang về.
Tay giâm tay rỏ dề-huê,
Bắt con cua gạch đem ghè nấu canh.
Canh cua vừa ngọt vừa lành,

Giỏi tay tra mằm tra hành thời ngon
Chị em đương tuổi còn son,
Mò cua thắt dây đã tròn lưng ong.
Lấy ai cho đáng tấm chồng,
Cây ông nguyệt-lão xe vòng giầy to
Kéo còn nay đợi mai chờ,
Kén canh chọn cá bao giờ cho xong!

Nói :

—A chị em ta hãy đi lại đàng bến sông
này ta mò cua đi.

(Hạ)

Nhà văn-sĩ ra nói lời :

— Tôi vốn nhà văn-sĩ ; miền son-thủy
dạo chơi. Trăng thanh gió mát tuyết
vời, ngăn nước bầu trời như vẽ ; đêm
một mình vắng-vẻ, thơ lưng túi dề-huê,
dưới bóng trăng thấp-thoảng ngồi kè,
sắn vách đá ngâm dề mấy chữ.

Ngâm thơ từ-tuyệt :

Đua đuổi phong-trào lúc trẻ măng,
Nghiêng bầu non nước lưng-lơ trắng;
Đêm thanh cảnh vắng ai cùng bạn,
Sấn bước thang mây hỏi chị Hằng.

Cụ dờ ngồi lóng nghe nói :

—Hừ lạ thật ! đêm hôm khuya-khoắt,
có tiếng nhà văn-sĩ nào ngâm thơ hay
tuyệt, âu là lão thử ngâm họa lại một
bài xem sao.

Ngâm họa thơ từ-tuyệt liên-chí :

Sấn bước thang mây hỏi chị Hằng,
Dề bằng ông Cuội gốc đa chằng ;
Cuội già già sọc lì gan đá,
Tuổi trẻ thì thơ kém chằng bằng.

Văn-sĩ nghe nói lời :

—A lạ thật lạ thật, mà may sao may
sao ; đêm khuya trăng đã lưng cao,
nghe tiếng cụ nào già cả, giọng văn-
thơ kỳ-lạ, lời đánh đá sỏi-sánh. Âu
cụ này nghe cũng đành-hanh, chắc
người ấy chơi đã lữa-lạc. Ủ ta thử đến
nơi xem nào,

Đến chào :

— Thưa chào cụ.

Cụ đồ bưng mắt nom hỏi :

— Chớ bác nào bác này ? Liệu đo thơ được với lão chẳng, mà đến đây ngâm thơ ngâm thần làm vậy.

Văn-sĩ nói

— Dạ thưa cụ, kẻ hậu-sinh này, có dám đâu thi thơ được với cụ, song cũng có theo đòi nghiên bút, giờ thấy cảnh trăng trong gió mát, nước rộng non cao như thế này, cũng có thể họa được một vài vắn, dạ thưa cụ.

Ngồi ngâm tiếp thơ liên-chị :

Tuổi trẻ thi thơ kém chẳng bằng,
Đề thơ gọi nguyệt chỉ còn hăng ;
Hỏi thăm ông cụ chừng bao tuổi,
Thơ-thần ngồi chờ cá đớp trắng.

Cụ đồ ngâm tiếp thơ liên-chị :

Thơ-thần ngồi chờ cá đớp trắng,
Xìa đàn cá nước chạy thung-thăng ;
Khuyên ai tuổi trẻ đừng hăng-hái,
Hãy ngắm cần tre sợi chỉ chẳng.

Văn-sĩ nói lối :

— Dạ thưa cụ, tuổi trẻ vẫn từng hăng-hái, cụ già tỏ ý khuyên-răn ; nhắc nghe như gọi tinh-thần, khiến-húng càng vui phong-cảnh. Dạ thưa cụ.

Ngâm :

Tinh-cờ gặp cụ Thiếu-lăng,
Câu thơ ngợi tuyệt ngâm trắng cũng kỳ.

Cụ đồ ngâm :

Tinh-cờ gặp bạn tương-tri,
Giọng thơ Lý Bạch li-kỳ thanh-tao.

Văn-sĩ ngâm :

Nước non một dải thanh cao,
Khách đã gặp khách hoa chào gió đồng.

Cụ đồ ngâm :

Hiên-thai nước cuốn non chông,
Bạnvừa gặp bạn trắng lồng bóng gương.

Khi cụ đồ và nhà văn-sĩ đang ngồi ở tầng đá ngâm vịnh thì vợ chồng thuyền-chài và chị em cô bắt cua cũng ra nghe rồi bảo nhau :

Anh Thuyền-chài nói :

— Ô hay lạ thiệt, giờ đang lúc đêm khuya thanh-vắng, mà không biết có tiếng ai ngâm-ngợi ở quãng trên sông này, giọng ngâm thơ nghe hay tuyệt, nghe như hai người xướng-họa với nhau ấy, a mợ chài.

Chị thuyền-chài nói :

— Vợ chồng mình có cái phong-cảnh sơn-thủy này, mà ngoài giọng hát hò-đưa đậm-đờ ra chẳng biết điệu thơ gì cả, giờ nghe thấy giọng ngâm thơ hay tuyệt, sao cậu chài không cùng tôi, ta lại học lấy điệu ấy, để về lúc đêm thanh vợ chồng ngâm với nhau có thú không, a cậu chài ?

Chị em cô mò cua nói :

— A vợ chồng bác chài, chị em tôi vẫn bắt cua ở bến sông này, mà chưa được nghe thấy giọng ngâm thơ hay thế bao giờ, giờ vợ chồng bác lên học, cho chị em tôi cũng theo lên học với, để về khi bắt cua ngâm ngợi chơi, a bác chài.

Bốn người cùng rủ nhau lên chào.

Cụ đồ hỏi :

— Anh chài và các chị đi đâu ? hỏi gì lão đấy ?

Vợ chồng thuyền-chài nói :

— Dạ thưa cụ-đồ và bác khóa, chúng con là vợ chồng thuyền chài, nghe tiếng cụ và bác khóa ngâm thơ hay lắm, vợ chồng con muốn học lấy cái điệu đó, để về khi đêm thanh-vắng, gió mát trăng trong, vợ chồng ngâm-ngợi với nhau cho nó hả dạ, thưa cụ.

Cụ đồ nói :

— À vợ chồng bác chài, mà cũng muốn học làm thơ, ư thì lão dạy cho một bài, tả về cái cảnh thú thuyền chài, để về mà ngâm-ngợi nhé.

Cụ đồ ngâm thơ từ-tuyệt :

Một vũng trăng in nước lộn trời,
 Một thuyền một lái dạo chèo bơi ;
 Vợ chồng vui-vẻ đêm thanh-vắng,
 Cá nước duyên ưa sượng nhất đời.

Vợ chồng thuyền chài ngâm theo sai mất mấy chữ :

Một vũng trăng in đánh đờ trời,
 Một thuyền một lái lộn tùng bơi ;
 Vợ chồng vui-vẻ đêm ăn mẩm,
 Cá nước duyên ưa sượng nhất đời.

Sau vợ chồng cùng ngâm lại đượ: đúng điệu mỗi người một lượt rồi nói :

— Dạ thưa cụ, vợ chồng con học thuộc rồi xin cảm ơn cụ.

Hai chị em cô bắt cua nói :

— Dạ thưa cụ, chị em con đi bắt cua, cũng muốn xin cụ một bài thơ, để khi chị em bắt cua, mà ghêu-ngao cho đỡ buồn, thưa cụ.

Cụ đồ nói :

— À chị em cô bắt cua, mà cũng muốn học ngâm thơ, ừ thì lão cũng dạy cho một bài, tả cảnh đi bắt cua nhé.

Cụ đồ ngâm thơ từ-tuyệt :

Chị em xuống bèo dạo mò cua,
 Bắt cái cua kềm nẹp cửa vua ;
 Vua bếp ban cho thanh kiếm trúc,
 Ra tay vùng-vẫy khắp giang-hồ.

Chị em cô bắt cua ngâm theo sai mất vài chữ:

Chị em xuống bèo dạo vò cua,
 Bắt cái cua kềm xộp-xộp vua ;
 Vua bếp ban cho canh trứng cá,
 Ra tay vùng-vẫy khắp hàng bờ.

Sau chị em ngâm lại mỗi người một lượt cùng đúng điệu, nói :

Dạ thưa cụ chị em con cũng học thuộc rồi, xin cảm ơn cụ.

Khi đó nhà văn-sĩ thấy hai chị em cô bắt cua xinh đẹp và sáng-láng muốn buông lời trên cột, ra nói ngoài :

— Hừ, nghĩ như cái cảnh giang-hồ sông nước cũng thú thật, đến cả vợ

chồng anh thuyền-chài, chị em cô bắt cua, cũng thích học ngâm thơ, thì cái cảnh thú đó biết thế nào.

Gọi :

— Nay hai cô bắt cua, thơ cụ đồ thì hay thật, nhưng cụ già mất rồi, nếu hai cô có học thơ của tôi mới đúng điệu như tôi với hai cô chớ.

Ngâm :

Cụ già hay giọng chơi chùa,
 Trẻ chơi bạn trẻ đừng đua với già.

Cô bắt cua chị ngâm :

Thôi đừng gheo nguyệt trêu hoa,
 Văn thơ phải có giọng già mới đánh.

Cô bắt cua em ngâm :

Cần chi tuổi trẻ đầu xanh,
 Văn già càng lũa giọng tình càng hay.

Anh thuyền chài nói :

—Thôi thầy khóa ạ, thầy là người văn-sĩ, thầy chớ có trêu cột hai cô bắt cua làm gì, kéo cua nó sắc càng lắm đấy.

Ngâm :

Tình không ăn ớt mà cay,
 Chồng cua của cướp lỗ tay mắc càng,

Văn-sĩ có ý then rồi, vợ-chồng thuyền-chài và hai cô bắt cua cùng chào hạ.

Văn-sĩ nói :

—Dạ thưa cụ đồ, giờ đêm đã khuya rồi, xin cụ về nghỉ, con cũng xin chào cụ con về.

Cụ đồ nói :

—Phải phải, giờ xin hãy về nghỉ, từ nay trở đi, tối nào ta cũng lại ra chơi đây, mà ngâm-vịnh với nhau kéo hoài mất cái phong-cảnh sơn-thủy tốt đẹp này, a văn-sĩ. (Cả hạ)

LỚP THỨ II

Tối hôm sau văn-sĩ theo lệ thường ra bờ sông, thấy vắng cụ đồ, đứng ngơ-ngẩn nói ngoài :

— Hừ, từ hôm mình ra đây ngoạn cảnh, bỗng gặp ông cụ đồ ngồi câu,

hai người ngậm-vịnh với nhau, một già một trẻ, vẫn lấy làm tương-đắc, mà nay mình ra tới đây, lại vắng ông cụ đồ, làm cho mình thơ-thần thần-thơ, rõ là buồn-bực quá; vậy mình hãy thử ngậm một câu thơ đối-cảnh hoài-nhân cho đỡ buồn vậy nào.

Ngâm thơ tứ-tuyệt:

Non nước khen ai khéo vẽ-vòi,
Trăng in ngần nước nước in trời;
Bạn chơi trăng trước nay đâu vắng,
Mái tóc hoa dâm nửa nhớ người.

Ngâm thông:

Mặt ghềnh lác-đác sương rơi,
Ngâm thơ trong tuyết nhớ người dưới
trăng,
Nôi mình trăng biết hay chăng?
Trăng còn lững-thững một vầng trên
không,

*Đương khi nhà văn-sĩ ngâm thơ, thì có một
mỹ-nhân dắt đứa trẻ con ra đứng lóng nghe rồi
nói ngoài:*

— Ô lạ thật, đêm thanh cảnh vắng,
nước mát trăng trong, mình vừa toan
ra sông hóng mát, mà bỗng nghe tiếng
ai ngâm thơ, đối-cảnh hoài-nhân,
nghe ra tao-nhã lắm, tiếng vàng sang-
sáng, như rót vào lỗ tai, làm cho mình
khó chịu cả người; và bây giờ cậu nó
lại đi vắng, ầu là mình thử ra tận nơi,
xem người thế nào, mà giọng tình
véo-vọng như vậy.

*Tay dắt đứa trẻ lững-thững, ngâm bông-
mạc sa-mạc:*

Trăng đứng trên không, trăng cũng
trên không, đêm đêm lững-thững bóng
trăng lờng; nay trăng đứng sững, mai
trăng lững-thững, nay trăng lững-lo,
mai trăng lo-lững, lo-lo lững-lững,
hỏi nào chông tôi đâu?

Sa-mạc:

Hoa dâm nhuộm nửa mái đầu,
Đố ai gỡ mối tơ sầu cho khuây!

Văn-sĩ nghe nói:

— A lạ thiệt, khi trước mình thăm
hỏi chị Hằng-Nga, bỗng gặp ông cụ già;
nay mình nhớ ông cụ già, lại nghe
tiếng người mỹ-nhân ngâm câu bông-
mạc sa-mạc hay quá, có dễ gặp-gỡ
duyên tình-cờ đó chăng? Thì ta hãy
thử ngậm tiếp câu sa-mạc xem thế nào.

Ngâm:

Có trăng mà lại vắng mây,
Đi trăng có biết ra đây anh tự-tình!

Mỹ-nhân ngâm tiếp:

Người xinh nghe tiếng cũng xinh,
Trăng trong thì mảnh gương tình cũng
trong.

Mỹ-nhân vừa đi vừa dắt con trẻ ra chào:

— Xin chào nhà văn-sĩ.

Văn-sĩ:

— Không dám, tôi xin chào mỹ-nhân.

Mỹ-nhân:

— À này văn-sĩ, sao mà tiếng văn-
sĩ ngâm thơ hay thế, làm cho tôi
nghe thấy mà trong mình khó chịu, đã
nhून cả ruột, mềm cả gan, a văn-sĩ.

Văn sĩ:

— Ôi chao, sao mà mỹ-nhân tiếng
đã hay, mà người mỹ-nhân coi lại
hay nữa, mỹ-nhân làm cho tôi ngỏi
không được, đứng không được, mà phải
ra đây, đó mỹ-nhân.

Ngâm:

Người đầu được vẽ má hồng,
Trách sao phận bạc vắng chông buồn
tênh.

Mỹ-nhân ngâm:

Một mình vắng-vẽ đêm thanh,
Xa chông biết ngõ mối tình với ai!

Văn-sĩ:

Vắng thông thì đã có mai,
Trăng trong gió mát nữ hoài đêm xuân

Mĩ-nhân :

Ngàn vàng một khắc đêm xi-ên,
Đã chơi dạn mặt phong-trần mà chơi.

Văn-sĩ :

Nhác coi phong-cảnh tuyết vôi,
Xem hoa thưởng nguyệt sánh người
mĩ-nhân.

Mĩ-nhân :

Quần chi trong giá trắng ngần,
Xoay chiều gió Sở mưa Tần mới ngoan.

Hai người dặt tay nhau đứng sát lại gần.
Mĩ-nhân toan bỏ rời thằng bé con ra, thì nó khóc om lên, dõ ngọt nó cũng không nghe, hễ văn-sĩ động đến tay mĩ-nhân nó lại thét gầm lên, thành ra sự ngăn-trở không làm thế nào được.

Mĩ-nhân nói :

—Thôi văn-sĩ ạ, giờ tôi hãy xin khất với văn-sĩ. Tôi cho thằng bé này nó về, kéo về nhà nó bép-sép một vài câu, thì khó cho tôi lắm; để đến mai tối trời tôi sẽ lừa nó ngủ, tôi lên ra một mình, tôi sẽ tiếp chuyện với văn-sĩ.

Văn-sĩ nói :

—Ừ thế mĩ-nhân hãy cho em nó về, giờ nó đã làm trở lỡ cái sự mình ra thế này, thì nhất-định đến tối mai, trăng lặn sao thưa, chừng độ một giờ đêm, tôi đợi ở đây, thì mĩ-nhân lại ra đây nhe, đừng sai hẹn, kéo tôi mong nhe.

Cùng điết ra về, mà hai người cùng trở g
lại ngàn tiếc rồi mới đi. (Hạ màn)

LỚP THỨ III

Đúng hẹn tối hôm sau trời tối sẫm,
văn-sĩ ra trước chờ đợi.

Văn-sĩ nói ngoài :

—Hừ, đêm qua mình gặp được mĩ-nhân, rõ may quá, chỉ cay vì thằng bé

con nó khóc, nó làm ngăn-trở việc mình, đêm nay mình đã hẹn một giờ đêm, trăng lặn sao thưa, thì mĩ-nhân ra tự-tình với mình, mà giờ còn sớm, chừng mới gần nửa đêm, ruột mình đã nóng ngay như lửa đốt, chắc mĩ-nhân đã mong đợi mình rồi đây, mình phải ra đón mới được. Kia rõ-ràng bóng mĩ-nhân đã thấp - thoáng kia rồi, mình hãy vờ kể câu truyện chơi đã.

Kể truyện :

Bóng trăng lấp-lổ bên ngàn,
Hẹn người còn đợi trăng tàn sao thưa.
Nghĩ người một nét một ưa,
Càng mong càng đợi càng chờ càng lâu.
Xiết bao gan nóng ruột rầu,
Đề ai gỡ bối tơ sầu cho xong.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Nỗi lòng ai ngổ trong lòng cho chẳng?

Bà cụ đồ đi tìm ông cụ đồ có việc cần ra
đến nơi lòng tai nghe nói ngoài :

—Quái lạ cái ông cụ đồ nhà tôi, mấy đêm nay cứ tối tối là đi mất, bảo rằng đi ra sông câu cá, mà thường suốt đêm không thấy về, giờ nghe giọng ngâm đây, thì ra lão mắc tình với cô nào rồi ấy, rõ đã già còn thích chơi trống bỏi, làm cho mình già cũng phải nổi máu ghen. Tức thế này thì chịu làm sao được! À như mình phải xử ngọt mới lọt đến xương, mình hãy giả-tảng làm ra giọng người con gái, kể mấy câu truyện đáp lại, bắt tình với lão, xem lão làm ra tình-thức thế nào, thế mẹo mình mới cao, mà lão mới mắc bọm chú.

Kể truyện :

Mặt ghèn thấp-thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung-thắng chốn này.

Đêm khuya một khắc một chày,
Nét buồn như cúc mình gầy như mai.
Những là chờ đợi một hai,

Màu sương nhuộm đã như phơi bạc
đầu.

Sông Ngân mượn thước bắc cầu,
Vì ai gõ mối tơ sầu cho ai !

Văn-sĩ lòng nghe nói :

Thôi dich mĩ-nhân đã ra đò rời.

Ngân sa-mạc :

Vì nhau thương nhớ nhau hoài,
May nay được tối trăng cài đỉnh non.

Bà cụ đồ :

Xương mai tính đã héo mòn,
Trời đã tối sẫm trăng luồn bóng mây.

Hai người cùng lại gần dắt tay nhau.

Văn-sĩ :

May sao may khéo là may,
Vì sao hoa héo hoa gầy hỡi hoa ?

Nói :

— Quái sao đêm qua tôi sờ tay mĩ-nhân thì trơn-tru mát lạnh đi, mà sao đêm nay tay mĩ-nhân lại giần-gieo thế này hử mĩ-nhân ?

Bà cụ đồ :

Nhớ ai sầu ẻo seo da,
Sá rằng em đã tuổi già bao nhiêu.

Văn-sĩ nghe nói lấy làm lạ, nghi-ngại bặt điem soi, thì ra bà cụ già :

Văn-sĩ nói :

— Ô hay cái bà cụ nào cụ này ? bà đi đâu đêm hôm lằm-cằm lằm mò thế ? Làm tí nữa tôi lằm có chết không.

Bà cụ đồ nói :

— Cái anh phải gió nào thế này, làm mình cứ nghĩ ông cụ đồ nhà mình, chẳng là thằng phải gió, trẻ không tha già không thương, là sự thế đó.

Văn-sĩ nói :

— Đây bà cụ kia, người ta con gái trẻ, người ta mới hay chơi bởi trăng gió

đi đêm, chớ bà già đã có hoa-tai, đêm tắm còn đi đầu mò-mẫm, làm cho tôi lằm, tôi vớ phải bà già, xuyt nữa thì có chết không ?

Bà cụ đồ nói :

— Cái nhà anh chết bầm anh chết vằm, anh đã đáng làm học-trò ông cụ đồ nhà tôi chưa ?

(*Hạ màn*)

LỚP THƯ IV

Mĩ-nhân ra tìm văn-sĩ nói ngoài :

— Hừ đêm qua mình gặp được một người văn-sĩ, thiệt là tình quá, chỉ nghĩ vì thằng bé con nó làm ngang trở việc mình, mình phải hẹn đến đêm nay, lừm mãi thằng bé nó mới ngủ, có lẽ bây giờ đã quá một giờ đêm rồi, chắc là văn-sĩ mong đợi mình sốt ruột lằm đó, rõ tội-nghiệp. Ấu là mình hãy lên tiếng kể câu chuyện tình, xem văn-sĩ có đợi mình, thì nghe tiếng mà lại đó.

Ngâm giọng tình :

Đêm khuya sương lạnh trăng tàn,
Nhớ người thề hẹn vượt ngàn tìm hoa.

Mơ-màng giấc mộng đêm qua,
Con chim gọi sáng tiếng gà gáy canh.

Đêm nay tình nhớ chẳng tình,
Đề mình thơ-thần một mình đêm khuya.

Chập-chờn con tỉnh con mê,
Nửa tình nửa cảnh như chia mối sầu.

Ông cụ đồ đang ngồi câu lông tại nghe, liền vút cả cần câu lẫn bầu rượu túi thơ, đứng ra nghe rồi nói :

— Ô lạ thật, đêm hôm khuya-khoắt, trăng lặn sao mờ, mà có tiếng người con gái nào kể giọng tình véo-von hay quá, làm cho lão già này cũng phải động-tình khởi-hứng, muốn xoay lại kiếp già, mà sống lấy một vài mươi năm nữa, để thưởng xuân cho thỏa

đời. Âu là lão thử buông giọng phong-
tinh một đôi câu mà đáp lại xem sao !

Ngâm giọng tình :

Chờ trăng sương nhuộm bạc đầu,
Hỏi người đợi nguyệt có sầu chăng ai ?

Thờ-ơ gió trúc mưa mai,
Một chờ hai đợi một hai với tình.

Chỉ thề nước biếc non xanh,
Quyết ra tay thử vùi cành đào tơ.

Nhân-duyên ai hẹn bao giờ,
Trách ai sao khéo hững-hờ với ai.

Mĩ-nhân lóng tai nghe nói :

— Thôi địch văn-sĩ đợi mình rồi,

Ngâm sa-mạc :

Đêm xuân e hỹ còn dài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

Cụ đồ nói :

— Hừ nghe thế là chị em bắt mồi câu
của lão rồi đó, lão tiếng già thì già,
nhưng cũng còn có thể giở ngón bán
cá bắt chim được, tội gì !

Ngâm sa-mạc :

Xa xa coi nhác bóng hồng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng ?

Hai người cùng đi gần lại với nhau.

Mĩ-nhân :

Đêm qua trót hẹn thề trăng,
Đêm nay lần bóng sao băng tìm chàng.

Cụ đồ :

Đêm qua dặn ngọc thề vàng,
Đêm nay anh phải đợi nàng dặm khuya.

Mĩ-nhân cầm lấy tay cụ đồ rồi ngâm :

Gặp nhau xót nỗi phân li,
Cầm tay sao vội gãy chia cả xương,

Nói :

— Quái lạ văn-sĩ mới cách tôi có một
đêm, mà sao cổ tay đã vội gãy vỡ, chia
cả xương ra như ông lão già thế này ?

Cụ đồ ngâm :

Xa nhau những nhớ cùng thương,
Hoa mai luống vị hạt sương hao gầy,

Nói :

— Cái đó là tại tôi nhớ mình quá, mà
xương mai hao mòn đó chi.

Mĩ-nhân nghi-ngại nói :

Quái sao văn-sĩ nhớ thì nhớ, chứ
sao xương vội gãy mà da cũng giãn-
giao như ông cụ già thế này ?

*Giơ tay sờ mặt chạm phải râu, liền bắt
điểm soi.*

Mĩ-nhân nói :

— Ô hay ông cụ nào ông cụ này ? mà
mạo-nhận là văn-sĩ, để mình làm vợ
phải !

Cụ đồ nói :

— Chớ cô nào cô này ? Con gái con
đứa, đi đêm đi tắm, sờ-soạng vợ phải
ông cụ già lại còn kêu,

Mĩ-nhân nói :

— Thế đêm khuya ông cụ còn làm-
cầm đi đâu thế ? Rõ dĩ già, dĩ già !

Cụ đồ nói :

— Thế nhà cô đi lần mò gì thế ? Rõ
bọm non, bọm non !

Hết

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

DANH - NHO NƯỚC TÀU

Trương Tải.

Trương Tải 張載 cũng là một kẻ đại-nho nhà Tống, cùng với ông Chu Liêm-Khê, hai họ Trình và ông Chu Khảo-Đình tề-danh, đời thường gọi là Liêm, Lạc, Quan, Mân. Liêm là học-phái ông Chu Đôn-Di, Lạc là học-phái anh em ông Trình Hiệu, Mân là học-phái ông Chu Hi, bốn học-phái ấy rất có ảnh-hưởng về sau. Tiên-sinh tên tự là Tử-hậu 子厚, đời đời ở đất Đại-lương. Vì cha là Trương Dịch làm chức tri Bồi-châu, chết ở chỗ làm quan, tiên-sinh thừa ấỵ còn bé không về nhà được, mới ngụ ở huyện Phương-trường, thuộc đất Quan - trung, phía nam trấn Hoành-cử, nhân đời nhà sang ở nơi ấy. Tiên-sinh thừa nhỏ ưa thích bàn nói việc binh, thậm-chí giao-kết với những khách hào-biệt, mưu cướp lại đất Thao-tây của rợ Hồ. Tuổi hai mươi một, đem binh-thu vào yết-kiến vị tiên-bối là Phạm Trọng-Yêm. Phạm biết tiên-sinh là người có chí-khí viên-dại, bảo cho rằng : « Nhà nho tự mình có chốn danh-giáo khá vui, cần gì đến sự binh ». Phạm nhân khuyên tiên-sinh đọc sách *Trung-dong*. Tiên-sinh đọc hết sách *Trung-dong*, còn lấy làm chưa đủ, lại cầu sang sách Phật, sách Lão, nghiên-cứu mấy năm, cuối cùng biết rằng sách Phật sách Lão là viên-vông vô-số-đắc, mới trở lại cầu về sách Lục-kinh. Tiên - sinh thường ngồi trên tấm da hổ giảng kinh *Dịch*, kẻ tông-học nghe giảng rất nhiều. Một hôm hai họ Trình đến thăm, cùng tiên - sinh bàn kinh *Dịch*. Tiên-sinh liền triệt - bỏ tấm da hổ thôi không giảng kinh *Dịch* nữa, có bảo với người rằng : « Hai họ Trình thâm-minh *Dịch*-đạo, ta còn kém xa ». Là ý kính-phục

hai họ Trình, mà dững-mãnh về đường tiến-học. Nhân cùng với hai họ Trình luận về cái cốt-yếu trong đạo-học, mới khoát-nhiên tự tin rằng : « Đạo ta tự đủ, lọ tìm đâu xa ». Rồi thì bỏ hết những sự học tạp-nhập của mình ngày trước đi, thuần-túy là một kẻ nho-học.

Năm Gia-hựu thứ hai, tiên-sinh đỗ tiến - sĩ, thụ chức Kỳ - châu tư - pháp tham-quân, đời chức Văn-nham-lệnh. Tiên-sinh làm chính-trị, lấy thiện-mĩ cho phong - tục làm gốc ; mỗi tháng ngày mồng một, đặt tiệc rượu, mời những người tuổi già đức tốt lại dự tiệc, tiên - sinh thân - hành vì khuyến - mời, khiến người biết cái nghĩa nuôi người già kính người trưởng, nhân hồi mọi sự đau-dớn trong nhân gian, và bảo cho các phụ-lão lấy cái ý răn dạy kẻ con em. Tiên - sinh thường bảo những kẻ tông - học rằng : « Có người nào chút để cái sự khoa-cử ra ngoài ý, mà cùng nhau theo về cái cõi vua Nghiêu vua Thuấn đấy chẳng ? » Là ý cho rằng lối học thế-tục với lối học đạo-lý thường trái ngược nhau, không thể cùng nhau cùng tiến được. Kẻ tông-học nghe tiên-sinh nói, có nhiều kẻ tin theo. Cho nên học-trò đất Quan-Trung khi ấy, có nhiều kẻ sĩ chí nh-tâm tu-thân, chẳng kém gì đất Lạc-dương là đất của hai họ Trình. Viên đại-sứ ở Vị-chung là Thái Tử-chính, đặc-biệt tôn-kính tiên-sinh, chính-sự trong quân-phủ, điều lớn điều nhỏ, đều đem tư-vấn. Tiên-sinh tán - trợ được phần nhiều. Vua Thần-tôn lên ngôi, các chế-độ đương mới-mẻ, mong được kẻ sĩ tài-triết đề-dùng. Lã Công-Trứ tiến tiên-sinh. Thần-tôn triệu vào yết-kiến, hỏi cái đạo trị nước. Tiên

sinh thưa rằng : « Làm chính mà chẳng bắt-chước đấng tiên-vương đời Tam-đại, rút cục là cái đạo cầu-thả đấy thôi. » Thần-tôn đẹp lòng, cho tiên-sinh làm chức Sùng-văn-viện hiệu-thư, Vương An-Thạch đem tân-chính hỏi tiên-sinh. Tiên-sinh đáp rằng : « Ông vui cùng người ta làm điều thiện, để cho người ta được hành-kỳ sở-học, thì người ta tự-nhiên đem cái tiếng hay lại cho ông. Nếu ông cứ dạy người thợ ngọc mài nữa hòn ngọc, thì chắc người thợ khéo chẳng chịu mệnh-lệnh ông. » An-Thạch nín lặng, dần dần chẳng bằng lòng. Gặp đất Minh-châu có cái ngục Miêu-loan khởi lên, An-Thạch cử tiên-sinh đi trị ngục. Thầy Trình Minh-Đạo có nói Trương Tải là người lấy kinh-thuật đức-nghĩa tiến-thân, không nên khiến đi trị ngục. An-Thạch thì nói tả-ánh như ông Cao Dao còn làm hình-quan trị ngục, việc ấy có hại gì. Là ý An-Thạch không muốn cho tiên-sinh ở trong triều đấy thôi.

Tiên-sinh khi xét cái ngục Miêu-loan trở về, thì bọn thầy Trình Minh-Đạo vì bất-hợp với An-Thạch đã phải ra làm quan ngoài. Tiên-sinh liền cáo bệnh bỏ chức đi, ẩn-cư dưới núi Chung-nam, mặc áo vải, ăn cơm rau, suốt ngày ngồi nghiêm-chỉnh ở trong một cái thu-thất, cúi xuống thì đọc sách, ngửa lên thì tu-tưởng, có sở-đắc về nghĩa-lý gì, thì biên chép lại cho thành sách ; hoặc nửa đêm trở dậy, đốt đuốc để viết. Tiên-sinh chỉ ở cầu đạo, tinh về nghĩ-ngợi, chưa từng có phút chốc nào trễ biết gì. Tiên-sinh từng đem lối học định-tĩnh hỏi thầy Trình Minh-Đạo. Thầy Trình đáp lại có nói rằng : « Cái tinh thường của trời đất, là đem cái tâm phổ-tế cho muôn vật, mà vô-tâm ; cái tinh thường của thánh-nhân là đem cái tinh thuận-đạt ra muôn sự, mà vô-tĩnh ; cho nên

cái học định-tĩnh của quân-tử, chẳng gì bằng cứ rộng-rãi mà chi-công, sự-vật nó đến, thì thuận lẽ mà tiếp-ứng. » Tiên-sinh cả đẹp lòng. Về sau tiên-sinh học đã thành, đức đã tôn, thường lo cho kẻ học-giả về cái bệnh cầu kiến-vấn, eho nhiều mà chẳng chuộng sức-dưỡng lấy đạo-đức, thì ra chỉ đẹp ở ngoài miệng, vui ở ngoài tai, đấy mà thôi.

Tiên-sinh thường dạy kẻ học-giả bắt đầu phải hiểu biết lễ-nghi, rồi thứ chi luyện-thành đức-tĩnh mà biến-hóa cái khi-chất đi, như là biến-hóa cái khi-chất nhu-nhược ra cái khi-chất cương-nghị, vắn-vắn. Tiên-sinh cho rằng biết đạo người mà chẳng biết đạo trời, cầu làm người hiền mà chẳng cầu làm người thánh, ấy là cái tệ lớn về bệnh cầu-thả của kẻ học-giả tự nhà Tần nhà Hán cho đến bây giờ vậy. Tiên-sinh khi-chất cương-nghị, đạo-đức thịnh-mĩ, dung-mạo tôn-nghiêm ; cùng người cư-xử, càng lâu ngày càng thân-ái ; trị nhà tiếp người, thường chính mình để cảm người ; nghe người ta có điều thiện, thì mừng rỡ hiện ra sắc mặt. Nhà tiên-sinh việc quán (1), việc hôn, việc tang, việc tế, đại-khai hay dùng cái ý đấng tiên-vương, mà châm-chước với lễ-tục đời nay ; lúc trước kẻ mới nghe hoặc có kẻ ngờ mà cười, về sau mới biết là phải mà tin theo. Phong-tục nhất-biến mà theo về cổ-lễ rất nhiều, đều là tự tiên-sinh một mình xướng-khởi. Cách mười năm, tể-trướng là Lã Đại-Phòng lại tiến tiên-sinh, được chiếu-dụ cho làm chức Tri-thái-thượng lễ-viện, nghị-luận lại bất-hợp, tiên-sinh lại cáo bệnh về nhà. Đường đi qua đất Lạc-dương vào tiếp-kiến thầy Trình Minh-Đạo, và nói rằng : « Bệnh Tải này đã nặng lắm, chắc không trở dậy nữa, nhưng may ra còn kịp về được đất Trảng-an. » Mùa đông năm ấy tháng

(1) Quán = Con trai hai mươi tuổi làm lễ đội mũ gọi là lễ quán.

mười một, tiên-sinh về đến đất Lâm-đồng, tắm gội thay mũ áo vào đi nằm. Kịp đến sáng kẻ môn-sinh lại coi, thì đã mất rồi. Nhà nghèo, không lấy gì đủ lễ tống-tàng, kẻ môn-sinh vì mua đồ quan-quách, rước tang về Fràng-an, nhất-thiết đều dùng cỗ-lễ, để trọn vẹn cái chí của tiên-sinh. Kẻ học-giả gọi là Hoành-cừ tiên-sinh 橫渠先生.

Học-thuật của tiên-sinh, lấy kinh Dịch làm tôn, lấy sách Trung-dong làm thể, truất bỏ những điều quái-vọng, biện-biệt ra lẽ qui-thần. Tiên-sinh trước, tác ra, có sách Chính-mông mười bảy thiên, vài vạn lời nói, lưu-hành ở đời. Cuối cùng lại có hai thiên, tức là hai bài minh ở hai bên cửa sổ; một là bài Biêm-ngu, hai là bài Đỉnh-ngoan; bài Biêm-ngu tức là bài Đông-minh, bài Đỉnh-ngoan tức là bài Tây-minh vậy. Thầy Trình Y-Xuyên thường nói rằng: « Ý bài Tây-minh ta cũng hiểu được ít nhiều, song ta không có bút-lực được như thầy Tử-hậu. Bài Tây-minh phát-minh ra cái thuyết lý có một mà phạm khác nhau, tiên-thánh chữa từng nói ra, cùng với lời luận tính-thiện với dưỡng-khi của thầy Mạnh-Kha cùng ngang nhau; tự thầy Mạnh về sau, thực chữa thấy ai vậy. »

Lời cách-ngôn trong sách Chính-mông tóm-tắt có những lời rằng: « Do thể thái-hư (1) mới có tên là Trời, do thể khí-hóa mới có tên là Đạo, hợp thể thái-hư cùng thể khí-hóa mới có tên là tính, hợp cái tính cùng cái tri-giác mới có tên là tâm. Quý-thần là gì? Tức là cái năng-lực tự-nhiên của hai khí âm dương trong vòng tạo-hóa, hoặc khuất, hoặc thân, hoặc lai, hoặc vắng đầy thối. Mặt trăng đối với loài người là rất gần, mặt trời thì cực xa cách ở bên ngoài, cho nên mặt trăng chịu cái ánh sáng của mặt trời, cái ánh sáng mặt trời

thường ở bên ngoài chiếu vào; người ta xem mặt trăng, bắt đầu như cái lưới câu cong, kịp dần dần thì như nửa hòn ngọc bích vậy. Ấy là chứng-nghiệm về cái thể khuy-doanh của tạo-hóa. Nước nào nhiều kẻ hiền-tài xuất-hiện, ấy là nước ấy sắp-sửa thịnh; họ nào có con cháu khá, ấy là họ ấy sắp-sửa lớn. Cái tính là một cái nguồn gốc của muôn vật, chẳng phải là riêng được của một mình ta; duy bậc hiền-nhân là hết được cái đạo làm người đứng trong trời đất, cho nên đứng tất đứng vững, biết tất biết rộng, yêu tất yêu gồm cả các loài, hay chẳng hay riêng lấy một mình. Người ta có cái hình rồi sau mới có cái tính khi-chất, khéo tu thì cái tính của trời đất phú cho còn; cho nên cái tính khi-chất kia, quân-tử không nhận là tính vậy. Kẻ có đức, nói ra tất có lời đáng dạy người, cử-động tất có pháp-độ. Ban ngày tất có sự-nghiệp khá làm, ban đêm tất có lý-thú khá tưởng, thờ một cái tất có hàm-duỡng, chớp mắt một cái tất có giữ-gìn. Sự khôn-nhục không phải là lo, tự mình làm ra khôn-nhục mới là lo; sự vinh-lợi không phải là vui, tự mình quên vinh-lợi đi mới là vui. Cái cung uốn mãi rồi sau mới mạnh, con ngựa tập mãi rồi sau mới hay, kẻ sĩ tất học mãi cho tinh-thâm rồi sau mới cầu có tri có tài. »

Cách-ngôn trong bài Tây-minh tóm-tắt có những lời rằng: « Trời gọi là đạo cha, đất gọi là đạo mẹ, ta là đàn con bé nhỏ hỗn-hợp mà ở giữa. Cho nên cái khí âm-dương sung-mãn trong trời đất tức là cái thể của ta, cái đức kiện-thuận chủ-tể trong trời đất tức là cái tính của ta, dân tức là kẻ đồng-bào với ta, muôn vật tức là bạn ta vậy. Trời đất cho ta được giàu sang hạnh-phúc, là toan phong-hậu cho ta về

(1) Thái-hư = Cũng như thái-thành.

đường nuôi cái hình xác vậy ; trời đất bắt ta phải nghèo khổ lo nghĩ, là dùng mài rũa cho ta để thành-lập lấy tinh-thần vậy. »

Tạ Lương-Tá

Tạ Lương-Tá 謝良佐 là học trò hai họ Trinh, tên tự là Hiền-đạo 顯道, hiệu là Thượng-thái 上蔡, người đất Thọ-xuân. Kỳ-thủy học về lối ký-tụng rất là quảng-bác. Kịp khi vào yết-kiến thầy Trinh Minh-Đạo, thầy Trinh đem mười bảy bộ sử và sách khác nữa ra thử hỏi, thì nhớ cả chẳng sót một chữ nào. Thầy Trinh răn bảo cho rằng : « Hiền-đệ ghi nhớ được nhiều thay ! Nhưng khá gọi là một kẻ ngoạn-vật mà tàng-chí(1) ! » Tiên-sinh nghe thầy Trinh nói, mờ-hỏi toát ra ướt đầm cả lưng, và mặt phát đỏ. Thầy Trinh mới nói rằng : « Đó là cái lương-tâm trặc-ẩn của nhà ngươi phát-hiện ». Một hôm thầy Trinh lại bảo cho rằng : « Lũ nhà ngươi theo ta học-tập, chỉ là học về bề ngôn-ngữ của ta, cho nên ngoài miệng với con tâm chẳng tất đã phù-hợp nhau, sao chẳng đi về mà thực-hành đấy chẳng ! » Tiên-sinh hỏi thực-hành về điều gì trước. Thầy Trinh bảo rằng : « Nhà ngươi hãy bắt đầu thực-hành về sự tĩnh-tọa. » Tiên-sinh về nhà quả-nhiên cả có số-đắc về đường bồi-đưỡng đức-tính.

Tiên-sinh khi đã đô tiến-sĩ, lại về thờ thầy Trinh Y-xuyên làm thầy. Sau thầy trò từng cách-biệt nhau một năm, khi lại đến yết-kiến thầy Y-xuyên, thầy Y-xuyên hỏi rằng : « Bảy lâu nhà ngươi học-vấn sở-tiến thế nào ? » Tiên-sinh thưa rằng : « Tôi bảy lâu chỉ bỏ được một chữ căng đấy thôi. » Thầy Y-xuyên lấy làm mừng lắm. Chợt có người môn-sinh là Chu Quang-Đình lại yết-kiến.

Thầy Y-xuyên trở bảo Quang-Đình rằng : « Người ấy thật là người có học-vấn tư-tưởng thiết-cận ». Kịp tiên-sinh đi về nhà, người bạn học là Doãn Đôn đi tống-tiên, có hỏi tiên-sinh rằng : « Bác lấy điều gì để dạy tôi ? » Tiên-sinh đáp rằng : « Lũ ta sớm chiều theo thầy, thấy thầy làm việc gì thì học, nghe thầy nói điều gì thì ghi ; ví như người uống vị thuốc Ô-dầu, đương lúc uống thì sắc mặt tươi đẹp, sức gân mạnh-mẽ ; nhất-đán cái sức của vị Ô-dầu ấy hết đi, lúc ấy thì làm thế nào ? » Là ý cho rằng công-hiệu học-vấn thường ở về lúc cách xa thầy. Doãn Đôn trở về đem lời ấy bảo với thầy Y-xuyên. Thầy Y-xuyên nói rằng : « Người ấy đáng gọi là người ich-hữn vậy. »

Tiên-sinh ngày trước thường khổ về cái bệnh hay khiếp-sợ, tức-khắc hàng ngày luyện-tập ở những chốn nguy-hiểm, rồi cái bệnh khiếp-sợ dần dần tự-nhiên mất đi. Lại hàng ngày làm ra quyển sổ nhật-khóa, ghi chép những điều ngôn-ngữ hành-động của mình, để tự xét mình. Cùng thầy Du-Tạc, thầy Lã Đại-Lâm, Thầy Dương Thời, cùng ở cửa họ Trinh, đời gọi là « Trinh-môn tứ tiên sinh. »

Tiên-sinh bắt đầu ra nhận chức Tàn-châu giáo-thụ, viên đại-súy đất ấy là Lã Đại-Trung, thường thân-hành xe ngựa đến thăm. Tiên-sinh vì họ Lã giảng sách *Luận-ngữ*. Họ Lã tất chỉnh tay áo ngồi nghiêm-kính, và nói rằng : « Ngôn-ngữ của thánh-nhân ở đó, ta chẳng dám chẳng kính. » Sau đời chức Ứng - thành - lệnh. Năm Kiến - trung, thăng chức Thư - cục trưởng - quan, chẳng đến yết-kiến kẻ chấp-chính. Hoặc có người khuyên nên đi yết-kiến để lấy lòng kẻ chấp - chính. Tiên - sinh nói

(1) Ngoạn-vật tàng-chí = Ngoạn-thưởng cái vật ngoài, làm hoại mất tâm-chí

rằng : « Kể kia sao có thể đào-trú được ta, tự có mệnh trời. » Tiên-sinh lúc chữa thi đỗ, có nằm mộng thấy mình vào trong nội-dình, mà chẳng thấy vua, chỉ thấy thái-tử khóc-lóc. Kịp khi đỗ tiến-sĩ, thì vua Thần-tôn vừa mất, vua Triết-tôn vừa nối ngôi. Tiên-sinh thường nhắc lại cái mộng ấy để bảo học trò, và nói rằng : « Phàm sự đều có mệnh trời, sức người ta không so kể nổi, người ta tất phải có điều tin cho chình-đáng, biết tin mệnh trời, mới nuôi được cái khí cứng-mạnh, gặp khi hoạn-nạn mới không tảo-chiết. » Sau ra nhận chức giám Tây-kinh trúc-mộc-tràng, vì đảng tiểu-nhân ghen-ghét, bị tội, phế-truất làm kẻ bình-dân. Tiên-sinh khi cách chức về nhà, thường bảo kẻ học-giả rằng : « Kể học-giả nên thấu-phá được cái cửa lợi-danh, mà cùng-lý tận-tính, mới có thể mong vào cõi thanh-hiền được ; không thể thi trờng ra tiền-đồ thấy những hiểm-trở, mà đối với mùi đời vẫn bằng đường như mất như còn. » Tiên-sinh làm người cao-minh trác-tuyệt, ngôn-luận rộng lớn, khéo khải-phát cho người. Sở trước-thuật sách *Luận-ngữ thuyết*, và sách *Ngữ-lục* là sách của môn-sinh ghi chép ngữ-ngôn của tiên-sinh thuở bình-nhật.

Tiên-nho có lời luận tiên-sinh rằng : « Ôi ! Cứng là gì ? Cứng là cái khí kiêu và đầy. Khí âm khí dương, khí nào quá đầy thì thời-tiết vì ngang trái, trời đất còn như vậy, nữa là người đầy ư ! Cho nên kẻ cứng về tài-sản là phường thị-tính, kẻ cứng về trước-lộ là phường bỉ-phu, kẻ cứng về công-danh là đồ bá-thuật, kẻ cứng về học-thức là đồ hủ-nho. Đến như thầy Nhan Hồi tự coi mình có cũng như không, vua Nghiêu vua Thuấn coi cái ngôi mình như một đám phù-vân ở trên cõi thái-hư thì có cứng gì đó dư ! Thầy Y-Xuyên khen tiên-sinh là có học-vấn thiết-cận, thầy Minh-Đạo bảo tiên-sinh là đủ đảm-

nhiệm sự đời, chừng là vì rằng tiên-sinh đã bỏ được một chữ căng vậy. »

Hồ An-Quốc

Hồ An-Quốc 胡安國 là một người nho-giả tiền-thoái rất hợp-nghi về hồi vua Cao-tôn tránh giặc Kim chạy sang sông, triều Nam-tống. Tiên-sinh tên tự là Khang-hầu 康侯, người đất Sùng-an. Kỳ-thủy du-học ở nhà Thái-học, người học-sinh đồng-nghiệp là Ngân Tài-Chi học được môn học họ Trình, tiên-sinh theo Tài-Chi giảng-luận, rồi lại cùng với lũ học trò họ Trình là Dương Thời, Du Tạc, Tạ Lương-Tá, chư-hiền giao-du, vì có kỹ học được chính-truyền của phái đất Y đất Lạc. Năm Thiệu-hung thứ tư thi tiến-sĩ, bài sách thi đã đặt vào hạng đệ-nhất, tể-tướng là Trương Đôn lại đem truất-lạc không lấy đỗ nữa, vì ý đầu bài ra thì muốn tôn-sùng đảng Vương An-Thạch, mà lời đối của tiên-sinh không có lời gì chèn đến đảng Tư-Mã Quang, cho nên bị truất. Kịp vua Triết-tôn khen là phải mới thân bút phê đồ thứ ba, bổ chức Thường-châu phán-quan, cải chức Kinh-môn giáo-thụ, thăng chức đề-cử Hồ-bắc học-sự, liền cải sang Hồ-nam. Tiên-sinh đến đâu, tất tìm-tòi kẻ nhân-tài, hỏi xét sự lợi hại của dân, sự tuyền-cử tất theo công-luận. Tể-tướng là Thái-Kinh vốn ghét tiên-sinh không chịu a-đẳng với mình, cải làm chức Nam-bắc đề-bình, khiến đi trị ngục khó-nhọc, rồi lại vu tội, tước sổ sĩ-hoạn. Ít lâu kẻ đài-thần vì tiên-sinh thân-oan cho sự trước, lại được phục quan-chức. Năm Chính-hòa nguyên-niên triều vua Huy-tôn, cử làm Thành-đô học-sự, tiên-sinh vì có nuôi cha già từ chức. Năm Tuyên-hòa nguyên-niên, cử làm chức Đề-cử Giang-đông học-sự, chữa nhận chức mà người cha mất, lại cáo bệnh từ chức ở nhà chung-tang, bảo với học trò rằng : « Nay đâu có bổng-lộc muôn chung

toan để làm gì. » Liền làm nhà ở ven
mả người cha, ra ở đấy thân-hành cây
ruộng lấy ăn, đối với mùi đời, tỏ ra ý
đạm-bạc. Năm Tĩnh-khang nguyên-
niên, cử làm chức Thái-thường thiếu-
khanh, và chức Khởi-cư-lang, thủy-
chung đều chẳng tựu-chức. Vua Huy-
tôn có chỉ-dụ bắt phải đến kinh, một
hôm triệu vào yết-kiến. Tiên-sinh tâu
rằng : « Phàm đấng minh-quân nên
lấy sự hiếu-học làm kíp, mà sự thánh-
học phải lấy điều chính-tâm làm cốt,
xin cử những kẻ danh-nho hiểu về cái
gốc trị-quốc bình thiên-hạ, để làm cố-
vấn. » Tiên-sinh thấy thời-sự ngày càng
hư nát, lại tiến-ngôn rằng : « Hiện nay
kỷ-cương rối-loạn, phong-tục suy-đồi ;
kẻ đại-thần vì tranh-cạnh nhau mà sinh
ra bè-đảng, bách-quan vì xu-phụ về
thế-lợi, mà sinh ra gièm-phiá ; dùng
người không chính-đáng mà danh-
mệnh của triều-đình càng khinh rẻ ;
chính-lệnh nay canh mai cải, mà dân
chẳng tin, nếu chẳng quét trừ những
tệ cũ, sửa đổi ra phép hay, sợ rằng đại-
thế của quốc-gia nhất-đán nghiêng đổ,
thì không thể cải-chính được nữa. »
Vua Huy-tôn lấy làm khen, gặp viên
trung-thừa là Hứa-Hàn lên đối-sự, vua
hỏi : « Nhà người có biết Hồ An-Quốc
không ? » Hứa-Hàn thưa rằng : « Tự
khi người Thái Kinh đắc-chính, sĩ-đại-
phu trong triều phần nhiều người vô-
sĩ, cái người cao gót lạnh xa, chẳng
bị đảng Thái Kinh làm ô-uế, thì chỉ có
một người là Hồ An-Quốc đấy thôi. »
Huy-tôn than-thở hồi lâu, liền cử tiên-
sinh làm chức Trung-thư xá-nhân, đặc-
tứ tam-phẩm-phục. Khi ấy Cảnh-Nam-
Trọng là người đương dụng-sự, nghe
lời nghị-luận của tiên-sinh rất lấy làm
ghét. Viên Trung-thư thị-lang là Hà-
Lật a-phụ với Nam-Trọng, cùng tiên-
sinh nghị-luận chính-sự, có nhiều chốn
bất-hợp, làm điều kinh-hãi mà nói
rằng : « Người ta thường nói kẻ sĩ sơn-
âm chẳng thể dùng được, quả thế ! »

Là ý phỉ-báng tiên-sinh. Gặp khi
Phùng Giải hặc Lý Cương, Lý phải bãi-
chức. Lý là người quân-tử có tài-năng,
Phùng vốn là kẻ tiền-nhâu, tôn-sùng
lối học Vương An-Thạch. Tiên-sinh
bênh-vực cho Lý mà chỉ-trích Phùng
Cảnh-Nam-Trọng cả phát-nộ, liền tìm
kẻ đuổi tiên-sinh. Tiên-sinh mới phải
đi ra làm chức tri Thông-châu.

Tiên-sinh ở trong triều, nghị-luận
phát-biểu ra có nhiều điều. Hoặc có
kẻ khuyên tiên-sinh rằng : « Sự đời
đương bời-rối, đối với sự nhỏ hăng nên
bỏ đấy. » Tiên-sinh nói rằng : « Phàm-
sự, sự gì là chẳng khởi ở chốn tế-vi ; nay
cho sự nhỏ là bất-tất nói, gặp đến sự
lớn lại chẳng dám nói, thế là không có
lúc nào khá nói vậy. » Tiên-sinh đã tự
trong triều đi ra ngoài, mới được hơn
mười ngày, người rợ Kim tiến quân
đến vây Biện-kinh. Lúc ấy con tiên-
sinh là Hồ Dần, bị vây ở trong thành.
Hoặc có kẻ vì tiên-sinh lấy làm phàn-
nàn. Tiên-sinh thở dài nói rằng :
« Quốc-gia đến lúc này, kẻ sĩ-phu
muốn phàn lòng trung-ái, mà còn lo
không có đường, dám nghĩ đâu đến
con. » Từ đấy Biện-kinh bị giặc Kim
chiếm-cứ, nhà Bắc-Tống mất. Vua Cao-
tôn lên ngôi ở Nam-kinh gọi là nhà
Nam-Tống. Hồi ấy sĩ-phu ở chốn trung-
nguyên đều tránh nạn sang sông, tiên-
sinh cũng tất-tả sang sông, được triệu
làm chức Cấp-sự-trung, bị kẻ tiền-
nhân là Hoàng Tiềm-Thiện ngăn-trở,
lại phải bãi-chức mà đi. Năm Kiến-
viêm thứ ba, người hiền-trưởng là
Trương Tuấn tiến tiên-sinh khá đại-
dụng, lại cử làm chức Cấp-sự-trung.
Tiên-sinh sắp-sửa đi, bắt đầu đưa thư
cho kẻ chấp-chính rằng : « Triều-đình
muốn trị bình để mạnh nước, mà địa-
phương quan-lại chẳng biết thương
dân để nuôi binh, ấy khác nào muốn
lúa xanh mà tát cạn mất nước, muốn
cây tốt mà đào bỏ mất rễ. » Tiên-sinh
đi đến Trì-châu, nghe triều-đình

chẳng kiến-dô ở Nam-kinh, để trở ngày khắc-phục lấy Biện-kinh, mà lại chạy về đất Mãn đất Việt. Tiên-sinh tỏ ý buồn-bã, cáo bệnh trở về. Năm Thiệu-hung nguyên-niên, cử làm chức Trung-thư xá-nhân, kiêm chức thị-giảng. Tiên-sinh hai lần từ chối, vua Cao-tôn chẳng cho. Tiên-sinh vào yết-kiến hiến bài luận về thời-chính đắc-thất hai mươi một thiên, ngô-hầu thành một tập sách, lại được cử làm chức Cấp-sự-trung. Vua vốn biết tiên-sinh tinh-thâm về sách *Xuân-thu Tả-truyện*, sai tiên-sinh chấm câu và chỉnh-âm sách *Tả-truyện*. Tiên-sinh nói : « Kinh *Xuân-thu* là phép lớn để trị đời, bệ-hạ tất muốn giúp yên rối loạn, khiến kẻ loạn-thần tặc-tử chẳng được dấy lên, thì chẳng gì bằng đề lòng về thánh-kinh là bút ông Khổng-tử chép ra mà thôi, chứ truyện họ Tả thì phiến-toái lắm, chẳng nên hư-phí ngày giờ. » Cao-tôn khen là phải, cho tiên-sinh kiêm chức Thị-độc, chuyên đem kinh *Xuân-thu* ra tiến giảng. Chưa bao lâu, triều-đình dùng Chu Thăng-Phi làm chức Thị-độc, Thăng-Phi là kẻ thất-tiết với giặc Miêu-lưu. Tiên-sinh cho rằng Thăng-Phi là một giống loạn-thần tặc-tử, nay cùng Thăng-Phi cùng làm giảng-quan, có trái với nghĩa kinh *Xuân-thu*, liền cáo bệnh năm nhà, không ra tiến giảng, tiên-sinh liền bãi chức.

Tiên-sinh tư trời kiệt-xuất, điềm-tĩnh ít nói, thấy điều thiện tất làm, làm tất đến thành mới thôi. Thường bảo học trò rằng : « Kẻ sĩ lập nên chí làm đấng thánh-hiền, chớ lợi sâu mà tưởng làm rằng cao ; chớ hoặc trễ biếng, cái bóng sáng trong hàng ngày nên tiếc từng phân, chớ cam chịu làm kẻ tiểu-nhân. » Tiên-sinh đã dời bỏ quốc-đô, mới đi sang miền tây-nam, nghỉ-ngoi ở núi Hành-nhạc, mua một phiến đất, kết một tòa thảo-lư ở trên núi, để làm cái kế chung-thân. Bữa thường chẳng ăn hai thức đồ ăn, khi tế-tự tân-khách

thì tất phong - hậu. Nhà dẫu nghèo, nhưng đối với người chẳng nói đến sự nghèo. Thường răn kẻ tử-dê rằng : « Đối với người mà nói sự nghèo, ý toan cầu gì ? Bất-nghĩa mà được phú-qui, cũng làm đó chẳng ? » Năm Kiến-viem thứ tư, sách *Xuân-thu truyện* làm thành, đời gọi là *Hồ-truyện*.

Kinh *Xuân-thu* tự khi Vương An-Thạch chẻ là một tập triều-báo vụn-vặt, từ đấy việc thi-cử chẳng hỏi đến kinh *Xuân - thu*, tòa kinh-diện chẳng giảng đến kinh *Xuân-thu*, sĩ-phu trong đời chẳng ai học tập đến kinh *Xuân-thu*, Khoảng năm Sùng - ninh, đảng tiều-nhân đặc-chí, lại có lệ cấm học kinh *Xuân-thu*. Tiên-sinh một cho rằng trong sáu kinh, duy kinh *Xuân-thu* là tự Khổng-phu-tử thủ-bút ra, há vi với lời nói không ; mới một mình nghiên-cứu kinh *Xuân-thu*, chuẩn-chỉ về sách *Ngữ* sách *Mạnh*, so-sánh với năm kinh, chứng-thực với các sử ở lịch-đại, tiều-tâm trước-thuật ba-mươi năm. Đến khi ấy sách thành, tiên-sinh có than rằng : « Sách này là cái yếu-diễn truyền-tâm đây ! Nội-dung sách này, từ cái phươg-pháp tu-thân tiến-đức, cho đến cái học-thuật tôn đấng quân-phụ, thảo kẻ loạn-tặc, tồn lấy thiên-lý, chính lại nhân-tâm, hết-thầy rõ-ràng. » Sách ấy tâu lên ngự-lâm. Vua Cao-tôn ngợi khen, cử làm chức tri Vĩnh-châu, liền cử kiêm chức Thị-độc, tiên-sinh đều cố từ. Ít lâu, Cao - tôn nghĩ đến tiên-sinh có cái công phán-đoán nghĩa kinh, và cái phẩm trung-trực lập-triều, thăng tiến làm chức Bảo-văn-các trực-học-sĩ. Năm Kiến-viem thứ tám tiên-sinh mất, tuổi tám-mươi-lăm, tư thụy là Văn-định, đời gọi là Hồ Văn-Định tiên-sinh 胡文定先生.

Tiên-sinh đức-tinh cương-ng nghị, kịp đến lúc tuổi già phong-độ lại càng ngưng-viễn, khí-mạo lại càng trang-nghiêm ; thường mộ cái sự - nghiệp

ông Chu Cát-Lương và ông Hàn Kỳ. Gặp buổi đất trung-nguyên luân-táng, kẻ lê-thứ lằm-than, thường như đau-dớn thiết-thân. Liệt vào sổ sĩ-hoạn ngõ-hầu bốn-mươi năm, nhưng kỳ-thực chẳng đầy sáu năm; tuy liền liền bị kẻ tiểu-nhân vu-hãm; phải tội đi xa, nhưng cái lòng yêu vua lo nước, chữa lúc nào quên, thường như lúc nào cũng nghĩ-ngợi những điều trung-cáo cho triều-đình vậy. Người hiền-sĩ đời ấy là Hầu Trọng-Lương chỉ khen hai họ Trinh, còn người khác không khen ai là khá; kịp tiếp - kiến tiên-sinh, mới than rằng: «Lúc trước ta cho

rằng cái người coi cái phú-qui bất nghĩa thực như phù-vân, chỉ có ba thầy Trinh mà thôi, chẳng ngờ lại có người ấy nữa vậy.» Thầy Tạ Lương Tả cũng nói với người rằng: «Thầy Hồ Khang-Hầu ví như mùa đại-đông tuyết lạnh dữ-dội, trăm giống cây khô chết, mà cây tùng cây bách vẫn xanh biếc một mình tốt tươi.» Tiên sinh sở trước-thuật lại còn có sách *Thông-giám - cử-yếu bổ-di* thuộc v sử - học và *Hồ tiên - sinh văn - tập* truyền ở đời.

TÙNG-VÂN biên-dịch



MẠC-GIA TIÊU-SỬ

莫家小史

Mạc Đăng-Dong 莫登庸 người đất Cổ-trai 古齋, huyện Nghi-dương, là cháu bảy đời ông Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之, đỗ Trạng-nguyên đời Trần, nguyên trước quán ở Đông-cao Bình-hà (nay xã Lũng-dộng, huyện Chí-linh). Đĩnh-Chi sinh ra Mạc Dao; Mạc Dao sinh ra Mạc Thúy, Mạc Thúy sinh ra Mạc Trọng; Mạc Trọng dời ở xã Lan-khê, huyện Thanh-bà, lĩnh Hải-dương, sinh ra Mạc Bình, lại dời ở xã Cổ-trai; Mạc Bình sinh ra Mạc Hịch; Mạc Hịch lấy con gái Đặng Thông, sinh được ba người con trai, con trưởng là Mạc Đăng-Dong. Đăng-Dong còn nhỏ đã có sức khoẻ, nhà nghèo làm nghề đánh cá để sinh-nhai. Đương khoảng thế-kỷ thứ 16, vua Lê Uy-mục, tuyền khoa dũng-sĩ để dùng làm bầy-tôi trao-nha, nhân vậy Đăng-Dong ứng-tuyền đỗ đô-lực-sĩ, chiếu cho sung chức Cẩm-vệ-chỉ-huy-sứ, nhà Mạc đặc-dụng tự đấy trước.

Đời vua Tương-Dục niên-hiệu Hồng-thuận năm thứ tám. Trần Cao 陳高 người Thủy-đường trá-xưng là cháu huyền-tôn vua Thái-tôn nhà Trần, chiêu-tập đảng-chúng, dấy binh ở chùa Quỳnh-lâm 瓊林, xã Hà-lôi, huyện Đông-triều. Cao tự xưng là Đễ-Thích giảng-sinh, quân-sĩ đều cạo đầu như ông sư vậy, người ta qui-phụ cũng nhiều. Kế đời vua Tương-Dục, Thân Duy-Nhạc 申惟岳 nổi loạn ở Kinh-bắc, Trần Tuấn 陳珣 nổi loạn ở Sơn-tây, Lê Hi nổi loạn ở Nghệ-an; bốn phương giặc cướp, gian-hùng thừa-thế mới có ý dòm vạc nhà Lê, xem vận-khi đều nói phương đông có thiên-tử-khi. Vua Tương-Dục sai Nguyễn Văn-Lang 阮文郎 qua Đờ-son (thuộc huyện

Nghi-dương), yểm đất để trấn-áp vượng-khi; ngờ đâu Mạc Đăng-Dong là một tay đại-gian-hùng thường ở bên mà không biết, lại phong cho Đăng-Dong tước Vũ-xuyên-bá 武川伯.

Triều vua Chiêu-tôn niên-hiệu Quang-thiệu năm đầu (tây-lich năm 1516), Trần Cao hãm kinh-thành, phạm cung-điện và châu-báu đốt phá hết cả; vua chạy ra Thanh-hóa cùng với bầy tôi là Trịnh Duy-Sản 鄭惟懌 Nguyễn Hoàng-Dụ 阮弘裕, Nguyễn Văn-Lự 阮文慮, Trịnh Tuy 鄭綏, Trần Chân 陳眞, chia binh ba đạo đuổi đánh Trần Cao, thu-phục được thành Thăng-long. Không bao lâu Duy-Sản chết trận, Trần Chân độc-lực đem binh đi đánh, Cao chạy ra Lãng-nguyên 朗源 (thuộc Lạng-son), tự dấy không dám tiến đến thành Thăng-long nữa. Giặc lùi, chu-tướng kéo quân về Kinh; Nguyễn Hoàng-Dụ 阮弘裕 đóng ở Đông-hà (thuộc huyện Thọ-xương), Trịnh Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại-la, hai người nhân có xâm-gián, bèn sinh hiềm-khích, thậm-chí giữ binh kình địch với nhau, vua chiếu cho hai người phải hòa-giải, nhưng không tuân mệnh. Trần Chân bèn đem binh giúp Trịnh Tuy đuổi Hoàng-Dụ vào Thanh-hóa. Sau Trần Chân bị lũ Chủ Khái 楮啓, Trịnh Hưu 鄭休, Ngô Bình 吳丙 sảm-báng bị giết. Tương Trần Chân là Hoàng Duy-Nhạc 黃維岳 căm tức, bèn nổi binh làm loạn; vua dôi không đến, vua bèn vời Mạc Đăng-Dong ở Hải-dương ủy cho binh-quyền, nhà Lê về tay họ Mạc tự đấy trước.

Đăng-Dong đã giữ được binh-quyền hễ đi đâu thì đưa vua đi đấy, khi thì đưa ra Bờ-đề, khi đưa ra Bảo-châu,

chẳng qua tạ cái uy-quyền thiên-tử dễ hiếp thần-dân, giết lũ trung-thần là Chủ Khải, Ngô Bình; dùng lũ hoạn-thần Nguyễn Kính, Hoàng Duy-Nhạc, Tự đẩy chuyên quyền tiếm-loạn, ra vào cung cấm, nghi-vệ nghiêm-nhiên như vị hoàng-đế vậy. Vua biết Dong có ý thoán-nghịch, ám cùng với nội-thần là Phạm Hiến, Phạm Thứ, đem binh đánh Đãng-Dong, rồi mật-dụ cho Trịnh Tuy đem quân ứng-viện, nhưng quân Trịnh Tuy không đến. Đêm hôm ấy ước canh hai, vua cùng Phạm Hiến Phạm Thứ chạy ra Mông-sơn, sáng mai Đãng-Dong biết tin, đem binh tiệt đóng các đường lối, không cho vua trở về cung nữa; rồi cùng Lê Phụ và Phạm Gia-Mô mưu lập em vua là Lê Thung 黎椿 lên ngôi ở Gia-phúc, đổi niên-hiệu là Thống-nguyên. Vua Chiêu-tôn nghe tin chiếu lũ Hà Phi-Chuẩn, Đàm Thuận-Huy đánh Mạc Đãng-Dong, trấu ấy thua phải chạy ra Nhân-mục (thuộc huyện Thanh-tri), chưa kịp ăn cơm, dân chỗ ấy dâng cháo vua xoi; kể chạy ra huyện Từ-liêm, Đãng-Dong bèn làm điện ở bên tây thành để thị-triều, và lập nhà Thái-miếu ở bên tây thành, rồi bỏ vua Chiêu-tôn làm Đà-dương-vương 陀陽王 (Đà-dương thuộc châu Lục-an, tỉnh Tuyên-quang). Sau giết vua ở Đông-hà; tự-lập làm An-hung-vương.

Khi vua Chiêu-tôn mất, vua Cung-hoàng (tức là Lê Thông) chế bài thơ Chu-công phụ Thành-vương, ban cho Đãng-Dong, có ý ký-vọng Đãng-Dong làm như ông Chu-công nhà Chu giúp vua Thành-vương; không ngờ Đãng-Dong lại nhân-tâm thoán-nghịch, bắt-chước như Tào Tháo Vương Mãng nhà Hán vậy, bực vua Cung-hoàng phải nhường ngôi cho mình, lúc ấy bách-quan chưa có thảo tờ thiện-chiếu; Đãng-Dong sai Lại-bộ Thượng-thư Trương Phu-Thuyết 章孚說 (người xã Kim-dâu, huyện

Thanh-liêm) khởi-thảo, Phu-Thuyết trừng mắt không chịu thảo; bèn sai Nguyễn Văn-Thái thảo tờ thiện-chiếu, tự-xưng Hoàng-đế, cải-nguyên là Minh-đức, bỏ vua Cung-hoàng làm Cung-vương; kể bực vua tự-tử.

Bấy giờ những trung-thần nhà Lê từ-tiết cũng nhiều, là Lê Tấn-Mậu huyện An-phong đỗ Hoàng-giáp chức Thượng-thư bộ Lễ, giả-cách vào châu, để đá ở trong tay áo, định ném chết Đãng-Dong, nhưng không trúng, bị Đãng-Dong giết; Nguyễn Thái-Bạt người Bình-lãng huyện Cẩm-giang, đỗ Hoàng-giáp chức Hàn-lâm hiệu-lý, giả làm mù đến trước Đãng-Dong nhờ hột vào mắt, mắng rất tàn-nhân, rồi chịu chết. Lại Kim-Bảng chức Đô-ngự-sứ lánh về làng ở, Đãng-Dong bực đòi phải ra, nhân qua sông Nhị-hà, mặc mũ áo hương mặt về núi Lam-sơn bãi-vọng, mắng Đãng-Dong, rồi đâm đầu xuống sông chết; Ngô Tuấn-Kiệt người Hoảng-hóa, chức Thị-lang, khi theo vua Chiêu-tôn ra Thanh-hóa, bị quân giặc bắt đưa về nộp Đãng-Dong, không ăn mả chết. Lê Tuấn-Kiệt người Hằng-hóa, chức Thượng-tướng, chiêu-lập binh-mã, chống đánh Đãng-Dong, Dong khiến sứ dụ ra hàng, Tuấn-Kiệt chém sứ-giả, sau thua trận tự-tử. Thiều Qui-Linh người Đông-sơn, đỗ Hoàng-giáp, đi sứ nhà Minh về, nghe nhà Mạc cướp ngôi, chửi thậm-tử, rồi ra cầu Long-mỹ đâm xuống sông mà chết. Nguyễn Thiệu-Tri người Xuân-lôi huyện Lập-tạch, đỗ Tiến-sĩ, chức Thượng-thư, đã về hưu nghe thấy con là Nguyễn Tôn ra làm quan nhà Mạc, bèn từ con, gọi con thứ hai đến di-chức các việc về sau, đến đêm chĩnh-bị khăn áo bãi-vọng núi Lam sơn, rồi đâm cồ chết. Trần Bảo-Tin người Khải-mông huyện Nghi-xuân, đỗ Báng-nhôn, không chịu làm quan nhà Mạc, về ẩn chỗ điền-lý. Nguyễn Hữu-Nghiêm, Lê Vô-Cương,

Nguyễn Tử - Kiến, Đào Sùng - Nhạc, không chịu khuất nhà Mạc, đều bị giết. duy có tên Nguyễn Văn - Thái (người Vĩnh-lại đô Toám-hoa) là người khoa-giáp mà lại cam - tâm thần - phục với quân bạn - nghịch, thực là đặc - tội ở trong danh-giáo vậy.

Đặng-Dong vào ở thành Thăng-long, lấy Hải-dương làm Dương-kinh, lập miếu-diện ở xã Cồ-trai, truy-tôn thủy-tổ Mạc Đĩnh-Chi đến cha là Mạc Hịch gồm bảy đời làm đế-hậu, dựng con là Đặng-Doanh 登瀛 làm thái-tử. Dong đã cướp được ngôi vua, nhưng trong lòng vẫn sợ quốc - dân không phục, cho nên việc gì cũng phải theo hiến-pháp của nhà Lê lập ra, thi đình ba năm một khoa, khảo định binh-chế, điền-chế, quan-danh và quan-số, binh-số, đại-khai phỏng theo điển-lệ đời Hồng-dức; lại đặt thêm bốn vệ, lấy binh Hải-dương sung vào vệ Hưng-quốc, binh Sơn-nam sung vào vệ Chiêu-vũ, binh Sơn - tây sung vào vệ Cẩm-y, binh Kinh - bắc sung vào vệ Kim-ngô, đồ phiến túc-trực ở trong cấm-vệ.

Dong lại giả tiếng nhân-nghĩa, lục-dụng những con cháu nhà thế-gia công-thần, c. iếu cho quan-chức, song lòng người vẫn còn ái-dối nhà Lê, người thời trốn ẩn sơn-lâm, người thời biến đổi danh-tính, người thời tìm đi ngoại-quốc, không có mấy người chịu tiếng nô-lệ nhà Mạc. Cự - thần nhà Lê là Trịnh Ngung, Trịnh Ngang sang nhà Minh, ý muốn cầu binh cứu-viện. Đặng-Dong thám-thính được ẩn-linh, liền sai người đem cửa sang dụ quan nhà Minh bắt giữ lại, hai người đều bị chết ở Tàu.

Lê Ý người Thanh-hóa nổi binh ở Gia-châu (nay châu Quan-hóa), truyền bịch cho quốc-dân dẫu đầy đều biết tội nhà Mạc không thể dung được ở trong trời đất, nay đầy binh dẹp

loạn, chính là vị công-nghĩa chứ không phải vị tư-lợi, người có tâm-huyết nên phải vì giúp mưu giúp sức để báo thù cho nhà Lê. Xa gần nghe tiếng qui-phục được hơn hai vạn người, bèn tiến đánh Đặng-Dong ở sông Mã, rồi thừa-thắng tiến đến thành tây-dô. Đặng - Dong thua kéo quân về, sai Đing - Doanh cử đại - binh, hội ở sông Hoảng-hóa và sai Mạc Quốc-Trình đem 200 chiến-thuyền cùng hội ở sông Đa-lộc. Lê Ý nghe tin lập nghi-binh ở xã Đa-lộc, rồi mình đem những quân tinh-nhuệ, đêm đi lên đường gian-đạo sáng sớm mai đã đến xã An - sơn (thuộc huyện An-định), thốt-nhiên gặp thuyền Quốc-Trình kéo đi qua đó. Lê Ý phát hiệu súng, đốc quân đánh tiết dăng hậu, quân Quốc-Trình kinh sợ bỏ thuyền chạy, Lê Ý ruid ngựa đốc tướng-sĩ đuổi chèm được hơn bảy mươi người. Nửa ngày mai Đặng-Doanh chưa biết Quốc-Trình thua quân, tiến binh đến xã Đông-bàng (thuộc huyện An-định). Lê Ý gọi chư-tướng bảo rằng: « Quân ta xung-đột ở chỗ chiến-trường, lâu cũng mỏi mệt, nay Đặng-Doanh đã đem đại-binh đến, nếu không liệu mình gắng sức, thù-tử phen này, lỡ ra thất-bại thì biết ngày nào mà hưng-phục được. » Chư-tướng nghe lời có lòng cảm-khích, ai cũng tranh đi tiên-phong. Trận ấy Đặng-Doanh thua, kéo quân lui, lưu Mạc Quốc-Trình ở Tống-giang đóng đồn để cố-thủ. Lê Ý về đóng quân ở Gia-châu, lâu ngày binh mỏi lương hết, sai quân vào núi vận lương. Quốc-Trình sai người thám được tình-bình, bèn chọn tinh-binh và chiến-thuyền 50 chiếc ngày đêm bội-đạo đi đến Gia-châu vây bắt được Lê Ý đưa về Kinh-sư giết. Lê Ý vốn người can-tràng khảng-khải, có chí mà công chưa thành, phải chịu căm tức ở dưới hoàng-tuyền, thực cũng đáng thương đáng tiếc. May mà giang-sơn a-hộ, lòng trời còn tựa nhà Lê, Lê Ý chết lại có

Nguyễn Kim xuất-hiện để đỡ khôi-phục sau này.

Năm Mạc Đại-chính nguyên-niên dương khoảng tây-lịch 1530, có An-tĩnh-hầu Nguyễn Kim rước Hoàng-tử là Lê Ninh (con vua Chiêu-tôn) lên ngôi ở Sâm-la. Trước vua Chiêu-tôn tuấn-nạn, Lê Duy-Tuấn sai Lê Quan đưa Lê Ninh trốn chạy sang Ai-lao, Nguyễn-Kim tìm được, mưu với Duy-Tuấn cùng Duy-Liêu mưu-dỡ khôi-phục. Bấy giờ rước lên ngôi, rồi đưa về hành-cung Thanh-hóa, khiến Trịnh Duy-Liêu hơn mười người chạy ra bề do thuyền buôn ở Quảng-đông tìm đến Yên-kinh, trần-tố tội Mạc Đăng-Dong thi-nghịch, xin đem quân vãn-tội. Bộ-thần nhà Minh tâu rằng: «Lời thỉnh-cầu của Duy-Liêu chưa làm xác-cứ, xin lưu ở sứ-quán, phải khiến người khám thực.» Bèn sai lữ Dã-Phương cùng với Tuần-phủ Văn-nam là Ưng Văn-Thịnh hội-khám tên người có tội có thật phải là Mạc Đăng-Dong không, và Duy-Liêu tung-tích như thế nào. Đăng-Dong biết tin kinh sợ, dâng biểu sang nhà Minh xin lỗi, và đưa vàng bạc châu báu sang cống và hiến đất hai châu để cầu-phong. Vua Minh sai tỉnh-thần hội-khám. Vua Trang-tôn khiến Trịnh Hoàn sang Văn-nam để ứng-tiếp quan Tàu và kẻ tội Đăng-Dong cùng là lai-lịch vua Trang-tôn phải bôn-bá ở Ai-lao, xin vua Tàu đem binh để hỏi tội họ Mạc. Khám-quan về, đem sự-trạng tâu với vua Minh, vua Minh sắc cho đình-thần nghĩ-bèn thế nào, đều nói Đăng-Dong có mười tội, lưới trời không thể dung được; bèn sai Mao Bá-Ôn đem hai vạn quân, truyền lệnh cho Mạc phải ra hàng. Đăng-Dong nghe tin thất-dởm, khiến lữ Nguyễn Văn-Thái sang nhà Minh dâng tờ biểu nói: «Trước Trương-dực-đế bị Trần Cao giết, Đăng-Dong và người đồng-quốc suy dựng Lê-Ý làm Chiêu-tôn, sau lại bị gian-thần là lữ

Trịnh Tuy bức dờ ra Thanh-hóa; Đăng-Dong lại suy-lập Lê Thông làm Cung-đế, rồi lại rước Lê Ý ở Thanh-hóa về, không may Lê Ý cùng Lê Thông bị bệnh chết, thân-dân nhân vì cha con Đăng-Dong có công to, giao-phó ấn-chương để chủ-trương quốc-sự. Còn như Lê Ninh là mao-xung con cháu nhà Lê, thực con người khác, xin thánh-triều lượng xét cho.» Vua Minh cho rằng nói dối, không nghe, sai lữ Cửu-Loan đem binh Lương-Quảng và binh ở Phúc-kiến cùng Văn-nam sang đánh nhà Mạc và truyền lệnh rằng ai bắt được cha con nhà Mạc thưởng cho hai vạn lạng vàng. Lúc ấy Đăng-Doanh chết, Đăng-Dong kinh sợ, bèn cùng với cháu là Mạc Văn Thịnh với đảng-thuộc là Vũ Như-Quy hơn bốn-mười người, do cửa Nam-quan, đến phủ-mạc tướng Minh, cúi đầu tạ tội xin ra hàng, dâng tờ biểu và đem bạc-tích thổ-địa nhân-dân đến nộp, và xin hiến đất Tê-phù (thuộc đô Thiếp-lãng), Kim-lặc, Cồ-lâm, Liễu-cát, La-phù (bốn động ấy đều thuộc đô Như-tích) sáp về Khâm-châu. Mao Bá-Ôn nhận được tờ biểu của họ Mạc, bèn cùng với Cửu-Loan lượng khoan cho họ Mạc về nước, để đợi mệnh Triều-dình. Không bao lâu Đăng-Dong chết, cháu là Mạc Phúc-Hải (con Đăng-Doanh) tiếm hiệu Q ảng-hóa.

Mao Bá-Ôn tâu vua Minh rằng: «Đăng-Dong đã qui đầu phục tội, lại hiến đất và tuân chính-sóc, nghĩ nên lượng tha, gia cho phẩm-trật, hoặc biệt-danh Đô-hộ, hoặc Tổng-quản, theo như nhà Hán nhà Đường khi trước, khiến cho quản-trị An-Nam, hằng năm báo lịch, khiến đến của Nam-quan mà hậu-lĩnh; còn như Lê Ninh xưng là con cháu nhà Lê, nhưng thống-hệ chưa tường, không đủ làm bằng-chứng; Lê Duy-Liêu nghĩ nên an-trị ở Quảng-châu, lượng cấp cho ruộng đất để giải tỏa ơn-ức của triều-dình.» Vua Minh nghe lời, bèn đổi An-Nam-quốc là An-Nam-đô-thống-

sứ-ti, cho Đãng-Dong làm Đô-thống-sứ, khiến dời dời kế-tập, chuần cho ba năm một lần vào cống; Lê-Ninh xét quả là con cháu nhà Lê trao cho bốn phủ Hà-trung, Tĩnh-g, Thiệu-hóa, Thiên-quan, để phụng thủ tôn-thống nhà Lê.

Đoạn rời Mạc Phúc-Hải 莫福海 kế-tập chức Đô-thống-sứ, khiến Nguyễn Kinh-Điền đem phương-vật sang cống nhà Minh, có g-vật: lô hương vàng, hoa-bình bốn chiếc, nặng một nghìn bốn-mươi-chín lạng; lô hương bạc, hoa-bình hai chiếc, nặng một trăm năm-mươi lạng, mâm bằng bạc mười-hai chiếc, nặng sáu trăm bốn-mươi-mốt lạng, con rùa bằng vàng nặng chín-mươi lạng, con hạc bằng bạc và chiếc đài bằng bạc nặng năm-mươi-mốt lạng, trầm-hương sáu mươi cân, hương-hồi mười-tám cân, giáng-chân-hương ba-mươi bó, tế-giác hai-mươi tòa, ngà voi ba-mươi chi. Tự đầy cống-vật làm thường-lệ. Phúc-Hải đã được lập-tức, ủy cho Dương Chấp-Nhất là hoạn-quan giả-cách hàng vua Lê, để thám-thính tình-hình, vua Lê tưởng là tình thật, khiến đem binh đi theo đánh Mạc. Nhân một hôm mời Nguyễn Kim đến bàn việc quân, gặp trời nắng bức đem dưa ăn để giải-khát, Nguyễn Kim ngộ phải thuốc độc chết, rồi Chấp-Nhất lại trốn về với nhà Mạc.

Phúc-Hải chết, con là Phúc-Nguyên 福源 kế-tập, tiếm hiệu Vĩnh-định, cử Kinh-Điền để coi giữ quốc-chính, rồi đem binh vào cướp Thanh-hóa, sau thua trận ở núi Kim-âu, rồi mà bị bệnh chết.

Con Phúc-Nguyên là Mạc Mậu-Hợp 莫茂洽 kế-tập, tiếm hiệu Thuần-phúc, cử Mạc Đôn-Nhượng thay Kinh-Điền thống-lĩnh chư-quân, chống đánh quan-quân ở núi Tam-diệp. Đôn-Nhượng thua, kéo quân lui, Mạc Mậu-Hợp sai Mạc Ngọc-Liên và lũ Nguyễn-

Quyện chia các đạo quân cùng với quan-quân đánh ở bên sông Hát-giang, thua chạy qua sông, dẫn-lốt tranh thuyền lặn xuống sông chết quá nửa; bấy giờ Mậu-Hợp tuy thua quân, cây cỏ tràng giang đều thủ-tiền, sai lũ Ngọc-Liên cố giữ thành Đại-la, sau bị quan-quân tiến đánh Thăng-long, Mậu-Hợp thua chạy ra huyện Kim-toàn, cử con là Mạc Toàn giám-quốc, nhân sai người đến hỏi trang Trình Quốc-công mưu-kế trên làm thế nào. Trang Trình bảo: « Một mai nước có biến-cổ, đất Cao-bằng tuy nhỏ cũng khá di-duyên được và đời. » Sau quân-nhiên Mậu-Hợp bị quan-quân bắt được ở chùa Phương-nhãn, đem giết ở bên sông Bồ-đề, cùng tộc-đang cũng bị giết, nhà Mạc mất, Mạc Kinh-Cung 莫敬恭 và Mạc Kinh-Khoan 莫敬寬 lui giữ Cao-bằng. Bấy giờ thổ-quan nhà Minh nhận của đút nhà Mạc, tâu vua Minh an-sáp họ Mạc ở Cao-bằng. Đến Mạc Kinh-Vũ 莫敬宇 thì nhà Mạc diệt.

Nhà Mạc kể từ Đãng-Dong đến Mậu-Hợp gồm năm đời, cộng được sáu-mươi-sáu năm.

Duyệt tiêu-sử nhà Mạc đến đoạn Đãng-Dong thoán-thị nhà Lê, ai cũng phải cảm gan tức ruột, không ngờ thiên-hạ nhà Lê lại về tay đô-lực-sĩ, đáng tiếc mà lại đáng giận thay! Vua Thái-tổ đem nghĩa-binh mà xường độc-lập; vua Thánh-tôn đem văn-minh mà hóa bán-khai, khiến cho quốc-dân còn có hi-vọng đến ngày nay, thời cái công-đức ấy cũng đáng hinh-hương sùng-bái. Giận thay cho nhà Mạc, mà lại tiếc thay cho con cháu nhà Lê, không biết giữ cái công-nghiệp của tiên-nhân, lại phóng khí cái chức-trách của mình. Vua Uy-Mục, vua Tương-Dực thời hoang-dâm quá-dộ;

vua Cung-hoàng, vua Chiêu-tôn thời
nhũ-nhược tự-cam, đến nỗi mình bị
giết, nước bị mất, chẳng phàn-nàn
lắm ư!

Ông Mạnh tử nói : « *Bất nhân vị chi
tàn, bất nghĩa vị chi tặc*, người tàn-lạc
gọi là thất-phu, nghe thấy giết người
thất-phu chứ chưa nghe thấy giết vua.»
Suy cái nghĩa ấy thời đem cái lòng chí-
nhân mà đổi chí-bạo, chính là việc
vua Thang vua Vũ giết chúa Kiệt chúa
Trụ vậy.

Kìa Đấng-Dong chẳng qua đem cái
lòng tham-tàn mà nhân làm những việc
thoán-thí, thời không khác gì Kiệt
Trụ lại đánh Kiệt Trụ vậy. Không bao
lâu họ Mạc mất mà nhà Lê lại trung-
hưng, thế thời đủ biết thâm - nhân
hậu - trạch của nhà Lê cổ - kết lòng

người ta đã lâu, nên người ta vẫn
thường ái - dới mà không thể quên
được; thử xem lúc Tiên - Lê mất
nước, mà trung-thần nghĩa-sĩ, đem
mình hi-sinh vì nhà Lê, kể bao nhiêu
người, phàm những người có tâm-huyết
không ai chịu thần-phục nhà Mạc; vì là
Đấng - Dong xuất-thân Đê-lực-sĩ, bá-
y đến thế cực là vinh-hạnh, quân-
ơn quốc-lộc mà lại vong-bội ơn-nghĩa
như vậy, tự hỏi cái lương-tâm có đáng
không? Tội họ Mạc không những vậy,
tại đem hiến đất cho nhà Minh, thực
là đắc-tội với nhà Lê mà lại đắc-tội cả
với dân Nam-Việt vậy. Ta muốn mượn
cái thanh gươm cổ của chùa Lam-sơn
mà tặng cha con họ Mạc để tạ nhà Lê.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN



NGHI-LỄ PHỔ-THÔNG

Có nước thời có phong-tục, phong-tục xa-xỉ thời nước nghèo, nghèo tất suy, phong-tục cần-kiệm thời nước giàu, giàu tất thịnh, thịnh suy bởi tự phong-tục. Muốn cho phong-tục hay cốt phải lấy lễ-độ làm trước. Nước ta lâu nay lễ-độ vẫn theo nước Tàu, các nhà đại-gia, việc quan, hôn, tang, tế, phần nhiều dùng gia lễ của Chu Văn-Công (đời nhà Tống), nhưng lễ ấy là lễ riêng của một nhà, chứ không phải là lễ phổ thông cả trong nước.

Đời nhà Trần ông Hồ Sĩ-Dương (người làng Hải-thượng, thuộc tỉnh Hải-dương, ngụ ở xã Hồng-mai, huyện Thọ-xương, mới hiệu là Thọ-mai cư-sĩ), chế ra bộ Thọ-mai gia-lễ, thôn quê vẫn thường dùng, nhưng nghi-tiết phân-phiền, chưa hẳn đã được chỉnh-đáng.

Ông Lê Quý-Đôn (người Diên-hà, đỗ Bảng-nhơn triều nhà Lê), chế ra bộ Thanh-thần gia-lễ, toàn nói về việc tang tế, còn quan hôn và lễ thường chưa nói tường.

Bản-triều ông Đỗ Huy-Uyển (người làng La-ngạn, đỗ Phó-bảng), cũng soạn bộ Gia-lễ tồn-chân, sách ấy chưa có thi-hành ở trong nước.

Xem ra xưa nay các nhà đại-gia cũng nhiều nhà chế ra lễ riêng để trong nhà dùng, nhưng điều thì theo cổ-lễ, điều thì theo thường-tục, cũng chưa có bộ nào được hoàn-toàn.

Gần đây chính-phủ định cải-lương hương-tục muốn cho dân thôn lĩnh-giảm các lệ-ngạch xa-phí để tiền ra làm việc ích-lợi chung, thực là tiện-lợi cho dân lắm; nhưng việc hiếu việc hỉ và nghi-tiết thường dùng trong một năm chưa có chuẩn-định như thế nào, để dân-gian hết thấy mọi người đều tuân-hành cho được giản-dĩ, nên dân-thôn chỉ có hư-danh cải-lương mà thực chưa cải chút nào cả.

Sách Lễ-ký có câu: « Tiên-vương tri lễ chi bất-đắc-dĩ, cố nhân nhân-tình nhi chế lễ. 先王知禮之不得已, 故因人情而制禮. » Nghĩa là đấng tiên-vương biết lễ không thể thôi được, bèn nhân tình người mà chế ra lễ. Lại có câu: « Lễ bất phân đa-quả, duy kỳ xứng nhi dĩ hĩ, 禮不分多寡, 惟其稱而已矣. » Nghĩa là lễ không kể nhiều ít, cốt phải xứng tình thì thôi.

Trước đức thánh Khổng dùng lễ có điều theo bậc tiên-tiến, có điều theo nhà Chu, điều nào phải thì theo, chứ không nhất-định; như thế thời việc lễ ngày nay phải theo trình-độ của quốc-dân mà châm-chước cho hợp với thời-nghi, cũng đừng theo cả lối văn-minh mà bỏ cổ-lễ, mà cũng đừng nên cầu-chấp cổ-lễ mà không theo lối văn-minh.

Vậy xin đem lễ của các bậc tiên-bối mà sửa đổi lại cho được thích-trung. Giản-hoặc có điều gì chưa được ổn-đáng, mong các bậc cao-minh phủ-chính lại, khiến cho người giàu, người nghèo, người sang, người hèn, khắp thôn-quê thành-thị xem đó làm gương, thế thời cũng có bổ-ích về đường phong-hóa một hai phần vậy.

I. — Hôn-lễ 婚禮

PHỤ QUAN-LỄ 附冠禮

Hôn nghĩa là tối, cưới về chiều tối cho nên gọi là hôn.

Sách Lễ ký chương hôn-lễ có câu : « Hôn lễ giả tương-hợp nhị tính chi hiếu, thượng dĩ sự tôn-miếu, hạ dĩ kế hậu-thế dã. 禮記婚禮篇曰。婚禮者將合二姓之好。上以事宗廟。下以繼後世也。 » Nghĩa là lễ hôn là hợp vui hai họ, và lấy vợ đẻ sinh con, trước là thờ tiên tổ, sau là nối dõi muôn đời vậy. Thế thì người ta ở trên đời không lễ gì vui-vẻ bằng lễ hôn, cũng không lễ gì quan-trọng bằng lễ hôn, nào lễ nạp-thái 納采, nào lễ vấn-danh 問名, nào lễ nạp-cát 納吉, nào lễ nạp-tệ 納幣, nào lễ thỉnh-kỳ 請期, nào lễ thân-nginh 親迎. Lễ như vậy cốt để trọng sự-thể, chứ không phải là phiền-vấn, vì trước kia chưa có sổ giá-thú, nên phải thận-trọng để phòng những sự ngăn trở về sau.

Mới đây thành-phố nhiều nhà theo cách văn-minh, hai bên trai gái bằng lòng lấy nhau thì dẫn đến tòa Đốc-ly làm chứng, rồi ghi vào sổ giá-thú, thế là thành-hôn, đến sau nhân sự chê-bôi hoặc vì duyên-cớ khác mà muốn bỏ nhau, dù có sinh năm đẻ bẩy cũng mặc lòng, cứ đem vào tòa án làm giấy li-dị cũng được. Sự hôn-nhân như thế tưởng cũng là giản-dị quá.

Vậy muốn trọng nhân-đạo, thì trước phải thận-trọng lễ hôn. Lễ hôn thành thì gia-đạo mới thành, gia-đạo thành thì phong hóa mới có thể hưng-thịnh được.

Chú. — Nạp-thái là đưa lễ đến giam vợ. Vấn-danh là đưa lễ đến hỏi tên tuổi người con gái. Nạp-cát là đưa lễ đến nói xem đôi tuổi đã tốt. Nạp-tệ là đem lễ-vật đến họ nhà gái để nhà gái chứng-nhận là đã bằng lòng gả người con gái cho rồi. Thỉnh-kỳ là đem lễ đến nhà gái xin định ngày cưới. Thân-nginh là người con trai phải thân-hành đi rước vợ.

Lễ hỏi vợ

Con trai con gái mười-lăm, mười-sáu tuổi trở lên mới đi hỏi vợ gả chồng, mười - tám mười - chín tuổi trở lên mới làm lễ cưới, vì dựng đặt sớm thì sợ nhân sự xấu, đẹp, hoặc nhân giàu, nghèo, sang, hèn, mà bỏ nhau; lại một sự vợ chồng cưới sớm thì khi-huyết chưa được sung-túc, dù có sinh con cũng hèn yếu, cho nên việc hôn-nhân không nên định sớm, định sớm thì nhiều sự thiệt-hại, nhiều sự hối-hận về sau.

LỜI BÀN

Tình cha mẹ sinh con ai cũng muốn con trai sớm có vợ, con gái sớm có chồng, và ai cũng muốn dựng đặt cho con được chỗ tử-tế, nhưng không biết dựng đặt cho con phải tìm chỗ môn-đương hộ-dối. Nếu nhà mình nghèo mà chọn chỗ giàu, nhà mình hèn mà chọn chỗ sang, con mình xấu mà lại chọn chỗ đẹp, tất có sự bất-hài, dù có cưỡng-hợp, nhưng chưa hẳn đã được đoàn-tụ với nhau.

Ông Hồ Gia-Định có câu : « Già nữ tất tu thảng ngô-gia giả, thủ phụ tất tu bất nhược ngô-gia giả. 胡嘉定云嫁女必須勝吾家者,娶婦必須不若吾家者。 » Nghĩa là gả con gái nên tìm chỗ hơn nhà mình, lấy vợ phải tìm cho kém nhà mình, thời người con dâu mới biết qui trọng bố mẹ chồng và kính chồng. Lời nói ấy tuy có lẽ, nhưng cũng chưa phải là công-luận, vì là có con gái mà muốn gả cho nhà phú-quí hơn mình, người ta không hỏi đến thì đợi đến bao giờ ? Vậy nên biết vợ chồng là duyên trời, không kể giàu nghèo hơn kém, chỉ đến tuổi là dựng đặt cho con thành gia-thất thì hơn, vì đến tuổi thì con trai con gái mới có trí khôn, mới đủ tư-cách sắp làm cha mẹ người, mới có nghề-nghiệp để mà kinh-lý gia-sự.

Nước Tàu gần đây có lệnh cấm lão-hôn cũng bởi lẽ ấy.

Đôi tuổi

Khi đã chọn được con gái nào có nết-na, thì phải tìm người mối, đến nhà gái nói trước, nhà gái nhận lời thì người mẹ cùng người thân-nhân đem buồng cau đến hỏi tuổi người con gái ấy để đối tuổi với người con trai có hợp không.

Đôi tuổi đã hợp nhau thì cặp người mối đến nhà gái nói lại cho chắc bằng.

Chú. — Thiên Khúc-lễ nói «*Thú thê bất thú đồng tính 娶妻不娶同姓*», nghĩa là lấy vợ không lấy người cùng họ, cốt là để trong nhân-luân và phòng sự dâm - dục, không như loài cầm-thú lấy lẫn nhau. Lại câu : con gái có 5 điều không nên lấy : 1o con nhà nghèo-nghịch ; 2o con nhà hỗn-loạn, 3o con nhà đời có người tù-hình; 4o nhà có chứng phong,lao, cổ,lại, 5o nhà không có cha anh dạy-dỗ. Năm điều ấy không những dạy nhà con trai chọn vợ, mà nhà con gái kén chồng cũng phải như thế, vì lấy phải con nhà bạc-ác thì con cháu mình phải chịu lấy cái tội ấy, nhà có chứng phong,lao,cổ,lại, thì sợ truyền-nhiễm đến con cháu sau này. Đến như nhà mất cha mẹ sớm, không có anh trưởng dạy bảo mà không lấy, điều ấy tưởng cũng có người mình tự-lập lấy thân, không có cha mẹ anh em mà cũng ra người tử-tế. Cho nên đừng đặt cho con cũng tìm nơi phúc - đức mà không phạm vào bốn chứng ấy thì thôi, chứ không nên kén chọn cho lắm.

Lễ tết nhà vợ

Khi nhà gái đã nhận lời rồi, đến ngày tết đem cau chè đến nhà gái và dẫn chàng rề đến mừng tuổi cha mẹ vợ, nghĩa là bắt đầu đi làm rề để bố mẹ vợ và người con gái xem mặt cho sau này khỏi sự chê-bôi, tự sau lễ tết nhiều ít gọi là có tình vãng-lai mà thôi, chứ không phải bày giở lễ-nghi gì cả.

Lễ hỏi cả

Khi định năm cưới thì tết nguyên-đán năm ấy nhà trai đem chè cam cau

rượu hoặc là bánh chưng bánh gai cho chàng rề đến lễ tổ nhà vợ, gọi là «*lễ hỏi cả*», lễ-vật tùy nhà vợ định lấy thức gì thì nhà trai biện thức ấy, chứ không nhất định, nhưng cốt nhà gái phải tùy lực nhà trai lo liệu được thế nào thì hay thế vậy. Vì nhà mình có con gái gả chồng mà cũng có con trai hỏi vợ, để người thì để ta. Tục có câu «*thương con ngon quà*», lời nói ấy cũng đáng làm gương cho nhà có con gái.

Lễ định ngày cưới

Khi chọn được ngày cưới thì đem cau nói cho nhà gái biết đến ngày ấy tháng ấy xin làm lễ cưới để nhà gái biết trước mà sắm-sửa nữ-trang cho con gái cùng là nhà gái có đòi lễ-vật gì hay là tiền-bạc để sắm-sửa nữ-trang, kíp ngày lo liệu, nhưng nhà gái cũng phải tùy lực nhà trai mà chước-định, đừng nên sách-thủ tiền-bạc cho nhiều.

Chú. — Ông Văn Traug-tử có câu : «*Hôn giá nhi luận tài, di lộ chi đạo dã 婚嫁而論財夷虜之道也*», nghĩa là sự hôn-nhân mà lại nói đến tiền bạc là thói mừng mọi vậy. Lại câu cổ-giải «*Nam nữ chi tộc, các trách đức 焉不以財爲禮*», nghĩa là đời cổ họ trai họ gái lấy nhau đều phải chọn nhà có đức, chứ không nên dùng tiền-bạc làm sinh-lễ. Xem ra thế - tình ngày nay nhiều nhà chuồng cửa không chuông người, bên trai thấy bên gái nghèo thì sinh lòng yếm-bạc, bên gái thấy bên trai nghèo, khi cưới lại thách nặng lễ, để nhà trai không thể lo được. Cũng có người vì việc hôn-nhân phải vay công lĩnh nợ, nợ ruộng bán nương để lo cưới cho xong, khi cưới xong thì coi-ngiệp đã bán hết. Vả nhân-tình ai có con gái cũng muốn cho con mình có giá-trị. Khi cưới con sắm sửa hoa hột vành xuyên cùng là quần áo vóc nhiều rất sang, nhưng không biết đám cưới sang tuy được tiếng khen lúc bấy giờ, sau này nhà trai đã khánh-khiet về sự hôn-lễ, nhân đó một ngày một sa-sút, không bao lâu đồ nữ-trang và gia-sầu đã vào tay nhà khác, thế chẳng phải tự mình làm hại con gái mình đấy ư?

Lễ cáo-tỏ nghinh-hôn

Khi đến ngày nghinh-hôn, phải mời một người tôn-trưởng thanh-cát làm chủ-hôn, rồi sáng sớm ngày cưới sắm sửa lễ-vật hoặc cỗ bàn đem đến cáo tỏ để biết rằng ngày hôm nay làm lễ hôn và lễ gia-quan một thể.

Văn khấn

Ngày Tháng Năm
(tên người bố . . . , bố mất thì tên mẹ, bố mẹ đều mất thì người anh trưởng, không có bố mẹ và anh thì chú bác thay mặt), kính dâng lễ-vật trên cáo tỏ-tiên cùng hiền-khảo hiền-tử chứng-giám, hôm nay tên (mỗ . . .), con thứ (mấy), lấy con gái nhà (mỗ) con thứ (mấy) tên là Thị (mỗ . . .), gặp ngày nghinh-hôn, hợp vui hai họ, làm lễ gia-quan; tuân theo tục cổ, xin tỏ chứng-minh; tấc thành dãi tỏ.

Văn khấn chữ nho

(Mỗ) niên . . . nguyệt . . . nhật, (mỗ) chi tử (mỗ), tương di kim nhật thân-nghinh (mỗ thị nữ), cần di phủ tửu cụ soạn thứ tu chi nghi, cảm chi cáo vu Tiên-tổ hiền-khảo hiền-tử liệt vị tôn-linh vị tiền, viết: cát-thời thân-nghinh, lưỡng tính hợp hoan, cử-hành gia-quan, thức tuân cổ-lễ, tương thành trí tế, thứ biểu vi kiến. Cẩn-cáo.

某年月日。某之子某。將以今日親迎某氏女。謹以美酒具饌庶羞之儀敢祇告于先祖顯考顯妣列位尊靈位前曰。吉辰親迎。兩姓合歡。舉行加冠。式遵古禮。將誠致祭。庶表敬虔。謹告。

Nghi-tiết

Tự vị, hưng, bái, hưng, bái, quy, phần-hương, châm-tửu, mặt - khăn, hưng, bái, bốn lễ.

PHỤ LỄ GIA-QUAN

Cáo tỏ xong, mời ông chủ-hôn và họ-hàng đến bảy giờ sáng hôm ấy làm lễ gia-quan, người con trai ấy đội khăn

và mặc quần áo mới chỉnh-tề, rồi bà mẹ hoặc người anh trưởng dẫn người con trai ấy rầm rộ ông chủ-hôn và tôn-thần trong họ, có lời nói ngày hôm nay con chúng tôi (hoặc em chúng tôi) có việc vui mừng, nhân tiện làm lễ gia quan xin nhờ đặt cho tên tự và nhờ các cụ cùng tôn-trưởng dạy bảo cho con chúng tôi biết đường ăn lễ ở, nên bậc thành-nhân, chúng tôi cảm-tạ vô-cùng.

Người chủ-hôn ưng lời, bèn làm lễ gia-quan.

Nghi-liết

Xương: tự vị, (người con trai ấy đứng trước ông chủ-tọa); gia-quan, (ông chủ tọa đứng dậy cầm lấy cái khăn mà đội lại cho người con trai ấy cho được nghiêm-chỉnh); tuyên huấn-từ, (cử một người tiếng tốt đọc bài châm, người con trai đáp lại xin vâng lời); tạ lễ cúc-cung bái, hưng, bái, hưng; lễ tất.

Huấn-từ 訓辭

(Chữ nho)

Phàm ngã thiếu-niên, nghi độc nội-tắc, Kim phủ gia quan, kỳ nghi bất thắc. Vật tác hoang du, vật đam thanh-sắc. Dục vi thế cương, tu chính kỹ đức. Dục vi nhân phụ, tu tận tử chức. Thân ký tu hĩ, cập gia nhi quốc. Miễn nhi thiếu-niên, vô vong giới sắc.

凡	我	少	年	宜	讀	內	則
今	甫	加	冠	其	儀	不	忒
勿	作	荒	遊	勿	耽	聲	色
欲	爲	妻	綱	須	正	已	德
欲	爲	人	父	須	盡	子	職
身	旣	修	矣	及	家	而	國
勉	爾	少	年	無	忘	戒	色

Lời diễn-thuyết

Ngày nay thiếu-niên đã đứng vào địa vị thành-nhân, thì trách nhiệm của thiếu-niên rất là quan-trọng, trên đối

với cha mẹ, dưới đối với vợ con, trong đối với anh em tộc-dân, ngoài đối với xã-hội quốc-dân, sao cho hết bần-phận thì mới được là thành-nhân. Vậy muốn lên bậc thành nhân thời trước phải có học. Học thời trước phải biết luân-lý; nếu ngộ-nhận chữ tự-do bình-dẳng mà không theo lễ-độ, không giữ pháp-luật, thời dẫu sau này có phú-quí quan sang chẳng qua vinh-hạnh riêng một mình, chứ không có bổ-ích gì cho gia-đình mà cũng không có giá-trị gì với xã-hội, vì là cái giá-trị không ở chỗ phú-quí mà ở cái tư-cách của người ta. Tư-cách là gì? Chính là đường ăn lễ ở hợp với luân-lý, có hợp với luân-lý rồi sau mới đủ tư-cách tu được thân, lễ được nhà. Như thế thời thiếu-niên ta đã lấy hai chữ thành-nhân làm trách-nhiệm của mình thời không những lấy một sự học tấn-tới là hết bần-phận mà những công việc ở trong gia-đình và xã-hội đều là bần-phận của thiếu-niên cả. Thiếu-niên thiếu-niên, phải nghĩ sao cho khỏi hư phụ cái tiếng thiếu-niên.

Lời bàn

Sách Lễ-ký thàn Quan-lễ có câu : « Quan giả lễ chi thủy dã, thị cố cổ-giả thành-vương trọng quan-lễ. 冠者禮之始也, 是故古者聖王重冠禮 » Nghĩa là trong ngũ-lễ thì lễ quan là trước, cho nên đời cổ thánh-hiền cũng trọng lễ quan. Lại có câu : « Dĩ quan nhi tự chi, thành nhân chi đạo dã, 必冠而字之成人之道也. » Nghĩa là nhân lễ quan mà đặt lên tự đấy, mới nên đạo người vậy. Cho nên làm lễ gia-quan cốt lấy hai chữ « thành-nhân » kỳ-vọng. Lễ-lễ gia-quan thời chế cái mũ, mời người trưởng-giả cầm cái mũ ấy mà đội lên đầu cho người quan-giả, nay không dùng mũ, dùng khăn cũng được. Nước ta xưa nay lễ quan không dùng, thành ra nhiều người không có hạnh-kiểm, trong một

nhà đối với vợ con cũng không được chính-dính, còn mong gì đến xã-hội quốc-dân. Cổ-hiền có câu : « Quan lễ phế nhi thiên-hạ thiếu thành-nhân 冠禮廢而天下少成人. » Nghĩa là lễ quan bỏ, trong thiên-hạ ít người thành nhân. Suy lời nói ấy thời lễ quan cũng nên theo cổ.

Có người nói rằng thời-đại cải-lương, cổ-lễ chước đi chữa được, lại còn bày ra quan-lễ thêm phiền; nhưng thiết-tưởng tục-lễ xa-phỉ đáng nên cải-lương, còn như lễ-nghĩ có quan-thiết về đường luân-lý thời không nên cải.

Thử xem thiếu-niên ngày nay từ lúc ít tuổi vào học nhà trường cho đến lúc đỗ được tốt-nghiệp, đỗ được cao-đẳng trở lên, chỉ biết theo chương-trình lớp học và qui-thức trong nhà trường mà thôi, còn lễ-độ ở trong gia-đình coi là lãnh-đạm. Thậm-chí ngộ-nhận chữ bình-dẳng tự-do, thành ra đối với cha mẹ tôn-thân không có trật-tự gì cả.

Vậy nhân việc nghinh-hôn làm lễ gia-quan đề răn bảo đường ăn lễ ở cho khỏi sai lầm, tuy là phiền-văn, nhưng hợp với lễ hôn cùng một tiệc thời cũng giản-tiện.

Lễ nghinh-hôn

Khi làm lễ gia-quan xong, bày tiệc rượu luôn, người con trai ấy đứng rót rượu mời ông chủ-hôn và các bậc tôn-trưởng, rồi lui vào trong nhà, cử người khác đi thay mặt mời họ xơi rượu.

Tiệc rượu xong mời năm mười người lưu lại, đề đợi giờ đi rước dâu.

Lúc nghinh-hôn về chiều tối thời cử hai người ít tuổi cầm hai cây đèn nến đi trước ông chủ-hôn, chứ không phải dùng bó đuốc bó hương như trước nữa; nếu cưới ban ngày thời hai cây đèn nến cũng nên chước. Chàng rể đi sau ông chủ-hôn, cử hai người cầm chai rượu và hộp tràu đem đến mừng

họ nhà gái, (tục gọi là trầu khem), bố mẹ và người trong họ thanh-cát cùng đi đến nhà gái đón dâu. Chàng rể đến nơi mừng bố mẹ vợ, xong rồi đi lễ nhà thờ bên vợ. Họ nhà trai đến đây chỉ ăn trầu uống nước, đến giờ thì rước dâu về. Nếu tổ xa thời đi lễ hôm trước hay là ngày hôm sau cũng được.

Lễ to-hồng và hợp-cần

Khi dâu về đặt bàn trước sân bày trầu rượu để lễ to-hồng, ông chủ-hôn vào khấn trước, chàng rể cô dâu vào sau lễ bốn lễ.

Văn khấn

Ngày . . . tháng . . . năm . . . , con trai thứ (mấy) tên (mô) . . . lấy con gái thứ (mấy) tên (mô) . . . , nhân được ngày lành tháng tốt, làm lễ nghinh-kôn, gọi chút lễ thường, kính dâng Nguyệt-lão Thiên-tiên chứng-giám.

Mong được : Sát cầm hòa-hợp, loan phượng hòa duyên. Trăm năm kết tóc, một nhà đoàn-viên. Nhờ đức thiên tiên, tặc thành cảm-tạ.

Văn chữ nho

Phu thê lưỡng tính, kim di thành hôn.
Thiên tiên tác hợp, ngưỡng tạ hồng ân

夫 妻 兩 姓。今 已 成 婚。
天 仙 作 合。仰 謝 鴻 恩。

Cần cáo

Lễ to-hồng xong, ông chủ-hôn dẫn vợ chồng người ấy vào buồng làm lễ hợp-cần, đặt coi trầu nậm rượu và hai cái chén để trên khay, chồng đứng bên tả, vợ đứng bên hữu, vợ bái chồng bốn bái, chồng cũng bái lại bốn bái, rồi ngồi xuống giường rót rượu cho nhau uống, đưa trầu cho nhau ăn.

Lễ hợp-cần xong, ông chủ-hôn ra ngoài, đặt tiệc rượu để mời hai họ cùng

những người đi đón dâu uống rượu, nếu họ nhà trai đã đem cỗ đến nhà gái, để họ nhà gái xoi rượu, thời lúc cưới họ nhà gái chỉ ăn trầu uống nước cũng tiện.

Lễ yết-lễ

Nghỉ một lúc, sắm trầu rượu để cô dâu và chàng rể đi lễ tổ nhà, nếu trời tối thì để ngày hôm sau cũng được.

Lời bàn

Đức thánh Khổng bảo ông Tăng-tử rằng : « Nhà có con gái cho cưới, ba đêm không tắt đuốc, » ý nói nhờ con gái ba đêm không ngủ. Tục ta nhà gái nhiều nơi bày cỗ bàn để khoản-dãi trong họ, lấy làm vui mừng, như thế tưởng không hợp lễ, vì là họ trai đã làm cỗ mời họ gái đến ăn thì họ gái cũng nên chước cỗ bàn. Ngai lại nói : « Nhà trai cưới vợ không có cử nhạc, » Tục ta nhà con trai ngày hôm cưới chèo hát vui mừng. Như thế đối với lễ không hợp.

Nhà gái hoặc nhân có tang-trở gì đến họ nhà trai ăn cỗ không tiện, thì đã có cỗ nhà trai đưa đến để khoản-dãi những người đến mừng cưới, đó là tùy tục, trong lễ thì không có. Còn như cỗ-lễ lúc nghênh-hôn chỉ dùng một con nạm để làm lễ sinh, chứ không đem lễ-vật gì cả. Tục ta có nơi lúc cưới đem mâm xôi, lợn quay, hoặc cỗ mới, như thế phiền-phí tưởng cũng nên giảm.

Lễ to-hồng tự người Vi Cổ đời nhà Đường đi kén vợ, nhân gặp ông lão cầm cái túi ngồi hướng mặt trăng giờ sách xem, Người Cổ hỏi sách gì. Ông lão nói : « Sở đề biên hai vợ chồng lấy nhau ». Lại hỏi : — Trong túi có vật gì ? — Có giấy to-hồng để buộc hai người lấy nhau. — Cổ lại hỏi : — Tôi lấy con gái nhà ai, ông có biết không? — Anh lấy con gái họ Trần mới lên ba tuổi, mẹ nó đi bán rau. — Sau anh ta quả lấy con gái họ

Trần. Mới biết việc hôn-nhân thực có thiên-định, từ đây bày ra lễ tơ-hồng, chứ cổ-lễ không có.

Lễ hợp-cần cổ-lễ có đặt cỗ, vợ chồng cùng ăn với nhau. Nhưng tục ta con gái mới về nhà chồng, tnh còn bẽn-lẽn, nên không dùng cỗ, chỉ dùng nậm rượu rót cho nhau uống, coi trầu đưa cho nhau ăn mà thôi.

Còn như dân quê có nơi cô dâu mới về thì mẹ chồng xách bình vôi chạy; có nơi cô dâu cầm dao và cái mồi thuốc trừ cùng là cái kim gài ở tràng áo. Lại có nơi cô dâu mới hỏi-môn nhà trai để cái cối đá và dốt đồng rom ở trước ngõ để cô dâu bước qua. Đó cũng là nhân khí xưa có người về nhà chồng tưởng là bị tà-ma nó làm ốm đau, nên phải phủ-chú yểm-đảo như vậy, một người làm rồi người khác cũng theo, thành ra tuần-lập mãi không thể đổi đi được. Đối với cách văn-minh bây giờ, thế chả phải hủ-lậu lắm dư?

Tục thành-phố, nhà cưới con trai, thân-thích tân-bằng thường hay mừng câu-đối, không có câu-đối thì đám cưới không được sang, nhưng xem câu-đối vớc nhiều ngoài gián bằng giấy, giữa gián chữ nhưng, coi như đồ mã vậy, không được mấy ngày giấy mã rơi ra mà câu-đối phí tí ra cũng đến ba bốn đồng bạc, thực là vô-ích. Vậy câu-đối nên bỏ, thà đem mừng một hai đồng bạc có lẽ phải hơn.

Có người bảo mừng bằng bạc là hủ, nhưng không biết đám cưới này mừng chữ « Loan phượng hòa minh 鸞鳳和鳴 », đám cưới khác mừng chữ « Sắt-cầm hảo-hợp 瑟琴好合 », quanh đi quẩn lại cũng chỉ có bằng ấy chữ, thậm-chi có một đám cưới mà hai ba câu đối cũng dùng bằng ấy chữ như nhau; dù bằng vớc nhiều cũng chẳng khác gì cái đồ gián mã, thế chẳng hủ lắm dư? Tiền bạc là cái đồ hữu-dụng

đem đến mừng thời cũng là giúp vốn cho nhau, thực cũng là một sự ích-lợi, không phải là hủ.

Tục ta từ ngày cưới đến bảy ngày gọi là một cử, nhà trai làm cỗ mời bố mẹ vợ cùng thân-thích đến uống rượu, họ nhà gái mừng được bao nhiêu tiền, mẹ vợ hôm ấy đem đến mừng cho chàng rể. Cũng có nơi làm cỗ luôn ngày hôm sau cho tiện, đó là tục riêng của từng xứ. Xem trong lễ không có, thì cái tục ấy nhữ nghèo cũng nên thôi.

Trong lễ con gái về nhà chồng mẹ dặn « Túc dạ vô khiên, kinh thánh cử-mệnh 夙夜無愆敬聽舅命 », nghĩa là sớm khuya đừng làm điều gì trái lễ, kính nghe lời bố mẹ chồng. Lại dặn câu: « Tất kính tất giới, vô vi phu-tử, 必敬必戒無違夫子 », nghĩa là hẳn kính hẳn răn, đừng trái lời chồng. Nhà có con gái cốt dạy đi làm dâu phải hết đạo làm dâu, chứ không nên bắt-chước người đời, mẹ hay nuông con gái, đến nỗi con mình hư mà mình vẫn cho là phải, nhân thế nó lại nay chừc-thuyết điều này, mai chừc-thuyết điều khác, thành ra hai nhà thông-gia mất lòng nhau, cái lỗi ấy tự mẹ nuông con, nhưng cũng lỗi tự người chồng không biết dạy vợ. Tục có câu: « Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bở-vơ mới về ». Vợ là người họ khác, ý-tức của bố mẹ chồng, hẳn chưa được quen, gia-pháp nhà mình, hẳn chưa được hiểu, nếu mình không tìm điều răn bảo, thời hẳn biết đâu mà theo; cho nên người chồng cần phải dạy vợ, đừng nên nghe vợ bênh vợ, để sinh chuyện lời-thôi.

PHỤ LỄ CƯỚI BỒN-TANG

Gặp đại-tang, quan còn để trong nhà, làm lễ cưới ban đêm gọi là « bồn-tang. »

Lời bàn

Thiên tạp-ký kinh Lễ nói: « Tang tiểu công 小功 (nghĩa là tang năm

tháng) thời làm lễ hôn lễ quan cũng được, còn tang tư-thôi 齊衰 và tang một năm trở lên thời không được làm lễ hôn.»

Tục ta cưới bốn-tang như thế là không hợp cổ-lễ, tuy vậy lễ từng nghi, cũng đừng nên cầu lễ quá, phỏng như gia-tình người ấy bố mất mà mẹ đã già, hoặc mẹ mất mà bố đã già, cùng là con trưởng hoặc con nhà hiem phải đợi xong tang mới được cưới, bất-hạnh

xong tang ấy lại kể tang khác, thời đến bao giờ được thành-hôn Sách Mạnh tử có câu: Vô hậu bất hiếu vi đại 無後不孝為大, nghĩa là không có con nối sau, tội bất - hiếu là lớn. Như vậy thời giữ được chữ lễ thời mất chữ hiếu, thời việc bốn-tang cũng là lòng-quyền. Tuy không hợp cổ - lễ, nhưng cũng hợp với nhân-tình vậy.

Còn nữa)

THIỆN-ĐÌNH

MỘT NHÀ ĐẠI TRIẾT-HỌC ĐỜI MINH

Vương Dương-Minh 王陽明 (1)

II

Dương-Minh khi còn niên-thiếu thích bàn việc binh, lớn lên theo về việc học, chữa từng đã trải qua nơi hàng-trận. Thế mà nhất-đán ra trị - nhậm ngoài biên-cương, chỉ đem theo mấy kẻ ti-lại văn-hàn, dẹp yên được bọn giặc lớn đã hàng bao nhiêu năm, dẫu kẻ lão-luyện việc binh cũng không giỏi được như thế, xa gần đều kinh-sợ coi như thần. Xem thế thì văn võ có phân-đồ khác nhau đâu, duy đã hay lập-đức lập-ngôn thì tất là hay lập-công vậy. Nhưng sự họa-hoạn trong thiên-hạ đã khi nào yên, mới dẹp yên được bọn thảo-khấu nhỏ mọn ấy, cũng chưa hết được cái tai dùng về việc di-đại đầu-

gian, nên mới lại có cái việc trong bốn mươi hai ngày dẹp yên nạn Ninh-vương.

Thần Hào nguyên là hàng cháu vua Thái-tổ nhà Minh, thừa được phong-tập-tước của ông cha, ở đất Nam-xương, tước xưng là Ninh-vương. Nhân khi ấy Võ-tôn vô-tự, lại hay đi ngự chơi luôn, nhân-tình lấy làm nguy-sợ. Ninh-vương mới nổi lên làm phản, đó là ngày tháng sáu năm thứ 14 niên-hiệu Chính-đức. Khi ấy quân ở Phúc-kiến làm phản, Dương-Minh phụng-mệnh đi khám xét, mới đi đến huyện Phong-thành (2), chợt nghe tin Ninh-vương

(1) Xem Nam-Phong kỳ rước số 145.

(2) Thuộc Giang-tây ở về phía nam thành Nam-xương.

nổi loạn. Ninh-vương ở thành Nam-xương cách Phong-thành chẳng qua vài mươi dặm. Quan Tuần-phủ Giang-tây là Tôn Toại và quan án-sát-tí phó-sứ là Hứa Qui đều tự-tử, còn các người khác đều theo về đảng nghịch cả. Nếu khi ấy Dương-Minh cũng xông vào hang hổ, thì không có người chủ-trì, việc thành ra hỏng mất. Dương-Minh bèn trở lại đảo về Cát-an, họp-tập binh-mã để từ-đồ bỏ-cứu về sau. Ninh-vương sai quân đuổi theo không kịp.

Khi Dương-Minh ở Phong - thành nghe tin biến, thì bà phu-nhân và công-tử ở dưới thuyền. Dương-Minh cho gọi một cái thuyền đánh cá nhỏ để sắp trở về Cát-an, sai quan tham-muru là Lôi Tế, Tiêu Vũ, đem đưa hai đấu gạo và mấy miếng cá mắm để cùng phu-nhân tương-biệt. Khi thuyền sắp ra đi Dương-Minh hỏi Tế rằng: « Đã sắp đủ mọi đồ-vật chưa? » Tế thưa rằng: « Đã đủ. » Dương-Minh cười mà rằng: « Còn thiếu một vật nữa. » Tế và Vũ nghĩ không ra. Dương-Minh sai lấy một cái lọng vàng bảo rằng: « Đến các địa-phương mà không có cái vật này, thì sao tỏ cho người ta tin được (2). » Ngày hôm sau đi đến dưới thành Cát-an, cửa thành canh-giờ nghiêm-nhật, thuyền không được ghé vào. Vũ, Tế mới giương lọng lên để báo cho trong thành biết, bấy giờ ở trong mới mở cửa ra đón vào. Đó tuy là một việc nhỏ, nhưng xem đó đủ biết là người lo việc tinh-tường.

Dương-Minh mà hay dẹp yên Thần Hào, thuận là dùng mẹo quyền-biến cả. Song « binh bất yếm trá », không nên lấy thế mà chê nhà nho vậy. Khi Dương-Minh trở lại Cát-an, cùng với quan tri-phủ là Ngũ Văn-Định điều-bát binh-mã lương - thực, sửa - sang

khí-gioi thuyền - bè, lại truyền hịch bốn phương, kể rõ tội Thần Hào, để khiến cho các quan thú-lệnh đều đem binh-sĩ giúp việc cần - vương, nhân họp chúng bàn rằng: « Quân giặc kia nếu đi về mặt Trường-giang, thuận dòng sông xuôi xuống mé đông, thì Nam-kinh không thể giữ được nữa. Ta muốn dùng mẹo quấy-rối để cho nó chậm - trễ lại độ tuần - nhật thì không lo gì nữa. » Bèn giả-cách làm ra tờ công-văn hỏa-bài để phản-gián, sức đi các nơi hư-trương thanh-thế, để cho Thần Hào nghe biết. Có người nói rằng: « Ninh - vương thấy thế chừa chắc đã tin ngay là thực. » Dương-Minh hỏi lại rằng: « Nếu không tin thì có sinh nghi không? » Thưa rằng: « Cũng không khỏi nghi. » Dương-Minh nói: « Nếu được hấn sinh bụng nghi một cái thì việc ta xong! »

Lý Sĩ-Thực, Lưu Dưỡng-Chính là hai kẻ mưu-sĩ của Thần Hào, Dương-Minh muốn làm cho ly-gián, giả-cách đưa thư cho hai người, trong thư bày tỏ cái bụng thành muốn về hàng, khiến làm lung - tung thúc - giục Ninh-vương sớm kéo binh xuống mé đông, mà lại cố làm cho tiết-lộ cái mưu ấy ra. Quả-nhiên Thần Hào lấy làm ngờ, đến khi cùng với Sĩ-Thực, Dưỡng-Chính bàn định, thì hai người lại đều khuyên nên mau mau kéo xuống Nam-kinh, để lên ngôi vua. Thần Hào lại càng nghi lắm. Dương-Minh lại sai niêm-yết tờ cáo-thị ra các nơi rất nhiều, và dựng hiệu cờ chiêu-hàng, hiền - dụ lấy lẽ thuận - nghịch họa-phúc. Lúc mới đầu thì Thần Hào vẫn định mưu rằng lấy ngày mười-bảy tháng sáu xuất-binh kéo thẳng đến Nam-kinh, vào yết lãng vua Thái-tổ nhà Minh, rồi làm lễ lên ngôi, xong rồi kéo đi đánh Bắc-kinh. Sau vì được

những tin trên này việc gì cũng hoài nghi cả, không dám xuất-binh đi vội, trước sai quân đi đánh đất Cửu-giang gần Nam-kinh, mà mình thì vẫn lưu ở tỉnh-thành để phòng-bị quân của Dương-Minh. Quân-lính đợi mãi Thần Hào chẳng thấy đem quân ra, phải lưu-trụ mãi chốn giang-hồ, quân-khi chán nản suy-yếu, lại thấy những tờ cáo-thị niêm-yết ra bốn mặt, và mộc-bài cờ-hiệu chiêu-hàng, ai cũng đều trẽ-nải, mỗi ngày ly-tán dần. Mãi đến sau Thần Hào cho đi do-thám mới biết bốn mặt không có quân-lính gì cả, mới dám đem quân ra ngoài thành, phía đông xuôi xuống Trường-giang, đánh thành Yên - khánh, vây Yên-khánh mười tám ngày không hạ được thành. Thần Hào nói rằng: « Thành Yên-khánh còn không hạ được, nữa là thành Kim-lăng. » Trong những khi ấy thì Dương-Minh sắp quân đã chỉnh-bị cả rồi.

Dương - Minh nghe Thần Hào đã đòi khỏi Nam-xương, mới họp bàn tiến quân, mọi người đều bảo thành Yên - khánh bị vây, nên đem quân thẳng đến giải vây thành Yên-khánh. Dương-Minh nói rằng: « Không nên, nay Cửu-giang Nam-khang đều đã bị thất-hãm cả rồi, mà trong thành Nam-xương còn có vài vạn quân, quân tinh-nhuệ cũng còn đến hơn một vạn, lương-thực chứa-chất sung-túc; quân ta nếu đến đánh Yên-khánh, thì giặc nó tất quay binh lại liều chết mà đánh quân ta, binh trong thành Yên-khánh chỉ đủ giữ thành, không thể cứu-viện được cho ta ở trong hồ; binh Nam-xương nó lại kéo ra chặn đường lương-thực của mình, mà bao nhiêu quân giặc ở Cửu-giang Nam-khang nó đều họp lại quấy rối mình, viện-binh ở bốn phương không thể mong được, thì lỡ mất việc. Không gì bằng nên mau đánh thành Nam-xương phá nơi cón-bản, Thần Hào thế tất

phải trở về cứu, như thế thì thành Yên-khánh tự-khắc giải vây, mà Ninh-vương rồi tất là bắt được ! » Xem như mấy câu nói ấy thì biết ông liệu việc tỏ như xem văn bàn tay, tuy rằng Tả-Tần, Trương Nghi là kẻ sách-sĩ tài-giỏi sủy-ma thời-thế cũng không kịp bằng vậy.

Trước kia Ninh-vương phục-binh hơn nghìn ở ngoài thành Nam-xương. Dương-Minh dò biết đánh tan đám phục-binh. Những quân bại-trận chạy vào trong thành. Trong thành xôn-xao kinh-sợ, Dương-Minh thúc quân tiến vào đánh, quân giặc lại càng kinh-khiếp đoạt-khi. Quan-quân nhân lúc náo-động, hò reo tiến vào, bắc thang trèo lên thành. Quân trong thành đều đảo-qua chạy trốn, thành tan vỡ. Quan-quân kéo vào thành, tha cho những kẻ hiếp-tùng, niêm-phong phủ-khố, cần-mật quan-phòng, chiêu-an quân-dã đều được yên-nghiệp cả.

Đã hạ được thành Nam-xương rồi, đóng quân lại hai ngày, rồi sai Ngũ Văn-Định, Từ-Liên, Đới Đức-Nho đem quân tinh-binh chia ra các đường đều tiến quân, lại sai quan Thông-phán Thụy-châu là Hồ Nghiêu-Nguyên đem quân phục sẵn ở các nơi để đón đánh quân giặc. Khi ấy Thần Hào nghe tin quân thành Nam-xương thất-bại, quả nhiên giải vây thành Yên-khánh, đem quân trở lại cứu - viện, vừa đi đến Hoàng-gia-độ (ở phía đông Nam-xương) thì gặp quan-quân. Văn-Định đi tiên-phong đánh xông vào mặt trước, quân giặc xông lên đánh, Hình Tuân vòng quanh đánh về mặt sau quân giặc, Văn-Định thừa-thế đánh lên, Nghiêu-Nguyên lại nổi quân phục lên đánh, quân giặc tan vỡ lui về giữ đất Bát-tự-não, lại hết đem quân Nam-kinh ra đánh một trận nữa, quân giặc cả thua lui về giữ trấn Bảo-tiêu-xá, ken liền thuyền lại với nhau bày thành phương-trận, rồi hết đem đồ kim-bảo để khao quân;

ngày hôm sau, Thần Hào đương buổi sớm, triều-hội kẻ quân-thần thì quan-quân chột kéo đến, đem những chiếc thuyền nhỏ chở củi đước lại, theo ngọn gió tung lửa lên đốt cháy các thuyền giặc, vợ Thần-Hào là Lâu-thị cùng mọi người hầu đều nhảy xuống nước chết. Khi Thần-Hào sắp làm phản Lâu-thị đã từng can mãi không nghe, đến đây Thần-Hào than rằng : « Xưa kia chúa Trụ nghe lời vợ mà đến mất nước, ta đây lại vì không nghe lời vợ mà đến thua trận, hối lại sao kịp được nữa. » Thuyền của Thần Hào bị mắc cạn, vội-vàng nhảy sang thuyền khác chạy trốn thì bị phải quan tri-huyện Vạn-an là Vương-Giác bắt được. Quan-quân lại đánh lấy cả được thành Nam-khang, Cửu-giang, đầu đuôi tất cả có bốn mươi một ngày là dẹp yên giặc.

Khi Thần Hào mới khởi loạn, binh-thế rất thịnh, coi khinh Dương-Minh như không. Thế mà rồi phải chịu khổ ở một xóm, nhảy-nhót trong vài tháng trời chẳng kịp giờ được trở về, đến phải chịu diệt-vong, xem thế đủ biết Dương - Minh ứng - biến như thần không thể lường biết được. Dương khi mới hạ được thành Nam-xương, Dương - Minh chột truyền lệnh chế và mười vạn cái thẻ mộc-bài « miến-tử », kẻ tá hữu không ai biết là để dùng làm gì, đến khi giao - chiến ở trên hồ Phiên-dương thì thấy ông sai lấy những thẻ mộc-bài ấy vút lên mặt hồ để cho nó thuận dòng nước chảy xuống ; quân giặc khi ấy mới nghe tin tỉnh-thành đã vỡ, những quân hiệp-tùng đều muốn bỏ trốn đi, nhưng lại sợ không thể khỏi chết được, chột thấy trên mặt hồ trôi nổi lên những mộc-bài « miến-tử », đều đua nhau tranh vớt lấy, vì thế quân của Thần Hào không ai còn có chí chiến-đấu nữa.

Trận đánh ở trên mặt hồ khi mới giáp trận thì quan-quân đã hơi núng bỏ lui, Dương - Minh liền sai chém

những tên bỏ lui trước, quan tri-phủ là Ngũ Văn-Định liền xông vào trong đám tên đạn, cố sức đốc các quân-sĩ liều chết mà đánh vào, quân giặc chột trông thấy giơ lên một cái thẻ bài lớn, viết mấy chữ rằng : « Ninh-vương đã bị bắt rồi, quân ta không được giết bậy ! » Quân giặc thấy thế kinh-sợ bối-rối, bèn tan vỡ. Thần Hào toan muốn lần trốn đi, chột trông thấy có một chiếc thuyền đánh cá ẩn ở trong đám cỏ lau, Thần Hào liền gọi lại để sang dò, người đánh cá bơi chèo đi đến đón bắt ngay Thần Hào đưa đến trung-quân, các tướng không ai biết cả.

Khi Dương - Minh đánh nhau với Thần Hào mà ông vẫn ở trung-quân họp đệ-tử lại giảng học, chột thấy linh về báo rằng tiền-quân thất-lợi, mọi người đương ngồi đều có sắc sợ, Dương-Minh thông-thả bước ra tiếp-kiến tên lĩnh, rồi lại trở về chỗ ngồi, lại vẫn tiếp-tục giảng học. thần-sắc yên-nhiên. Vụt chột kẻ điệp-giả lại vào báo rằng quân giặc đã tan vỡ, mọi người đương ngồi đều có sắc mừng, Dương-Minh lại thông-thả bước ra tiếp-kiến kẻ điệp-giả, rồi lại lui về chỗ ngồi, lại vẫn tiếp-tục giảng học, thần - sắc cũng vẫn yên - nhiên như trước. Ấy là ông hay không động-tâm như thế đó.

PHÊ-BÌNH. — Trên lịch-sử ít thấy có bậc nho-tướng, mà dụng-bình giỏi như Dương-Minh cũng lại càng ít có người như thế vậy. Sau Dương-Minh có một nhà lý-học danh-nho, mà thân ra chốn hàng-trận làm cho quân giặc bách chiến phải đến khốn-quần, thì có ông Tăng Quốc-Phiên 曾國藩, (tên tự là Dịch-sinh, thụy là Văn-chính). Song còn được nhiều người chiến-tướng giúp đỡ, chứ như Dương - Minh những người tham - dự mưu cơ - mật trong tướng-mạc, chẳng qua một vài kẻ nhà nho tòng-học, những người chỉ-huy ra tiền-dịch, chẳng qua mấy kẻ tá-nhi ở

bản-tĩnh và phủ-huyền, thế mà Dương-Minh hay lấy nhất-tâm vận-dụng được cả, hay khiến những bậc đồ-khẩn vuông đều thành kẻ dank-sĩ, những kẻ li-thuộc giữ sổ sách đều thành bậc lương-lương, thực là có cái thủ-đoạn hay hóa những kẻ sù-hủ ra làm bậc thần-kỳ, khiến người ai cũng phải kinh phải yều.

Khi Ninh-vương làm phản, triều-đình được sớ Dương-Minh tâu về, hợp quần thần lại hội-nghị. Quan Binh-bộ là Vương Quỳnh nói rằng : « Kẻ thụ-tử ấy vốn làm bất-nghĩa, nay thắng-thốt nổi lên làm loạn, cũng chẳng sợ gì. Đã có Vương Thủ-Nhân giữ ở thượng-du, đuổi theo là tất bắt được. » Xem thế thì biết cái tài của Dương-Minh là Vương Quỳnh, mà biết cái học của Dương-Minh là Vương Tư-Dur vậy.

Hoặc hỏi Dương-Minh rằng : « Dụng binh có thuật gì không ? » Dương-Minh nói : « Dụng-binh có thuật gì đâu, chỉ cốt học-vấn thuần-đốc, nuôi được cái tâm mình bất-động, ấy là thuật đấy. Phàm người ta tài-tri cách nhau không xa mấy, thế mà cái cuộc được thua không phải đợi đến lúc lâm-trận mới biết, chỉ cốt coi ở cái tâm động hay là bất-động mà thôi. » Đời Minh chiến-tranh những đồ võ-khí hầy còn dang-giản, còn có thể nói là dụng-binh có thuật gì, chứ như đời nay thì không thể nói thế được nữa. Song khi hai nước đối lữ, đồ kiên-giáp lợi-binh bằng nhau, địa-thể nhân-số cũng bằng nhau, thế mà một đảng được một đảng thua khác nhau, há chẳng là một đảng thì học-vấn chưa được thành-đốc, lúc lâm-sự đến thì tâm động, một đảng thì học-vấn rất là thành-đốc, lâm-sự đến mà tâm vẫn bất-động đấy ư ? Chiến-thuật tuy có cổ có kim, có trung có ngoại, nhưng cái tâm không có cổ-kim trung-ngoại gì cả.

Cứ như Dương - Minh Niên - phở, thì năm Chính-đức thứ 14, ngày rằm

tháng sáu, nghe tin Thần Hào khởi biến, ngày 19 thì Dương-Minh trở về Cát-an dâng sớ về triều cáo-biến; ngày 13 tháng 7 mới khởi binh từ Cát-an tiến-phát; ngày 15 sai quan tri-huyện Phụng-tân là Lưu Thủ-Tự đánh phá quân phục-binh của Thần Hào; ngày 19 lại tự lỵ-xoa tiến binh; ngày 20 hạ được thành Nam-xương; ngày 24 đánh nhau ở Hoàng-gia-độ; ngày 25 đánh nhau ở Bát-tự-não; ngày 26 đánh bắt được Thần Hào ở Triều-xá, đất Giang-tây yên. Xem thế thì đầu đuôi chiến-sự có 42 ngày. Sách Tục-tu-trị-thông-giám nói là 35 ngày thì không phải. Nay theo như Niên-phổ.

Tướng Ô Châu nước Kim bị phải Nhạc Vũ-mục đánh thua, sắp lui quân về. Có kẻ thụ-sinh dâng ngựa lại can rằng : « Từ xưa chữa khi nào có kẻ quyền-thần ở trong, mà quan đại-tướng hay lập được công ở ngoài. Cứ như tôi xem ra, thì Nhạc Thiếu-bảo không khỏi tai-vạ được, lẽ nào lại lập được công. » Quyền-thần tức là trở lẩn Cối. Đương khi Dương-Minh đi binh nạn, thì trên có vua Võ-tôn hoang-dâm, dưới có người Giang Bàn chuyên-hoạnh, gièm báng tứ-tung, tả hữu gây nạn, nếu không phải trung như Dương-Minh, mà lại giúp thêm lấy quyền-biến, thì quân ra chưa kịp báo-tiếp mà thân đã bị chết, lại chẳng theo cái lối bánh xe đồ như Nhạc Vũ-mục ư? Tuy rằng may mà thành công, mà phần trong phải lo sợ về kẻ sàm-báng, cái lòng duy-tri điều-hộ cũng rất là khó. Xem những đoạn ấy thì biết rằng xử-thế rất khó-khẩn.

Đương lúc Võ-tôn mới nghe Thần Hào sinh biến, hạ chiếu đi thân-chính, ý là muốn mượn chuyện ấy để thỏa cái chí nam-du. Lại lạ nữa là Võ-tôn không lấy cái danh-nghĩa là hoàng-đế để hiệu-triệu bốn phương, mà lại thác

cái danh là Uy-võ đại - tướng - quân Trấn-quốc-công Chu Thọ. Khi xa-giá mới đi đến Bảo-định (tỉnh Trục-lệ), thì thư báo-tiếp đã dâng về. Võ-tôn đem giấu bắt đi, không đem tuyên-bố ra hình như không muốn chóng dẹp được yên loạn làm thích, mà lại lấy làm tức rắng như thế thì mình ra thân-chinh vô-danh không được thỏa cái chí nam-du vậy.

Khi Dương - Minh dâng thư cáo Thần Hào làm phản, ý muốn nhân việc này để răn vua đừng có sủng - bạng kẻ hoạn-quan. Trong thư có câu : « Xin truất kẻ bệ-hạnh, để hồi-tâm kẻ hào - kiệt trong thiên - hạ. » Mọi kẻ hoạn-quan nghe biết đều không bằng lòng. Đến khi dẹp yên được Thần Hào rồi, chúng lại khởi cái lòng ghen công, và lại sợ Dương-Minh phát-lộ chuyện kín ra, thì lại cả lấy làm sợ, thường ở trước mặt vua, nói gièm-pha không thiếu một điều gì. Quan Thái-giám là Trương Trung và An-biên-bá là Hứa Thái đem cấm-quân kéo đến Giang-tây, lại muốn sai thả Thần Hào ra ở trong hồ Phiên-dương, để cho vua ra đẩy thân tự bắt lấy, cho thỏa-thích ý vua.

Dương-Minh nhận khi Trung, Thái hai người chữa kéo quân đến nơi, trước bắt ngay được Thần Hào, điệu đến Nam-xương, Trung, Thái hai người cậy có tờ lệnh của Uy-võ-đại-tướng-quân đón ở huyện Quảng-tín để đòi lấy Thần Hào, Dương-Minh không giao cho. Trong bọn quan Thái-giám có Trương Vĩnh là người vốn hiền-lành, khi bấy giờ đóng ở Hàng-châu, Dương - Minh đi đến yết-kiến báo rằng : « Dân tỉnh Giang-tây đã chịu phải cái độc của Thần Hào đã lâu, trải qua đại-loạn lại liền bị thiên-tai hạn - hán, gia-dĩ có các quân-quan ở các tỉnh và ở Kinh kéo đến cung-ứng không đủ, thế-tất nó phải trốn tránh hạp ở trong hang núi để làm loạn, như thế thì thiên-hạ

sắp thành ra cái thế như đất vỡ-lò, ông vốn là người ái-quốc, há lại chẳng nghĩ đến thế ư ? » Vĩnh rằng : « Phải, tôi ra chuyến này cũng muốn điều-hộ bên tả bên hữu để giúp đỡ thánh-cung, chứ không phải vì tranh-công mà lại dây đầu. » Dương-Minh tin là người trung-trực, mới đem Thần Hào giao cho Vĩnh, mà mình thì cáo ốm ra tỉnh-đường ở chùa Tĩnh-từ bên Tây-hồ, miệng không khoe gì công-cán cả, cái ý cũng giống như ông Hàn Kỳ cười lừa chơi ở trên hồ vậy.

Khi Dương-Minh ở Tây-hồ lại được mệnh cho làm tuần-phủ Giang-tây, bèn trở về Nam-xương. Bấy giờ Trương Trung, Hứa Thái hai người đều ở Giang-tây chỉ dòm-dỏ xét-nét trăm đường, muốn bắt lấy điều lầm-lỗi, rồi theo gió mà phụ-hội, bịa đặt ra lời gièm pha. Lại làm cho quân Kinh và quân Nam hai đảng bất-hòa nhau. Dương - Minh lại càng úy-lạo hậu-dãi, truyền-dụ trong quân bảo rằng Bắc - quân đến đây là khách, nên hậu cái lễ chủ đãi khách mới phải, mỗi khi gặp đám tang quân Bắc, thì tắt đèn xe lại thăm hỏi ân-cần. Ít lâu quân Bắc đều cảm-phục. Trung, Thái muốn cùng Dương-Minh thi bắn, ý-tưởng rằng Dương-Minh là kẻ văn-thần không biết bắn, muốn lấy nghề bắn để khuất-phục Dương-Minh. Dương-Minh phải miễn-cưỡng ứng theo, bắn ba phát tin cả ba. Bắc-quân đứng vòng xung-quanh đều reo lên giơ tay chúc mừng. Trung, Thái cả sợ mà rằng : « Quân ta đều phụ theo cả rồi chẳng ? » Liền thu quân kéo đến Nam-kinh, vì khi ấy Võ-tôn đương ngự ở Nam-kinh.

Mọi kẻ bệ-hạnh vẫn căm-giận Dương-Minh mãi không thôi, gièm-pha ở trước mặt vua bảo là có chí làm phản. Vua hỏi lấy gì làm chứng-nghiệm. Chúng thưa rằng : « Thử triệu lại mà không chịu lại thì biết ngay. » Vua cho triệu

lại. Trương Vĩnh ngầm sai kẻ mặc-tân là Tiền Bình-trung đi đến mặt bảo Dương-Minh, và dặn bảo hễ nghe mệnh triệu thì phải lại ngay. Khi nghe mệnh vua triệu liền đi đến, thì Trung, Thái lại làm ngăn-trở ở Vu-hồ đến nửa tháng, Dương-Minh bất-đắc-dĩ phải vào ở núi Cửu-hoa, mỗi ngày chỉ ngồi yên trong am cỏ. Vua ngầm sai người đến dò xem, nói rằng : « Vương Thủ-Nhân là người học-đạo không có lẽ làm phản. » Vua lại hạ lệnh cho về Giang-tây. Lúc ấy gặp phải Võ-tôn là vua bất-minh, lại giá-dĩ Trương Trung, Hứa Thái ngày đêm môi-nghiệt gièm-pha, thế mà không hay làm tổn được Dương-Minh một tí gì, cái trí khôn ấy hồ đê ai đã kịp được. Đến đây thì Dương-Minh mới tan hết sự nghi-ngờ.

Khi Võ-tôn kéo quân xuống miền nam, bọn tiểu-nhân chưa được sinh-chi hại Dương-Minh, thì bụng họ vẫn chưa thỏa. Dương-Minh cũng không muốn kết-oán với bọn tiểu-nhân, để sinh ra kinh-địch về sau này, mới lại dâng thư báo-tiếp Giang-tây một lần nữa mà qui-công cho vua và những người tả hữu hầu vua, để chiều ý cho thích, vua lấy làm đẹp lòng bèn thu quân trở về. Sau khi phương Nam đã định yên rồi, Hoắc Thao có lời bàn rằng : « Xem như việc này, khi đã bắt được kẻ tội-nhân rồi, mà còn động-chúng ra quân; địa phương đã yên rồi mà còn giết dân d^đ tấu-tiếp, làm lầm tiên-triều (trò Võ-tôn) để mắc về sự lỗi, động lay nền nước cho đến sắp nguy; thế thì Trung, Thái muốn cướp công làm hại nghĩa, cái tội ấy tây trời ! » Từ khi lời luận này phát ra, thì Dương-Minh có tội hay có công lại càng rõ vậy.

Năm Chính-đức thứ 16 tháng 12, vua Thế-tôn lên ngôi (niên-hiệu Gia-tĩnh), luận cái công bình Giang-tây, phong Dương-Minh làm Tân-kiến-bá, tồ chiếu nhà vua vừa ban xuống, lại vừa gặp ngày sinh-nhật ông thân-sinh

ra Dương-Minh là Long-Son, Dương-Minh nâng chén dâng tiệc thọ. Long-Son nhún-nhường mà nói rằng : « Khi gặp Thần Hào khởi-biến, ai cũng tưởng may là phải chết mà không chết, ai cũng nghĩ là việc khó yên được mà lại yên, nào là kẻ sàm - báng bày chuyện, gây ra tai - vạ, nguy - ngập tưởng không thể nào khỏi chết được. Thế mà nhờ trời bóng nhật-nguyệt sáng soi, người trung - lương rõ-rệt, cha con lại được lạ-mông phong-thưởng, trước cao quan lớn, hội-hợp một nhà, thế chả là may lắm dư ! Song cái lễ thịnh lắm thì phải suy, phúc quá lại hay gây ra họa, dẫu đáng mừng nhưng cũng đáng sợ vậy ! » Dương-Minh qui mà dâng chén thưa rằng : « Lời cha dạy, con xin ngày đêm ghi lòng ! » Ấy đấy, lấy cái công nửa đời người học-hành làm-dưỡng, trong mấy tháng sợ-hãi nguy-nghi, mà mới được ngày nay cha con vui-vẻ, thỏa chí binh - sinh, thế mới biết kiến-công lập-nghiệp không phải là dễ đâu vậy.

P. H. BÌNH. — Tờ số tấu-tiếp lần thứ nhất của Dương-Minh thì vốn chép ở trong tập; còn tờ số tấu-tiếp lần thứ hai, thì không phải là thực-lục, nên không chép. Kẻ môn-sinh là Long-Quang có đề ở sau tờ số rằng : « Tờ số tấu-tiếp của tiên-sinh, sợ rằng phiền-dân nhiều quá, nên phạm những mưu-kế làm phản-gián, đều không nói đến. Và cũng nghĩ rằng những việc thiết-mưu dụng-kế, không phải là việc người quân-lử nên làm, vậy không muốn nói rõ ra để khoe với người. Song nếu đương lúc ấy mà không làm kẻ phản-gián, để cho Ninh-vương phải chậm-trễ mà lưu lại, thì Ninh-vương lập-tức đem quân tiến lên, khác nào như sét đánh, phòng-bị sao chớ kịp được, lưỡng-kinh và các tỉnh không khéo nguy mất. Sở-dĩ hay khiến Ninh-vương lỡ mất sự-co mà đến thua, là cốt chỉ tại làm cho Ninh-

vương chậm-trễ, mà hay làm cho Ninh-vương chậm-trễ, là tại dùng mưu phản-gián. Nay ta đọc những tờ tấu-sách báo-tiếp, thì thấy đều là cái công đáng ghi chép cả, nhưng không biết trong tờ tấu-sách không thể kể hết ra được, còn đến gấp mười phần nữa kia. Khi đã dẹp yên giặc rồi, quân ở Bắc-kinh mới kéo ra, bọn tiểu-nhân lỡ mất gian-mưu, nên mới căm giận tiên-sinh, trăm đường bịa đặt gièm-pha mà không thì độc-thủ được với tiên-sinh, nên mới tức giận những kẻ môn-nhân là Kỳ Nguyễn-Hanh và lũ Tể, Vũ, Quang, đều muốn vu-hãm cho vào tội chết. Nguyễn-Hanh bị bắt, còn lũ người Quang thì đi trốn tránh lẩn lút, nhà tan người chết, vợ con xao-xuyến, phải đợi khi quân kinh bỏ tỉnh-thành kéo về, mới lại dám xuất-diện về nhà. Hương lúc lũ Quang đi dấn tờ niệmyết, căm căm hiệu thả mồi-bài để làm phản-gián, đều là đêm hôm mờ tối, lấm mưa xông gió, vượt sóng qua đèo, ra vào trong trận giặc vạn-tử nhất-sinh, những người sai đi làm mưu phản-gián bị Thần Hào giết chết, đều là người nhà thân-tin cả. Đến sau khi việc đã yên rồi, kể luận công không xét trước sau, đem những công-trang kẻ trong danh-sách đều tước bỏ đi hết, thưởng phạt như thế thì từ nay về sau thiên-hạ nếu gặp phải sự biến, người ta ai cũng trông gương lũ người Quang mà đều lấy làm răn. » Xem thế thì biết đương lúc ấy xử sự rất là khó-khăn.

Các vị đế-vương nước Tàu thiên-kỳ bách-quái bày ra làm trò hay, như là vua Chính-đức mà tự xưng là Uy-vũ-đại-tướng-quân, phong Trấn-quốc-công, những trò trẻ con ấy giống như những chuyện trong những bộ liêu-thuyết diên-nghĩa, chỉ vì chớ vua tôi quan-hệ về đại-nghĩa, nên không dám trực-xích điều trái của vua, phải dụ lời mà can, can mà không nghe, thực là phi-tồn tâm-cơ lắm, rồi việc ấy cũng

qua đi, lại phải trước mặt dua-nịnh rằng đức Thiên-vương là thần-thánh ! Nay bọn công hòa quốc-dân mà xem đến cụ-sử, thì thực là lắm chuyện buồn cười !

Khi lũ Trung, Thái ra đến Giang-tây, cố ý muốn khiêu-hấn với Dương Minh, nên Dương-Minh phải chịu nhẫn-nại, phải xử một cách rất là trung-hậu lão-thực ; cùng với khi đi đánh Ninh-vương dùng kế phản-gián giả-trá cơ-mưu trăm đường, thực khác hẳn như hai người. Phỏng như đương lúc khiêu-binh hãn-tướng nó ở gần bên cạnh nách, nếu không cần-thận một tí thì tai-vạ bất-trắc ngay, trừ nhẫn-nại ra thì không có thụt gì xử được lúc ấy. Về sau cái gian-mưu của Trung, Thái không thành, mà Dương-Minh lại được bảo-toàn công-danh, địa-phương nhờ được yên-ôn, đó đều nhờ về cái sức nhẫn-nại. Tóm lại trung-hậu lão-thực vẫn hơn cơ-mưu biến-trá, cơ-mưu biến-trá ví như thuốc độc, bất-đắc-dĩ mới phải lạm dùng, còn như trung-hậu lão-thực là thứ cơm bữa của nhà, không một ngày nào thiếu được.

Dương-Minh hai lần dâng sớ báo-tiếp, phải uốn ngọn bút để dua-nịnh bọn tiểu-nhân, người nho-giả tưởng không nên làm như thế. Nhưng nếu không làm như thế thì bọn tiểu-nhân tất xui giục vua bảo thả Thần Hào ra trong hồ, để vua lấy động binh đến bắt, bọn họ làm như thế, chẳng qua trò trẻ con, nhưng ở địa-phương ấy thì phải chịu giầy-vò khô-sở, đó thực là cái bụng khô-trung bất-đắc-dĩ của Dương-Minh, chứ không phải chỉ vì tránh tai-vạ cho một mình vậy.

Dương-Minh lịch-duyet đường hoạn-du, đã được hành cái sở-học của mình, đến khi việc Giang-tây đã định yên xong rồi, tháng ngày thắm-thoắt, chợt

đã hơn năm mươi tuổi. Ông thân-sinh lại vừa tuổi già tóc bạc, bóng tang-du đã ngã về tây. Dương-Minh đương tỉnh ở nhà đọc sách nuôi cha già, không cầu tiếng-ấm gì cả, lại vâng theo chỉ cha tri-doanh giới-mãn, dâng sớ lên xin từ phong-trước, không ngờ rằng mùa xuân năm Gia-tĩnh nguyên-niên, lại gặp tang cha, cách cái ngày thượng-thọ vừa độ ba tháng.

Năm Gia-tĩnh thứ tư, Dương-Minh mãn tang cha, quan Lễ-bộ Thượng-thư là Tịch Thư dâng sớ lên tiến-cử Dương-Minh. Trong bài sớ có câu rằng: « Sinh trước thần, thần thấy có một người là Dương Nhất-Thanh 楊一清 (1), sinh sau thần, thần thấy có một người là Vương Thủ-Nhân 王守仁. » Xem như câu ấy thì thực là suy-tôn lắm. Khi ấy có quân mãn ở Điền-châu thuộc tỉnh Quảng-tây nổi khởi-loạn, năm thứ sáu, vua xuống chiếu khởi-phục Dương-Minh cho ra Lương-Quảng, tổng-chế quân-vụ.

Dương-Minh đương khi đã dẹp yên Thần-Hào rồi không dùng đến việc binh nữa, mà vẫn còn lục-dụng kẻ vũ-sĩ; hoặc kẻ hồi đã dẹp yên Thần-Hào rồi, còn dụng võ làm gì nữa, Dương-Minh cười mà rằng: « Bèn Giao-chỉ đương có nội-nạn, nhân khi bắt ý mà sang đánh úp cũng là một cơ-hội hay. » Xem thế thì biết Dương-Minh vẫn có cái chí dẹp yên ngoài bờ cõi. Nay mới phụng-mệnh lập-tức từ nhà ra đi, qua đường Giang-tây rồi sang Lương-Quảng. Trước kia Dương-Minh có lập một học-hội ở đồng Bạch-lộc là chỗ ông Chu-tử giảng học khi trước, nay qua đất Nam-xương, các học-trò đều lại hội-hop, mở ra cuộc giảng sách Đại-học ở Minh-luân-đường, các học-

sinh xô nhau đến thích-giảng đông quá, nhiều người không được nghe. Khi ấy có Đường Nghiêu-Thần giả làm anh phòng chè mới lên vào được trên thềm để nghe giảng, thất-kinh mà rằng: « Sau đời Khổng-Mạnh sao lại còn có cái khí-tượng thế này! » Thực là đáng kính-phục vậy.

Điền-châu nguyên là đất Bách-Việt đời Tần Hán khi xưa, vốn là cõi đất quân-bạt thuộc về các thổ-ti, sau mới đặt ra quan cai-trị, các rợ Man không phục, kẻ đầu mục là lũ Lư Tô, Vương Thụ họp dân-chúng lại làm loạn, vây hãm châu-thành. Quan Đề-đốc là Điền Mỏ không thể dẹp yên được, lại mất cả đất Tư-án. Khi Dương-Minh ra đến Nam-ninh, các rợ Man nghe thấy tiếng đều đã tâm-khiếp. Dương-Minh thấy binh-thế giặc mán rất thịnh, cũng nghĩ rằng dụng-binh mà đánh thì không phải, mới dâng sớ lên nói rằng: « Điền-châu giáp-giới với đất Giao-chỉ, là nơi quân mán-mọi thường xuất-một, nên cứ nhưng-cụ đặt chức Thổ-quan, để làm phen-rào. » Mới cùng quan Tuân-án ngự-sử là Thạch-Toàn đi h kễ chiêu-phủ, giải-tán cả chur-quân. Lư Tô, Vương Thụ trước còn chưa chịu về hàng, đến đây tự trời mình đến quân-môn xin hàng. Dương-Minh xá tội cho hai người ấy, chỉ phạt trưng mà cho về, rồi vào các dinh-trại vỗ yên quân-chúng, xong rồi ban-sự trở về.

Dương-Minh trước lập đại-công ở Giang-tây, thì bị phải cái ách bọn bề-hạh nó gièm-pha; nay lập-công ở Lương-Quảng thì lại mắc phải cái ách bọn triều-thần họ ghen-ghét: việc đời gai góc khôn xiết thổ-than! Khi Dương-Minh lại được khởi-dụng là bởi tại

(1) Tên tự là Ứng-Minh người Ba-lăng, thụy là Văn-trung, là người học rộng khéo quyền-biến, ví như ông Điền Sùng đời Đường.

Trương Hồng 張翥, Quế-Ngạc 桂萼 đề-đặt lên. Ngạc nguyên không quen biết Dương-Minh, vì Thông cưỡng-ép mới cùng hòa-hiểu làm quen. Sau Ngạc được vào làm trưởng Lại-bộ, Thông thì được vào làm Nội-các, hai người vẫn không chịu nhường nhau. Ngạc là người mới được bạo-quí, lại hi công-danh, có xui Dương-Minh sang đánh Giao-chỉ rồi hãy về. Dương-Minh biết cái thế không thể đánh được, chối-từ không đi. Các-thần là Dương Nhất-Thanh vốn biết Dương-Minh, nhân vì Hoàng-Quán có dâng sớ lên muốn tiến Dương-Minh vào các, mà lại bài-bác Nhất-Thanh; Quán nguyên là học-trò Vương Dương-Minh, vì thế Nhất-Thanh cũng không khỏi giận lây đến Dương-Minh; mà Ngạc thì công-nhiên bài-bác Dương-Minh về việc chính-phủ đều thất-nghi cả, vì thế không có ban thưởng cho Dương-Minh. Song kỳ-thực thì sự biên-hoạn ngoài Quảng-tây khởi lên đã ngoài trăm năm, nay nhất-dán mà hay đẹp yên di như bề cảnh khô, cái công ấy thực là rất to, thế mà kẻ đình-thần xử thiên-tư, triều-đình lại quá nghe, không bệ-n-biệt kẻ hiền người gian, kẻ có công có tội đều lợi-dảo cả, đó thực là cái hỏng-bệnh của nước chuyên-chế đã nghìn đời nay vậy.

Năm Gia-tĩnh thứ bảy, tháng mười, Dương-Minh bị bệnh, ban sư về đến núi Đại-dữu, bệnh lại càng kịch lắm. Đến đất Nam-an, kẻ môn-nhân là Châu Tích vào yết-kiến, Dương-Minh còn ngồi dậy hỏi cận-lai sự học tấn-tối thế nào — Châu Tích hỏi thăm bệnh, thì Dương-Minh nói: « Bệnh thế nguy-cấp, chỉ còn nguyên-khí chữa chết mà thôi. » Ngày 28 tháng 11, Dương-Minh mất ở phố Thanh-long. Khi gần mất, bưng mắt trông học-trò bảo rằng: « Ta đi thôi, tâm ta quang-minh, chẳng phải dặn lại câu gì cả. » Một lát, thì mất.

Lấy cái người có học-vấn, có huân-du như Dương-Minh, nên được hưởng thượng-thọ mới phải, thế mà chỉ thọ được 57 tuổi mà thôi, thế thì tuổi thọ dài hay ngắn, dấu bậc thánh-hiền hào-kiệt cũng phó mặc tự-nhiên, chớ không thể nài sao được. Song-le nguyên-khi mà không chết, thì người vẫn không chết, học-giả nếu hay hiểu ý ấy, thì đương lúc những bậc thánh-hiền hào-kiệt mắc bệnh mà vụt chốc từ-trần, dấu gạt nước mắt đi mà cười cũng phải.

Dương-Minh mất rồi, lũ Quế Ngạc vẫn còn căm-giận mãi chưa thôi, phàm những án-điền, phong-lược, tặng-ấm, từ-thụy đều không ban cho cả. Lại chỉ-trích cái học của ông cho là nguy-học, ban tờ chiếu xuống cấm-chỉ. Hoàng Quán dâng sớ lên biểu-luận, kể ông đại-công có bốn điều-học, thuyết lớn có ba điều, đại-lược rằng:

« Thủ-Nhân có bốn điều đại-công: 10) Khi Thần Hào nổi loạn, âm-mưu đã lâu, kẻ nội-thần như lũ Ngụy-Bân, kẻ bề-bạnh như lũ Liễn-Ninh, Giang Bân, kẻ văn-thần như lũ Lục Hoàn đều làm nội-ứng. Các quan Trấn-thủ như Tất Chân, Lưu Lăng đều làm ngoại-ứng. Vậy nên đương lúc ấy trung ngoại chur-thần đều đem lòng quan-vọng, nếu không có Thủ-Nhân trung nghĩa tự-thệ, chẳng nghĩ gì cái va tru-di, thân ra đương việc thảo-tặc, thì thiên-hạ an nguy cũng chưa biết ra thế nào. Nay lại đều cho là cái công của Ngũ Văn-Định cả, thế có khác gì coi khinh người xuýt chó mà lại trọng-thưởng cho con sấu không? 20) Những bọn giặc ở các trại Đại-mạo, Trà-liêu, Lợi-đầu, Dũng-cương, thế giúp bốn tỉnh, bình-hỏa luôn mấy mươi năm. Từ khi Thủ-Nhân ra trấn-thủ Lưỡng-Quảng, thứ đệ dẹp yên. 30) Điền-chân và Tư-ân quân mãn khởi-hấn đã lâu, năm nào phương-dân cũng không được yên-đn. Nên lại phải

khởi-phục Thủ-Nhân đề ra kinh-lý, khiến cho lũ Lư, Vương phải lạy xin hàng, cảm-khấp mà chịu phạt trọng, cái nạn ở địa-phương ấy mới yên. 40) Xưa nay tám trại man-dân (1) vẫn làm cái tật tâm-phức cho đất Lương-Quảng. Những quan-quân đồn-thú ở đó lại thường dặng với giặc, không thể làm sao được. Thủ-Nhân mộ quân mường Vĩnh-thuận vào đánh úp mà giết di, họ Vương họ Lư phải đầu-hàng, mới trừ được cái hại lớn vô-cùng cho đất Lương-Quảng.

Học-thuyết lớn có ba điều: 10) Tri lương-tri, nghĩa tri-tri 致知 là tự ông Khổng nói ra, mà nghĩa lương-tri 良知 là tự thầy Mạnh, cũng không khác gì nhau vậy. 20) Nghĩa thân-dân 親民 (2), nguyên bản cũ sách Đại-học nói nghĩa thân-dân, là lấy chữ «thân 親» bởi cái câu «Bách tính bất thân 百姓不親» trong kinh Thư mà ra, phạm những việc thân gần người hiền, vui giúp sự lợi cho dân, yêu ghét đều cùng hợp ý với dân, mà làm cái đạo hiệt-cử, là hay đo-dẫn suy bụng ta ra bụng người, đều là nghĩa thân-dân cả, chớ không phải là cái thuyết mới bịa đặt ra vậy. 30) Cái thuyết tri-hành hợp-nhất, cũng tức như nghĩa kinh Dịch bảo rằng tri đã đến nơi thì phải làm cho đến nơi, tri cho cùng thì làm cho cùng, cũng là một việc cả. Thủ-Nhân phát ra cái nghĩa «tri-hành hợp-nhất» ấy, muốn cho người ta phải ngôn-hành tương-cố, chớ không chuộng không-ngôn; thế thì cái học của Thủ-Nhân, không có khác với thánh, không có trái với đạo, thực là cái học chính-truyền của cửa Khổng. Nay Thủ-Nhân

đã chết nơi đất khách, vợ con thì hèn yếu, kẻ gia-đồng phải chỡ xương đem cáo-táng ở chỗ không-sơn, thần thực không nỡ trông thấy đương đời thánh-minh mà lại có việc như thế! Giả-sử Thủ-Nhân sinh ở đời khác, Bê-hạ cũng còn nên truy-sùng, phương-chỉ lại ở về ngày nay.»

Sớ dặng vào, không thấy báo lại. Đến đời vua Mục-tôn (Niên-hiệu Long-khánh) lên ngôi, mới truy-tặng cho Thủ-Nhân làm Tân-kiến-hầu, thụ là Văn-thành. Năm Vạn-lich thứ 12, cho vào tù g-tự Khổng-miếu.

PHÊ-BÌNH. — Khi Dương-Minh đề tang cha, khóc-lóc rất là thương đau, lại răn bảo người nhà phải ăn chay trăm ngày, chữa được bao lâu lại cho các con cháu được ăn thịt, mà nói rằng: «Các con đã quen thói ăn ngon mà nay bắt ép phải làm cái sự không làm được, thế thì ra cho chúng nó làm giả cách, thói hãy rộng cho để cho mọi người đều được tự hết sức mình.» Được ít lâu đã gần thói khóc, chợt có người khách đến thăm, kẻ hầu bầm rằng xin ra khóc. Dương-Minh bảo rằng: «Khóc là phát tự trong tâm, nếu vì khách đến thăm mà mới khóc, đến lúc khách ra về lại thôi khóc, người đời chỉ quen thói sức-tình làm giả-dối, dối với cha mẹ cũng thế thì không nên.» Xem như Dương-Minh đủ làm phép cho người khi cư-tang vậy.

Từ khi Dương-Minh phát-minh ra cái học-thuyết lương-tri, kẻ học-giả đều tin theo cả, các đệ-tử theo học họ Vương khắp cả thiên-hạ, khi nào họp-tập, đến hội có đến và trăm người, xem như khi

(1) Những dân mán mọi ở cõi đất Tư-án, Điền-Châu kết thành tám trại để chống-cự với nhà Minh, Dương-Minh dặng năm bài sách thiện-hậu, từ đấy đất Lương-Quảng mới yên.

(2) Sách Đại-học: Tại thân dân 在親民. Thầy Chu-tử giải nghĩa cho chữ thân 親 đọc như chữ tân 新.

Dương-Minh đến đất Nam-xương giảng học ở Minh-luân-đường mà nhiều người văn-phong đến họp đầy cả một trường, Đường Nghiêu-Thần lại không tiếc gì mình xin cung vào việc hầu trè để cầu lấy được nghe giảng làm thích. Than ôi! Sao mà thịnh lắm thay! Trong một xã-hội ai cũng có lòng quan-cảm về các bậc sư-nho, dẫn đến các người làm việc bách-công cũng có cái lòng tôn sư mộ đạo, tới khi nhỏ ở chốn hương - thôn cũng còn thấy cái phong ấy, nay thì mất hẳn đi rồi.

Sách Đại-học nguyên là một thiên trong sách Lễ-ký, từ bậc tiến-nho nhà Tống mới đem phân-biệt ra làm một sách để cùng với sách Trung-dụng, Luận - ngữ, Mạnh - tử gọi là tứ - thư. Sách Đại-học bản cổ từ chương « Đại học chi đạo 大學之道 » đến câu « thủ vị tri bản 此謂知本 », thì vẫn là nguyên-bản chưa qua thầy Chu chia ra từng truyện. Từ khi thầy Chu mới đem sách Đại-học ra chia từng chương-cú bỏ truyện chu vào; đến mãi đời Minh, suốt mấy đời không ai có dị-thuyết gì cả. Đến Dương-Minh mới xướng lên theo bản cổ không theo Chu-chú, đó là chỗ lập-dị với thầy Chu vậy.

Từ đời Tống trở lại, kẻ học-giả vẫn tôn-sùng thầy Chu á với Khổng Mạnh, phục theo lời nói mà vẫn đọc sách của thầy Chu; dẫn ai có nghĩa tân-tri cũng không dám nói ra miệng để lập-dị với thầy Chu. Ôi, thầy Chu thực là bậc đại-hiền, nhưng mà cứ chiếm lấy cái học-thuyết riêng của mình để đến mãi

nghìn năm sau không cho ai lập-dị với mình, thì quyết không phải là bản-tâm thầy Chu như thế. Thế mà đương lúc ấy những kẻ ghét Dương-Minh lại mượn lấy cái cơ ấy để mà công-kích (1), đến người làm sử nhà Minh cũng phụ-họa theo (2), không biết là ý thế nào. Học-vấn như Dương-Minh, sự-nghiệp như Dương-Minh, thế mà đến sau trăm đời, cũng còn chưa có định-luận, thực đáng tiếc thay!

Dương-Minh nhất-sinh ngôn-bành, chép đủ cả ở các di-thư (3). Những câu thường nói như bảo rằng: « Chi-thiện là bản-thể của tâm. » Lại nói rằng: « Điều chi-thiện chỉ là làm hết lẽ trời cho rất phải, mà không có một tí nhân-dục nào thiên-tư cả. » Lại rằng: « Lương-tri tức là thiên-lý. » Những câu nói ấy đều là minh-bạch thiên-cận dễ biết dễ làm, không khác gì vãi lụa đậu thóc nhiều ít đều có ích cho người cả Song các sách nguyên-thư rất nhiều, sợ không thể học tóm hết được những điều yếu-lĩnh, nay kê qua đại-khái ở đây, lại trích-lục những lời nói cốt-yếu chép như sau, để được thường thường xem xét có thể lấy đó làm gương được.

— Hoặc kẻ hỏi cái công chủ nhất như là đọc sách thì nhất-tâm ở về đọc sách, tiếp khách thì nhất-tâm ở về tiếp khách, có phải là chủ-nhất không? Nói rằng: Nếu như thế thì hiệu-sắc

(1) Quế Ngạc công-kích Dương-Minh bảo rằng việc làm không bắt chước cổ, nói ra chẳng theo lời sư-truyền, chỉ lập-dị để làm cao, trái hẳn với cái lời bàn cách-vật tri-tri của Chu Hi.

(2) Kẻ làm sử phụ-họa bảo rằng Dương-Minh chỉ khoe những ý sáng-kiến để lập-dị.

(3) Vương Dương-Minh toàn-tập 20 quyển. Khoảng năm Sùng-trinh Thi Diệu lại khắc ra bộ tập-yếu phân ra lý-học, kinh-tế, văn-chương ba tập, tất cả là 15 quyển. Các học trò lại ghi chép những điều sở-vấn, gọi là *Truyền-tập-lục*.

mà nhất-tâm ở về hiếu-sắc, ham của mà nhất-tâm ở về ham của, cũng gọi là chủ-nhất đấy ư? Như thế gọi là trực-vật (1) chứ không phải là chủ-nhất; chủ-nhất là chỉ chuyên-chủ một bề thiên-lý.

— Khoảng ban ngày dụng-công thấy phân-nhiều, thì nên ngồi yên cho tĩnh; thấy nản xem sách thì hãy cứ xem sách, đó cũng là cái phép hân cái tật mà chữa.

— Hoặc kẻ hỏi đấng thánh-nhân ứng-biến bất-cùng, thế có phải giảng-cầu sẵn cả trước không? Đáp rằng: Sao lại hay giảng-cầu sẵn trước được nhiều như thế, chỉ cốt tại cái tâm ông thánh-nhân như mặt gương sáng, các việc cứ tùy-cảm mà ứng-phó, không vật gì là chẳng soi tỏ.

— Nghĩa-lý vốn không có định-tại, không có cùng-lận, ta cùng người nói, không nên thấy sở-đắc mới một ít như thế, mà đã vội cho là hết rồi; giá mà nói nữa thì đến mười năm, hai mươi năm, năm mươi năm, cũng còn mãi chữa hết.

— Hỏi: khi tĩnh thì thấy ý-tứ khác, chợt gặp việc một cái thì lại thấy khác, là sao? Đáp rằng: Thế là tại chỉ biết tĩnh-dưỡng, chứ chưa có cái công-phu khắc-kỷ. Nếu như thế thì lâm-sự có khi điên-đảo. Người ta phải tập ma-luyện lúc có việc mới đứng vững được, mới hay khi tĩnh cũng định, mà khi động cũng định.

— Hỏi: Người ta ai cũng có cái tâm ấy, tâm tức là lý, sao lại có kẻ làm thiện, có kẻ làm bất-thiện? Đáp rằng: Cái tâm người ác là tại nó làm mất cái bản-thể của tâm.

— Các người học-giả gần đây đến yết-kiến ít hỏi, là có sao? Đáp rằng: Người nào mà không dụng-công, thì thường cho là tự mình đã biết học,

chỉ cứ noi theo mà làm mà thôi. Nhưng không biết rằng cái bụng tư-dục ngày nào nó cũng sinh ra, như là bụi ở trên mặt đất, nếu một ngày mà không quét, thì nó lại sinh ra một tầng nữa. Nên cốt phải thiết-thực dụng-công, thì mới biết đạo-lý vô-cùng, càng xét càng thâm, tất phải xét biết cho tinh không một tí gì là chẳng thông-suốt, mới được.

— Các bề bạn xem sách nhiều người cứ hay chỉ-nghị ông Chu Hối-am, Dương-Minh bảo rằng: Thế là có ý cầu-dị không nên; cái thuyết của ta tuy có chỗ khác với ông Hối-am, đó là vì lúc học bắt đầu, mỗi ngày một khác, sai một li đi một dặm, nên phải biện-bạch cho rõ. Nhưng đến như cái tâm của ta với tâm ông Hối-am thì chưa từng khác bao giờ. Còn như văn-nghĩa trong sách mà giải cho được rõ-ràng đích-đáng thì tài nào đòi được một chữ.

— Trồng cây tất phải bồi đắp cái gốc nó, trồng cây đức thì cũng phải dưỡng lấy cái tâm, muốn cho cây mọc lớn thì lúc mới mọc phải cắt bớt những cành rườm rà; muốn đức mình thêm thịnh thì dương lúc mới học phải bỏ hết cả những sự ngoại-hiếu.

— Phạm bề bạn chơi với nhau phải nên chậm-qui, không nên chỉ-trích nhau lắm, phải nên thường dẫn-dụ tưởng-khuyến nhau là hơn.

— Hoặc kẻ hỏi cái nghĩa tri hành hợp-nhất. Đáp rằng: Nên phải biết cái tồn-chỉ ta lập-ngôn mới được, nay những kẻ học-giả chỉ vì phân tri với hành ra làm hai, vậy trong tâm hề có nghĩ một điều gì mới phát-dộng ra có ý bất-thiện, tuy chữa làm nhưng cũng không biết cấm-chỉ ngay đi. Nên ta phát-mình ra cái nghĩa tri hành hợp-nhất, là cốt bảo cho người ta biết rằng hề trong bụng mới phát-dộng ra tưởng nghĩ một điều

(1) Theo mọi vật mà thiên đi.

gi, thì tức là đã thi-bành rồi đấy, giá thử cái điều nghĩ ấy là bất-thiện, thì phải nên tuyệt ngay cái bụng nghĩ bất-thiện ấy đi, đừng để cho cái bụng nghĩ bất-thiện ấy nó tiêm-phục ở trong tâm, ấy là cái tôn-chỉ ta lập-ngôn như thế.

— Hoặc kẻ hỏi tiên-sinh thường nói thiện ác chỉ là một vật, song thiện ác hai mối như là băng với thán trái nhau, sao lại là một vật được? Đáp rằng: Chí-thiện vốn là bản-thể của con tâm, nếu cái bản-thể ấy mà quá đáng sai đi một tí, thì tức là ác, chứ không phải có một cái thiện, lại có một cái ác đối nhau đâu, vậy ta cho thiện ác chỉ là một vật.

Người ta nếu hay hiểu-thiện như yêu sắc đẹp, ghét ác như ghét mùi hôi, thì tức là bậc thánh-nhân. Lúc mới nghe nói tưởng như thế rất dễ, sau thử-nghiệm mãi biết cái công-phu ấy trước-thực rất khó, như là tâm-niệm dẫu biết hiểu-thiện ghét ác, song bất-giác yêu ghét lại hay phân-tạp, nếu hơi có bụng phân-tạp, thì không phải là có cái tâm yêu thiện thực như yêu sắc đẹp, ghét ác thực như ghét mùi hôi. Bao giờ hiểu-thiện, rất là yêu thực, không một niệm nào là bất thiện, ghét ác rất là ghét thực, không một niệm nào là nghĩ đến ác, như thế chẳng phải bậc thánh là gì, vậy cái học của thánh-nhân, chỉ là một bụng thành mà thôi.

— Tiên-sinh thường bảo rằng nhà Phật không hệ-lụy, mà kỳ thực có hệ-lụy; nhà Nho hệ-lụy, mà kỳ-thực không hệ-lụy; như là nhà Phật sợ lụy về cha con thì trốn hẳn đạo cha con, sợ lụy về vua tôi, thì trốn hẳn đạo vua tôi, sợ lụy về vợ chồng thì trốn hẳn đạo vợ chồng; đó là đều vì vương lụy về vua tôi cha con vợ chồng, mới phải lánh đi. Nhà Nho thì có cha con lại lấy điều nhân mà xử cho xong, có vua tôi lại lấy điều nghĩa mà xử cho xong, có vợ chồng lại xử lấy lễ, thế thì há-tặng có

wương lụy về cha con vua tôi vợ chồng?

— Hoặc kẻ hỏi khi tâm mình đã không có ác-niệm, cái tâm không-hư-rộng-rãi, thì không biết có còn phải giữ-gìn cái thiện-niệm không? Đáp rằng: Khi ác-niệm đã bỏ đi rồi, thì tức là thiện-niệm đó, tức là bản-thể của con tâm, ví như mặt trời sáng bị phải đám mây che, khi mây đã tàn đi rồi thì nó lại sáng ra. Nếu đã hay trừ ác-niệm đi rồi, mà lại còn phải giữ-gìn cái thiện-niệm, thì khác gì bóng mặt trời đã sáng lại còn thấp thêm một cái đèn.

— Có một người bạn bẽ tức-khi lên thì hay trách người, tiên-sinh răn bảo rằng: Học-giả phải nên xét lại mình, nếu chỉ trách người, thế là chỉ biết cái không phải của người, mà không biết cái trái của mình. Nếu hay xét lại mình thì mới biết mình còn nhiều điều chưa hết, còn rồi dẫu mà trách người.

— Kẻ môn-nhân nói rằng ông Thiệu Đoan-Phong có bảo rằng trẻ con chưa biết cách-vật, nên chỉ dạy cho nó cái lễ sái-tảo ứng-đối, thuyết ấy thế nào? Đáp rằng: Sái-tảo ứng-đối cũng là một vật, cái lương-tri của trẻ-con mới biết đến đấy, thì hãy dạy cho nó sái-tảo ứng-đối, tức là khiến cho nó tri lương-tri về một vật ấy. Lại như trẻ con biết sợ đấng tiên-sinh trưởng-giả, ấy cũng là cái chỗ lương-tri của nó đấy, tuy rằng nó còn chơi đùa, nhưng nó trông thấy đấng tiên-sinh trưởng-giả, thì nó cũng biết cung-kính vái chào, thế là nó hay cách-vật để tri lương-tri về sự kính đấng sư-trưởng. Xem thế thì trẻ con cũng có cái việc cách-vật tri-tri của trẻ con.

— Cái đại-bệnh của con người ta chỉ vì một chữ « ngạo », làm con mà ngạo thì tất là con bất-hiểu, làm tôi mà ngạo thì tất là tôi bất-trung, làm cha mà ngạo thì tất là cha bất-từ, làm bạn mà ngạo thì tất là bạn bất-tín, các thầy học-trò phải nên thể-nhận điều

ấy, phải biết rằng nhân-tâm vốn là lẽ thiên-nhiên, tinh - minh trong - sạch, không tìm-nhiêm một tí gì, chỉ là một cái « vô-ngã » mà thôi, nghĩa là không tư - lú riêng mình, trong tâm thiết không nên chỉ coi có mình ta, nếu có cái tâm ấy thì tức là sinh ngạo. Đức khiêm-tốn là cái nền mọi điều thiện, thói kiêu-ngạo là đầu mọi điều ác.

— Một hôm, người trong chợ xô-xát cãi nhau, Giáp bảo rằng mây vô-thiên-lý, Ất cãi rằng mây vô thiên-lý. Giáp bảo rằng mây khi-tâm, Ất cãi rằng mây khi-tâm. Tiên-sinh nghe thấy gọi học trò bảo rằng : « Các anh nghe đấy, cãi-cọ lao-xao là giảng học cả đấy ». Học trò thưa rằng : « Đó là cãi nhau, sao gọi là học được ». Đáp rằng : « Các anh không nghe đấy ư, nào là thiên-lý, nào là tâm, chẳng phải giảng-học là gì ? » Thưa rằng : « Đã đi học sao lại còn cãi nhau ? » Đáp rằng : « Vì những người ấy chỉ biết trách người, chứ không biết xét lại mình, có thể vậy. »

PHÊ-BÌNH.— Chương trên này là sao-lục những lời nói của Dương-Minh. đều nhất những câu nói thiết về việc nhân-sinh nhật-dụng, không có thiệp đến những học-lý cao sâu, để khiến cho người ta dễ biết dễ làm mà thôi. Xét nước Tàu nay là cộng-hòa quốc-dân, thì cần phải cho mọi người đều có cái phổ-thông tri-thức, khi con em bảy tám tuổi, cha anh đưa cho vào trường tiểu-học, để học-tập các sách giáo-khoa, cho được biết những điều phổ-thông tri-thức. Nhưng mà có kẻ học thì tri-thức ngày càng tăng-tới, chí-thủ ngày càng cao xa, có kẻ học thì tri-thức chẳng thấy tăng-tới, mà chí-thủ ngày càng kém, lại không bằng đứa nhà quê dốt không biết một chữ gì, là tại có sao ? Phải biết rằng người ta ai chẳng ăn uống, có kẻ ăn uống nhiều mà thân-thể ngày càng mạnh, thầy thuốc bảo rằng đó là tại huyết-dịch đủ tiêu-hóa được thức ăn; có kẻ ăn uống nhiều mà thân-thể vẫn yếu,

thầy thuốc bảo rằng đó là tại huyết-dịch không đủ tiêu-hóa thức ăn. Những người đi học mà lẩn-tò, cũng có kẻ không lẩn-tò, cái lẽ cũng giống như thế; vì rằng tiêu hóa thức ăn là nhờ về huyết-dịch, tiêu-hóa sự học-vấn là nhờ về lương-tâm. Chương trên này trích-lục những câu tùy-ngôn đều là cái vị thuốc cốt-tử để tiêu-hóa học-vấn, kẻ học-giả không nên một ngày bỏ thiếu vậy.

Muốn xét tìm cái học của Điều-giang thì nên đọc các bộ di-tập; muốn xét cho cùng cái nguyên-ủy về sự học của Điều-giang, thì đã có sách Minh-nho học-án của ông di-lão của đời Minh là Hoàng Tôn Hy 黃宗羲 làm ra; sách ấy làm nối theo sách Tống Nguyên học-án, hợp cả hai sách ấy lại mà xem trong khoảng trên dưới và trăm năm lưu-phái các nhà triết-học, đều kể hết cả ở đó. Tôn-Hy tên tự là Thái-sung, biệt hiệu là Lê-châu, cũng theo về học phái Điều-giang.

Hoàng-thị bàn cái học của họ Chu 朱 họ Lục 陸, có nói rằng : « Học của thầy Chu Tử-dương thì cốt chủ giảng bản học-vấn, bảo rằng học phải cách-vật cùng-lý, là cái bậc thang người ta học lên cõi thánh; nếu chỉ tự-tín là mình phải, chỉ một mình suy nghĩ ở trong tâm, như thế là sự-tâm tự-dụng. Học của Lục Ngải-hiền thì chuộng về sự tôn-trọng đức-linh, bảo rằng trước phải lập-định về điều lớn, điều lớn đã hay đứng vững rồi, thì không bị phải điều nhỏ nó doạt đi mất. Nếu bản-thể đã không rõ, mà chỉ chăm-chút dụng-công về việc ngoài, như thế là nước không nguồn vậy. »

Đời Minh ông Thi Bang-Điệu bàn về cái học của Chu-Hi, và Vương Dương-Minh, có nói rằng : « Chu Hối-am đương khi sau đời Ngũ-qui, Phật-giáo hưng-vô tịch-diệt đầy khắp thiên-hạ, chỉ sợ người ta không biết xét cho cùng-lý, vậy phải tôn theo cái học của Trình-thị, dạy người ta học trước phải chủ kính cùng lý, để cho mọi người biết

đường mà theo. Vương Văn-thành ở về sau đời Chu Hối-am, cái học về từ-chương huấn-hỗ nó làm chìm - đắm lòng người, lo rằng người ta chỉ biết chăm-chú về những sự kiến-vấn, vậy nên phải phát-minh cái học của Lục-thị, yết ra nghĩa « Tri hành hợp nhất », khiến cho người ta biết trở lại xét về căn-bản.

Chu, Lục, Vương ba người đều là bậc đại-nho đời Tống đời Minh, học-phái tuy khác nhau mà thực là giúp đỡ cho nhau, xem như lời bàn của Thi, Hoàng hai tiên-sinh, thì khá biết vậy.

Nguyên bài Hán-văn của
Tôn Dục-Tu 孫毓修

ĐÔNG-CHÂU dịch

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XVIII

1. —K.—Tấn Triệu-Uởng đem quân đánh nhau với quân Trịnh Hân-Đạt ở đất Thiết, quân Trịnh thua.

T. — Mùa thu năm Ai-công thứ hai, người Tề chở thóc đến giúp cho họ Phạm. Họ ấy làm phản Tấn trốn ra ở Triệu-ca. Trịnh Tử-Diêu, Tử-Ban đi hộ tống bọn chở thóc. Sĩ-cát-dịch họ Phạm ra đón lấy thóc.

Tấn Triệu-Uởng ra chống cự quân Trịnh, Triệu-Uởng tuyên-thệ với trong quân rằng: « Họ Phạm và họ Trung-Hàng ở lỗi đạo trời, làm hại trăm họ, khinh-miệt cả vua, định chuyên quyền ở nước Tấn. Vì vậy quả-quân ta phải nhờ Trịnh giúp đỡ để mà giữ lấy nước nhà. Nay Trịnh giở giáo, bỏ vua ta mà giúp cho kẻ bạn-ngịch. Vậy các ông phải thuận đạo trời, theo mệnh vua để tỏ rõ điều đức-ngĩa mà trừ bỏ sự sỉ-nhục đi, là ở chuyển này đây.

« Chuyển này đánh được giặc rồi, thưởng cho quan Thượng Đại-phu thì được một huyện, quan Hạ Đại-phu thì được một quận, bậc sĩ thì được ruộng

mười vạn mẫu, kẻ thứ-nhân cùng các hạng công-thương thì được bỏ quan cả, những kẻ nô-lệ thì đều được miễn dao-dịch. Còn như Chi-phủ này, xét ra trận này là vô-tội thì vua tự nghĩ lại cho. Nếu xét ra mà có tội thì xin cứ đem hành-hình. Chỉ chôn cho một cái ván mỏng gỗ xấu mà không có gì bọc ngoài nữa. Đưa đi chôn thì dùng cái xe không sơn, ngựa không đóng đẽ và không được đem chôn vào trong chỗ phúc-trang của tiên-nhân. Đó là dùng cái hình-phạt của quan hạ-khanh vậy.»

Đến ngày giáp-tuất, sắp giao-chiến, Bưu-Vô-Tuất đánh xe cho Triệu-Uởng, Khoái-Ngoại là Thái-tử Vệ bị xuất-bôn sang Tấn thì làm chức xa-hữu, cùng trèo lên đồi Thiết-thượng.

Người Trịnh vào đâm tin vai Triệu Uởng, Triệu Uởng ngã gục xuống trong xe, người Trịnh cướp lấy cái cờ « con ong » của Triệu Uởng. Thái-tử Khoái-Ngoại cầm cái giáo cứu Triệu-Uởng. Quân Trịnh chạy, Vệ thái-tử đuổi, quân Trịnh đại-bại.

2. — K. — Người Tấn bắt Nhung-nam-tử là Xích nộp cho nước Sở.

T. — Năm Ai-công thứ tư, Sở đánh được rợ Di-hổ rồi bèn mưu đánh các rợ phương bắc. Cho Tả-tư-mã là Phiến, Thân-công Thọ-dư, Diệp-công Chư-lương hội người Sái ở Phụ-hàm, hội những dân ngoài núi Phươg-thành ở Tang-quan mà tuyên-cáo rằng : « Quân Ngô định theo sông Giang vào thành Sinh ; ta sẽ phải ra ứng-tiếp với họ ». Nói thế rồi hẹn nhau một đêm sau thì tập-công ập Lương ập Hoắc là hai ập của rợ Man. Man Phù-dư là Sở đại-phu thì vây rợ Man. Rợ Man thua, Man-tử là Xích xuất-bôn sang đất Âm-địa nước Tấn.

Sở sai sứ sang báo quan đại-phu ở Âm-địa là Sĩ-Miệt rằng : « Tấn với Sở đồng-minh với nhau, có sự gì yêu ghét thì cùng với nhau. Nếu Tấn không quên điều đó thì quả-quân tôi rất lấy làm bằng lòng. Bằng không thì Sở sẽ mở cửa ải Vũ-quan mà sang tưng-mệnh Tấn. »

Sĩ-Miệt hỏi Triệu Ưông, Triệu Ưông nói : « Tấn ta chưa được yên thì không nên để ác-cảm với Sở. Vậy phải bắt vua Nhung nộp cho Sở ngay đi ».

Sĩ-Miệt bèn hội chín quận dân man-di lại, nói dối là để đắp thành và cấp ruộng cho vua Nhung và xem bói để biết việc đắp thành thế nào. Vua Man tin lời đến hội, bị người Tấn trói lại rồi giao cho năm quan Đại-phu đem nộp cho quân Sở ở Tam-thị.

3. — K. — Sở-tử là Trần mất.

T. — Năm Ai-công thứ sáu, Ngô đánh Trần. Sở-tử là Chiêu-vương đóng quân ở Thành-phủ định đến cứu Trần. Sở-tử bói xem chiến thì không tốt, bèn bói

xem thoát cũng không tốt. Sở-tử nói : « Ta để cho quân Sở trận này thua thì không bằng ta chết. Ta bỏ Trần là nước đồng-minh, chịu lui Sở là nước cừu-thù, thì không bằng ta chết. Đàng nào cũng là một cái chết, thì thà ta chết với kẻ thù còn hơn. » Nói rồi bèn truyền mệnh-lệnh cho Công-tử Thân là anh lên làm vua. Công-tử Thân không nhận, lại truyền cho Công-tử Kết là anh. Công-tử Kết cũng không nhận. Lại truyền cho Công-tử Khải cũng là anh. Công-tử Khải từ chối đến năm lần rồi mới nhận.

Đến lúc sắp giao-chiến thì Sở-tử bị bệnh, nhưng cũng cứ đến đánh quân Ngô ở Đại-minh là đất Trần. Sở-tử mất ở Thành-phủ. Công-tử-Lư là anh nữa của Sở-tử nói rằng : « Đức quân-vương ngài bỏ con ngài đi mà nhường nước cho bọn chúng ta. Chúng ta đâu dám quên bụng ngài. Theo mệnh-lệnh ngài là thuận mà lập con ngài lên cũng là thuận. Vậy chúng ta không nên ở sai trong hai điều đó. » Công-tử-Lư bèn bàn với Tử-Tây, Tử-Kỳ cũng là anh vua Sở, mật sai quân đi đón Tử-Chương là con vua Sở bởi bà vợ là con gái nước Việt sinh ra. Lập lên làm vua rồi mới kéo quân về nước.

Khi Sở-tử mới bị bệnh, xem bói thì thầy bói đoán rằng : « Bị thần sông Hà(1) trên quốc ». Sở-tử không cúng. Các quan Đại-phu xin tế vọng ở ngoài cánh đồng Sở. Vua Sở nói rằng : « Từ đời Tam-đại đặt ra phép tự - điền, phạm các nước Chư - hầu không được tế những thần sơn-xuyên tinh-tù ở ngoài giới-hạn nước mình. Sở chỉ có sông Giang, sông Hán, sông Truy và sông Chương là thuộc về tự-diễn mà thôi. Vậy bất-cốc này dù có điều bất-

(1) Sông Hoàng-hà ở về phía Tấn, mé bắc Trung-quốc, Sở thì ở về mé nam Trung quốc cách nhau xa.

đức đi nữa thì cũng không có phạm tội lỗi gì với thần sông Hà mà bị thần hành đến quá giới-hạn như thế.» Sở Chiêu-vương không cho lễ.

Không phu-tử nghe tin nói : « Sở Chiêu-vương biết điều đại-dạo nên không đến nỗi bị mất nước cũng là phải lắm. »

4. — K. — Công đến hội với vua Ngô ở nước Tăng.

T. — Năm Ai-công thứ bảy, Công đến hội với vua Ngô ở nước Tăng. Ngô cho đến đòi Lỗ phải nộp trăm con thái-lao. Lỗ Tử-Phục Cảnh-Bá trả lời rằng : « Vẽ đời tiên-vương chưa có lễ nào như thế » Người Ngô nói : « Tống mới lễ nước tôi một trăm con thái-lao đấy. Vậy Lỗ không nên chịu thua Tống. Vả Lỗ mới lễ quan đại-phu Tấn đến ngoại mười con thái-lao. Thế thì lễ vua Ngô một trăm con thái-lao cũng là phải chớ gì. »

Cảnh-Bá nói : « Phạm Uông Tấn hẳn là kẻ tham mà vô-lễ. Lấy cái uy nước lớn mà dọa nước tôi, nên nước tôi phải lễ hẳn 11 con thái-lao. Nếu nhà vua bên ngài mà lấy lễ-pháp để hiệu-lệnh chư-hầu thì dùng đủ số thì thôi. Nếu ngài cũng bỏ cả lễ-pháp thì là lạm. Khi vua nhà Châu còn thịnh, đặt ra lễ dùng phẩm-vật cho 1 hiên-tử bất-quá đến cái số 12 là một số lớn của trời đất đó. Nay ngài bỏ phép Châu-lễ đi mà cứ đòi một trăm con thái-lao thì tùy ý ngài đấy. »

Người Ngô không nghe Cảnh-Bá tự nghĩ rằng : « Ngô sẽ mất nước mất thôi, bỏ gốc và trái đạo trời. Nếu ta không nghe họ thì họ tất sử tộ với ta. » Lỗ bèn lễ Ngô một trăm con thái-lao.

Ngô Thái-tễ Bĩ cho triệu Qui-Khang-tử sang Ngô. Thang-tử sai Tử-Cống đến từ chối. Thái-tễ Bĩ nói rằng : « Vua nước ông thì phải đi lễ mà lớn khôn lên ở dọc đường, thế mà quan

đại-phu nước ông thì không thờ ra khỏi cửa ải. Vậy thì lễ-nghĩa ở đâu ? » Tử-Cống thưa : « Đó là chúng tôi sợ đại-quốc đấy, chứ có phải là vì lễ-pháp gì mà không đi ra ngoài đâu. Vì rằng đại-quốc không lấy lễ-pháp để mệnh-lệnh cho chư-hầu ; nếu đã không có lễ-pháp thì chúng tôi biết đâu mà dám tin. Quả-quan tôi đã phải đi châu vua Ngô rồi, còn ông già tôi dám đâu lại bỏ nước mà đi nữa. Xem như đức Thái-bá là tổ mở ra nước Ngô, ngài theo phép Châu-lễ dùng y-quan Trung-quốc. Đến ông Trọng-Ung là em nối ngôi bèn theo cách trang-sức cắt tóc vẽ mình và cởi trần là lối của thô-lục Ngô. Thế thì có phải là vì lễ-phép gì đâu, là có cái cơ khiến nên như thế đấy mà thôi. »

Tử-Cống ở Tăng về, biết Ngô không có thể làm bá-chủ được.

5 - K. — Công đi đánh nước Tiều-Châu, bắt Châu-tử là Ích đem về.

T. — Năm Ai-công thứ bảy, Qui-Khang-tử muốn đánh nước Tiều-Châu bèn làm tiệc đãi các quan đại-phu để bàn việc. Tử-Phục Cảnh-Bá nói rằng : « Nước nhỏ thờ nước lớn là tin, nước lớn giúp nước nhỏ là nhân. Nay bệ nước lớn là bất-tin, đánh nước nhỏ là bất-nhân. Giữ được dân là nhờ ở thành, giữ được thành là nhờ ở đức. Nếu ta mà bỏ hai điều đức tốt ấy thì nguy mà còn giữ gì được nước nữa. »

Mạnh-Tôn không bằng lòng việc đánh Tiều-Châu và thấy các quan đại-phu của đảng Qui-Tôn không ai nói gì bèn hỏi : « Các ông cho lời Cảnh-Bá nói là thế nào ? Có lẽ nào các ông lại không nghe cái lời của một người hiền-đức như ông Cảnh-Bá dư ? »

Các quan đại-phu thưa : « Vua Vũ hội các vua Chư-hầu ở núi Đồi-son, các vua Chư-hầu đem ngọc lụa đến dâng tôi một vạn nước. Thế mà nay chỉ còn độ vài mươi nước là chỉ vì nước lớn không giúp nước nhỏ, nước nhỏ không

thờ nước lớn đó mà thôi. Cho nên nếu biết việc này là nguy thì can gì mà chúng tôi không nói.»

Mạnh-Tôn nói: «Đức-chính Lỗ cũng như đức - chính Tiều-châu, thế mà Lỗ chực cậy nhiều người ăn hiếp người ta thì sao phải.» Cử tọa không vui đều lui ra.

Mùa thu, Lỗ đánh Tiều-Châu, bắt vua Tiều-Châu là Ích đem về Mao. Di-Hồng là đại-phu Tiều-Châu tự đem lụa và da thuộc sang dâng vua Ngô xin cầu cứu rằng: «Lỗ khinh Tấn yếu mà Ngô xa, bội lời thề của đức vua và bỏ các quan bên này, cậy nhiều người mà đè nén nước tôi. Nước tôi có xá chi cái phân bé nhỏ, chỉ sợ Lỗ làm như thế thì cái uy-lệnh của đức vua bên ta không thi-hành được. Uy-lệnh của đức vua bên ta không thi-hành được thì nguy cho nước tôi lắm. Nếu mùa hè mới ăn thề với nhau, mà mùa thu đã bội-ban ngay được thì các nước Chư-hầu còn trông mong gì được ở Ngô nữa.» Ngô-tử nhận giúp.

6. — K. — Ngô đánh nước ta

T. — Vua Ngô định sang đánh Lỗ để cứu Tiều-Châu, nhân hỏi Thúc-Tôn Chiếp là người Lỗ chạy sang ở Ngô. Thúc-Tôn Chiếp thưa rằng: «Lỗ liêng là một nước lớn đấy, nhưng thực thì không ra gì, đánh là tất được.»

Thúc-Tôn Chiếp lui về nói chuyện ấy với Công-Son Bất-Nữu cũng là người Lỗ chạy sang ở Ngô. Công-Son Bất-Nữu nói rằng: «Anh thực là kẻ vô-đạo! Cứ đạo thường ra thì quân-tử khi xuất-bôn không có đến cái nước là thù-quốc của nước mình. Đối với cái nước mà mình xuất-bôn đến đó nếu mình chưa chịu tước-lộc gì mà thấy nước ấy sắp đánh nước mình thì mình phải chạy về báo-cáo cho nước mình, vì nước mình mà chết cũng được, chứ cái điều quan-hệ của nước mình thì phải giấu. Và không ai vì một điều giận riêng mà bỏ

cả tình làng xóm. Nay anh vì một điều giận riêng mà phá-diệt tổ-quốc đi thì tệ quá. Nếu vua Ngô sai anh đưa đường thì anh phải xin từ. Anh từ thì tất vua Ngô sai tôi.» Thúc-Tôn Chiếp lấy làm then-thờ.

Vua Ngô hỏi Tử-Tiết (tức Bất-Nữu). Tử-Tiết thưa rằng: «Lỗ tuy binh-lhoi thì ít người giúp mà lâm-sự thì có nhiều người chết theo được; lại Chư-hầu sẽ đến cứu nữa, thì không đánh được đâu. Tấn với Tề, Sở giúp vào thành ra bốn nước cứu-thù. Và ngài còn lạ gì Lỗ là cái nơi che ngoài của Tề, Tấn đó. Mối hổ thì răng lạnh, thề nào mà họ không cứu nhau.» Vua Ngô không nghe.

Tháng ba năm Ai-công, Ngô đánh ta. Tử-Tiết đưa đường, cố ý đưa đi lối hiểm trở về phía Vũ-thành Ở Vũ-thành độ trước có người cấy nhờ ruộng của Ngô ở ngoài biên - cảnh. Người Vũ-thành bắt giam một người nước Tấn cũng đến cấy nhờ ruộng ở đấy mà giặt cối làm đục nước. Bấy giờ quân Ngô tới, đưa bị giam ấy bên đưa quân Ngô vào đánh Vũ-thành, hạ được.

Vương Phạm là Đại-phu Ngô được bổ làm quan Tề nơi thuộc-địa Vũ-thành, bên chơi bời với người cha của Đàm-Đài Tử-Vũ. Vì vậy người Lỗ lấy làm lo sợ sẽ bị người cha của Đàm-Đài Tử-Vũ làm nội-ứng cho giặc.

Ý-tử hỏi Cảnh-Bá rằng: «Làm thế nào bây giờ?» Cảnh-Bá thưa rằng: «Vi ta gây việc để quân Ngô đến. Việc hề nó đến thì ta đánh chứ sợ gì.»

Vua Ngô đóng quân-thứ lại ở trên sông Tứ. Vì Hồ là Đại-phu Lỗ tự đem 700 người ra tập nhầy ở sán, mỗi người nhầy ba cái. Sau chọn được 300 người, có Hữu-Nhược dự vào số ấy. Định đêm hôm ấy đến cướp trại vua Ngô, 300 người mới đi ra đến cửa Bắc-môn thì có người nói với Quy-Tôn rằng: «Làm thế chỉ tổ giết mất nhiều những tay quốc-sĩ đi thôi, chứ cũng không

làm gì được Ngô đâu, bắt-nhược thôi đi.» Vì thế việc cướp trại vua Ngô lại đình-chỉ.

Vua Ngô nghe biết tin ấy, một đêm phải nhờ trại đi chỗ khác đến ba lần.

Người Ngô cầu hòa, lúc sắp làm lễ minh-thệ, Cảnh-Bá nói: « Ngày nọ Tống bị Sở vây, đến nỗi dòi con cho nhau mà ăn thịt, lấy những xương khô người chết làm củ đun. Thế mà người ta cũng không chịu mình lại xin ăn thề ở dưới thành của mình. Nữa là nay ta tuy bị quân Ngô đến nhưng chưa tổn-hại gì mà chịu ra xin thề ở dưới thành của mình, thế là ta tự bỏ nước đi đó. Tôi xem quân Ngô khinh-h-suất mà đi xa thì họ không ở đây lâu được đâu, tất sắp phải về đấy. Vậy xin các quan hãy đợi xem sao đã.»

Người Lỗ không nghe lời Cảnh-Bá. Cảnh-Bá lĩnh tờ quốc-thư ra cửa Lai-môn để xin ở lại bên quân Ngô làm con tin mà Ngô thì cho Vương-tử là Cồ-Tào sang làm con tin Lỗ. Người Ngô bãi việc dòi con tin mà cùng người Lỗ đồng-minh rồi đem quân về

7. — K. — Sở Công-tử Kết đem quân đánh Trần, Ngô đến cứu Trần.

T. — Năm Ai-công thứ 10, Sở Tử-Kỳ (Công-tử Kết) đánh Trần. Ngô Qui-Trát đến cứu Trần. Qui-Trát bảo Tử-Kỳ rằng: « Hai ông vua đều không chăm tu đức mà chỉ hết sức tranh cướp nhau lấy nước chư-hân. Thế thì dân-sự người ta tội gì! Vậy tôi xin lui quân về để cho ông được tiếng. Nhưng ông phải chăm tu đức để yên dân.»

Qui-trát đem quân về.

8 — K. — Tề Quốc-Thư đem quân đánh ta

T. — Năm Ai-công thứ 11, Tề Quốc-Thư đem quân sang đánh ta mới đi đến đất Thanh của Tề. Quý Khang-tử bảo quan Tề áp mình là Nhiễm-Cầu

rằng: « Quân Tề ra đóng ở Thanh, chắc là định sang đánh Lỗ đấy, làm thế nào lách giờ? » Cầu thưa: « Để một mình họ Quý-Tôn ta ở trong giữ nước, còn hai họ Mạnh-Tôn và Thúc-Tôn thì theo quốc-quân ra ải chống cự.»

Quý Khang-tử nói: « Thế không được.» Cầu nói: « Vậy thì họ Quý-Tôn ta ra đóng ở chỗ nội-địa gần biên-thùy.»

Qui-Khang-tử báo-cáo mưu ấy với hai nhà kia không bằng lòng như thế. Nhiễm-Cầu nói: « Nếu hai nhà không bằng lòng thì quốc-quân đừng xuất-chinh nữa mà chỉ một ngài đem quân ra đánh thù-tử với quân Tề. Kể nào không phải là người Lỗ thì mới không theo ra trận. Cái số binh tư-gia ở các hạt trong nước Lỗ còn nhiều hơn số binh-xa của Tề. Vậy một số binh-tư-gia ấy cũng thừa chống với số binh-xa giặc. Ngài có lo gì. Quốc-chính thuộc cả về nhà Quý-thị ta thì hai nhà kia người ta không bằng lòng chiến là phải.

« Chính giữa đời ngài, người Tề sang đánh nước ta mà ngài không cự địch được thì ngài xấu hổ lắm, còn sánh vai với Chư-hầu được sao.»

Quý Khang-tử bèn cho Nhiễm-Cầu đi theo mình vào trong triều. Nhiễm-Cầu đứng ở bờ cù Đẳng-thị là cái ngòi ở trong triều. Thúc-Tôn Vũ-Thúc hỏi Nhiễm-Cầu về việc chiến thế nào. Nhiễm-Cầu thưa: « Có bậc quân-tử mới biết những mưu-lự xa, còn tôi là kẻ tiểu-nhân thì biết đầu đến.»

Mạnh-Tôn Ý-tử lại hỏi đờn. Nhiễm-Cầu thưa: « Tiểu-nhân tôi lượng cái tài-lực của mình, việc gì có làm được mới dám nói.» Vũ-Thúc nói: « Thế ra hẳn bảo chúng ta không phải là trượng-phu à? » Hai nhà bèn về duyệt quân cho Mạnh Nhụ-tử làm tướng gọi là đạo Hữu-quân.

Về bên Quý-Tôn thì cho Nhiễm-Cầu làm tướng gọi là đạo Tả-quân, Phàn

Tri làm chức Xa-hưu. Quân Lô với quân Tề đánh nhau ở ngoài cạnh đông Lô Công Vi với tên gia-dòng đều chiến-tử.

Không-tử nói: «*Câu hệ-dòng kia tuy bé mà cảm nỗi được cái giao cái mắc đề ra bệnh cực lấy nước nhà, thì cái chết ấy không gọi là chết non đâu!*»

9. — K. — Trần Viên-Phả xuất-bôn ra Tịnh

T. — Xưa Viên-Phả làm Tư-đồ nước Trần, đánh thuế ruộng trong hạt nội-địa lấy của để chi việc xuất-gia cho Công-nữ là con gái vua. Con thừa thì để dục những đồ bảo-khi của nhà mình. Vì thế năm Ai-công thứ 11 người trong nước đuổi đi, cho nên y phải xuất-bôn.

Lúc Viên-Phả xuất-bôn, đi đến giữa đường bị đời khất-lâm. May gặp một người trong họ là Viên-Huyền đem rượu nếp cái, cơm gạo thơm và nem chả ra cho. Viên-Phả nói: «*Ở đâu mà có sẵn-sàng cả thế?*»

Viên-Huyền nói: «*Tôi vẫn sắp sẵn để chờ khi bảo dục bảo-khi xong thì đón mà cho bác ăn.*» Viên-Phả nói: «*Thế sao bây giờ không con tôi đi?*»

Viên-Huyền thưa: «*Sợ rằng nói bảo chủ nghề nào nên với phải đi trước.*»

10. — K. — Công-hội với Ngô đánh Tề

T. — Vì trận Tề Lô đánh nhau ở ngoài biên-cương, nên công-hội với vua Ngô đánh Tề.

Về bên Tề, Trần Hi-tử bảo em rằng: «*Hễ em ra trận mà chết thì ta nhờ cái danh-giá ấy của em mà làm nên.*» Tôn

Tử-Dương với Lưu Chiêu-Minh thì cũng khuyên nhau ra chiến-tử. Tạng Yêm-Tử đánh xe cho Quốc-Thư với Công-Tôn Hạ bèn khuyên hai người ấy rằng:

«*Hai ông phải chết trận này mới được.*» Đến khi sắp ra trận, Công-Tôn Hạ sai toán quân của mình đều hát khúc «*Ngu*

lân» là khúc hát đưa ma. Trần Tử-Hà h thi sai bộ-hạ mình phải mang sắn đồ «*hàm ngọc*» là đồ qui để lúc chết bỏ vào mồm. Công-tôn Huy hạ-lệnh cho bộ-hạ mình rằng: «*Quân Ngô, nó tọc đều cả, mỗi người phải mang đi một cái thùng dài đồ một tấm (8 thước) để mà xâu những cái quách của chúng nó.*»

Đông Quách Thử nói: «*Người ta dành đến bà trận thì nên chết. Vậy tôi dành trận này là ba đặng.*» Nói rồi sai đem cái đàn của mình cho Huyền-Đa mà dặn rằng: «*Tôi không trông thấy ông nữa đâu.*» Lại Trần-Thử thì nói: «*Trận này tôi chỉ nghe tiếng trống là hiệu thúc vào, chứ không nghe tiếng kiêng là hiệu lui ra đâu.*»

Ngày giáp-tuất, năm Ai-công thứ 11, đánh nhau ở Ngải-lãng. Đạo quân của Thiên-Như nước Ngô thì đánh được đạo quân của Cao-tử nước Tề. Đạo quân của Quốc-tử nước Tề thì đánh được đạo quân của Tư-Môn-Sào nước Ngô.

— Lúc Ngô sắp đi đánh Tề, vua Việt đưa quân-thần vào châu. Từ vua Ngô trở xuống đến hàng quan-sĩ có lẽ hiền cả, Người Ngô đều lấy làm mừng, chỉ có Ngũ-Tử-Lư lấy làm sợ mà nói rằng: «*Nước Việt còn là nó làm cái bệnh cho lâm-phúc của ta đó. Việt nó với ta, bõ côi liền nhau; nó vẫn muốn lấy nước ta, thế mà bây giờ nó chịu luôn phục ta là để thành cái chi-nguyên của nó đó. Bảo-nhược ta phải tỉnh ngay nó đi, chứ lấy được Tề thì cũng như lấy được cái ruộng thạch-điền mà thôi, có dùng làm gì được. Hễ Việt không diệt thì Ngô cũng không còn được. Có ai mời thầy chữa bệnh mà lại bảo để đánh bệnh lại bao giờ.*» Lời cáo mệnh của Bàn-Canh nói rằng: «*Gó kè nào ngang-ngược không tuân mệnh thì trừ bỏ cho tiết không để sót một mống nào. Và đừng có để cho nó đem*

cái giống của nó mà thay vào cái cội đất này.» Ấy nhà Thương sợ đi lại nổi lên được là vì thế. Thế mà nay nhà vua định làm nên sự-nghiệp lớn mà tại sự trái cội đi, thì thực là khổ quá.» Vua Ngô không nghe. Tử-Tư đi sứ Tề, đem người con trai kỹ-thác cho họ Pháo mà đòi ra làm họ Vương-Tồn. Đến khi Tử-Tư đi sứ về, vua Ngô nghe biết chuyện kỹ-thác con như thế, sai người đem thanh gươm Trúc-lâu cho Tử-Tư phải tự-sát mà chết đi.

Tử-tư khi sắp tự-sát, dặn rằng: «*Em giống cây gỗ «giá» vào nước ta, hễ cây gỗ ấy dùng làm đồ được là Ngô mất nước đó.*»

Năm Ai-công thứ 11, Khổng-Vân-tử nước Vệ khi sắp đi đánh Phất-Thúc Tật, nhân hỏi ông Trọng-Ni, bấy giờ ông ở Vệ. Ông nói rằng: «*Những việc về cái hồ cái núi là đồ tế-khi thì tôi có tập học, chứ việc giáp-binh thì tôi chưa nghe đến bao giờ.*» Nói rồi về sai học-tro đóng xe để đi nước khác mà rằng: «*Chim phải chọn cây chứ cây có chọn chim đâu!*»

Vân-lư vội giữ ông Trọng-Ni lại mà rằng: «*Ngươi nói là vì trời hoạn-nạn đi cho nước Vệ, chứ có dám mưu việc riêng đâu.*»

Ông Trọng-Ni toan ở lại thì người Lô dựa lễ-yết đến mời về, ông bèn về Lô.

11. K. - Công hội Vệ-hậu, Tổng Hoàng-Viên ở đất Vân

T. — Mùa thu năm Ai-công thứ 12, Vệ-hậu đến hội với Ngô ở đất Vân. Công với Vệ-hậu, Tổng Hoàng-Viên cùng ăn thề với nhau. Người Ngô cấm rào vào chúng-quanli đình Vệ-hậu đông mà giữ tại. Tử-Phục Cảnh-Bà bảo Tử-Cống rằng: «*Phàm lễ hội-minh đã xong thì các đảng hầu bá với người chủ-nhân sẽ-tại nơi hội-sở đều*

đưa những con súc-sinh biểu lẫn nhau để từ-biệt. Nay Ngô không lấy lễ-nghĩa đãi Vệ mà cấm rào vào đình vua Vệ để làm cho khốn-đốn. Vậy sao ông không đến yết Thái-tể Ngô mà nói cho Vệ?» Tử-Cống bèn xin một bó gấm đem đi, khi nói chuyện nhân nói đến việc nước Vệ. Thái-tể Bì nói rằng: «*Qua-quan lỗi xin phúc sự vua Vệ, nhưng vì vua Vệ đến hỏi mượn quá, nên qua-quan lỗi sợ mà lưu lại.*»

Tử-Cống nói: «*Vua Vệ đến dự hội là phải bàn với chúng-nhân. Trong bọn chúng-nhân có người thì thuận cho đi, có người thì không. Vì thế cho nên đến muộn. Người thuận cho đi hội ấy là kẻ về bề với ông. Người không thuận ấy là kẻ thù của ông. Nếu giữ vua Vệ lại thế là ruộng bỏ bê đáng ra nên giúp cho kẻ thù đó. Một hạt là ông, để cho những đứa gièm ông nó lại càng đặc-chi lắm. Và việc hội-hợp Chư-hậu mà bắt giữ vua Vệ thì ai mà không lo. Ruộng bỏ bê dang, giúp kẻ thù và để lo cho chư-hậu. Thế mà chức làm bá-chủ thì có lẽ cũng khó.*» Thái-tể Bì bâng-lòng-bèn tha cho Vệ-hậu về.

12. K. - Quân Ô-Việt vào nước Ngô

T. — Mùa hạ, Ai-công thứ 13, Công với Thiên-Bình công nhà Châu, Định-công nước Tấn cùng đến hội với Phù-Sai nước Ngô ở Hoàng-tri. Tháng sáu, vua Việt đến đánh Ngô. Quân Việt làm hai con đường toại-đạo. Trú Vô-Dư với Au-dương là hai Đại-phu Việt đi từ nam-phương vào. Khi quân Việt mới thoát vào đến cánh đồng Ngô, Ngô Thái-tử Hữu, Vương-tử Địa, Vương-tôn Di-Dống, Thọ-Ư-Điều đứng ở trên bờ sông Hoàng trông xem. Di-Dống trông thấy là cờ của đạo quân người xứ Cờ-Miệt nước Việt, bèn nói: «*Kìa cái cờ của cha tôi mà quân Việt bắt được từ trước kia kia. T này kẻ thù mà không giết đi thì sao phải!*»

Thái-tử nói : « Nếu chiến mà không thắng được thì mất nước ngay, vậy hãy đợi xem sao đã. » Di-Dong không nghe, hội 5000 quân lại. Vương-tử Địa giúp sức cho, bèn ra đánh. Di-Dong bắt được Trù-Vô-Dur, Vương-tử Địa bắt được Âu-Dương.

Việt-tử tiếp đến đánh được quân Ngô, bắt được Thái-tử Hữu, Vương-tử Di-Dong và Thọ-U-Diêu. Ngày đình-hội tháng ấy, quân Việt vào nước Ngô, người Ngô đến cáo tin bại cho vua Ngô ở chỗ đang minh-hội. Vua Ngô ghét cái tin bại-báo ấy, ra tay chém chết đến bảy người đến báo tin ở dưới mạc-phủ.

— Tháng bảy. Chư-hầu làm lễ đồng-minh. Ngô với Tấn tranh nhau sáp huyết trước. Sau rồi Tấn nhường cho Ngô. Người Ngô bắt giam Cảnh-Bá. Cảnh-Bá nói : « Hà tôi đây đã lập hậu ở Lô rồi. Chết sớm hay muộn tùy mệnh-lệnh các ngài ». Tái-tễ Bĩ nói với vua Ngô rằng : « Giết một Cảnh-Bá cũng không tồn gì cho Lô, lại chỉ thêm mang tiếng ác mà thôi, bất-nhược tha cho y về. » Ngô-vương bèn tha cho Cảnh-Bá về.

Ngô-vương muốn đánh Tống nên giết một quan Đại-phu và bắt giam một người đàn-bà Tống. Thái-tể Bĩ nói : « Đánh thì được đấy mà không giữ được. » Quân Ngô bèn kéo về.

13 — K. — Nhà nước đi săn ở miền tây bắt được một con lân

T. — Mùa xuân, năm Ai-công thứ 14, Nhà nước đi săn ở xứ Đại-dã về miền tây nước Lô. Tên phu xe của nhà Thúc-Tồn là Thư-Thương bắt được một con thú lạ, người ta xem rồi cho là một con thú bất-trường, bèn cho quan Ngu-nhân (là chức coi rừng.)

Ông Trọng-Ni đến xem bèn nói:

« Con thú này nó là con lân đây » Vì vậy các quan lại đòi lại mà đem về.

Đồ-nam-tử cần-án. — Xét trong sách Bác-vật-chỉ ngày nay thì chỉ thấy có con sư-tử là hùng-cường nhất trong loài thú. Người Thái-Tây gọi nó là vua trong loài thú. Chứ không thấy có con lân. Nay đem cái hình-tượng với cái đức-tính của con lân ngày xưa so với con sư-tử ngày nay : cũng đuôi như đuôi trâu ; râu tóc xồm-xoàm, tính dữ mạnh mà nhân-từ, đi không dẫm lều loài sinh-vật nhỏ. Vậy thì con lân với con sư-tử chính là một, duy con lân thuộc về lối tả-mạc của nhà mĩ-thuật cổ hay bịa-tạc thêm ra, nên có chỗ không đúng với sự-thực mà thôi.

Sư-tử sản ở Phi-châu, mà miền tây-nam Á-châu cũng thường có. Đến như Âu-châu với Á-đông thì hiếm lắm.

Sư-tử là một con vật hình-dáng đẹp, sức-vóc mạnh và đức-tính tốt như thể mà ở hai cái đất văn-minh sớm phát-đạt là Á-đông với Âu-châu thì lại hiếm, nên các nhà mĩ-thuật ở hai đất này xưa nay đều lấy làm quý, như thợ vẽ, thợ xây đắp, thợ đúc nặn, thợ thêu và thợ chạm, đều dùng cái tượng của nó để hình-dung một cái khí-tượng anh-hùng. Coi đó thì biết loài người sữ-dĩ quý con lân hay là con sư-tử, không phải là vô-cố vậy.

Lô vốn không có lân mà nay thấy thì ai còn biết là con gì. Đến khi có người biết mà bảo cho thì ai mà không lấy làm sự lạ. Đó là lẽ cố-nhiên vậy. Cho nên truyện-văn trên kia, Tả-thị chép rằng : « Người ta xem rồi cho là một con thú bất-trường, bèn cho quan Ngu-nhân. Ông Trọng-Ni đến xem bèn nói : « Con thú này nó là con lân đây. » Vì vậy các quan lại đòi lại mà đem về. » Vậy thì ý của Tả-thị đối với việc bắt được con lân này cũng cho là thuộc về một vấn-đề bác-vật như những việc « đã rơi, chim lạc » trên kia mà

thời. Chứ không có cái cảm-xúc đặc-biệt viển-vông gì cả. Cũng vì thế mà từ sau việc bắt được con lân này, kinh-văn truyện-văn vẫn chép như thường, mãi đến tháng tư năm Ai-công thứ 16, Khổng Phu-tử mất thì kinh-văn mới hết, còn truyện-văn thì lại cứ tiếp-tục cho đến năm Ai-công thứ 27, Ai-công xuất-bôn mới thôi. Về kinh-văn trừ một câu cuối cùng chép rằng : « Ông Trọng-Ni mất », là cái lời của môn-đồ tôn-sùng thầy mà phụ-lục vào không kể, còn những câu kinh-văn khác từ trước câu « Ông Trọng-Ni mất » trở lên đều là thủ-bút của Phu-tử cả. Nghĩa là Phu-tử làm việc nghĩa-vụ cho đến khi tất nghỉ mới chịu thôi.

Thế mà Xuân-thu của hai nhà Công Cốc thì lại khác Kinh-văn với truyện-văn của hai nhà đều đến câu : « Nhà-nước đi săn ở miền tây, bắt được một con lân », là chung-tất.

Công-dương lại có lời kết-luận hết sách rằng : « Vì sao Xuân-thu bắt đầu từ Ân-công, là vì những việc mới vài ba đời người còn có thể biết được. Lại vì sao Xuân-thu đến năm Ai-công thứ 14 thì chung-tất, là vì đến đấy là vừa đủ... » Lời kết-luận như thế thì rõ là tác-giả định viết sử đến đấy thì thôi vậy.

Không những thế, Công-dương lại cho rằng lân là con vật ứng với vận-hội văn-minh thái-hòa, đời có đấng thánh-vương thì nó mới sinh ra, đời không có đấng thánh-vương thì nó không sinh ra. Nay đời không có thánh-vương mà con lân ra, thì không phải là việc tinh cờ, mà chính là điềm rủi-ro của thiên-hạ đó. Vậy tác-giả chép đến đấy thì thôi, không phải là muốn thôi thì thôi, mà chính là vì một cái cảm-xúc rất sâu-sắc nước đời đó. Cho nên Công-dương chép rằng : *Khi có người mới đến báo rằng : bắt được con hươu có một cái sừng ở giữa đầu.* » thì Khổng-tử nói : « Ôi,

nó vì ai mà ra, vì ai mà ra ! » Nói rồi Khổng-tử vắt tay áo che lên mặt mà sa nước mắt xuống ướt cả vạt cả áo. Khi Nhan-Uyên mất, Phu-tử nói : « Ôi, trời tuyệt ta ! » Khi Tử Lộ mất, Phu-tử nói : « Ôi trời tuyệt ta ! » Nay nhờ nước đi săn ở miền tây bắt được một con lân thì Phu-tử nói : « Thôi-thế là đạo ta cùng-tận mất rồi ! » Công-dương chép thế nghĩa là Phu-tử tự hứa mình có quan-hệ với cuộc thịnh-suy của thiên-hạ. Thấy con lân ra lỗi thời, đang lúc không có thánh-vương, mà tự biết và tự thương đạo của mình cùng-tận mất rồi. Vì một cái cảm-súc kích-thích như thế, nên Phu-tử đình-chỉ việc viết sử ngay mà lấy việc con lân làm câu tuyệt-bút.

Nay ta lấy chân-lý mà xét thì con lân là con lân, Phu-tử là Phu-tử. Con lân có can-hệ gì đến Phu-tử mà Phu-tử khóc. Cho rằng vì thấy cái đêm hay ra lỗi thời thì tức cũng là đêm dở, mà dở là dở cho mình nên phải khóc. Thế thì ra Phu-tử là một nhà khởi-xương ra cái học cách-vật tri-tri mà tự mình cũng mê-tin như những kẻ ngu thế dư ? Tất không có lẽ như vậy. Coi đó thì biết chỉ do tự cái tư-tưởng bông-lông cuồng-vọng không đúng sự thực của Công-dương mà vu cho Phu-tử đó thôi.

Đời sau không xét, thấy cái thuyết của Công-dương có ý tôn-sùng thầy như bọn giáo-đồ tôn-sùng vị giáo-chủ thì tin ngay, gọi Xuân-thu là « Lân-kinh », là bộ kinh viết xong thì có cái đêm con lân ra. Ấy Khổng-học đáng lẽ là một cái học thuần-lý, mà lưu-tệ thành ra một cái giáo mê-tin, cũng chỉ vì những phái học sai ấy làm sai đi vậy.

14. — K. — Tiêu-Châu Dịch đem đất Cầu-dịch mà xuất-bôn sang nộp cho ta

T. — Năm Ai-công thứ 14, Dịch là Đại-phu Tiêu-Châu đem đất Cầu-dịch mà xuất-bôn sang nộp ta. Y nói rằng : « Xin

cho ông Qui-Lộ ra nói chuyện với tôi thì tôi không cần phải minh-thệ nữa.»

Nhà-nước sai Tử-Lộ. Tử-Lộ cáo từ. Qui-Khang-tử sai Nhiêm-Cầu bảo Tử-Lộ rằng: « Người ta không tin cái lời minh-thệ của một nước nghìn cổ xe, mà tin một lời nói của ông, thì có xấu gì cho ông mà ông không tiếp người ta. » Tử-Lộ nói: « Nếu Lỗ có việc đánh nhau với Tiều-Châu thì Do tôi không dám hỏi lại có gì mà xin chết ở dưới thành nước nó được ngay. Chứ như Dịch là một thằng phản-quốc, thế mà Do tôi tán-thành cái lời của nó, thì ra Do tôi lấy nó là phải nghĩa đó. Vậy Do tôi không dám làm. »

15. — K. — Người Tề giết vua là Nhâm ở Thục-châu

T. — Ngày giáp-ngọ, năm Ai-công thứ 14, Trần-Hằng là Đại-phu Tề giết vua là Nhâm ở Thục-châu. Khổng-Khâu ăn chay ba ngày mà vào triều xin đánh Tề đến ba lần. Công nói rằng: « Lỗ yếu hơn Tề đã lâu nay rồi. Nhà thầy muốn đánh Tề thì dùng cách gì? » Khổng Khâu thưa: « Trần Hằng giết vua, một nửa số dân trong nước không phục nó. Nay đem toàn-số dân Lỗ mà áp một nửa số dân Tề theo về Trần Hằng thì tất thắng được. »

Công nói: « Thế thì nhà thầy ra cáo với Qui-Tôn về việc này xem. » Khổng Khâu xin thôi. Về nhà nói chuyện với người ta rằng: « Vì tôi cũng đã có dự vào hàng Đại-phu, cho nên không nói không được đó thôi. »

— Năm Ai-công thứ 15, Sở Tử-Tây, Tử-Kỳ đánh Ngô vào đến bến Đồng-nhuế. Trần-hầu sai Công-tôn Trịnh-tử sang hỏi thăm Ngô. Trịnh-tử mới vào đến Lương là đất của Ngô thì chết. Bọn sứ-bộ định rước cữu vào châu vua

Ngô. Vua Ngô bèn sai Thái - tử Bĩ ra yên - ủi và từ chối đi mà rằng: « Sợ chợt cái nước lụt kéo đến, không khỏi lay động đến linh-cữu của quan Thượng-sứ, mà thêm cái nghi ra cho quả-quân tôi. Vậy quả-quân tôi xin từ tạ việc rước linh-cữu ấy »

Vũ-Doãn Cấp là Đại-phu Trần thưa: « Quả-quân tôi nghe nói Sở kia vô-đạo, vào đánh Ngô rộn-rập mà giết hại nhân-dân. Quả-quân sai chúng tôi phụng sứ-mệnh sang hỏi thăm các quan hầu của nhà vua. Trời không thương quan Chánh-sứ tôi hết lộc mệnh cùng số tận ở đất Lương. Khiến cho chúng tôi bận việc tang liệm, nhưng ngày nào cũng phải chuyển cữu đi một chỗ đường, chứ không dám để chậm trễ việc sứ-sự. Nay nhà vua sai người ra đón bảo sứ-bộ chúng tôi rằng: « Đừng khênh cữu vào quốc-môn nữa. Thế thì ra cái mệnh của quả-quân bị vất bỏ cả ra nơi cỏ nội kia thôi. Vả tôi nghe có câu rằng: « Thờ người chết cũng như thờ người sống mới phải lễ. » Bởi thế cho nên về việc đi triều-sinh có cái lễ phải rước tử-thi đến cho xong việc. Lại có cái lễ đến triều-sinh nước nào mà gặp nước ấy có tang. Chứ nếu một bên không cho đem tử-thi quan sứ-thần vào châu, một bên thấy nước chủ quốc có tang thì trở về, thì chẳng hóa ra không hay với nhau đư? Phạm tội nước phải lấy lễ-pháp ngăn-ngừa dân, thế mà còn có kẻ vượt qua nữa là. Nay quan lớn nói rằng: « Quan sứ-thần nước ngoài đến mà chết thì bỏ việc sứ-sự ấy đi », thế là bỏ lễ-pháp đó, còn làm mình-chủ cho chư-hầu được sao.

« Đấng tiên-dân có dạy rằng: « Đừng có cho xác người chết là bản-thủ ». Vậy sứ-bộ chúng tôi xin rước áo quan quan chánh-sứ vào châu cho chọn việc sứ-sự. Nếu cái mệnh của quả-quân chúng tôi mà đạt được đến tai đức vua bên ta, thì dù áo quan quan chánh-sứ chúng tôi

có bị lảng xuống vực sâu, cũng là lòng trời xui khiến, chứ có tại gì đức vua bên ta với bọn chớ đồ đầu ». Người Ngô bèn nhận cho rước cứu quan chánh-sứ vào châu.

16. — K. — Ta hòa với Tề

T. — Mùa thu năm Ai-công thứ 15, Tề Trần Quán sang sứ Sở, đi qua Vệ. Trọng-Do bấy giờ làm quan ở Vệ, đến yết-kiến Trần-Quán mà rằng : « Hoặc là trời mượn họ Trần nhà ông làm cái búa để phá-tan nhà vua Tề đi rồi trao cho người khác cũng chưa biết chừng. Hoặc là trời để cho họ Trần nhà ông được hưởng-thụ mãi cũng chưa biết chừng. Vậy giá-thử họ Trần cứ kết-hiệp với Lỗ để mà đợi thời, chẳng hay dư. Hà-tất phải ác-cảm với Lỗ làm gì. »

Tử-Ngọc (Trần-Quán) nói : « Phải, nhưng tôi đã phụng mệnh đi Sở rồi, ông thử nói với em tôi (Trần Hằng) xem. Vì thế Tề hòa với Lỗ. »

Mùa đông năm ấy Tử-Phục Cảnh-Bá sang Tề. Phó-sứ là Tử-Chương gặp Công - Tôn - Túc người công - tộc Lỗ, mùa xuân năm ấy làm phản Lỗ, đem ấp Thành sang ở Tề. Tử-Chương báo Công - Tôn Túc rằng : « Ai cũng là bầy tôi của nước, thế mà bác còn ở ra lòng giáo-giở tông - quốc của bác, nữa là người Tề người ta tuy sai khiến bác, nhưng người ta không ngờ bác dư. Bác ơi, bác là dòng - dõi

đức Châu-công, ăn hưởng biết bao nhiều lợi-lộc của nước, thế mà bác còn làm điều bất-nghĩa như thế. Làm điều bất-nghĩa như thế, đã mất cả lợi-lộc mà lại thiệt-hại cho tông-quốc thì bác làm làm gì. » Công - Tôn Túc nói : « Ông nói phải lắm, tiếc rằng tôi không được sớm nghe lời dạy bảo ấy của ông . . . »

Trần Hành-tử (Hằng) mời sứ-giả Lỗ vào nhà khách-quán mà rằng : « Quả-quân cho Hằng tôi cáo với các ngài rằng : « Quả-nhân này xin thờ nhà vua Lỗ cũng như thờ vua Vệ. »

Cảnh-Bá vãi Tử-Chương mà nhường Tử-Chương đứng ra đáp lại. Tử-Chương biết ý Hằng nói là Vệ đã hòa-hiệp với Tề rồi mà Lỗ thì chưa, bèn thưa rằng : « Quả-quân vẫn muốn thế, ngày xưa Vệ bị Tấn đánh, Tề bênh Vệ đánh ấp Quán-thị của Tấn mà bị mất 500 cỗ binh-xa. Tề lại biên 500 xã từ sông Tế trở về mé tây, ba ấp Cáo, Mị, Hạnh trở về nam để cho Vệ. Còn như tệ-ấp chúng tôi lúc bị Ngô đánh thì Tề thừa-cơ nguy-cấp mà lấy mất ấp Hoan ấp Triền của tệ-ấp chúng tôi. Quả-quân lấy việc ấy làm lo sợ lắm. Nếu nay quả-quân được thờ nhà vua Tề cũng như Vệ thờ ngài thì quả-quân vui lòng còn gì bằng. »

Thành-tử nghe nói thẹn lắm bèn trả lại ấp Thành cho Lỗ. Công-Tôn Túc đem cả giáp-binh trốn vào ấp Doanh của Tề.

(Hết)

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT



MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-TRÍCH (1)

孟子國文解釋

XXXII

IX

也。不王或曰。孟
智之乎無子

Dịch-âm.— *Manh-tử viết* : « Vô hoặc
hồ vương chi bất trí dã.

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng :
« Không quái lạ gì về vua Tề chẳng hay
sáng khôn vậy.

Chú-giải. — Hoặc 或 = Đồng-âm với chữ
hoặc 惑 là ngờ, lấy làm quái lạ mà ngờ.

Trí = Trở về cái đức sáng suốt.

焉矣。而亦生寒日生雖
何吾寒罕者之。暴之。物天
哉。如之矣。也。未之。也。下
有者吾吾有十也。
萌至退見能日一易

Dịch-âm.— « *Tuy hữu thiên-hạ dị
sinh chi vật dã, nhất nhật bộc chi, thập
nhật hàn chi, vị hữu năng sinh giả dã.*
Ngô kiến diệc hãn hĩ, ngô thoái nhi hàn
chi giả chi hĩ, ngô như hữu manh yên
hà tại.

DỊCH-NGHĨA.— « Dẫu có cái vật dễ
phát-sinh nhất trong thiên-hạ, mà một
ngày đem phơi ấm, mười ngày để rét
cóng, chưa có phát-sinh được bao giờ
vậy. Cái thì giờ ta tiếp-kiến vua cũng
ít, khác nào một ngày phơi ấm ; ta lui
về mà những kẻ gièm nịnh kéo đến nó

làm rét công lòng vua đi ấy nhiều ngày
lắm ; vua dẫu còn chút thiện-tâm mầm
mống ra, ta biết làm thế nào cho vua
thông sáng được vậy thay.

Chú-g ải. — Tiết này là nói vua ít khi tiếp-
kiến người hiền, nên không hay đường
được con tâm cho sáng suốt.

曰學。至。人 人 奕 致 今
非弗思雖專者志夫
然若援聽心也。則奕
也。之弓之。致使不之
矣。繳一志。奕得爲
爲而心惟秋也。影。
是射以奕誨奕小
其之。爲秋二秋數
智雖有之。人通也。
弗與鴻爲奕。國不
若之鵠聽。其之專
與。俱將一一善心

Dịch-âm.— « *Kim phù, dịch chi vi
số, tiêu số dã ; bất chuyên tâm trí chi,
tắc bất đắc dã. Dịch Thu thông quốc
chi thiện dịch giả dã ; sử Dịch Thu hồi
nhị nhân dịch, kỳ nhất nhân chuyên
tâm trí chi, duy Dịch Thu chi vi thính ;
nhất nhân tuy thính chi, nhất tâm dĩ
vi hữu hồng học tương chi, tư viên
cung chước nhi xạ chi ; tuy dữ chi cầu*

(1) Xem Nam-Phong 144.

học, phát nhược chi hi; vị thị kỳ tri phát nhược dư? viết phi nhiên dã.»

DỊCH-NHĨA.— « Nay như nghề đánh cờ vậy, là nghề nhỏ vậy; chẳng chuyên tâm cố chí thì chẳng được thành nghề giỏi. Kẻ giỏi cờ là người Thu, cờ cao nhất nước đó vậy. Nay thử khiến kẻ cao cờ là người Thu dạy hai người đánh cờ. Trong khi ấy, một người chuyên tâm cố chí, chỉ nghe lời kẻ cao cờ là người Thu dạy. Một người thì dấu nghe lời, nhưng một lòng riêng vẫn tưởng-tượng có con chim hồng-học sắp bay đến, nghĩ muốn cầm cung buộc tên mà đi bắn; tuy cùng với người kia cùng học cờ, mà nghề cờ chẳng bằng người kia vậy. Vì là cái trí người ấy bầm-sinh ra chẳng bằng người kia đấy dư? Ta bảo rằng chẳng phải thế vậy.»

Chú-gả — Dịch = Nghề đánh cờ vậy. Số = Nghề. Tiêu số = nghề nhỏ. Chước = Lấy dây buộc tên để bắn.

Tiết này là nói vua không chuyên tâm nghe ng lời hiền, nên không hay mở được trí khôn.

X

生者亦亦取可所欲孟
而不我我熊得欲也。子
取可所所掌兼。也。熊曰。
義得欲欲者舍二掌魚
者兼。也。也。也。魚者亦我
也。舍二義生而不我所

Dịch âm,— Mạnh-tử viết : « Ngự ngã sở dục dã, hù g chương diệc ngã sở dục dã, nhị giả bất khả đắc kiêm, xả ngự nhi thủ hùg chương giả dã. Sinh diệc ngã sở dục dã, nghĩa diệc ngã sở dục dã, nhị giả bất khả đắc kiêm, sã xính nhi thủ nghĩa giả dã.

DỊCH-NHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Cá ngon là của ta thêm muốn, bản

tay còn gấu lại càng ngon cũng là của ta thêm muốn, hai vị ấy vì cái thế nó hạn-chế, chẳng có thể được kiêm cả hai, thì bỏ vị cá mà lấy vị bần tay gấu vậy. Sự sống là trọng ta cũng thêm muốn, điều nghĩa lại càng trọng ta cũng thêm muốn, hai đường ấy vì cái thế nó bách-súc, chẳng có thể được kiêm cả hai, thì bỏ sự sống mà lấy điều nghĩa vậy.

辟故有我苟生所生
也。患甚所得者。欲亦
有於惡。也。故有我
所死所死不甚所
不者。惡亦為於欲。

Dịch âm,— « Sinh diệc ngã sở dục, sở dục hữu thậm ư sinh giả, cố bất vi cầu đắc dã; tử diệc ngã sở ố, sở ố hữu thậm ư tử giả, cố hoạn hữu sở bất tị dã.

DỊCH-NHĨA.— « Sự sống vốn ta thừa muốn, nhưng thừa muốn lại có cái điều hơn sự sống kia, cho nên chẳng làm kế cầu-thả mà cầu được sống vậy. Sự chết vốn ta thừa ghét, nhưng thừa ghét lại có cái điều hơn sự chết kia, cho nên hoạn-nạn có khi chẳng tránh đi vậy.

為辟者。惡也。生則欲。如
也。患則莫使者凡莫使人
者凡甚人何可甚人之
何可於之不以於之所
不以死所用得生。

Dịch âm.— « Như sử nhân chi sở dục, mạc thậm ư sinh, tắc phạm khả dĩ đắc sinh giả hà bất dụng dã; sử nhân chi sở ố mạc thậm ư tử giả, tắc phạm khả dĩ tị hoạn giả hà bất vi dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Vì khiến người ta thừa muốn chẳng gì hơn sự sống, chẳng cần gì điều nghĩa cả, thì phạm có cái kế khả-dĩ được sống, gì là chẳng dùng. Vì khiến người ta thừa ghét chẳng gì hơn sự chết, chẳng quản gì điều bất-nghĩa cả, thì phạm có cái mưu khả-dĩ tránh được nạn, gì mà chẳng làm.

不患可由不生由
爲而以是用而是
也。有辟則也。有則

Dịch-âm. — « *Do thị tắc sinh nhi hữu bất dụng dã, do thị tắc khả dĩ tị hoạn nhi hữu bất vi dã.*

DỊCH-NGHĨA. — «Duy bởi có cái lương-tâm ấy, cho nên cái kế cầu-thả mà được sống có khi chẳng thêm dùng. Bởi có cái lương-tâm ấy, cho nên cái mưu khả-dĩ tránh được nạn, mà có khi chẳng thêm làm.

喪賢人有非甚者。有是
耳。者皆是獨於所甚故
能有心賢死惡於所
勿之也。者者。有生欲

Dịch-âm. — « *Thị cố sở dục hữu thậm ư sinh giả, sở ố hữu thậm ư tử giả, phi độc hiền-giả hữu thị-tâm dã, nhân giai hữu chí, hiền giả năng vật táng nhĩ.*

DỊCH-NGHĨA. — « Ấy cho nên thừa muốn có điều hơn sự sống, thừa ghét có điều hơn sự chết, chẳng phải một kẻ hiền-giả có cái lương-tâm ấy đâu, người ta đều có cả, duy kẻ hiền-giả giữ được cái lương-tâm mà hay không tự mình làm mất đi vậy.

不與受。道而則則豆一
屑之。蹴之與死。生。羹。簞
也。乞爾人之。噉弗得食。
人而弗行爾得之一

Dịch-âm. — « *Nhất đan tự, nhất đậu canh, đắc chi tắc sinh, phát đắc tắc tử; hổ nhĩ nhi dĩ chi, hành đạo chi nhân phát thụ; súc nhĩ nhi dĩ chi, khát nhân bất tiết dã.*

DỊCH-NGHĨA. — « Một rá com, một thúng canh, được đầy thì sống, chẳng được thì chết; song nếu gọi nhiều mà cho, người đi đường chẳng chịu lấy; dày sáo mà đem cho, đứa ăn xin cũng chẳng thèm lấy vậy.

Chú-giải. — Hổ = Hô gọi, nhiều mắng. Nử = Vay, tiếng dèm. Súc = Dày sáo, hát-húi, đều là tỏ ý khinh-bĩ.

我窮之之焉。於受辦萬
與。乏奉。美。爲我之。禮鐘
者所妻宮何萬義則
得識妾室加鐘而不

Dịch-âm. — « *Vạn chung tắc bất biên lễ nghĩa nhi thụ chi, vạn chung ư ngã hà gia yện, vị cung thất chí mĩ, thế thiếp chi phụng, sở thực cùng phạp giả đắc ngã dĩ.*

DỊCH-NGHĨA. — «Muôn chung thì chẳng phân-biệt lễ nghĩa nên lấy hay không mà cứ lấy, muôn chung đối với ta có ích thêm gì vậy, hay là vì cửa nhà muốn làm cho đẹp, thế thiếp muốn cung-phụng cho sang, muốn cho kẻ cùng nghèo quen mình ấy được ơn mình giúp đỡ đầy ư? Mà mình cứ nhận lấy muôn chung mà chẳng biết xấu?

Chú-giải. — Vạn-chung = Chung là cái đồ ngày xưa chứa thóc, vạn-chung là số bằng lộc lớn.

X

此之識身妻爲爲鄉
 之是窮死妾身宮爲
 謂亦乏而之不爲不爲
 失不可得受。爲不美而
 其以我今之。受。爲不
 本己而爲鄉今
 心。乎。爲所爲爲鄉今

也。人也。人曰。孟
 路義心仁子

Dịch-âm.— *Manh-tử* viết: « Nhân, nhân tâm dã, nghĩa, nhân lộ dã.

Dịch-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng: « Điều nhân tức là cái tâm chứa-tề muôn việc của người ta vậy. Điều nghĩa tức là cái đường vắng-lai của người ta vậy.

Dịch-âm.— « *Hương vị thân tử nhi bất thụ, kim vị cung thất chi mĩ vi chi; hương vị thân tử nhi bất thụ, kim vị thê thiếp chi phụng vi chi; hương vị thân tử nhi bất thụ, kim vị sở thức cùng pháp giả đắc ngã nhi vi chi, thị diệc bất khả dĩ dĩ hồ, thử chi vị thất kỳ bản tâm* »

哉。求。不。心。放。弗。路。舍
 哀。知。而。其。由。而。其

Dịch-âm.— « *Xả kỳ lộ nhi phất do, phóng kỳ tâm nhi bất tri cầu, ai tai!* »

Dịch-NGHĨA.— « Người đời thường bỏ cái đường chính của mình mà chẳng noi theo, phóng cái tâm mình đi mà chẳng biết tìm lại, thương thay! »

Dịch-NGHĨA.— « Trước kia vì cái thân gần chết mà còn chẳng chịu nhận lấy cơm canh người cho, nay lại vì nhà cửa muốn cho đẹp mà chịu nhận lấy muôn chung; trước vì cái thân gần chết mà còn chẳng chịu nhận lấy cơm canh người cho, nay lại vì thê thiếp muốn cho sang mà chịu nhận lấy muôn chung; trước vì cái thân gần chết mà còn chẳng chịu nhận lấy cơm canh, nay lại vì muốn được kẻ cùng tưng mình quen họ ơn mình mà chịu nhận lấy muôn chung. Đó đều không phải là cái việc cần thiết, chẳng cũng nên thôi mà không nhận lấy ư. Thế mà chẳng phân biệt gì lẽ nghĩa, cứ nhận lấy cái số muôn chung ấy, chính là tại mất cái bản-tâm biết xấu hổ đi rồi. »

知。而。放。之。知。放。雞。人
 求。不。心。有。求。則。犬。有

Dịch-âm.— « *Nhân hữu kê khuyến phóng, tắc tri cầu chi, hữu phóng tâm nhi bất tri cầu.* »

Dịch-NGHĨA.— « Người ta có con gà con chó là vật rất khinh, phóng đi mất thì biết tìm về; có cái tâm là rất trọng, phóng đi mất mà chẳng biết tìm về, vì chẳng nghĩ đấng thời. »

矣。而。放。求。無。之。學
 已。心。其。他。道。問

Dịch-âm.— « *Học-vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng-tâm nhi dĩ hi.* »

Dịch-NGHĨA.— « Cái điều thiết-yếu về đạo học-vấn, không có điều gì khác, chỉ cốt tìm lại cái tâm phóng-dật của mình đấy mà thôi. »

Chú-giải.— *Hương* = Trước. *Cung-pháp* = Túng-thiếu.

Toàn chương này là nói người ta ai cũng có cái bụng nghĩa mà thẹn ghét những điều bất-nghĩa. Duy người thường hay bị phải vật-dục nó làm mờ tối mất lương-tâm đi, nên mới không hay biện biệt lẽ nghĩa mà chỉ tham vor lấy bổng lộc.

Chú-giải. — Toàn chương này bảo người ta muốn cầu học thì trước phải cầu lấy cái **phóng-tâm**, thì tự-nhiên chí-khi thanh-minh, **nghĩa-lý** rõ rệt, tự-khắc là học tiến lên đường cao-minh.

XII

不之則有痛而無孟
若路不能害不名子
人爲遠信事信之曰
也。指秦之也。非指。今
之楚者。如疾屈有

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết:* « Kim hữu vô danh chi chí, khuất nhi bất thân, phi tất thống hại sự dã; như hữu năng thân tri giả, tắc bất viên lần Sở chi lộ, vị chỉ chi bất nhược nhân dã. »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Nay có cái ngón tay vô-danh, cong mà chẳng ruỗi ra được, tất ấy chẳng phải là đau đớn hại việc vậy; nếu có người hay ruỗi được ngón tay ấy, thì mình chẳng ngại đường xá nước Tần nước Sở xa xôi mà đi đến chữa, vì ngón tay mình chẳng bằng ngón tay người vậy. »

Chú-giải. — *Vô-danh* = Ngón tay thứ tư giáp với ngón tay giữa và ngón út, mà không nên gọi.

類謂惡。則不惡人。指也。不此不若之。則不知之知人。心知若

Dịch-âm. — « *Chỉ bất nhược nhân, tắc tri ố chi, tâm bất nhược nhân, tắc bất tri ố, thủ chi vị bất-tri loại dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Ngón tay cong chẳng bằng người, thì biết lấy làm ghét; cái tâm cong chẳng bằng người, thì chẳng biết lấy làm ghét, ấy gọi là hạng người chẳng biết loài khinh loài trọng vậy. »

Chú-giải. — Toàn chương này là khuyên người ta nên kiên - chính cái tâm lại, đừng

đề khuất về vật-dục, nên trọng cái tâm là hơn.

XIII

思若者。知至所欲之孟
甚桐豈所於以生桐子
也。梓愛以。養之。梓曰
哉。身養而之皆人拱
弗不之不者。知苟把

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết:* « *Cung hà chi đồng tử, nhân cầu dục sinh chi, giai tri-sở dĩ dưỡng chi giả; chi u thân, nhi bất tri-sở dĩ dưỡng chi giả; khởi ái thân bất nhược đồng tử tại, phất tu thậm dã.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cây đồng cây tử vừa một ôm vừa một nắm, người ta nếu muốn cho nó sống, đều biết cái đạo để mà vun trồng nó; đến cái thân, mà lại chẳng biết cái đạo để mà sửa sang nuôi nấng nó; há phải là yêu cái thân không bằng yêu cái cây đồng cây tử đâu, vì chẳng suy nghĩ lắm vậy. »

Chú-giải. — *Đồng* = Loài cây vòng. *Tử* = Loài gỗ thi. *Cung* = Dây vòng ôm tay. *Bá* = Một vòng chét tay. *Dưỡng* = Vun trồng, nuôi nấng. *Dưỡng thân* thì phải xét né giữ gìn.

Toàn chương này là khuyên người ta phải biết dưỡng lấy cái thân làm trọng.

XIV

於善膚不所兼孟
己不善養焉也。愛曰。
之者也。則無兼人
而豈所無尺所之
已有以尺寸愛於身
矣。他考寸之則身
哉。其之膚兼也。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết:* « *Nhân chi u thân dã, kiem sở ái, kiem sở ái, tắc kiem sở dưỡng dã; vô xích-thốn chi* »

phu bất ái yên, tắc vô xích-thốn chi phu
bất dưỡng dã ; sở dĩ khảo kỳ thiện bất
thiện giả, khởi hữu tha tai, ư kỹ thủ chi
nhĩ dĩ hĩ.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Người ta đối với cái thân-thể gồm yêu
cả, gồm yêu cả thì gồm nên nuôi cả ;
không chớ thước tắc da-thịt nào là
chẳng yêu, thì không chớ thước tắc da
thịt nào là chẳng nên nuôi. Nhưng muốn
xét về sự nuôi phải đạo mà thiện hay
là trái đạo mà chẳng-thiện, há có
thuật gì khác đâu, chỉ trở lại thân mình
xét xem có hiểu đường khinh-trọng
mà thôi vậy,

Chú-giải. — Phu = Da mỏng bọc ngoài thịt.

..

爲 養 者 貴。無 以 有 體
大 其 爲 養 以 小 小 有
人。大 小 其 賤 害 大。貴
者 人。小 害 大。無 賤。

Dịch-âm. — « Thể hữu qui tiện, hữu
tiểu đại, vô dĩ liễu hại đại, vô dĩ tiện
hại qui ; dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu-nhân,
dưỡng kỳ đại giả vi đại-nhân.

DỊCH-NGHĨA. — « Trong thân-thể
người ta có cái qui cái tiện, có cái nhỏ
cái lớn, chớ lấy cái nhỏ làm hại cái
lớn, chớ lấy cái tiện làm hại cái qui ;
kẻ nuôi về cái nhỏ là hạng tiểu-nhân,
kẻ nuôi về cái lớn là bậc đại-nhân,

Chú-giải. — Tiện = Khinh, Tiểu = Nhỏ.
Khinh và nhỏ là trở về cái miệng cái bụng,
Qui = Trọng. Đại = Lớn. Trọng và lớn là
trở về cái tâm cái chí.

師 賤 則 槭 養 梧 舍 場 今
焉。場 爲 棘。其 櫝。其 師。有

Dịch-âm. — « Kim hữu trường-sư, sở
kỳ ngô giá, dưỡng kỳ nhị cực, tắc vi
tiên trảng-sư yên.

DỊCH-NGHĨA. — « Nay có người coi
vườn được, bỏ cây ngô cây giá là gỗ tốt,
nuôi lấy cây nhị cây cực là gỗ xấu, thì
là người coi vườn kém vậy,

Chú-giải. — Trường = Nơi vườn rộng,
Trường-sư = Người cai vườn, Ngô = Loài
cây vông, Giá = Loài cây thị, Nhị cực = Loài
táo gai.

..

也。狼 也。而 其 指 養
疾 則 不 肩 而 其
人 爲 知 背。失 一

Dịch-âm. — « Dưỡng kỳ nhất chỉ nhĩ
thất kỳ kiên bối, nhĩ bất tri dã, tắc vi
lang tạt nhân dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Nuôi một cái ngón
tay mà quên mất cái vai cái lưng, mà
chẳng biết, thì là hạng người giống như
con lang chạy nhanh chỉ trông về
đàng trước mà chẳng biết đòai về đàng
sau vậy.

也。失 小 其 矣。賤 則 之 飲
大 以 養 爲 之 人 人 食

Dịch-âm. — « Ẩm-thực chi nhân, tắc
nhân tiện chi hĩ, vị kỳ dưỡng tiểu dĩ
thất đại dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Cái người chăm
về sự uống ăn, thì người ta khinh đấy
vậy, vì người ấy chỉ biết nuôi cái miệng
cái bụng là cái nhỏ, mà quên mất cái
tâm cái chí là cái lớn vậy.

..

哉。寸 適 口 失 人。飲
之 爲 腹 也。無 食
膚 尺 豈 則 有 之

Dịch-âm. — « Ẩm-thực chi nhân, vô
hữu thất dã, tắc khấu phúc khởi thích
vi xích-thốn chi phu tai ».

DỊCH-NGHĨA. — « Vì khiến cái người
chăm sự ăn uống mà không quên mất

cái tâm-chí; thì sự ăn uống để nuôi cái miệng cái bụng, cũng có quan-bệ về thân-mệnh, há chỉ những bề-ích cho thược tắc da thịt đâu. Duy những người nuôi cái nhỏ mà quên mất cái lớn, thì khá khinh vậy».

Chú-giải.—Toàn chương này là nói người ta đã biết yêu thân thì phải nên dưỡng lấy thân. Song nên nuôi lấy tâm-chí là đại-thể, chứ không nên chỉ nuôi lấy khẩu-phúc là tiểu-thể mà thôi.

XV

體人。大子人。人。也。曰。公
爲從體曰。何或或鈞
小其爲從也。爲爲是
人。小大其孟小大人間

Dịch-âm, — Công-Đồ-tử vấn viết : « Quán thị nhân dã, hoặc vi đại-nhân, hoặc vi tiểu-nhân, hà dã? » Mạnh-tử viết : « Tông kỳ đại-thể vi đại-nhân, tông kỳ tiểu-thể vi tiểu-nhân ».

Dịch-Nghĩa. — Công-Đồ-tử hỏi rằng : « Đều là người vậy, mà phẩm người hoặc gọi là bậc đại-nhân, hoặc gọi là kẻ tiểu-nhân, là có sao? » Thầy Mạnh nói rằng : « Kể theo về đại-thể làm chủ-trương, là phẩm người đại-nhân, theo về tiểu-thể nó sai-khiến là phẩm kẻ tiểu-nhân. »

Chú-giải.— Đại thể = Thể lớn, trở cái tâm. Tiểu-thể = Thể nhỏ, trở cái tai cái mắt v.v..

能立得則物之或曰
奪乎也思思則官從鈞
也其此也思思引不其
此大天則之而思小是
爲者之得而己矣於何體
大人則所與不心物也
而已小者我者則官物曰
矣不先不官交目體

Dịch-âm — Viết : « Quán thị nhân dã, hoặc tông kỳ đại-thể, hoặc tông kỳ tiểu-thể, hà dã? » Viết : « Nhĩ mục chi quan bất tư, nhi tế u vật, vật giao vật, tắc dân chi nhi dĩ hĩ. Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã; thủ thiên chi sở dĩ ngã giả; tiên lập hồ kỳ đại giả, tắc kỳ tiểu giả bất năng đoạt dã, thủ vi đại-nhân nhi dĩ hĩ. »

Dịch-Nghĩa.— Công-Đồ-Tử nói rằng : « Đều là người vậy, đều đủ có thể lớn thể nhỏ, thể mà hoặc kể theo về thể lớn, hoặc kể theo về thể nhỏ, là có sao? » Thầy Mạnh nói rằng : « Tai mắt là một chức quan giữ về việc nghe trông, chẳng biết nghĩ, mà thường bị che-lấp về vật ngoài, thanh-sắc vật ngoài nó giao-cảm với vật tai mắt, thì bị nó dẫn-dụ đi mà thôi vậy. Tâm là một quan chức chủ về việc nghĩ, hết chức-trách nghĩ thì hiểu được lẽ, nếu bỏ mất chức-trách mà chẳng nghĩ thì chẳng hiểu được lẽ mà bị che về vật ngoài vậy. Tâm với tai mắt ấy đều là trời phú cho ta đó. Song cái tâm là thể lớn, trước khi vật ngoài nó chứa giao-cảm, mà hay lập-định lấy thể lớn làm chủ, thì cái nhỏ kia chẳng hay cướp được vậy. Bởi thế mới thành là phẩm đại-nhân, như thế mà thôi vậy. »

Chú-giải.— Quan = Nghĩa là một chức-trách, chuyên giữ một việc, thì gọi là quan, như tai giữ việc nghe, mắt giữ việc trông vân-vân.

Toàn-chương này là bảo người ta trước phải theo về đại-thể mà lập-định lấy cái tâm cho vững, thì mới thành phẩm-cách đại-nhân.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VÂN dịch

VĂN-UYỄN

Thiên-gia thi-thảo điển-âm (1)

(tiếp theo)

CẢNH BA

客 中 初 夏

晴。明。起。傾。
乍分風日
雨轉因向
和戶絮花
清當柳葵
月山無有
四南更惟

Đầu hạ mưa tan rạng bốn phương,
Cửa trông ra núi núi mây quang ;
Không còn bông liễu bay chiều gió,
Chỉ có hoa qui hương khi dương,

有 約

雨。蛙。半。花。
家處夜燈
家處過落
節塘來子
時池不棋
梅草約拋
黃青有閒

Mưa dầm quả mai đường rẽ đất,
Ếch kêu ao cỏ tiếng vang trời ;
Buồn thay chờ bạn đêm gần sáng,
Cò bãi đèn tàn có một ai ?

初 夏 睡 起

牙。紗。思。花。
齒窗情柳
灘上無捉
酸綠起童
流分睡兒
子蕉長看
梅芭日閒

Thấy quả mai chua chứa nết nanh,
Ba-tiêu bóng mát rợp trong mảnh ;
Ngày dài ngủ dậy thêm buồn tứ,
Một trẻ vin hoa với một mình.

三 衢 道 中

晴。行。路。聲。
日山時五
日却來四
時盡滅鷗
黃泛不黃
子溪陰得
梅小綠添

Gặp tiết hoàng-mai lại tạnh trời,
Thuyền chơi thông-thả bước lên đồi ;
Khi về cũng được chiều êm-ả,
Thêm tiếng hoàng-li hót gheo người.

即 景

幽。夕。盡。初。長。
置噪飛日
影禽棠氣
清時海天
搖雨却人
竹雨謝困

Bóng trúc long-lay ngoài cửa sổ,
Tiếng chim đồn-dã lúc tà-dương ;
Hải-đường đã tạ bóng bay hết,
Ngày mới dài ra nghĩ chán-trường.

夏 日

深。陰。醉。金。
淺園樹
水半西一
塘氣酒杷
池天載枇
鳴梅園盡
乳熟菓摘

Vịt đẻ còn ao nước nhấp-nhò,
Khi trời âm-âm lúc mùa mơ ;
Vườn đông đem rượu sang tây uống,
Trầy hết tỳ-bà quả ngọt chua.

晚 樓 閒 望

光。香。管。涼。
水荷人味
接支無一
光里月來
山十明南
願欄風作
四凭清併

Bốn bên núi thăm giáp sông trường,
Lọt cửa hơi sen mát-mẻ nhường ;
Trăng gió không ai ngăn đón được,
Hương nam đưa lại thoảng mùi hương.

山 居 夏 日

長。塘。起。香。
日池風枕
夏入微一
陰影動微
濃倒簾蓋
柳臺品架
綠樓水滿

Cây cỏ đua tươi trong tiết hạ,
Lâu-dài lộn bóng dưới ao vương ;
Hè rèm di gió hiu-hiu thổi,
Nở-nức hoa tường mát-mẻ hương.

田 家

畫 村 兒 也	出 庄 童 傍	耘 男 未 山	田 女 解 陰	夜 各 供 學	績 當 耕 種	麻。 家。 織。 瓜。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Ngày làm cỏ ruộng lối xe gai,
Công việc nhà quê cả gái trai ;
Bày lũ trẻ con chưa biết việc,
Học trồng tựa bóng mát bên đời.

村 庄 卽 事

綠 子 鄉 纔	遍 規 村 了	山 聲 四 蠶	原 裡 月 桑	白 雨 閒 又	滿 如 人 插	川。 煙。 少。 田。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Bên non bóng mát nước sông đầy,
Tiếng quốc kêu mưa bóng ngọn cây.
Quê thói thàng tư không kể rồi,
Tằm tơ hết việc lại đi cày.

榴 花

五 枝 可 頻	月 間 憐 倒	榴 時 此 蒼	花 見 地 苔	照 子 無 落	眼 初 車 絳	明。 成。 馬。 英。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Giữa hè hoa lựu sớm đầy hiên,
Hoa nở vừa xong quả kết liền ;
Thăm hỏi vắng người xe ngựa đến,
Nhị hồng dài tia để rêu in.

村 晚

草 山 牧 短	滿 含 童 笛	池 落 歸 無	塘 日 去 腔	水 浸 橫 信	滿 寒 牛 口	陂。 漪。 背。 吹。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Cỏ xanh nước biếc khắp trong hồ,
Núi ngậm chiêng vàng nước nhấp-nhò ;

Trẻ cười trâu về trong ngõ hẻm,
Vỗ-tinh tiếng địch sế-sang-hồ.

茅 簷

茅 花 一 兩	簷 木 水 山	常 成 讓 排	掃 溪 田 闕	淨 手 將 送	無 自 綠 青	苔。 栽。 遶。 來。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Quét sạch rêu xanh mát-mẻ nhà,
Cây trồng ngày trước nở đầy hoa ;
Nước sông xanh biếc chảy trên ruộng(1),
Khi núi âm-xâm đưa đến nhà (2).

烏 衣 巷

朱 烏 舊 飛	雀 衣 時 人	橋 巷 王 尋	邊 口 謝 常	野 夕 堂 白	草 陽 前 姓	花。 斜。 燕。 家。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Bên cầu Chu-tước cỏ sinh hoa,
Đầu ngõ Ô-y bóng ác tà ;
Hàn yển của nhà Vương Tạ trước,
Thấy bay rải-rắc đến dân-gia.

題 花 樹 碑

一 西 黃 江	爲 望 鶴 城	逕 長 樓 五	客 安 中 月	去 不 吹 落	長 見 玉 梅	沙。 家。 笛。 花。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Thiên-quan vàng mệnh đến Tràng-sa,
Ngảnh lại Tràng-an chẳng thấy nhà ;
Lầu Hạc qua chơi tìm địch thổi,
Tiết mai vàng dựng khúc mai-hoa.

送 使 安 西

渭 客 勸 西	城 舍 君 出	朝 青 更 陽	雨 青 盡 關	浥 柳 一 無	輕 色 杯 故	塵。 新。 酒。 人。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Mưa phun như rửa hết phong-trần,
Trạm liêu bóng hoa đón sứ-thần ;
Tiễn-biệt chén này xin uống cạn,
Đương-quan ra khỏi mấy người thân.

(1-2) Thề nữa là : Một sông nước biếc quanh bên ruộng, hai quả non xanh đứng trước nhà.

題 淮 南 寺

南 白 道 一	去 蘋 人 任	北 吹 不 晚	來 壺 是 山	休 楚 悲 相	便 江 秋 對	休 秋 客 愁。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	-------------------

Nam bắc đường xa nghỉ vó câu,
Bến tần gió thổi một màu thân ;
Đạo-nhân không phải người bi-thảm,
Phó mặc đôi bên núi ngất đầu.

西 湖

畢 風 接 映	竟 光 天 日	西 不 蓮 荷	湖 與 葉 花	六 西 無 別	月 時 窮 樣	中 同 碧 紅。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	-------------------

Cưỡi hè bóng mát cảnh Tây-hồ,
Cảnh có hoa sen khác bốn mùa ;
Lá lãn da trời mùi biếc nhuộm,
Hoa lòng bóng nhật thuốc son tô.

(Còn nữa)

Cử-nhân PHẠM Sĩ-Vĩ dịch

Nghe hát sông Hương

(Đêm hăm tám, tháng tám, năm
bính-dần, đi chơi thuyền giữa sông
Hương-giang, nghe mấy câu hát mái
đầy, sắp lại làm bài Thất-ngôn luật)

Đêm thu quạnh vắng giữa dòng khơi,

Ai hát ơi nghe chạnh những lời ;

Đề nhện giăng mừng thân thiếp

chịu (1) ;

Bỏ đam vô thống tiếng chàng ơi (2) !

Không cho gáo nước giùm công

vời (3),

Toan bẻ ngành hoa kiếm chuyện chơi.

Lượn sóng luôn theo câu mái đầy,

Mấy phen tan hợp nổi đầy vui.

Vịnh cảnh Tâm-dương

Hương-phụ

(Điệp theo vần chơi thuyền sông
Hương-giang.)

Thuyền ai riu-riut ở ngoài khơi,
Chạm mái cho tôi ngổ ỉt lời ;
Lạc lối Tâm-dương nên nổi thế,
Đau lòng Tư-mã lắm ai ôi !
Gõ sanh hát lại vài câu thử,
Mở miêng cười qua một tiếng chơi.
Đâu bề cuộc đời thôi chớ tủi,
Khi đầy sao cũng có khi vui.

Bài thi của nữ-lưu họạ văn

Lênh-đênh chiếc bá giữa gành khơi,
Than thở đôi câu dậm ngại lời ;
Vì cuộc bề đầu nên thiếp phải,
Thương thân bỏ-liều với chàng ơi !
Đã không chấp cánh chim bay bổng,
Chi đề quanh vánh bướm lượn chơi ;
Thử lấy cây tình giăng mặt nước,
Tình dài dằng-dặc nước vui vui.

UNG BÌNH

Tu động Bích-đào (Từ-thức)

(Nghĩ giúp Trần Nhiên)

Miếu

Tiêu-dao tìm chốn thanh-cao,
Ngàn mai tuyết sớm, nguồn đào hương
trưa.

Ba-sinh đã quyết từ xưa,
Câu kinh tiếng phạn vẫn ưa tắc lòng.

(1) Chú mấy câu hát đầy : Đi đâu đề nhện giăng mừng, năm canh thiếp chịu lạnh-lùng cả năm. — (2) Buổi sớm mai tôi xách cái oi xuống dưới ao, bắt con đam đem về bỏ vô thống, hấn kêu cái rỗng, hấn kêu cái rảnh, hấn kêu một tiếng chàng ơi, chàng đã an-phận thì thôi, đề em chéch lừa lỡ đời sao đành ! — (3) Không ai cho gáo nước cho đỡ thương, đến bây chừ, chừ cây xanh là tốt, lại lập lường bề bổng.

HÁT NÓI

Kiên-khôn cô lập lý 乾坤孤粒裡。
 Nhật-nguyệt nhất hồ trung 日月一壺
 中 Gõ then mây vào tới cửa huyền-
 không, à trẻ 1ạo dốc một lòng chờ đợi.
 Non nước hữu-tình Từ-công đây có
 phải, kiếp phù-sinh thêm rộng-rãi
 nước chân-tu. Nào cầu trăng, nào bến
 tuyết, chim kêu vượn hót, hang đá
 luyệt chi mù, bầu cảnh-sắc vạc thanh-
 u từng nét. Một thể tâm-hương xin
 chín lần soi xét, máy huyền-cơ ai để
 biết cho ngoan. Bể cảnh đương trời khắp
 cõi trần hoàn, ấy tiên-cảnh với nhân-
 gian là thế hử? Bách niên hoa-sự
 không đan-sử 百年花事空丹史,
 Nhất liễu thanh-sơn đảo bạch-đầu
 一笑青山到白頭. Trời còn lâu, đất
 còn lâu, ta lại sẽ còn lâu, vàng tin-niệm
 sở-cầu nguyên tự trước. Nam-vô phát
 南無佛, nam-vô pháp 南無法, nam-vô
 tăng 南無僧, nam-vô Bồ-đề-lai phương-
 trượng quốc 南無蓬萊方丈國,
 đường hôn mê soi tỏ đước từ-bi. Nền
 chướng thấu tấm tình xi.

Nhân-vân-dinh tự-ngâm

開雲亭自吟

Thênh-thênh trời đất một bầu,
 Cái trò thiên-diễn năm châu thế nào?
 Khi chằm-thạch khi binh-đao,
 Xoay quanh trong giấc chiêm-bao khác
 Cớ điều triết-lý mà suy, gi.
 Trầm-phủ radi máy, thịnh-suy nổi vòng.
 Nổi riêng lòng lại bận lòng,
 Đường ngao-ngán lẽ, đường nóng-nổi
 Sa chân chi kiếp phù-sinh, tình.
 Biết là ai có như mình mà hay.
 Trái xem lịch-sử xưa nay,
 Dâu còn bề vực đổi thay lần-lần.
 Khói tan trong cuộc hồng-trần,
 Bốn phương mù-mịt trăm dân thiệt-thời.
 Nhớ xưa Trác-lộc khơi ngòi,
 Chấn tên gối đạn để coi là thương.
 Xiết bao kia chốn sa-trường,
 Xuân-thu Chiến-quốc tấm gương chưa
 Nào-nùng Hán Sở lại đồn, mồn.

Máu sông nước chảy, xương cồn hoa
 Nổi sau Tam-quốc mấy đời, phơi.
 Khi châu xẻ nửa, khi trời chia ba.
 Lại hồi Âu-chiến mới qua,
 Các vai thâm-kịch xảy ra dưng-dưng.
 Nào đoàn phi-đội trên không,
 Nào đường trái-phá, nào sông diên
 Hiu-hiu gió cuốn cát lăm, ngăm.
 Chiếc cân sinh-lử biết cầm tay ai.
 Lại về cõi Việt mà coi,
 Nào Đinh, Lê, Lý, đời đời còn dấu.
 Bồi-hồi tắc dạ bấy lâu,
 Nghĩ nguồn-cơn thiết, mà đau-đớn thâm.
 Ông xanh ác-cảm chi ngăm,
 Để người nắng dãi sương dầm bơ-ơ.
 Quẫn bao tháng đợi năm chờ,
 Tìm kho vô-tận thác nhờ nước non.
 Kia ai yêu chiếc trăng tròn,
 Mai dâng cốc rượu tuyết đồn vắn thơ.
 Trăng sao trăng cũng hừng-hờ,
 Qua đêm mười sáu lại mờ gương trinh.
 Kia ai yêu gió cuốn ghềnh,
 Phong-lưu nợ cũ, phong-tình duyên
 Gió sao gió cũng thờ-ơ, xưa.
 Qua cơn thế-cố lại sơ-sốt già.
 Kia ai yêu đóa danh-hoa,
 Sáng đưa hồ-diệp, tối khà Trang-sinh.
 Hoa sao hoa cũng đa-tình,
 Qua thì còn đoái tan-tành ra sao.
 Kia ai yêu giọt mưa dào,
 Giọt rơi xuống giếng, giọt vào vườn
 Mưa sao mưa cũng lữa lần, xuân.
 Qua đình Hỉ-vũ ác vắn về suy.
 Than ôi! tạo-vật đa-kỳ,
 Bày ra thế đó, buộc chi thế này.
 Tiều-dao còn chút mây bay,
 Ấy người kim-cổ chữa tay nào rành.
 Kể u-thanh cũng u-thanh,
 Kể cao cao tận trời xanh chín lần.
 Cho chăng trời để riêng phần,
 Lũng-lơ mới hiệu « Nhân-vân-dinh »
 Rằng hay thế mới là hay! này.

Chiếc bóng mình

Người đâu quê quán đâu ta,
 Đã không quen thuộc chi mà tới đây,
 Tôi gầy sao chú cũng gầy,

Tôi lo trăm việc chú lầy một bến.
 Hỏi ra té tạt không tên,
 Vì tôi chú mới được nên giá người.
 Còn non còn nước còn trời,
 Còn tôi chú phải trọn đời theo tôi.
 Có khi đứng có khi ngồi,
 Nghỉ xong chú nghỉ đi rồi chú đi.
 Cho hay chú cũng tinh-vì,
 Tôi đây chú đấy kém gì vẻ xuân.
 Đôi khi gương thỏ xẽ gần,
 Non sông gánh nặng lần-ngần có nhau.
 Trách ai vo quả địa-cầu,
 Bề cho đây bí đây bầu hóa-long.
 Ước sao tôi được thỏa lòng,
 Trăm năm chú vẹn chữ lòng cho phu.
 Năm châu một mảnh họa-đồ,
 Trong trường thiên-diễn cái trò nào hay.
 Rủ nhau chấp cánh ta bay,
 Khi cao khi thấp chỗ này chỗ kia.
 Bỏ công phất giấy kèn bìa,
 Quyết đem trung-tín đánh lừa phong-
 Tinh-cờ nay ta gặp ta, ba.
 Cầm tay khuyển-nhũ một và bốn câu.
 Nghe lời vừa ý gặt đầu.

Câu đối chơi

— Trời đất là lớn, cái gì chả phải cần, như nước phải cần sâu, non phải cần cao, trăng phải cần thanh, gió phải cần mát. Nghĩa là nước không queo, non không lệch, trăng không vị, gió không thiên. Cảnh đó là tiên, bởi vậy phải cần nên phải biết

— Thần thánh đã dành, nhiều cách cũng không biết, tức rượu không biết uống, thuốc không biết hủt, trầu không biết ăn, bài không biết đánh. Vì chưng rượu phải men, thuốc phải khói, trầu phải vôi, bài phải bốc. Vị này là tục, cho nên không biết cũng không cần.

Thơ bèo lụt

興 中 引 潦 賦 叙

I

保 六 官 村	大 月 風 落	四 辛 怪 須	年 未 雨 與	歲 日 天 轉	已 廿 八 鴻	已。 四。 方。 水。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Vua Bảo-đại thứ tư năm Tì,
 Hăm-bốn tháng sáu tháng tân-vị;
 Mưa dầm gió giạt tám phương trời,
 Nước ở đâu dâng ngập cả nhĩ.

II

菅 傑 處 恨	廬 閣 處 無	茅 危 吞 丹	灶 樓 聲 鼎	一 中 相 煉	蝸 見 對 飛	田。 天。 哭。 仙。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Lều tranh bếp cỏ ếch nó vùng,
 Nhà ngói nhà tây coi chổng không;
 Nơi nơi cùng nhau khóc kè-lẽ,
 Trách mình không cánh mà vẫy-vùng.

III

昔 今 貧 話	年 年 家 此	未 更 無 人	有 有 米 頤	如 如 富 返	今 今 無 暗	害。 怪。 薪。 解。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Năm xưa chữa bao giờ hại vậy,
 Năm nay bây giờ mới có đấy;
 Giàu củi thối hiểm, nghèo gạo chuồn,
 Truyện đến câu đó cười khây-khây.

IV

天 風 一 古	兮 兮 陣 今	地 雨 方 灰	兮 兮 平 規	奈 何 一 空	若 其 陣 消	何。 多。 起。 磨。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Trời ơi đất ơi nghĩ thế nào,
 Gió ơi mưa ơi tính làm sao;
 Hết trận này xong đồn trận khác,
 Hôi-kiếp xưa nay đều tiêu-hao.

V

野 魚 草 物	禽 蝦 樹 淚	卷 戲 頹 落	羽 謔 然 落	混 相 縱 莫	人 人 復 之	處。 侶。 橫。 禦。
------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------	----------------------

Chim muông cò cánh tìm người nhớn,
 Tôm cá cùng người kết làm bạn;
 Cỏ cây xiêu-ghé dọc cùng ngang,
 Giọt lệ cửa đời coi mà chán.

VI

莫莫土吾 云云神民 天下闐沉 上土寂淪 有有天更 天土人沉 人。神。遠。淪。

Ai bảo trên trời có ông trời,
Ai bảo dưới đất có thần coi,
Thần coi ăng-phắc ông trời ngội,
Dân ta nguy rồi thôi nguy rồi.

VII

鳴伊仙謹 呼誰龍具 離隻的香 明手的花 此洗我憑 封颺同供 壞障胞養。

Than ôi ! cõi Nam bờ mốc đó,
Có ai ra tay trị bão gió ;
Con cháu tiên rồng chúng tớ đây,
Sống thì tư-tết, chết cùng giỗ.

NHÀN-VÂN-ĐÌNH

T H Ò ' I - Đ À M

Việc thế-giới

Vấn-dề hiến-pháp ở Ấn-độ. —
Vấn-dề hiến-pháp ở Ấn-độ hiện nay
đương vào thời-kỳ nguy-cấp. Hội-
nghị quốc-gia Ấn-độ họp ở Lahore vào
cuối tháng 12 năm 1929 phải quyết-
ngị về vấn-dề này, thì đại-đa-số nhất-
định yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-
toàn độc-lập. Còn cái thái-độ của nước
Anh thì chính-phủ thuộc đảng lao-
động hiện đương cầm-quyền bây giờ
đối với vấn-dề Ấn-độ cũng có cái
chính-kiến rộng-rãi, sẵn lòng muốn
cho được tự-trị ở trong phạm-vi đế-
quốc Anh, nhưng các chính-đảng Anh
khác vẫn hết sức phản-đối cái chính-
sách đó, mà nay người Ấn-độ lại yêu-
cầu quá đến đòi độc-lập ngay, thì
chính-phủ lao-động tất cũng lấy làm
khó nghĩ, mà không biết xử-trí ra thế
nào.

Cứ hiện-tình ngày nay, thì chính-
thể Ấn-độ là lối « hiệp-trị chính-thể »
(*dyarchie*), nghĩa là người Anh với
người Ấn cùng nhau cai-trị, chính-thể
này đã định rõ trong một đạo-luật gọi
là « Ấn-độ luật-án » (*India act*), quyền
hành-chính thì do quan Toàn-quyền

Anh cùng với một tòa nội-các chủ-
trương, và trong nội-các thì có một
phần người Ấn-độ; còn quyền lập-pháp
thì do một Tham-chính-viện (*Conseil
d'Etat*) và một nghị-viện dân bầu chủ-
trương. Trong luật-án lại nói rõ rằng
chính-thể hiệp-trị này là chỉ thi-hành
trong một kỳ-hạn mười năm, từ 1919
đến 1929, rồi sau sẽ tùy tình-thế mà
châm-chước thay đổi. Nguyên sau khi
chiến-tranh người Ấn-độ lấy rằng trong
khi nước Anh hữu-sự đã có công tham-
chiến nên vận-động đòi được quyền
chính-trị rộng hơn. Bấy giờ chính-phủ
Anh chữa kịp trừ-tính, mới tuyên-bố
ra luật này để tạm-thời thi-hành trong
một kỳ-hạn mười năm, rồi sau sẽ định
một cái chính-thể rộng-rãi hơn. Và
ngay tự khi chiến-tranh, hồi năm 1917
nước Anh muốn được lòng người Ấn-
độ đã hứa rồi sẽ cho tự-trị. Chính-tổng-
trưởng bộ Ấn-độ là LORD MONTAGU
diễn-thuyết đã nói rằng: « Chính-
phủ của Anh hoàng-đế muốn thi-
hành một cái chính-sách cho người
Ấn-độ càng ngày càng được rộng
quyền hiệp-tác trong việc cai-trị bản-

xứ, thuộc về khắp các bộ-phận hành-chính, và lại mở-mang các chế-độ tự-trị, để cho Ấn-độ có ngày lập được thành một cái chính-thể có trách-nhiệm ở trong phạm-vi của Anh-đế-quốc.» Cứ theo như lời tuyên-bố đó thì là Ấn-độ sẽ có một ngày được hoàn-toàn tự-trị.

Vả cứ trong ý nhà làm luật hồi bấy giờ thì cái «Ấn-độ luật-án» chẳng qua là một đạo luật tạm-thời để dự-bị cho Ấn-độ được hoàn-toàn tự-trị vậy. Luật ấy tuyên-bố ngày 23 tháng 12 năm 1919, lại nói rằng đến khi hết cái kỳ-hạn 10 năm đó, thì chính-phủ sẽ cử một hội ủy-viên sang tận nơi để điều-tra xem kết-quả thế nào, và cho biết ý-kiến các đảng thế nào nên đình-thi-hành cái chính-thể hiệp-trị đó, nên thi-hành thêm một kỳ-hạn nữa, hay là nên cho Ấn-độ được tự-trị theo lối *dominion*. Bởi thế nên ngay tự năm 1928, chính-phủ Anh đã cử một hội ủy-viên, toàn chân nghị-viên cả, mà đứng đầu là SIR JOHN SIMON. Ngay mùa xuân năm ấy, các ủy-viên sang Ấn-độ, nhưng vừa tới nơi thì các chính-đảng Ấn-độ biểu-tình phản-đối, lấy cớ rằng trong hội-đồng không có người Ấn-độ nào. Đã có lần ông chánh ủy-viên sực-tức bị ám-sát: ngày mồng 8 tháng 4 năm 1929 giữa khi SIR JOHN SIMON đến dự một kỳ nghị-viên họp ở Delhi, thì có kẻ ném trái phá vào giữa nơi nghị-trường, chính ông không việc gì, nhưng mấy người khác bị trọng-thương.

Tuy-nhiên, các ủy-viên cũng hết sức điều-tra, dò hỏi ý-kiến cả các đảng, một lần thứ nhất không xong, lại sang lần nữa, mãi đến cuối năm 1929 mới về nước để làm tờ phúc-trình cho chính-phủ.

Trong khi ấy thì bên Anh chính-phủ đã thay đổi, nội-các bảo-thủ đã chuyển tay cho nội-các lao-động, thủ-tướng MAC DONALD đã lên thay cho thủ-tướng

BALDWIN. Nguyên chủ-nghĩa của đảng lao-động là muốn dần dần giải-phóng cho cả các thuộc-địa. Cho nên nội-các mới lên cầm quyền, đã tuyên-bố cho nước Irak được độc-lập (nước Irak là một thuộc-địa của Thổ-nhĩ-kỳ cũ, sau khi chiến-tranh hội Vạn-quốc ủy-nhiệm cho nước Anh được cai-trị). Lại đổi với Ai-cập (Cypte) cũng thừa-nhận cho được hoàn-toàn độc-lập, và giúp cho được xin vào hội Vạn-quốc. Vậy đối với Ấn-độ, chắc thủ-tướng MAC DONALD cũng có cái ý-kiến khai-phóng như thế và đảng lao-động tất cũng cũng chung ý-kiến đó. Nhưng ở nghị-viện Anh còn có hai đảng bảo-thủ và tự-do nữa, gần đây hết sức công-kích cái thái-độ của nội-các đối với vấn-đề Ấn-độ. Mà nội-các MAC DONALD sở-đĩ đứng vững được cũng là nhờ ở đảng tự-do phù-trợ cho. Nay nếu thuộc về vấn-đề Ấn-độ đảng tự-do lại phản-đối như thế, thì nội-các chưa dám thi-thố gì vội, sợ có cái nguy bị khuynh-đảo mất.

Trong khi ấy thì người Ấn-độ cứ ngong-ngóng đợi cho hết hạn năm 1929 là sẽ được tự-trị, mà đến hạn chưa thấy gì, dư-luận nổi lên nhao-nhao cả. Toàn-quyền là LORD IRWIN, là một người chính-kiến rộng-rãi lắm, thủy-chung vẫn đồng một ý-kiến với nội-các, vậy mà mới đây cũng sực bị ám-sát. Xem như thế thì biết sự bạo-động đã quá vậy.

Ngày 29 tháng 12 quốc-gia hội-nghị họp hội-đồng ở Lahore công-nhiên yêu-cầu độc-lập, nếu không được thì sẽ đề-chế nước Anh mà thi-hành cái chính-sách bất-hiệp-tác.

Nguyên từ ngày 28 tháng 7 trước, hội-đồng trị-sự của quốc-gia hội-nghị họp ở Allahabad đã xét một cái dự-án của ông GANDHI bàn rằng nếu đến cuối năm 1929 mà Ấn-độ không được đổi theo chế-độ *dominion* tự-trị thì xin cõ-động suốt trong nước thi-hành cái chủ-nghĩa

bất-hiệp-tác với nước Anh, duy không dùng cách bạo-dộng. Ông lại xin các hội-viên quốc gia-hội-nghị có chân các nghị-hội của chính-phủ, hoặc là nghị-hội trung-ương, hoặc là nghị-hội các hàng tỉnh, nên từ-chức hết cả để biểu-tình phản-đối.

Hội-đồng trị-sự định đem lời bàn ấy ra đại-hội-nghị sẽ họp ở *Lahore* về cuối năm để quyết-nghị. Trong khi đợi đại-hội-nghị họp thì ông GANDHI đi *Bombay* để gặp mấy tay lĩnh-tự phái Hồi-giáo là DJINNAH và hai anh em họ ALI cùng nhau thương-thuyết để hiệp-lực cộng-tác. Mấy người đó đồng lòng với các đại-biểu phái Ấn-độ-giáo mời ông GANDHI nhận chức nghị-trưởng kỳ đại-hội-nghị sau này; nhưng ông không nhận, hoặc vì khiêm-tốn, hoặc vì cơ đau-yếu, và bàn nên mời ông JAWAHARLAL NEHRU ra ứng-cử chức ấy. Ông NEHRU quả được hội-đồng dự-bị họp ở *Lucknow* ngày 29 tháng 8 bầu làm nghị-trưởng.

Song tuy ông NEHRU danh làm nghị-trưởng nghị-hội *Lahore*, mà thực là ông GANDHI làm chủ-dộng vậy. Cái thanh-thể của ông tuy có giảm đi một độ, mà nay lại rục-rỡ hơn xưa. Thủy-chung ông vẫn giữ cái chủ-nghĩa bất-bạo-dộng, và những việc xảy ra như ném trái-phá ở *Delhi* ông rất lấy làm bất-bình. Nhưng từ mùa hạ mới rồi, xem ra cái thái-độ của ông có kịch-liệt hơn: ở *Allahabad* thì yêu-cầu cho Ấn-độ được cái chế-độ thuộc-địa tự-trị (*dominion*); ra hội-nghị *Lahore* thì không đòi tự-trị nữa, mà đòi hoàn-toàn độc-lập kia. Lại chính-phủ Anh định năm 1930 họp một hội-nghị vừa người Anh vừa người Ấn để thương-thuyết về vấn-đề Ấn-độ, người Ấn-độ định không phái đại-biểu đi hội-nghị ấy. Lại định phạm các nghị-hội của chính-phủ sẽ đề-chế hết, và nếu cần đến thì sẽ cò-động cho dân không phục-tòng

pháp-luật và không nộp thuế nhà-nước.

Vậy thì trung-gian có xảy ra việc gì làm cho người Ấn - độ đòi thái-độ như thế? Có xảy ra một việc như sau này, là ngày 31 tháng 10 Toàn-quyền là LORD IRWIN thay mặt nội-các MACDONALD có tuyên - bố thừa-nhận cho An - độ sẽ được tự - trị, nói rằng: « Cái chế-độ *dominion* là cái kết-quả tự-nhiên của sự cải-cách hiến-pháp ở Ấn-độ. » Lời tuyên-bố đó xuất-hiện ra trước khi hội-đồng ủy-viên SIMON đệ tờ phúc-trình cho chính-phủ, bị các đảng phản-đối chính-phủ ở nghị-viện công-kích dữ lắm, không những các đảng phản-đối, mà trong đảng tán-trợ cũng có nhiều người công-kích nữa. Cuộc thảo-luận ở Nghị-viện đó có ảnh-hưởng sang Ấn-độ sâu-xa lắm. Các lãnh-tự đảng quốc-gia, lúc đầu xem ra cũng bằng lòng lời tuyên-bố của quan Toàn-quyền, sau liền đổi ý-kiến mà cho cái chế-độ *dominion* là chưa đủ, và lại trở lại cái thuyết cực-đoan mấy năm trước, đòi hoàn-toàn độc-lập, cho sự độc-lập đó là một cái quyền tuyệt-đối của dân Ấn-độ, Nghị-viện Anh không thể không cho hay không cho được. Dân Ấn-độ phải tự mình chiếm-đoạt lấy, tự mình tuyên-bổ lấy cái quyền độc-lập đó.

Nay cứ bình-tình mà xét, quyền độc-lập ấy đã chiếm-đoạt được rồi, tuyên-bổ lên rồi, thì dân Ấn-độ có đủ tư-cách mà thi-hành cho chánh - đảng không? Người Ấn-độ có thể tự-trị được không? Và tự mình có biết rõ mình sở-nguyện thế nào không? Cứ xem như một điều sau này thì biết nhất-ban dân Ấn-độ không phải cùng một ý-kiến như nhau. Khi hội-đồng ủy-viên SIMON sang điều-tra ở Ấn-độ, thì mỗi tỉnh có đặt một hội-đồng nhỏ để giúp việc. Những hội-đồng địa-phương đó đã làm tờ phúc-trình về cuộc điều-tra trong bản-hạt cho các hội-nghị lập-

pháp hàng tỉnh. Theo lời phúc-trình đó, thì mỗi tỉnh ý-kiến một khác. Có tỉnh thì cho sự cải-cách năm 1919 là đặc-thể lắm, có tỉnh thì lại cho là vô-hiệu. Lại như tỉnh *Bombay* thì xin cho rộng quyền đầu-phiếu, xin bỏ các chân nghị-viên do chính-phủ cử, xin bãi cải chính-sách hiệp-trị, dùng cái chế-độ hợp-nhất. Hạt *Bengale* thì lại cho cái chế-độ liên-hiệp là hay hơn, xin cho quyền bầu-cử riêng từng tôn-giáo một. Các tỉnh hợp-nhất (*Provinces-Untes*), thì lại xin theo hiến-pháp như *Canada* có hai Nghị-viện và một tòa Nội-các có trách-nhiệm. Còn *Diến-điện* (*Birmanie*), thì vì lẽ tài-chính, xin biệt-lập với Ấn-độ, trực thuộc một bộ riêng, sẽ cử một hội-nghị riêng về việc *Diến-điện*. Ngoài giả lại còn các « bang » độc-lập, tuy thuộc quyền bảo-hộ nước Anh, nhưng nước nào có quốc-vương nước ấy, vẫn có quyền tự-trị, và xem ra không muốn yêu-cầu cải-cách gì cả.

Xem tình-hình Ấn-độ còn bất-nhất như thế, thì chính-phủ Anh tuy có muốn cho quyền tự-trị, cũng khó lòng thỏa được mọi người. Hưởng đảng quốc-gia nay lại đòi quá đi mà xin độc-lập kia, thì tuy đảng ấy có thế-lực thật, lại càng làm cho cái tình-thế khó thêm ra. Xem ra chính-phủ Anh cũng lấy làm phân-vấn lắm, có lẽ đến phải thi-hành cái điều trong luật-án năm 1919 đã định, là gia thêm một hạn nữa, nghĩa là cứ giữ cái chế-độ hiện-hành trong ít lâu nữa, rồi sau sẽ liệu. Thế là chính-thể Ấn-độ vẫn không thay đổi gì, và cái vấn-đề hiến-pháp vẫn chưa giải-quyết xong. Nếu nhờ được một tòa Nội-các có chính-kiến rộng-rãi như nội-các lao-động mà còn chưa giải-quyết xong, thì sau này gặp nội-các khác có lẽ lại khó hơn.

Việc Afghanistan. — Việc *Afghanistan*, từ khi vua AMAN OULLAH muốn cải-cách trong nước, bị bọn thủ-cựu phản-đối, nổi loạn lên, vua phải chạy trốn ra ngoại-quốc, bấy giờ có một tên tướng giặc là BÉTCHE SACCA thừa-thế nổi lên, chiếm ngôi vua, tự-xưng là HABIB OULLAH. Vua mới đặt ra chính-phủ mới, ngày 23 tháng 8, làm lễ quốc-khánh ở Kinh-đô *Kaboul* rực-rỡ lắm, để mừng chế-độ mới. Nhưng mà chẳng qua là huyền-diệu cả, tình-thế còn bối-rối, chưa ra thế-thống gì. Cách đấy mấy tuần-lẽ, vào trung-tuần tháng 10 thì một tay cứu-địch có thế-lực nhất của HABIB OULLAH là thống-tướng NADIR KHAN, tiến quân vào đánh lấy được Kinh-đô. HABIB OULLAH cố-thủ trong thành, chống lại được ít lâu rồi chạy trốn, sau bị bắt được và bị giam. Thống-tướng NADIR KHAN, chính là chú vua cũ AMAN OULLAH bản-tâm không phải là chiếm lấy ngôi vua, chỉ cốt trị tội kẻ tiếm-nghịch mà thôi; nhưng bấy giờ đã thắng-trận, được các hào-trưởng cùng giáo-sĩ trong nước họp thành quốc-hội mời lên ngôi, nên cũng phải nhận. Thống-tướng là người có Âu-học, trước đã ở bên Pháp lâu, lại từng làm công-sứ ở Paris nữa. Về đường chính-trị thì vua mới cũng muốn cho nước *Afghanistan* cải-cách theo lối mới, và phạm những chế-độ duy-tàn của cháu là vua AMAN OULLAH trước đã đặt ra, đều giữ cả, duy về phương-diện tôn-giáo thì muốn giữ-gìn cẩn-thận, không cải-cách gì bạo quá, sợ thất nhân-tâm và khiến cho phải thủ-cựu phản-kháng như đối với AMAN OULLAH vậy. NADIR KHAN là một người có tư-tướng mới, đối với HABIB OULLAH đã bị bắt và bị giam rồi, cũng muốn đãi khoan-dung, nhưng tục nước bắt phải trị tội những kẻ tiếm-nghịch mà đem ra thất cổ ở trước công-chúng, vậy ngày mồng 2 tháng 11 đã hành-hình tại Kinh-đô. — Thế là

nước Afghanistan đã qua được một thời-kỳ rối loạn, có lẽ từ nay được hưởng thái-bình và làm trọn được cái sự-nghiệp duy-tân đã bắt đầu từ mấy ăm trước vậy.

Thời-cục nước Tàu. — Cuộc nội-biến nước Tàu từ khi phái cải-tổ hoạt-động, thì cái phong-trào « phản Tướng » lại nổi lên ở mấy nơi, nào là phái Quảng-tây phản-kháng, quân Tây-bắc sinh biến, chưa dẹp được yên, thì kể luôn đến quân Trương Phát-Khước phản-ngịch đánh lên mặt Quảng-đông, lại tiếp luôn đến Đường Sinh-Trí thông-điện phản Tướng, chủ-trương đón Uông Tinh-Vệ về, tổ-chức lại chính-phủ quốc-dân. Thấy cái tình-thế nguy-cấp như vậy ai chẳng nguy cho Tướng, nhưng Tướng vẫn quyết ra tay đối-phó cho đến cùng. Xem bài tuyên-cáo tướng-sĩ toàn-quốc của Tướng sau này thì lại càng rõ cái thái-độ của Tướng vẫn cương-quyết lắm.

« Lần này tên nghịch Đường Sinh-Trí làm phản đảng-quốc, chống lại trung-ương, thực là một sự không ngờ. Đang lúc quân nghịch còn đợi dẹp yên, tướng sĩ ta đang lúc khổ-chiến, mà tên nghịch Đường dám câu-kết với bọn nghịch kia giở giáo làm loạn, nguy hại đảng-quốc. Nó không những muốn khiến bao nhiêu cái công phấn-đấu của tướng-sĩ ta, thành ra công uổng cả; thậm chí lại muốn cho tướng-sĩ ở mặt trận ta, hãm vào đường cùng, lên lui không được, sự làm cho chúng ta xót ruột đau lòng, còn gì hơn thế nữa. Xét ra tên nghịch Đường Sinh-Trí nó vẫn có lòng ngầm-ngấm muốn đánh đổ chính-phủ trung-ương, vậy những sự châm-chọc, ly-gián, đặt lời nói không, chẳng việc gì là nó không làm, nên ta phải nói để tướng-sĩ biết.

« Chính-phủ Quốc-dân ngày nay là do Tôn tổng-lý phấn-đấu trong 40 năm trời, và hi-sinh bao nhiêu tinh-mệnh các

tướng-sĩ đồng-chí mới gây nên được chứ không phải dễ-dàng làm nên được đâu. Phương-chi chính-phủ cách-mệnh ta, không như chính-phủ thời-dại quân-phiệt; chính-phủ thời-dại quân-phiệt có thể nhân một tờ thông-điện của bọn vô-nhân trong địa-phương mà giãi-thề, chứ chính-phủ cách-mệnh quyết không đến nỗi vì sự làm phản của một hai kẻ vô-nhân mà động lay. Và chính-phủ cách-mệnh đang lúc nguy-cấp tồn-vong, càng nên đem cái linh-thần cách-mệnh, làm cuộc phấn-đấu cách-mệnh, dẹp yên quân nghịch, chỉnh-dốn kỷ-cương, mới có thể làm xong được sự-mệnh. Còn đến như cá-nhân Trung-Chính này, chỉ biết vì đảng chịu trách-nhiệm, vì nước chịu khó nhọc, cho dù cái hoàn-cảnh khổ-nạn đến thế nào, đều không đủ làm động lay cái lòng quả-quyết phấn-đấu của ta, cho dù cái mưu-mô hiểm-ác của chúng nó thế nào, đều không đủ làm thay đổi cái ý-chí phấn-đấu của ta. Nhớ lại khi xưa tên nghịch Trần Quỳnh-Minh làm phản, chỉ còn một chiếc quân-hạm Trung-son, Trung-chính này cũng còn theo đòi Tổng-lý, trước sau không rời. Ngày nay cái hoàn-cảnh cách-mệnh đã thuận-lợi, cái thế-lực cách-mệnh đã hùng-hậu, so với trước kia, thực đã hơn nhiều. Trung-Chính này quyết không sợ khó, cầu-thả để lo tự yên lấy mình. Như lúc này mà bỏ cái trách-nhiệm cách-mệnh, để lo sự yên vui cá-nhân, thì còn mặt nào đối với Tổng-lý, mặt nào đối với đảng Quốc, mặt nào đối với những bạn đồng-chí bị thương-vong trong vài năm nay, và hơn ba-mươi vạn tướng-sĩ ở mặt trận. Vậy Trung-chính này đã quyết một lòng là đã đem thân hiến cho đảng Quốc, dù đến khi chỉ còn một hơi thở cũng phấn-đấu cho đến cùng. Còn như việc tên nghịch Đường Sinh-Trí làm phản, thì ta đây đã định sẵn kế-hoạch rồi, chẳng bao lâu sẽ dẹp tan được. »

Quả-nhiên về sau quân Đường Sinh-

Trí tan vỡ, đã biết hồi quá quyết xin tuân mệnh bỏ lui. Còn quân Trương Phát-Khuê từ khi bị thua thì lui đến giữ Bình-lạc. Chính-phủ đối với quân Trương thì dùng cả hai cách : tiêu-trừ và yên-võ, để nhân-dân Quảng-tây khỏi phải làm-than.

Hiện Lã Hoán-Viêm ở Quảng-tây lại theo về chính phủ Trung-ương. Mấy vị yếu-nhân trong chính-phủ Trung-ương đều có điện cho ba vị linh-tụ quân Quảng-tây là Lý Tôn-Nhân, Bạch Sung-Hy, Hoàng Thiệu-Hùng lập-tức đòi Quảng-tây xuất-đương kháo-sát, quân bộ-hạ do Lã Hoán-Viêm chịu trách-nhiệm thu-biên.

Thạch Hữu-Tam thì đã gửi điện xin đầu hàng. Chính-phủ định như sau này :

- 1^o Thạch phải từ chức chủ-tịch A-huy ;
- 2^o Thông điện hối tội ;
- 3^o Ứng-hộ chtnh-phủ Trung-ương ;
- 4^o Trung-ương cấp cho quân-phí trăm vạn.

Cứ xem như tình-thế hiện-thời thì cái phong-trào nội-biến nước Tàu đã hồ yên-tĩnh, ai nấy cũng đều tin rằng thế-lực Tưởng lại vững-vàng.

Ngày Nguyên - đán Tưởng Giới - Thạch có phát-biểu một bài nói về việc lấy khí-tiết liêm-sĩ làm cái gốc dựng đảng dựng nước. Đại-ý nói lòng người truy-lạc, thói đời đơn-bạc, cái đức-tình còn sót lại của dân-tộc và cái tinh-thần của Tổng-lý đê-xương, đến bây giờ mỗi ngày mỗi thấy mất đi, khiến phúc hòa-bình không có ngày thực-hiện, họa mất nước không đợi ở kẻ khác xâm-lược và đảng cộng-sản quáy rối. Nếu khí-tiết và liêm-sĩ của nhân-dân ta mà vẫn còn, thì tất có ngày lại nổi lên được vậy.

Diêm Tích-Son đã làm lễ tuyên-thệ nhận chức hải-lục không quân phó-tổng-tư-lệnh tại tổng-bộ Thái-nguyên, văn-quan từ chức liên-nhiệm, võ-quan từ chức thiếu-hiệu trở lên đều dự lễ,

Ngô Thiết-Thành giám-thê, Thương-Chấn đọc di-chức, Diêm đọc lời tuyên-thệ, Ngô Thiết-Thành đại-biểu Trung-ương đọc lời huấn-thị. Diêm đọc lời đáp, đại-ý nói Tích-Son xin hết sức về hai việc chính-lý việc đảng, thống-nhất toàn-quốc, để báo-đáp đảng Quốc. Lễ xong, các nhân-viên dự lễ đều đứng trước mặt Diêm cúi mình tỏ ý mừng, và mừng việc đến Trịnh-châu đánh quân nghịch được thành-công. Diêm định đến đầu tháng hai này đến Bắc-bình loạ trấn.

Các báo ở Bắc-bình có đăng tin rằng chính-phủ Nam-kinh có điện cho Diêm Tích-Son vì muốn cho công việc làm được tiện lợi, phạm việc bổ-đụng hay miễn chức các quan văn võ ở trong cái phạm-vi quân-sự, Diêm có thể hoàn-toàn thay mặt chính-phủ Trung-ương chấp-hành chức-quyền không cần phải trình báo, hết thấy đều có thể lấy quân-lệnh mà phát-biểu vậy.

Trung Nga giao-thiệp. — Thái Vận-Thăng là đại-biểu Trung-quốc sau khi đến Bá-lực cùng đại-biểu Nga ký định bản thảo-ước, vừa rồi cứ tuyên-bố rằng bản thảo-ước chỉ có mười hạng, bên ngoài đồn những điều của nước Nga phát-biểu, đều không phải sự thực ; bản thảo-ước chính hiện lưu ở hội chính-vụ Đông-bắc, còn bản phụ đưa đến bộ ngoại-giao, nội-dung như sau này :

1^o Đường sắt Trung-đông khôi-phục cái tình-trạng từ tháng bảy năm 1929 trở về trước ;

2^o Hai bên đều tha những kiều-dân bị bắt ;

3^o Hai bên đều tôn-trọng sự độc-lập về chủ-quyền của nhau ;

4^o Hai bên đều khôi-phục một bộ-phận tòa lãnh-sự ;

5^o Hai bên khôi-phục những cơ-quan doanh-nghiệp ;

6^o Những mệnh-lệnh của tổng-cục đường Trung-đông phát ra từ ngày 11

tháng bảy năm 1929 trở về sau do ban trị-sự mới phân-biệt lấy ;

7^o Ngày 25 tháng 1 năm 1930 sẽ mở cuộc hội-nghị chính-thức ở Moscou ;

8^o Hai bên dùng người đều nhau, triệt bỏ người Bạch-Nga, bỏ dụng thợ Trung-hoa ;

9^o Hai bên lập-lức bắt đầu rút quân ;

10^o Bản thảo-ước này bắt đầu từ ngày ký chữ sẽ có hiệu-lực.

Sau lại có tin việc hội-nghị Trung Nga vừa rồi không có hiệu-quả gì, và trưng-tri Thái Vận-Thăng về lỗi lảng-quyền, lại xin giục Mạc Đức-Huệ đến kinh để bàn cách bỏ-cứu. Nhưng Mạc vì thấy giao-thiệp có nhiều nỗi khó khăn, nên đã điện đến Nam-kinh xin từ chức.

Lãnh-sự-đoàn ở Cáp-nhĩ-tân được tin báo rằng cái dã-tâm của nước Nga vẫn hững, một mặt thu-phục cái trạng-thái việc chiến-tranh đường Trung-đông, một mặt đem máy bay và súng lớn để dự-bị, lại hạ lệnh cho một phần quân lính hãy hoãn giải-tán. Các nước đều chú-ý lắm, điện cho các lãnh-sự ở Cáp-nhĩ-tân phải tùy-thời báo-cáo cách hành-động của nước Nga.

Lời tuyên-ngôn bỏ quyền lãnh-sự tài-phán.—Vương Chính-Đình có phát-biểu lời tuyên-ngôn, nhắc lại bắt-đầu ngày nguyên-đán triệt-bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, khôi-phục chủ-quyền của trung-quốc, lời tuyên-ngôn đại-ý nói rằng : Cái vấn-đề người ngoài được hưởng quyền lãnh-sự tài-phán ở Trung-hoa, không phải là cái vấn-đề ngoại-giao làm-thường. Vì vấn-đề ấy đối với sự sinh-hoạt của nhân-dân Trung-quốc, có quan-hệ một cách rất mật-thiết, cho nên chính-phủ Trung-quốc nhận vấn-đề ấy là vấn-đề nội-chính tất cần phải giải-quyết. Chính-phủ Trung-quốc vì muốn lập vững cái chủ-quyền hoàn-toàn của Trung-quốc, nên không được dưng mà phải tuyên-bố triệt bỏ quyền

lãnh-sự tài-phán của người ngoài ở Trung-hoa vào ngày mồng một tháng giêng năm Dân-quốc thứ 19 này. Chính-phủ Trung quốc sớm đã được chính-phủ các nước có quan-hệ biếu đồng-tình và bằng lòng bỏ đi rồi, cho nên tin chắc rằng Trung-quốc cùng các nước có quan-hệ đối với việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, về nguyên-lắc không còn có cái ý-kiến gì trái nhau. Vậy các nước bạn đối với cái kế-hoạch của Trung-quốc dự-bị để triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, có ý-kiến gì, Trung-quốc xin ở trong một cái thời-kỳ tương-đương cùng nhau xem xét kỹ-càng. Đạo mệnh-lệnh triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán của chính-phủ Trung-quốc phát-biểu ra, thực là cái bước thứ nhất trừ bỏ những sự rắc-rối của người Trung-hoa và người ngoại-quốc bấy lâu, cùng thời lại có thể tăng-tiến cái tình quan-hệ bạn-bè của hai bên vậy.

Sau khi đã tuyên-ngôn triệt bỏ rồi, nước Nhật nước Pháp còn hết sức ngăn trở, và dự-bị kháng-nghị. Nước Mỹ cũng hơi ra ý như thế, sẽ phúc đáp Trung-hoa là chỉ bằng lòng chia kỳ triệt bỏ. Chính-phủ nước Ý có điện cho công-sứ ở Bắc-bình, sai gửi điện đến Nam-kinh, nói rõ cái quyền lãnh-sự tài-phán của người Ý được hưởng ở Trung-hoa vẫn cứ theo điều-ước Trung-Ý năm ngoái mà thi-hành. Nếu như vậy thì việc bỏ quyền lãnh-sự tài-phán cũng còn có trở-lực.

Việc thu-hồi tô-giới 11 ở Thiên-tân-Tô-giới nước Bỉ ở Thiên-tân định đến hạ-luân tháng hai sẽ thực-hành giao trả Công-sứ Bỉ đã điện cho chính-phủ Trung-hoa xin phái-viên tiếp-nhận.

Việc tô - giới Uy-hải-vệ. — Nước Anh tuyên-bố rằng kể từ ngày mồng 1 tháng 4 sẽ trả tô-giới Uy-hải-vệ.

Việc trong nước

Vấn-đề định giá bạc Đông-dương. - Giá bạc Đông-dương đối với tiền phật-lăng Pháp gần đây lên xuống bất-thường, có khi lên đến 14, 15 quan, có khi xuống đến dưới 10 quan. Sự bấp-bông đó rất là bất-liên cho các nhà công-thương Pháp, và gián-tiếp bất-liên cho sự buôn-bán sinh-hoạt của người bản-xứ nữa. Bởi thế mới khởi ra cái vấn-đề định cho đồng bạc Đông-dương một cái quan-giá nhất-định (stabilisation de la piastre).

Giá đồng bạc Đông-dương sở-dĩ lên xuống bất-thường là bởi giá bạc nên trong thế-giới mỗi lúc một khác. Mỗi đồng bạc nặng là 27 « gam », và có 9 trăm phần nghìn (900/1000) bạc lõi, nghĩa là 24 « gam » 3. Giá đồng bạc tính ra phật-lăng, tức là giá 24 « gam » 3 bạc lõi theo thị-giá bạc nên ở Lôn-dres và thị-giá tiền sterling ở Paris, tính thêm tiền công đúc nữa. Giá bạc nên thay đổi luôn; thành ra giá đồng bạc cũng thay đổi luôn. Đồng tiền bản-vị trong một xứ mà không có giá nhất-định như thế thì bất-liên quá. Nên cần phải định một giá nhất-định cho khỏi bấp-bông. Dạy khó là định giá nào? Nếu định cao quá thì công-khố Nhà-nước phải bù vào chỗ thừa; nếu định thấp quá thì thiệt cho các nhà công-thương, tức là hại cho sự giao-dịch buôn-bán. Thành ra Chính-phủ phân-vấn cứ do-dự mãi đến mười năm nay rồi chưa quyết-định. Nay giá bạc nên xuống quá, và rồi mỗi ngày còn một xuống nữa, không thể trì-hoãn được nữa. Chính-phủ phải định giá nhất-định mỗi đồng bạc là 10 phật-lăng, lấy số chẵn cho tiện. Hiện chưa có luật công-nhiên định giá ấy là công-giá nhất-định, nhưng cứ thực-tế thì đã

công-nhận giá 10 quan là giá nhất-định rồi, còn luật thì sau này mới tuyên-bố, là có ý muốn chám-chước cho thời-giá không chênh nhau quá mới dám quyết vậy.

Hoặc có người nói giá 10 quan này là hạ quá, giá bạc nhất-thời có xuống dưới 10 quan, nhưng rồi còn lên, chứ không phải xuống mãi, giá định vào số 12 quan, 12 quan 50 thì phải. Song đó toàn là sự ước-lượng về tương-lai cả, không lấy đâu làm bằng-cứ. Hiện nay thì thời-giá sấm-si trên dưới 10 quan, định vào 10 quan là vừa phải, và lại là số chẵn, tiện cho việc tính-toán.

Giá gạo ở Bắc-kỳ. - Gạo ở Bắc-kỳ độ rầy kém lắm. Mùa tháng 10 không được tốt; trước ước có lẽ thừa được 75 000 tấn để xuất-cảng, mà sau tính ra kém mất 100.000 tấn. Bởi thế nên giá gạo tăng lên nhiều: gạo tốt một tạ (100 cân tây) là 18 đồng; gạo thường là 13, 14 đồng. Có lẽ còn lên nữa, vì trời ít mưa, đồng cạn-hán, không có nước mà làm, mùa tháng năm này cũng đáng lo. Bọn Khách cần gạo xem chừng biết trước, buôn trữ nhiều lắm, để sau này bán lấy giá đắt.

Một tờ báo tây ở Hà-nội bàn rằng muốn bồ-cứu cho cái tình-cảnh eo-hẹp trong dân-gian đó, thời có hai phương-pháp: một là nghị-định cấm xuất-cảng gạo Bắc-kỳ (1); hai là mở một cái « Mê-cốc-cục » (Office du Riz), không phải để nghiên-cứu cách cái-lương nghề cấy-cấy như « Mê-cốc tổng-cục » của phủ Toàn-quyền định lập ở Sài-gòn đâu, nhưng để mua trữ thóc gạo, phòng năm đói kém bán lại cho dân, để giữ những kẻ đầu-cơ trục-lợi không tự-ý tăng giá lên được.

(1) Mới có nghị-định cấm gạo Bắc-kỳ không được xuất-cảng ra ngoài và cũng không được chở đi các xứ khác trong cõi Đông-dương.

Mong rằng hai điều đó Chính-phủ sẽ chú-ý xét, nếu có thể thi-hành được thì dân được nhờ lắm.

Bằng tú-tài bản-xứ. — Mới đây có sắc-lệnh quan Giám-quốc chuẩn-nhận cho những người có bằng tú-tài bản-xứ được vào học các trường Đại-học và các trường chuyên-môn Pháp; duy về y-học thì khi tốt-nghiệp đỗ y-sĩ không được làm nghề thầy thuốc ở Pháp. Tuy còn có điều hạn-chế đặc-biệt đó, nhưng thế cũng là công-nhận cho bằng tú-tài bản-xứ được gần ngang với bằng tú-tài Pháp vậy.

Việc khởi-loạn ở Yên - Bái. — Đêm ngày mồng 9 rạng mồng 10 tháng 2 tây ở Yên-bái có xảy ra một việc khởi-loạn, do một bọn cách-mệnh thuộc về đảng cộng-sản thông-đồng với một ít số lính tập vào cướp đồn trại, giết và đánh bị thương mất 10 vị quân-quan và cai-đội Pháp; đến sáng thì quân Nhà-nước đánh tấy lại được ngay. Đồng-thời lại một bọn cách-mệnh nữa đến đốt phá phủ Lâm-thảo thuộc Phú-thọ, và định cướp đồn khố-xanh Hưng-hóa; những quân Nhà-nước đánh được tan ngay. Ở Hà-nội thì giữa ngày mồng 10 có kẻ bắn súng lục vào người cảnh sát Tây bị thương, và tối hôm ấy lại ném mấy quả trái-phá vào một vài nơi, nhưng không có tổn-hại gì cả. — Cách đây mấy hôm, bọn nghịch lại khởi-loạn ở miền Vinh - bảo (Hải-dương) và Phụ-dực (Thái-bình), ông huyện Vinh-hảo Hoàng Gia-Mô bị giết.

Việc quan-hệ đến cuộc trị-an, quan Toàn-quyền và quan Thống-sứ nhất-diện cùng với quan Đại-tướng Thống-đốc quân-vụ đặt cách nghiêm-phòng mọi nơi và phái quân đi can, nhất-diện lập hội-đồng Đê-hình do quan thanh-tra Poullet-Osier chủ-trương để xét-xử những kẻ bắt được.

Trong dân-gian vẫn yên-ôn như thường. Duy ai nấy đều lấy làm ngao-ngán về sự bạo-động vô-ý-thức của

một bọn phiến-nghịch, khiến cho cuộc trị-an bị nhiều loạn, chính-phủ phải ra tay đàn-áp trừng-trị, và công-nghiệp khai-hóa sau này không khỏi có phần trở-ngại. Dân An-nam từ kẻ thượng-lưu đến người bình-dân, chỉ ước-ao được yên-ôn làm ăn, tuân-tự tiến-hóa, biết rằng phạm bạo-động chỉ có tai-hại, gây ra những thảm-kịch lưu-huyết, cho nên đối với những việc xảy ra vừa rồi, hết thầy đều lấy làm ngán-ngùi đau đớn vô-cùng.

Sách mới

Bản-chỉ tiếp được những sách mới sau này, xin vui lòng giới-thiệu :

1) Pháp-tự khúc-ca. (Sách học tiếng một chữ Pháp, có dịch nghĩa quốc-ngữ để có văn nhíp cho dễ đọc dễ nhớ, cả thầy hơn hai ngàn tiếng thông-dụng.) — Xuất-bản tại nhà in Qui-nhon (Trung-kỳ), giá 0p.17 (tính cả tiền cước).

2) Tim của bấu. Tiểu-thuyết, JACQUE LÊ VĂN-ĐỨC soạn. — Xuất-bản tại nhà in Qui-nhon (Trung-kỳ). Sách dày 188 trang. Giá 0p.41 (cả tiền cước).

3) La Légende de Ba-Đế (Sự-tích Bà-Đế, có đền thờ ở Đờ-son. Do PAUL MUNIER soạn bằng pháp-văn theo lối đoán-thiên tiểu-thuyết. Đã có làm ra « phim » ảnh chớp ở Hà-nội). — Sách hiện I. D. E. O. (Viện đông án-quán) in kiểu mi-thuật, chỉ có 175 quyển, giá mỗi quyển 2 đồng.

Nam-Phong tùng-thư

MỚI XUẤT-BẢN : Lịch-sử vạn-quốc, của Phạm Quỳnh soạn. Tóm-lắt cả các việc lớn trong lịch-sử cổ-kim Đông-Tây. Sách cần dùng cho các nhà trí-thức muốn thiệp-liệp về lịch-sử vạn-quốc. — Đông-kinh-ấn-quán xuất-bản, giá 4 hào. (Tiền cước ngoài).

XUẤT-BẢN TRƯỚC : 1, Văn-minh luận; — 2, Ba tháng ở Paris; — 3, Văn-học nước Pháp; — 4, L'idéal du sage; — 5, Chính-trị nước Pháp, 2 quyển; — 6, Khảo về tiểu-thuyết.